

## **ComColor FW Series**

5230/5230R/5231/5231R/5000/5000R/2230

## **ComColor<sup>black</sup> FW Series**

1230/1230R

Hướng dẫn này mô tả toàn bộ tính năng vận hành và thông số kỹ thuật.

# Hướng dẫn Sử dụng

---

**Các chức năng thay đổi theo model.**

	<b>ComColor FW5230/FW5230R</b>	<b>ComColor FW5231/FW5231R</b>	<b>ComColor FW5000/FW5000R</b>	<b>ComColor FW2230</b>	<b>ComColor black FW1230/FW1230R</b>
<b>Diện tích In Tối đa</b>	310 mm × 544 mm	310 mm × 544 mm	210 mm × 544 mm	310 mm × 544 mm	310 mm × 544 mm
<b>Khay Nạp</b>	✓	N/A*1	✓	✓	✓
<b>Hỗ trợ Màu</b>	Màu đầy đủ (Lục lam, Đỏ tươi, Vàng, Đen)	Màu đầy đủ (Lục lam, Đỏ tươi, Vàng, Đen)	Màu đầy đủ (Lục lam, Đỏ tươi, Vàng, Đen)	Màu kép*2 (Đỏ, Đen)	Màu đơn*2 (Đen)

✓: có sẵn

N/A: không có

\*1 [B.gốc K.thc K.hợp], [Thêm Bia], [Tám Nệm], [Ch.tiếp Khay Giấy] ở chế độ Sao chép, chế độ In và chế độ Bộ nhớ không khả dụng.

Chức năng [B.gốc K.thc K.hợp] trong chế độ Quét chỉ khả dụng để đọc.

\*2 ComColor FW2230 sử dụng mực đen và đỏ, còn ComColor black FW1230/FW1230R chỉ sử dụng mực đen. Một số chức năng và màn hình hiển thị sẽ khác với các chức năng và màn hình trên máy in đủ màu. Để biết thêm thông tin, hãy xem phần “Dành cho Người dùng ComColor FW2230 và ComColor black FW1230/FW1230R” (tr. 3).



## **THẬN TRỌNG**

Sau khi đọc hướng dẫn này, hãy lưu giữ hướng dẫn ở vị trí thuận tiện để tham khảo sau này.

“Lưu ý về An toàn” được cung cấp trong phần Thông tin An toàn bổ sung. Hãy đảm bảo đọc kỹ các lưu ý này trước khi sử dụng.

# Giới thiệu về Hướng dẫn này

## Lời nói đầu

Cảm ơn bạn đã sử dụng sản phẩm ComColor FW Series.

Sản phẩm ComColor FW Series này là máy in phun mực tương thích với mạng và in màu tốc độ cao.

Máy này trang bị nhiều chức năng được thiết kế để đáp ứng nhu cầu khác nhau của khách hàng như khả năng in dữ liệu và theo dõi vận hành của máy in từ máy tính.

Bên cạnh đó, khi sử dụng máy này kết hợp với máy quét tùy chọn, bạn có thêm các chức năng như khả năng sao chép bản gốc, lưu và sử dụng dữ liệu đã quét.

**Năm hướng dẫn mô tả sau đây được cung cấp kèm theo máy này.**

### ● Hướng dẫn nhanh

Hướng dẫn này mô tả các hoạt động cơ bản của máy và cách thay thế vật tư tiêu hao.

Hãy cất hướng dẫn này ở vị trí thuận tiện, như ở gần máy, để dễ tham khảo.

Bắt đầu bằng cách đọc hướng dẫn này.

### ● Hướng dẫn Sử dụng (hướng dẫn này)

Hướng dẫn này mô tả các lưu ý khi xử lý và thông số kỹ thuật cũng như các thao tác và cài đặt của mỗi chức năng.

Hãy đọc hướng dẫn này để hiểu chi tiết hơn về máy.

### ● Hướng dẫn Quản trị

Hướng dẫn này mô tả các cài đặt của máy và thiết bị tùy chọn (đầu đọc thẻ IC, máy quét, v.v.) do quản trị viên cấu hình.

### ● Hướng dẫn Khắc phục Sự cố

Hướng dẫn này mô tả hành động cần thực hiện khi kẹt giấy hoặc xảy ra các sự cố khác.

### ● Thông tin An toàn

Hướng dẫn này mô tả các lưu ý và thông số kỹ thuật an toàn.

## Giới thiệu về Hướng dẫn này

(1) Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần hướng dẫn này mà không có sự cho phép của RISO KAGAKU CORPORATION.

(2) Nội dung của hướng dẫn này có thể thay đổi mà không có thông báo trước do những cải tiến về sản phẩm.

(3) RISO KAGAKU CORPORATION sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý về bất kỳ hậu quả nào do sử dụng hướng dẫn hoặc máy này.


## Uy tín của Nhãn hiệu

Microsoft, Windows và Windows Server là những nhãn hiệu đã đăng ký hoặc nhãn hiệu của Microsoft Corporation ở Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.

Mac, Mac OS và Safari là các nhãn hiệu của Apple Inc.

Adobe, logo Adobe, PostScript và PostScript 3 là những nhãn hiệu đã đăng ký hoặc nhãn hiệu của Adobe Systems Incorporated ở Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.

ColorSet là nhãn hiệu của Monotype Imaging Inc. được đăng ký tại Văn phòng Sáng chế & Nhãn hiệu Hoa Kỳ và có thể được đăng ký tại một số khu vực tài phán nhất định.

 RISO, ComColor và FORCEJET là nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của RISO KAGAKU CORPORATION tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác.

Tên công ty và/hoặc nhãn hiệu khác là nhãn hiệu đã đăng ký hoặc nhãn hiệu của mỗi công ty tương ứng.



### Đạt Chứng nhận Thiết kế Màu Phổ dụng

ComColor FW series (máy và thiết bị tùy chọn\*) được tổ chức Color Universal Design Organization (CUDO) cấp chứng nhận sản xuất có xem xét đến Thiết kế Màu Phổ dụng. Thiết kế này cải thiện tầm nhìn cho nhiều người hơn bất kể sự khác biệt về khả năng cảm nhận màu sắc của từng cá nhân.

\* Thiết bị tùy chọn đạt chứng nhận:

Máy quét/Bộ hoàn thiện úp xuống

# Biểu tượng, Ký hiệu và Ảnh chụp màn hình được Sử dụng trong Hướng dẫn này

## ■ Biểu tượng được Sử dụng trong Hướng dẫn này



Chỉ các cảnh báo thận trọng cần lưu ý để sử dụng máy này an toàn.



Chỉ những mục quan trọng cần lưu ý hoặc nghiêm cấm.

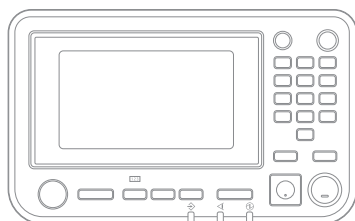


Chỉ thông tin hữu ích hoặc bổ sung.

## ■ Tên Phím và Nút

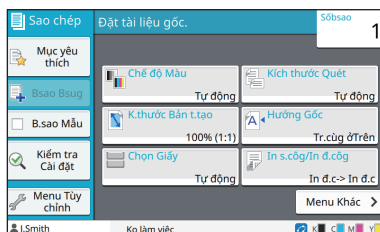
Tên của các phím cứng trên bảng vận hành và nút trên màn hình cảm ứng hoặc cửa sổ máy tính được biểu thị bằng dấu ngoặc vuông [ ].

### ● Bảng Vận hành



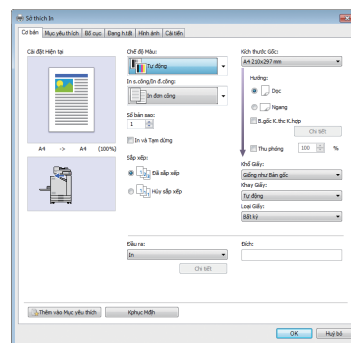
Ví dụ: Nhấn phím [Dừng].

### ● Màn hình Cảm ứng



Ví dụ: Chạm vào [Chế độ Màu].

### ● Cửa sổ Máy tính



Ví dụ: Chọn hộp kiểm [B.góc K.thc K.hợp].

## ■ Tên Thiết bị Tùy chọn

Trong hướng dẫn này, tên của thiết bị tùy chọn được mô tả bằng thuật ngữ chung sau đây. Tên cụ thể của mỗi thiết bị được sử dụng khi các tính năng riêng của thiết bị được giải thích.

Tên được Sử dụng trong Hướng dẫn này	Thiết bị Tùy chọn
Khay Xếp chồng*	Khay xếp chồng rộng T.động k/s Khay Xếp chồng

\* Khay xếp chồng tùy chọn được kết nối vào bên phải máy.

## ■ Hình minh họa và các Quy trình Vận hành trong Hướng dẫn này

- Quy trình vận hành, ảnh chụp màn hình và hình minh họa trong hướng dẫn này dành cho ComColor FW5230/ FW5230R được kết nối với máy quét tùy chọn. Hướng dẫn này cũng giả định rằng mỗi chức năng được đặt ở cài đặt ban đầu và [Cài đặt Đăng nhập] được đặt thành [ON].
- Ảnh chụp màn hình và hình minh họa trong hướng dẫn này có thể thay đổi theo model máy và môi trường sử dụng, bao gồm thiết bị tùy chọn được kết nối.



# Dành cho Người dùng ComColor FW2230 và ComColor black FW1230/FW1230R

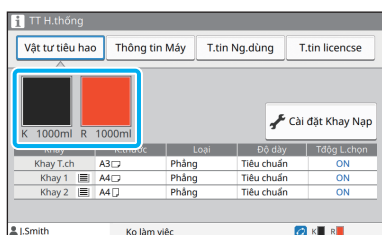
ComColor FW2230 sử dụng mực đen và đỏ, còn ComColor black FW1230/FW1230R chỉ sử dụng mực đen. Tài liệu hướng dẫn này chứa những thông tin dành cho máy in đủ màu. Các màn hình và hình minh họa trong tài liệu hướng dẫn này là dành cho ComColor FW5230/FW5230R được kết nối với máy quét tùy chọn. Xin lưu ý rằng một số chức năng và màn hình hiển thị sẽ khác với các chức năng và màn hình trên máy in đủ màu.

## Màn hình Hiển thị

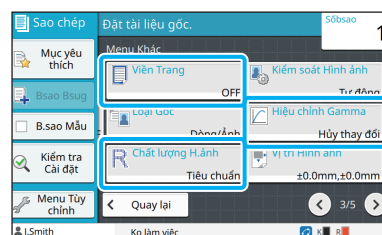
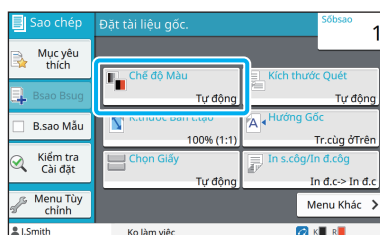
Màn hình hiển thị của một số chức năng có thể thay đổi hoặc không xuất hiện, tùy theo số lượng màu in có sẵn.

### ■ Bảng Cảm ứng

Chỉ báo lượng mực còn lại trên màn hình [TT H.thống]

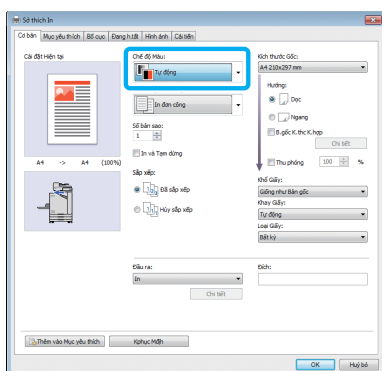


[Chế độ Màu], [Viền Trang], [Chất lượng H.ảnh] hoặc [Hiệu chỉnh Gamma] dành cho chức năng sao chép

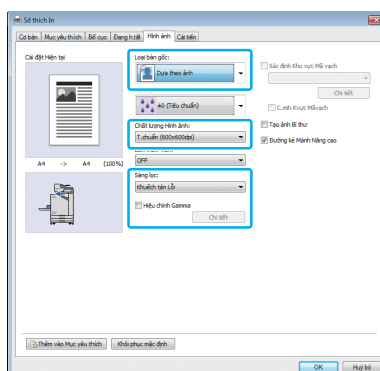


### ■ Trình điều khiển Máy in

[Chế độ Màu] trong tab [Cơ bản]

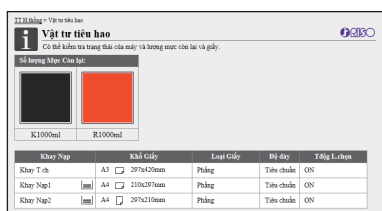


[Loại bản gốc], [Chất lượng H.ảnh], [Hiệu chỉnh Gamma] hoặc [Sàng lọc] trong tab [Hình ảnh]



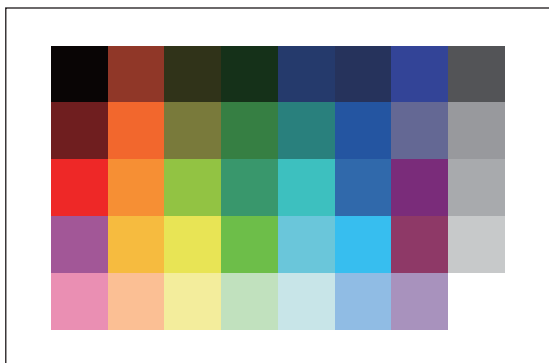
### ■ RISO Console

Màn hình [Vật tư tiêu hao]

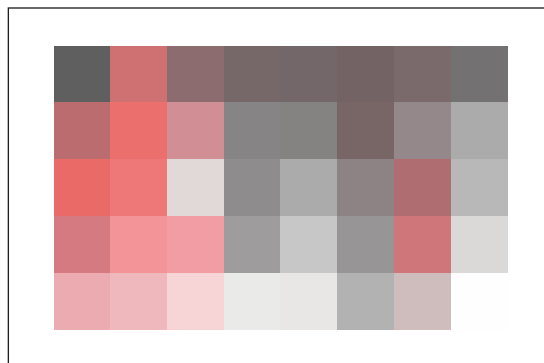


## Cấu hình Màu

ComColor FW2230 thể hiện các bản gốc đủ màu bằng hai màu đen và đỏ. Các màu không có sắc thái đỏ sẽ tự động được chuyển đổi thành màu đen. Dưới đây là một kết quả mẫu của quá trình in bản gốc đủ màu bằng [Màu Kép] hoặc [Tự động]. Các màu nóng, như màu cam và vàng, được in bằng mực đỏ, còn các màu lạnh, như màu xanh lam và xanh lục, được in bằng mực đen.



Bản gốc



Đầu ra



- Để bảo đảm rằng các màu in ra đồng nhất với các màu trên bản gốc, bạn nên tạo bản gốc bằng màu đen và đỏ trước khi in.

## Chức năng Có thể Sử dụng khi Cài đặt Thiết bị Tùy chọn

Nhiều thiết bị tùy chọn được cung cấp để mở rộng chức năng của máy này.  
Danh sách dưới đây hiển thị thiết bị tùy chọn cần có để mở rộng mỗi chức năng.

Chức năng Mở rộng	Thiết bị Tùy chọn Cần có (Chọn một trong số những thiết bị này)
Dập ghim	Bộ hoàn thiện Bộ hoàn thiện đa chức năng
Đục lỗ	Bộ hoàn thiện đa chức năng
Gập đôi	Bộ hoàn thiện đa chức năng
Gập ba, gập chữ Z	Bộ hoàn thiện đa chức năng được cài đặt thiết bị gập
Tạo sách nhỏ bằng cách dập ghim tại gáy	Bộ hoàn thiện đa chức năng
Bản ra sole	Bộ hoàn thiện Bộ hoàn thiện đa chức năng
Chọn khay giấy ra	Bộ hoàn thiện đa chức năng T.động k/s Khay Xếp chồng Khay xếp chồng rộng
Tự động chuyển đổi khay giấy ra (chuyển tiếp khay giấy ra)	Bộ hoàn thiện đa chức năng T.động k/s Khay Xếp chồng
Đăng nhập bằng thẻ xác thực	Bộ kích hoạt đầu đọc thẻ IC
In bằng trình điều khiển máy in PostScript 3	Bộ PostScript
In tệp PDF lưu trên ổ flash USB	Bộ PostScript
In từ máy Mac OS	Bộ PostScript
In từ máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh bằng ứng dụng RISO PRINT-S	Bộ PostScript

# Những điều bạn có thể thực hiện với máy in này

## Tiết kiệm giấy khi in

**2 mặt/1 mặt (tr. 1-10, tr. 3-9),  
Kết hợp (tr. 1-13, tr. 3-15)**

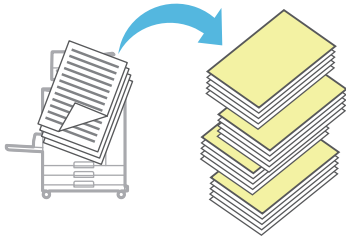
Bạn có thể in cả hai mặt của giấy hoặc in nhiều trang trên một tờ. Bạn cũng có thể sử dụng chức năng in song công cùng với chức năng kết hợp.



## Sắp xếp nhanh khối lượng tài liệu lớn

**Sắp xếp (tr. 1-10, tr. 3-10) Phân tách,  
Tám Nệm (tr. 1-22, tr. 3-20)**

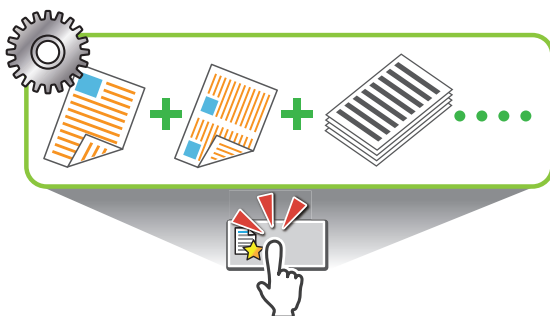
Bạn có thể sử dụng chức năng sắp xếp hoặc tám nệm để tách biệt nhanh khối lượng lớn tài liệu hợp hoặc tài liệu phát tay. Bạn có thể tăng hiệu quả hơn nữa với chức năng điều chỉnh giấy ra, chức năng này khả dụng khi dùng bộ hoàn thiện đĩa chức năng hoặc bộ hoàn thiện úp xuống tùy chọn.



## Đăng ký và truy xuất cài đặt

**Mục yêu thích (tr. 1-25, tr. 2-10, tr. 3-14, tr. 4-7, tr. 5-6)**

Bạn có thể thêm cài đặt làm mục yêu thích và truy xuất mục yêu thích này nhanh chóng khi cần. Tính năng này giúp bạn không phải cấu hình cùng một cài đặt mỗi lần dùng.



## Kiểm tra kết quả trước khi in số lượng lớn

**Bản sao mẫu (tr. 1-26), In và Tạm dừng (tr. 3-10)**

Bạn có thể in một bản mẫu rồi kiểm tra kết quả và cài đặt.



## In rõ ràng trên bì thư

**Tạo ảnh bì thư (tr. 3-25)**

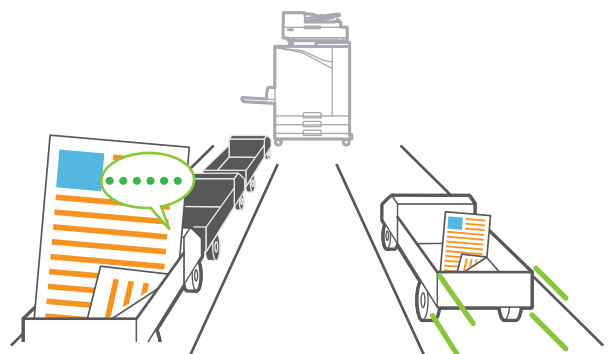
Bạn có thể in trên bì thư có độ dày khác nhau với độ mờ và nhòe được giảm bớt.



## Ưu tiên tốc độ giao tiếp khi in

**Nén dữ liệu (tr. 3-22)**

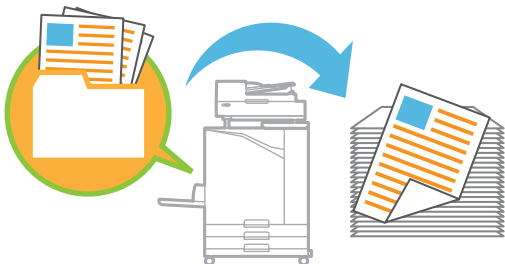
Bạn có thể giảm kích thước tệp in và ưu tiên tốc độ giao tiếp mạng hơn chất lượng hình ảnh khi in.



## Lưu tài liệu bạn thường in trên máy in

### Bộ nhớ (tr. 4-1)

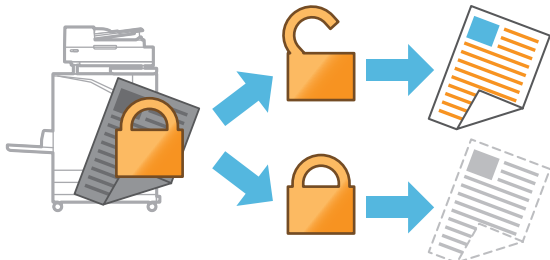
Bằng cách lưu tài liệu vào thư mục, bạn có thể in tài liệu nhanh khi cần. Bạn cũng có thể chia sẻ thư mục.



## Bảo vệ tài liệu bằng mã PIN

### Mã PIN (tr. 2-9, tr. 3-25)

Khi bạn chỉ định mã PIN cho lệnh, chỉ người biết mã PIN đó mới có thể in. Bạn cũng có thể chỉ định mã PIN cho tài liệu được đọc bằng máy quét.



## Kiểm tra trạng thái máy in từ máy tính

### RISO Console (tr. 6-1)

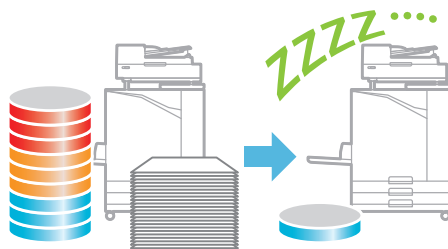
Kiểm tra trạng thái và cài đặt của máy từ máy tính của bạn và tiến hành các thao tác của lệnh mà không phải đi đến tận máy.



## Tiết kiệm điện trong chế độ chờ

### Cài đặt Tiết kiệm Điện (tr. 27)

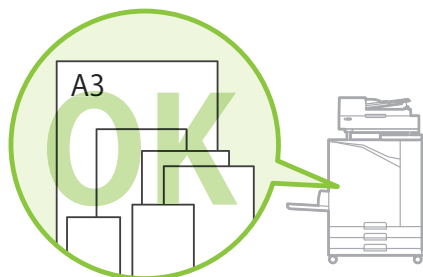
Bạn có thể tiết kiệm điện bằng cách giảm tiêu thụ điện trong chế độ chờ. Bạn có thể đặt thời gian tới khi máy chuyển sang chế độ tiết kiệm điện, chuyển sang trạng thái ngủ hoặc TẮT đèn nền và bạn có thể chọn mức điện năng mà máy tiêu thụ trong khi ở trạng thái ngủ.



## In dễ dàng trên giấy có kích thước không tiêu chuẩn

### Chọn Giấy (tr. 1-7, tr. 3-31), Kích thước Quét (tr. 1-9), Khổ Giấy (tr. 3-11)

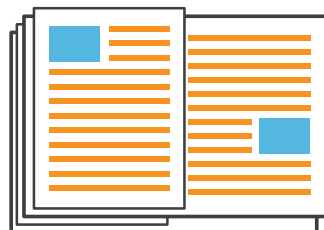
Khi sử dụng kích thước giấy không tiêu chuẩn và không được đăng ký trong máy in, bạn vẫn có thể in theo cách giống như in giấy có kích thước tiêu chuẩn.



## Xử lý bản gốc có kích thước khác nhau cùng một lúc

### B.gốc K.thc K.hợp (tr. 1-11, tr. 2-8, tr. 3-11)

Máy tự động nhận ra kích thước bản gốc khi sao chép và quét ngay cả khi bạn nạp bản gốc có kích thước khác nhau.





# Nội dung

<b>Giới thiệu về Hướng dẫn này</b> .....	<b>1</b>
Biểu tượng, Ký hiệu và Ảnh chụp màn hình được Sử dụng trong Hướng dẫn này .....	2
Dành cho Người dùng ComColor FW2230 và ComColor black FW1230/ FW1230R .....	3
Chức năng Có thể Sử dụng khi Cài đặt Thiết bị Tùy chọn .....	5
<b>Những điều bạn có thể thực hiện với máy in này</b> .....	<b>6</b>
<b>Tên Bộ phận và Chức năng</b> .....	<b>14</b>
Thiết bị Chính và Máy quét Tùy chọn .....	14
Bảng Vận hành .....	16
<b>Bảng Cảm ứng</b> .....	<b>17</b>
Màn hình [Trang chủ] .....	17
Màn hình Chế độ .....	18
Bảng Cảm ứng .....	25
<b>Chuẩn bị</b> .....	<b>27</b>
Nguồn .....	27
Đăng nhập .....	28
Nạp Giấy .....	28
Đóng Khay Tiêu chuẩn .....	31
<b>Cài đặt Trình điều khiển Máy in</b> .....	<b>32</b>
Môi trường Vận hành .....	32
Cài đặt .....	32
<b>Giới thiệu về Lệnh</b> .....	<b>33</b>
Màn hình [Hoạt động / Rảnh rỗi] .....	33
Màn hình [Đã xong] .....	34
<b>Chương 1 Sao chép</b> .....	<b>1-1</b>
<b>Tổng quan về Thao tác Sao chép</b> .....	<b>1-2</b>
Quy trình .....	1-2
Danh sách Cài đặt .....	1-5
<b>Cài đặt Sao chép</b> .....	<b>1-7</b>
Chế độ Màu .....	1-7
Kích thước Bản tái tạo .....	1-7
Chọn Giấy .....	1-7
Kích thước Quét .....	1-9
Hướng Bản gốc .....	1-9

2 mặt/1 mặt .....	1-10
Sắp xếp .....	1-10
Cấp độ Quét .....	1-10
Mật độ Bản in .....	1-10
Quét ADF & tạm dừng .....	1-11
B.gốc K.thc K.hợp .....	1-11
Xóa Bóng Sách .....	1-12
Chia Trang .....	1-12
Kết hợp .....	1-13
Lặp lại Hình ảnh .....	1-13
Sách .....	1-14
Tem .....	1-14
Viền Trang .....	1-16
Chất lượng Hình ảnh .....	1-16
Loại bản gốc .....	1-16
Hiệu chỉnh Gamma .....	1-17
Kiểm soát Hình ảnh .....	1-17
Mức Màu Cơ sở .....	1-18
Vị trí Hình ảnh .....	1-18
Overlay .....	1-18
Chương trình .....	1-20
Thêm Bìa .....	1-22
Phân tách .....	1-22
Lề Đóng nẹp .....	1-23
Dập ghim / Đục lỗ .....	1-23
Gập .....	1-23
In Chậm .....	1-23
Khay Giấy ra .....	1-23
Ngửa lên/Úp xuống .....	1-24
Ch.tiếp Kh.Giấyra .....	1-24
Chuyển tiếp Khay Giấy .....	1-24
Tự động Xoay Hình ảnh .....	1-24
Ngắt Sao chép .....	1-24

**Nút chức năng Chế độ Sao chép ..... 1-25**

Mục yêu thích .....	1-25
Bản sao bổ sung .....	1-25
Bản sao mẫu .....	1-26
Kiểm tra cài đặt .....	1-26
Menu tùy chỉnh .....	1-26

**Chương 2 Quét ..... 2-1**

**Tổng quan về Thao tác Quét ..... 2-2**

Quy trình .....	2-2
Danh sách Cài đặt .....	2-5

<b>Cài đặt Quét .....</b>	<b>2-6</b>
Tên Tài liệu .....	2-6
Chế độ Màu .....	2-7
Kích thước Quét .....	2-7
Định dạng file .....	2-7
2 mặt/1 mặt .....	2-8
Cấp độ Quét .....	2-8
Hướng Bản gốc .....	2-8
Độ phân giải .....	2-8
B.gốc K.thc K.hợp .....	2-8
Xóa Bóng Sách .....	2-8
Chia Trang .....	2-8
Mã PIN .....	2-9
Loại bản gốc .....	2-9
Hiệu chỉnh Gamma .....	2-9
Kiểm soát Hình ảnh .....	2-9
Mức Màu Cơ sở .....	2-9
<b>Nút Chức năng trong Chế độ Quét .....</b>	<b>2-10</b>
Mục yêu thích .....	2-10
Kiểm tra cài đặt .....	2-10
Menu tùy chỉnh .....	2-10
<b>Chương 3 In .....</b>	<b>3-1</b>
<b>Tổng quan về Thao tác In .....</b>	<b>3-2</b>
Quy trình Từ Trình điều khiển Máy in .....	3-2
Quy trình Từ Chế độ In .....	3-3
Màn hình Trình điều khiển Máy in .....	3-5
Danh sách Cài đặt .....	3-6
<b>Cài đặt Trình điều khiển Máy in .....</b>	<b>3-9</b>
Tab [Cơ bản] .....	3-9
Tab [Mục yêu thích] .....	3-14
Tab [Bố cục] .....	3-15
Tab [Đang h.tất] .....	3-19
Tab [Hình ảnh] .....	3-21
Tab [Cải tiến] .....	3-25
Cài đặt Môi trường .....	3-27
Tab [Môi trường] .....	3-27
<b>Nút Chức năng trong Chế độ In .....</b>	<b>3-30</b>
T.tuyến/Ntuyến .....	3-30
Lệnh của Hệ thống Ngoài .....	3-30
Chi tiết .....	3-31
Th/đổi C.đặt .....	3-31

<b>Chương 4 Bộ nhớ</b> .....	<b>4-1</b>
<b>Tổng quan về các Thao tác Bộ nhớ</b> .....	<b>4-2</b>
Lưu Dữ liệu vào Thư mục .....	4-2
In Tài liệu trong Thư mục .....	4-3
Danh sách Cài đặt trong [Bộ nhớ] - [Lưu] .....	4-4
Danh sách Cài đặt trong [Bộ nhớ] - [Tải] .....	4-6
<b>Nút Chức năng trong Chế độ Bộ nhớ</b> .....	<b>4-7</b>
Nút Chức năng trong [Bộ nhớ] - [Lưu] .....	4-7
Nút Chức năng trong [Bộ nhớ] - [Tải] .....	4-8
<b>Chương 5 USB</b> .....	<b>5-1</b>
<b>Tổng quan về các Thao tác với USB</b> .....	<b>5-2</b>
Lưu Dữ liệu Đã quét vào Ổ Flash USB .....	5-2
In Tài liệu Lưu trên Ổ Flash USB .....	5-3
Danh sách Cài đặt trong [USB] - [Lưu] .....	5-4
Danh sách Cài đặt trong [USB] - [Tải] .....	5-5
<b>Nút Chức năng trong Chế độ USB</b> .....	<b>5-6</b>
Nút Chức năng trong [USB] - [Lưu] .....	5-6
Nút Chức năng trong [USB] - [Tải] .....	5-6
<b>Chương 6 RISO Console</b> .....	<b>6-1</b>
<b>Tổng quan về RISO Console</b> .....	<b>6-2</b>
Màn hình Trên cùng .....	6-2
Khởi động RISO Console .....	6-3
Các Thao tác bằng nút thông thường .....	6-4
<b>Menu [TT H.thống]</b> .....	<b>6-6</b>
Màn hình [Vật tư tiêu hao] .....	6-6
Màn hình [Thông tin Máy] .....	6-6
Màn hình [T.tin Ng.dùng] .....	6-7
Màn hình [T.tin licence] .....	6-8
<b>Menu [Quét]</b> .....	<b>6-9</b>
Màn hình Menu [Quét] .....	6-9
<b>Menu [In]</b> .....	<b>6-10</b>
Màn hình Menu [In] .....	6-10
<b>Menu [Bộ nhớ]</b> .....	<b>6-11</b>
Màn hình [Tải] .....	6-11
<b>Menu [Trạng thái Lệnh]</b> .....	<b>6-12</b>

Màn hình [Hoạt động / Rảnh rỗi] .....	6-12
Màn hình [Đã xong] .....	6-12
<b>Menu [Bảo trì] .....</b>	<b>6-13</b>
Màn hình Menu [Bảo trì] .....	6-13
<b>Chương 7 Sử dụng Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch.....</b>	<b>7-1</b>
<b>Tổng quan về Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch .....</b>	<b>7-2</b>
Cài đặt Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch .....	7-2
Khởi động Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch .....	7-3
Màn hình Chính .....	7-3
<b>Tạo và Đăng ký Tệp Xác định Khu vực Mã vạch .....</b>	<b>7-5</b>
Quy trình .....	7-5
Chức năng Lặp lại .....	7-8
In Bản gốc Mã vạch .....	7-8
<b>Chương 8 Thiết bị Tùy chọn.....</b>	<b>8-1</b>
<b>Bộ hoàn thiện .....</b>	<b>8-2</b>
Nhấn lưu ý .....	8-3
Danh sách Cài đặt .....	8-4
Cài đặt Trình điều khiển Máy in .....	8-4
Cài đặt Chế độ Sao chép .....	8-7
<b>Bộ hoàn thiện Đa chức năng .....</b>	<b>8-9</b>
Nhấn lưu ý .....	8-10
Danh sách Cài đặt .....	8-11
Cài đặt Trình điều khiển Máy in .....	8-12
Cài đặt Chế độ Sao chép .....	8-19
<b>Khay Xếp chồng</b>	
<b>(T.động k/s Khay Xếp chồng / Khay Xếp chồng Rộng) .....</b>	<b>8-24</b>
Nạp Khay Xếp chồng .....	8-24
Danh sách Cài đặt .....	8-26
Cài đặt Trình điều khiển Máy in .....	8-27
Cài đặt Chế độ Sao chép .....	8-27
Cài đặt Chế độ Bảo trì .....	8-27
<b>Bộ PostScript .....</b>	<b>8-28</b>
Môi trường Vận hành .....	8-28
Cài đặt vào Windows .....	8-28
Cài đặt vào Mac OS .....	8-29
Cài đặt vào Linux .....	8-31
Cách In .....	8-32
Cài đặt Trình điều khiển Máy in .....	8-32

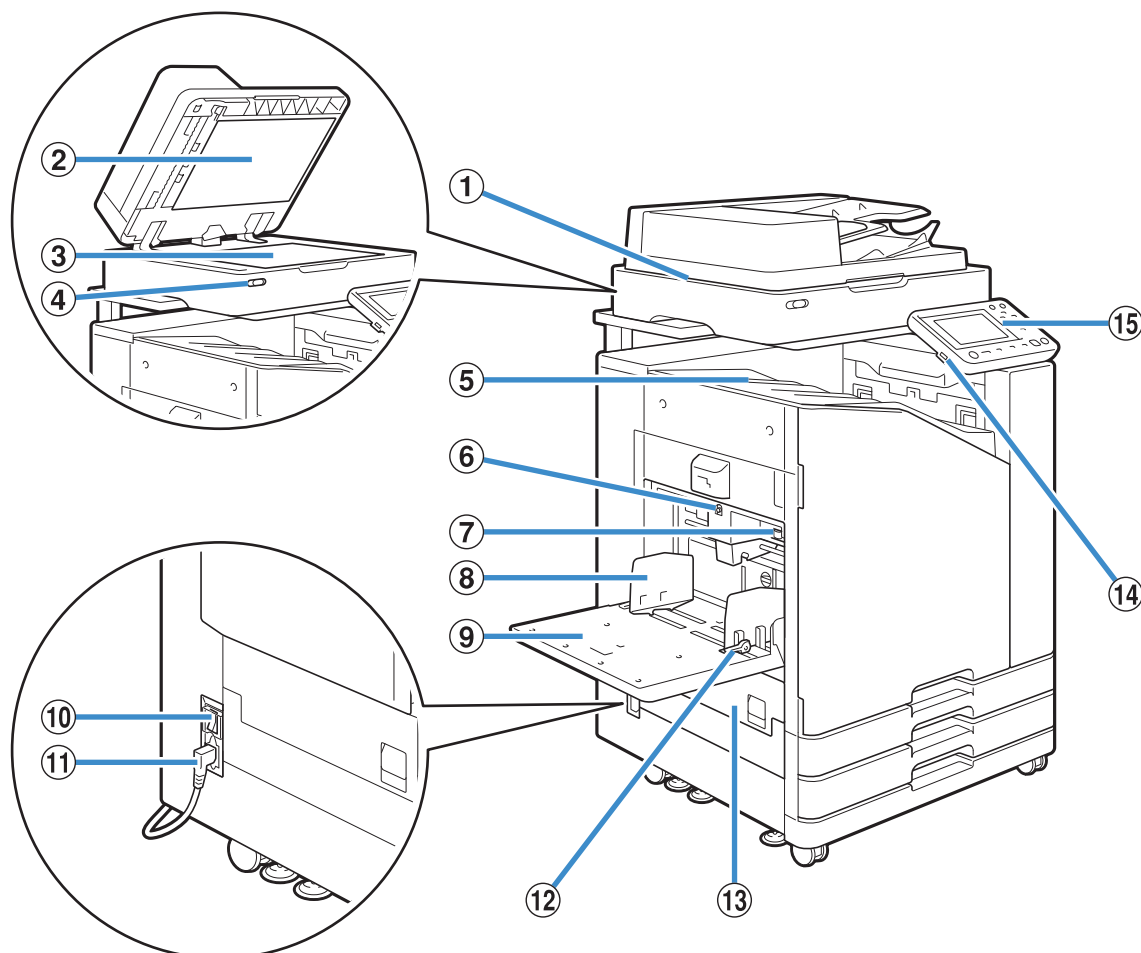


Tab [Cơ bản] .....	8-33
Tab [Mục yêu thích] .....	8-33
Tab [Bố cục] .....	8-33
Tab [Đang h.tắt] .....	8-34
Tab [Hình ảnh] .....	8-34
Tab [Cải tiến] .....	8-36
Tab [Môi trường] .....	8-39
Cài đặt RISO Console .....	8-40
Tệp Có thể In trong Ổ Flash USB .....	8-40
Danh sách Phông chữ .....	8-43

<b>Chương 9 Phụ lục.....</b>	<b>9-1</b>
<b>Giới thiệu về Hộp mực .....</b>	<b>9-2</b>
Thay thế Hộp mực .....	9-2
<b>Thông số Kỹ thuật .....</b>	<b>9-3</b>
<b>Vật tư Tiêu hao .....</b>	<b>9-14</b>
Hộp mực .....	9-14
Hộp Ghim đập .....	9-14
<b>Chỉ mục .....</b>	<b>9-15</b>

# Tên Bộ phận và Chức năng

## Thiết bị Chính và Máy quét Tùy chọn



### ① Máy quét (Tùy chọn)

Sử dụng máy quét để sao chép hoặc quét tài liệu được đọc từ kính tấm ép giấy hoặc ADF.

### ② Bìa gốc

Kéo xuống để che bản gốc khi đọc bản gốc trên kính tấm ép giấy.

### ③ Kính Tấm ép giấy

Đặt bản gốc úp xuống và căn chỉnh với vị trí mũi tên ở phía trên bên trái.

### ④ Đèn Máy quét (Xanh lam / Đỏ)

Đèn này cho biết trạng thái của máy quét.

- Đèn xanh lam ở trạng thái ON: Sẵn sàng
- Đèn xanh lam nhấp nháy: Máy đang khởi động hoặc đang quét
- Đèn đỏ nhấp nháy: Đã xảy ra lỗi

### ⑤ Khay Úp xuống

Bản in ra úp xuống.

### ⑥ Nút Hạ Khay Tiêu Chuẩn

Sử dụng nút này để di chuyển khay tiêu chuẩn lên hoặc xuống khi thay thế hoặc thêm giấy vào khay.

### ⑦ Cản gạt Đ.chỉnh Á.lực Nạp Giấy

Sử dụng cản gạt này để điều chỉnh áp lực nạp giấy cho phù hợp với loại giấy trong khay tiêu chuẩn.

### ⑧ D.hướng Giấy trog Khay T.chuẩn

Dẫn hướng này ngăn giấy trong khay tiêu chuẩn khỏi bị xô lệch.

### ⑨ Khay Tiêu chuẩn

Nạp giấy đặc biệt (giấy dày, bì thư, v.v..) ở đây. Bạn cũng có thể nạp giấy phẳng.

**⑩ Công tắc Nguồn Chính**

Sử dụng công tắc này để bật nguồn. Thông thường, nguồn được để ở trạng thái ON.

**⑪ Ổ cắm Máy**

Kết nối dây cáp nguồn của thiết bị chính với ổ cắm này.

**⑫ Cần gạt Dẫn hướng Nạp Giấy**

Sử dụng cần này để trượt hoặc cố định dẫn hướng giấy trong khay tiêu chuẩn. Cần nằm trên cả hai bên của dẫn hướng giấy trong khay tiêu chuẩn ở hai vị trí.

**⑬ Nắp Trái**

Mở nắp này khi kẹt giấy.

**⑭ Cổng USB**

Kết nối ổ flash USB với cổng này để lưu dữ liệu đã quét hoặc để in dữ liệu lưu trên ổ flash USB.

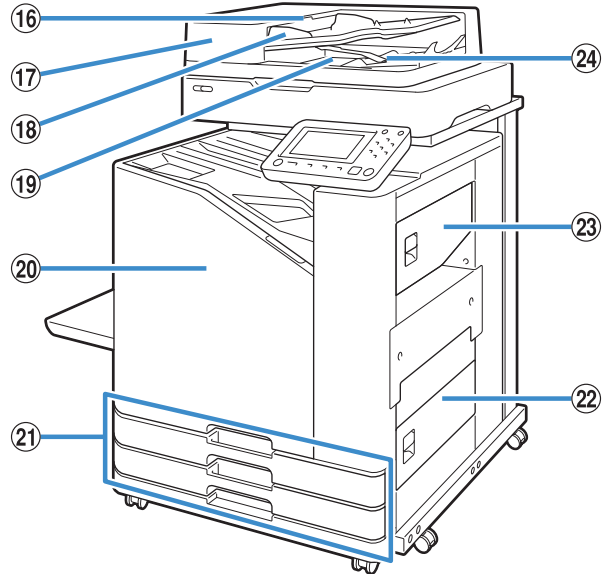


- Sử dụng ổ flash USB tương thích với thông số kỹ thuật của Nhóm Thiết bị Lưu trữ Dung lượng lớn và USB 2.0 hoặc 3.0.

**⑮ Bảng Vận hành**

Sử dụng để thực hiện các thao tác hoặc cài đặt.

Bạn có thể điều chỉnh góc cho dễ nhìn hơn.



**⑯ Cần gạt Thiết bị Góc ADF**

Kéo cần này lên để mở nắp thiết bị góc ADF khi kẹt tài liệu.

**⑰ Bộ nạp Tài liệu Tự động (ADF)**

Có thể nạp tự động tối đa khoảng 200 tài liệu.

**⑱ Dẫn hướng Góc ADF**

Trượt để vừa với độ rộng của tài liệu.

**⑲ Khay Giấy ra Góc ADF**

Tài liệu có thể đọc từ ADF được xuất ra đây.

**⑳ Nắp Trước**

Bình thường, nắp trước bị khóa và không thể mở được. Khóa này được nhả ra tự động khi xảy ra sự cố kẹt giấy hoặc các sự cố khác.

Để mở nắp trước trong những trường hợp khác, hãy chuyển tới [Bảo trì] từ màn hình [Trang chủ] và chạm vào [Nhà Nắp Trước].

**㉑ Khay Nạp1, Khay Nạp2 (Khay Nạp)**

Nạp giấy cần dùng để in tại đây.



- Sử dụng khay tiêu chuẩn cho giấy dày và các loại giấy đặc biệt khác.

**㉒ Nắp Phải Bên dưới**

Mở nắp này khi kẹt giấy.

**㉓ Nắp Phải Bên trên**

Mở nắp này khi kẹt giấy.

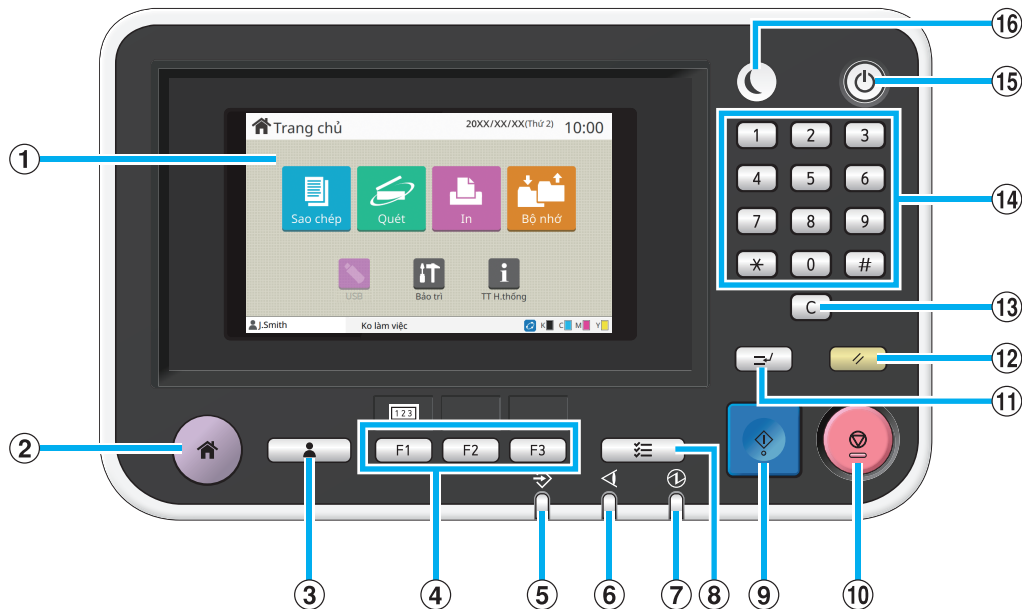
**㉔ Cần gạt Căn chỉnh Giấy**

Sử dụng cần gạt này để căn chỉnh tài liệu được xuất ra. Nếu cần gạt chạm vào giấy ra, kéo cần gạt lên và khóa lại.

## Bảng Vận hành

Bạn có thể tiến hành nhiều thao tác và cài đặt khác nhau bằng bảng vận hành.

Màu và tình trạng (sáng lên hoặc nhấp nháy) của đèn cho biết trạng thái của máy hoặc các lỗi như kẹt giấy.



### ① Bảng Cảm ứng

Sử dụng để thực hiện các thao tác hoặc cài đặt. Bảng này cũng hiển thị thông tin như thông báo lỗi và thông báo xác nhận. (tr. 17 “Bảng Cảm ứng”)

### ② Phím Trang chủ

Nhấn phím này để mở màn hình [Trang chủ].

### ③ Phím Đ.nhập/Đăng xuất

Nhấn phím này để đăng nhập hoặc đăng xuất.

### ④ Phím Chức năng

Bạn có thể đặt lại các chức năng và cài đặt thường dùng. Sử dụng những phím này làm phím tắt.



- Để biết hướng dẫn cụ thể về cách đăng ký chức năng và cài đặt, hãy liên hệ với quản trị viên của bạn.

### ⑤ Đèn Dữ liệu

Đèn này sáng lên khi có lệnh đang chờ và nhấp nháy khi máy này đang nhận dữ liệu.

### ⑥ Đèn Lỗi

Đèn này nhấp nháy khi xảy ra lỗi.

### ⑦ Đèn Nguồn Chính

Đèn này sáng lên khi bật nguồn chính.

### ⑧ Phím Trạng thái Lệnh

Nhấn phím này để kiểm tra các lệnh đang xử lý hoặc đã xong.

### ⑨ Phím Bắt đầu

Nhấn phím này để bắt đầu thao tác.

### ⑩ Phím Dừng

Nhấn phím này để dừng lệnh đang xử lý.

### ⑪ Phím Ngắt kết nối

Nhấn phím này để tạm dừng lệnh đang xử lý để thực hiện lệnh khác.

### ⑫ Phím Đặt lại

Nhấn phím này để đưa các cài đặt trở lại giá trị mặc định.



- Chỉ các cài đặt của chế độ đã chọn mới được đặt lại. Thao tác này không làm thay đổi cài đặt của các chế độ khác.

### ⑬ Phím Xóa

Nhấn phím này để xóa chữ cái hoặc số đã được nhập.

### ⑭ Phím Số

Nhấn phím này để nhập số.

### ⑮ Phím Nguồn Phụ

Khi bạn nhấn phím này trong khi nguồn chính đang bật, nguồn điện vận hành sẽ bật và phím này sáng lên. Giữ phím này sẽ tắt nguồn điện vận hành và máy chuyển sang chế độ chờ.

### ⑯ Phím Đánh thức

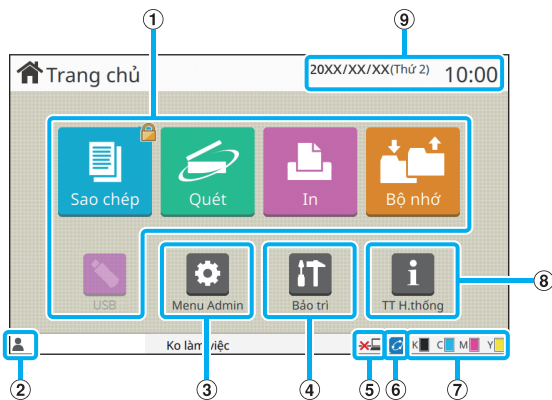
Phím này sáng lên khi máy này ở chế độ tiết kiệm điện. Nhấn phím này khi phím này sáng sẽ làm cho máy sẵn sàng vận hành.



- Nhấn phím này khi phím này không sáng sẽ làm cho máy chuyển sang chế độ ngủ.

# Bảng Cảm ứng

## Màn hình [Trang chủ]



Màn hình [Trang chủ] xuất hiện khi bạn nhấn phím [Trang chủ] trong bảng vận hành.

Để truy cập vào các cài đặt và thao tác, chạm vào nút dành cho chế độ bạn muốn sử dụng.



- Màn hình hiển thị khác nhau tùy theo model của bạn, thiết bị tùy chọn được kết nối và các cài đặt.

### ① Nút Chế độ

Chạm vào các nút này để mở màn hình chế độ tương ứng.

Biểu tượng khóa ở góc trên bên phải của nút cho biết bạn phải đăng nhập để truy cập chế độ đó.

### ② Tên Người dùng

Tên của người dùng hiện đã đăng nhập hiển thị.

### ③ Nút [Menu Admin]

Chạm vào nút này để truy cập vào các cài đặt của quản trị viên.



- Nút này không xuất hiện khi người dùng không đăng nhập với tư cách quản trị viên.

### ④ Nút [Bảo trì]

Chạm vào nút này để truy cập vào các tính năng bảo trì.

### ⑤ Ngại tuyến

Biểu tượng này hiển thị khi đặt [Online/Offline] thành [OFF].

### ⑥ Biểu tượng Liên kết FORCEJET™

Biểu tượng này cho biết tất cả các bộ phận bắt buộc phải có để in có đang hoạt động chính xác hay không.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Hướng dẫn Khắc phục Sự cố” được cung cấp riêng.

### ⑦ Lượng Mực Còn lại

Các biểu tượng này cho biết lượng mực còn lại của mỗi màu. Chỉ báo bắt đầu nhấp nháy khi gần đến thời gian thay thế hộp mực. Hãy chuẩn bị hộp mực mới cho màu nhấp nháy.



- Lượng mực còn lại không thể hiển thị khi dùng mực không phải của RISO.

### ⑧ Nút [TT H.thông]

Chạm vào nút này để hiển thị thông tin về vật tư tiêu hao, máy và người dùng.

### ⑨ Ngày

Ngày và giờ hiện tại hiển thị.

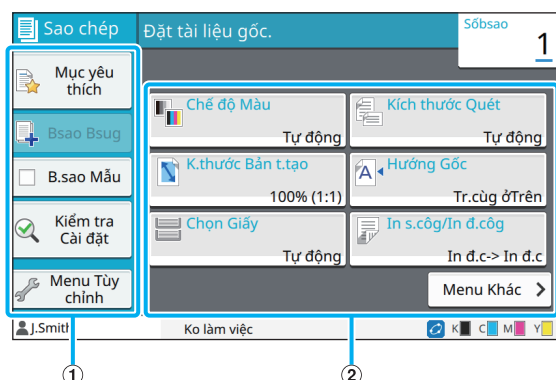


## Màn hình Chế độ

Nhấn nút chế độ trên màn hình [Trang chủ] sẽ mở màn hình chế độ tương ứng.

### Màn hình [Sao chép]

Nếu bạn đang dùng máy quét tùy chọn, bạn có thể thực hiện hoặc kiểm tra các lệnh sao chép trên màn hình này.



- 1 Nút Chức năng**  
Chọn chức năng có thể sử dụng trong chế độ Sao chép.
- 2 Các nút Cài đặt**  
Sử dụng các nút này để thiết lập chức năng sao chép. Chạm vào [Menu Khác] để hiển thị các nút cài đặt khác.
- 3 Sốbsao**  
Nhập hoặc kiểm tra số bản sao ở đây.
- 4 Nút </>**  
Sử dụng những nút này để chuyển đổi các trang của nút cài đặt.  
Trang hiện tại và tổng số trang của nút cài đặt hiển thị.

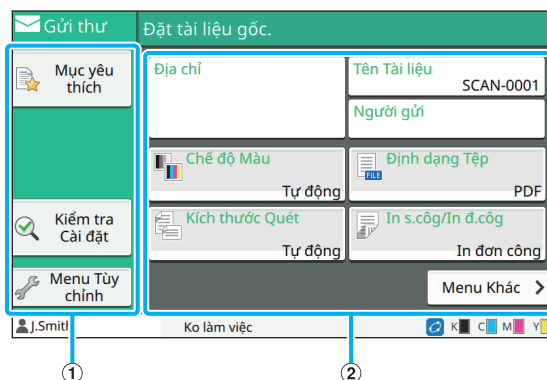
## Màn hình [Quét]

Nếu bạn đang dùng máy quét tùy chọn, bạn có thể thực hiện hoặc kiểm tra các lệnh quét trên màn hình này.

Có ba cách truyền dữ liệu quét:

### ■ Gửi thư

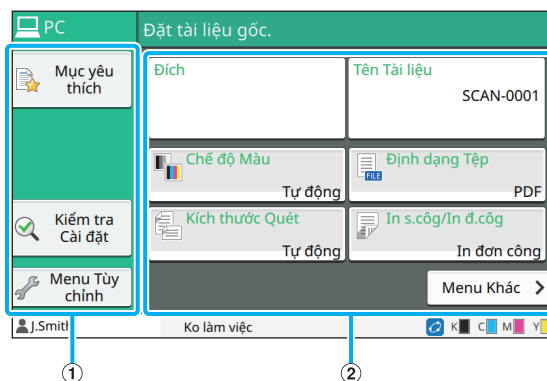
Bạn có thể gửi dữ liệu đã quét qua email.



- 1 Nút Chức năng**  
Chọn chức năng có thể sử dụng trong chế độ Quét.
- 2 Các nút Cài đặt**  
Sử dụng các nút này để nhập [Địa chỉ], [Tên Tài liệu] và [Người gửi] cũng như để thiết lập chức năng của máy quét.  
Chạm vào [Menu Khác] để hiển thị các nút cài đặt khác.

### ■ PC

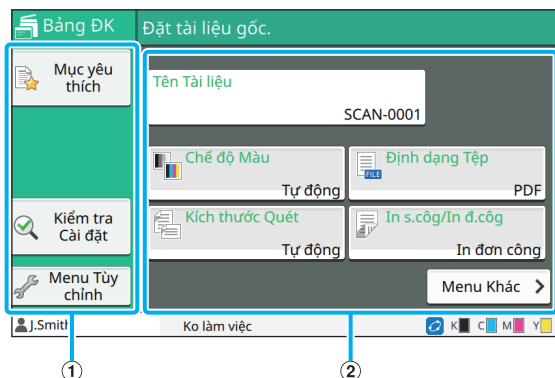
Bạn có thể gửi dữ liệu đã quét đến máy tính trên mạng.



- 1 Nút Chức năng**  
Chọn chức năng có thể sử dụng trong chế độ Quét.
- 2 Các nút Cài đặt**  
Sử dụng các nút này để nhập [Đích] và [Tên Tài liệu] cũng như để thiết lập chức năng của máy quét.  
Chạm vào [Menu Khác] để hiển thị các nút cài đặt khác.

## ■ Bảng ĐK

Bạn có thể lưu dữ liệu đã quét vào ổ cứng cục bộ của máy này. Dữ liệu đã quét có thể tải xuống được từ RISO Console.



### ① Nút Chức năng

Chọn chức năng có thể sử dụng trong chế độ Quét.

### ② Các nút Cài đặt

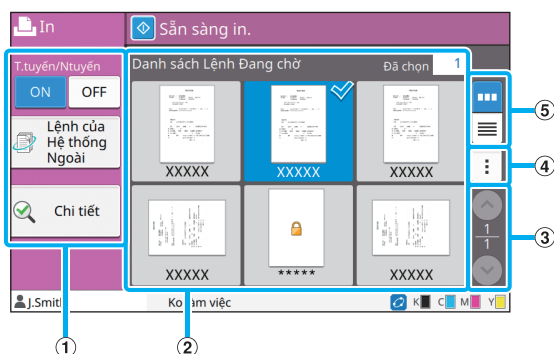
Sử dụng các nút này để nhập [Tên Tài liệu] cũng như để thiết lập chức năng của máy quét.

Chạm vào [Menu Khác] để hiển thị các nút cài đặt khác.

## Màn hình [In]

Trên màn hình này, bạn có thể thực hiện và kiểm tra lệnh in được gửi từ máy tính.

## ■ Màn hình Danh sách Lệnh Đang chờ



### ① Nút Chức năng

Chọn chức năng có thể sử dụng trong chế độ In.

### ② Xem

Các lệnh đang chờ được liệt kê trong chế độ xem này.

### ③ Nút (▲/▼)

Sử dụng những nút này để chuyển đổi các trang xem.

Trang hiện tại và tổng số trang hiển thị.

### ④ Menu Phụ

Bạn có thể chỉnh sửa hoặc xóa cài đặt của lệnh đã chọn.

### ⑤ Nút Chọn Chế độ xem

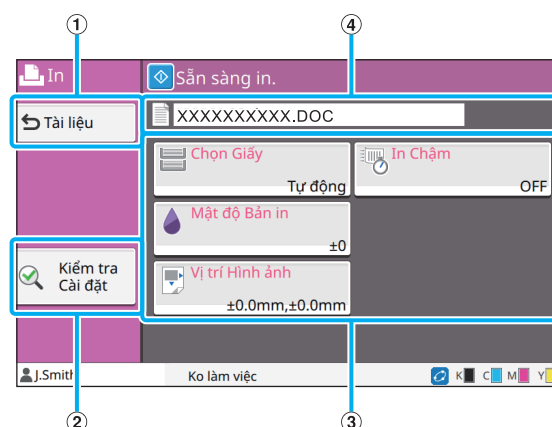
Bạn có thể chọn xem các lệnh đang chờ dưới dạng hình thu nhỏ hoặc dưới dạng danh sách.

☰ : Xem dưới dạng hình thu nhỏ

☰ : Xem dưới dạng danh sách

## ■ Màn hình Thay đổi Cài đặt

Màn hình này xuất hiện khi bạn chọn [Thay đổi Cài đặt] trong menu phụ trên màn hình [Danh sách Lệnh Đang chờ].



### ① Nút [Tài liệu]

Chạm vào nút này để hiển thị màn hình [Danh sách Lệnh Đang chờ].

### ② Nút [Kiểm tra cài đặt]

Chạm vào nút này để hiển thị cài đặt hiện tại.

### ③ Các nút Cài đặt

Sử dụng các nút này để thiết lập chức năng in.

### ④ Tên Tài liệu

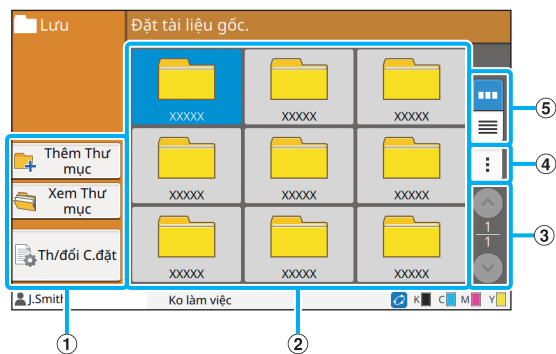
Tên của tài liệu đã chọn hiển thị tại đây.

## Màn hình [Bộ nhớ]

Bạn có thể thực hiện và kiểm tra các lệnh được lưu trữ trên màn hình này.

Chế độ Bộ nhớ có hai chức năng: [Lưu], cho phép bạn lưu dữ liệu vào thư mục và [Tải], giúp in tài liệu lưu trong thư mục.

### Màn hình Danh sách Thư mục trong [Bộ nhớ] - [Lưu]



#### ① Nút Chức năng

Chọn chức năng có thể sử dụng trong chế độ Bộ nhớ.

#### ② Xem

Thư mục hiển thị trong danh sách ở chế độ xem này.

#### ③ Nút (^)/v

Sử dụng những nút này để chuyển đổi các trang xem. Trang hiện tại và tổng số trang hiển thị.

#### ④ Menu Phụ

Bạn có thể thay đổi màu và tên của thư mục.

#### ⑤ Nút Chọn Chế độ xem

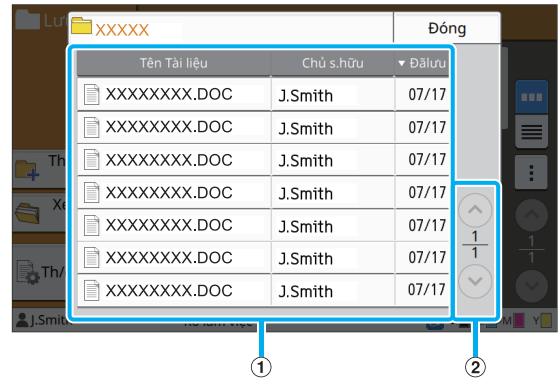
Bạn có thể chọn xem các thư mục dưới dạng biểu tượng hoặc dưới dạng danh sách.

: Xem dưới dạng biểu tượng

: Xem dưới dạng danh sách

### Màn hình Danh sách Tài liệu trong [Bộ nhớ] - [Lưu]

Màn hình này xuất hiện khi bạn chạm vào [Xem Thư mục] trên màn hình danh sách thư mục.



#### ① Xem

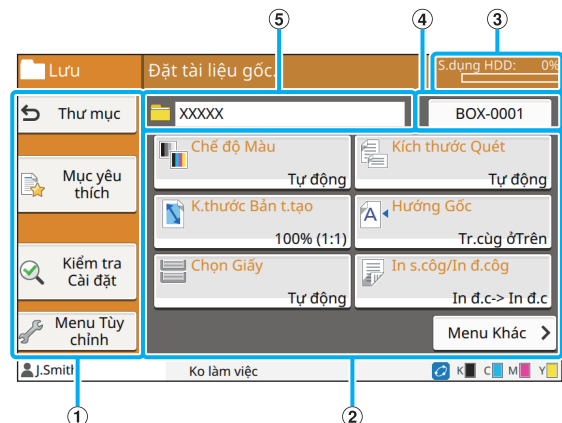
Tài liệu lưu trong thư mục hiển thị trong danh sách. [Tên Tài liệu], [Chủ s.hữu] và [Lưu] hiển thị.

#### ② Nút (^)/v

Sử dụng những nút này để chuyển đổi các trang xem. Trang hiện tại và tổng số trang hiển thị.

### Màn hình Thay đổi Cài đặt trong [Bộ nhớ] - [Lưu]

Màn hình này xuất hiện khi bạn chạm vào [Th/đổi C.đặt] trên màn hình danh sách thư mục.



#### ① Nút Chức năng

Chọn chức năng có thể sử dụng trong chế độ Bộ nhớ.

#### ② Các nút Cài đặt

Sử dụng các nút này để thiết lập chức năng Bộ nhớ (lưu).

#### ③ Chỉ báo [S.dụng HDD]

Dung lượng ổ cứng cục bộ hiện đã được sử dụng được hiển thị dưới dạng phần trăm.

④ Nút Tên Tài liệu

Nhấn nút này để mở màn hình [Cài đặt Tên Tài liệu]. Sử dụng nút này để đặt tên tài liệu.

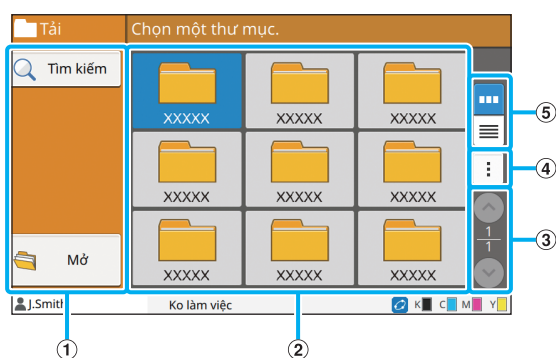
⑤ Thư mục Đích

Tên thư mục đích đã chọn trên màn hình danh sách thư mục hiển thị tại đây.



- Nếu dung lượng khả dụng trên ổ cứng cục bộ thấp, hãy xóa tài liệu không cần thiết trong thư mục để tăng dung lượng khả dụng.

■ Màn hình Danh sách Thư mục trong [Bộ nhớ] - [Tải]



① Nút Chức năng

Chọn chức năng có thể sử dụng trong chế độ Bộ nhớ.

② Xem

Thư mục hiển thị trong danh sách ở chế độ xem này.

③ Nút (^)/ (v)

Sử dụng những nút này để chuyển đổi các trang xem.

Trang hiện tại và tổng số trang hiển thị.

④ Menu Phụ

Bạn có thể thay đổi màu và tên của thư mục.

⑤ Nút Chọn Chế độ xem

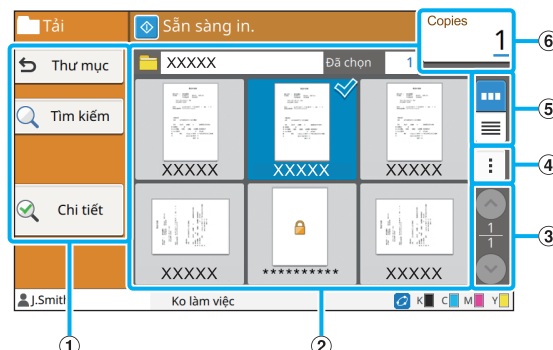
Bạn có thể chọn xem các thư mục dưới dạng biểu tượng hoặc dưới dạng danh sách.

: Xem dưới dạng biểu tượng

: Xem dưới dạng danh sách

■ Màn hình Danh sách Tài liệu trong [Bộ nhớ] - [Tải]

Màn hình này xuất hiện khi bạn chạm vào [Mở] trên màn hình danh sách thư mục.



① Nút Chức năng

Chọn chức năng có thể sử dụng trong chế độ Bộ nhớ.

② Xem

Tài liệu lưu trong thư mục hiển thị trong danh sách.

③ Nút (^)/ (v)

Sử dụng những nút này để chuyển đổi các trang xem.

Trang hiện tại và tổng số trang hiển thị.

④ Menu Phụ

Bạn có thể thay đổi tên tài liệu đã chọn, chỉnh sửa cài đặt của tài liệu hoặc xóa tài liệu.

Bạn cũng có thể sao chép tài liệu đã chọn sang ổ flash USB hoặc thư mục khác.

⑤ Nút Chọn Chế độ xem

Bạn có thể chọn xem các tài liệu dưới dạng hình thu nhỏ hoặc dưới dạng danh sách.

: Xem dưới dạng hình thu nhỏ

: Xem dưới dạng danh sách

⑥ Số sao

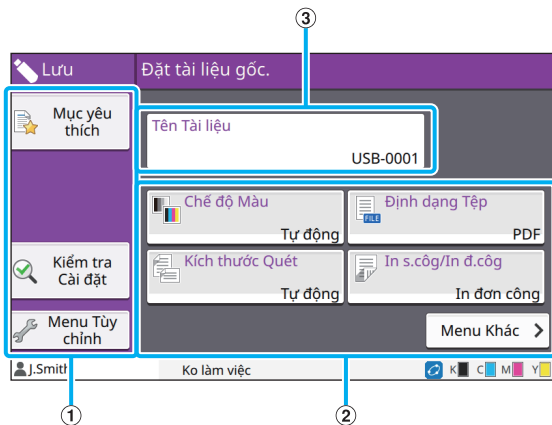
Nhập hoặc kiểm tra số bản sao để in.

## Màn hình [USB]

Bạn có thể thực hiện và kiểm tra các lệnh từ USB trên màn hình này.

Chế độ USB có hai chức năng: [Lưu], cho phép bạn lưu dữ liệu đã quét vào ổ flash USB và [Tải], giúp bạn in tài liệu (tệp prn) được lưu vào ổ flash USB từ trình điều khiển máy in.

### ■ Màn hình Cài đặt trong [USB] - [Lưu]



#### ① Nút Chức năng

Chọn chức năng có thể sử dụng trong chế độ USB.

#### ② Các nút Cài đặt

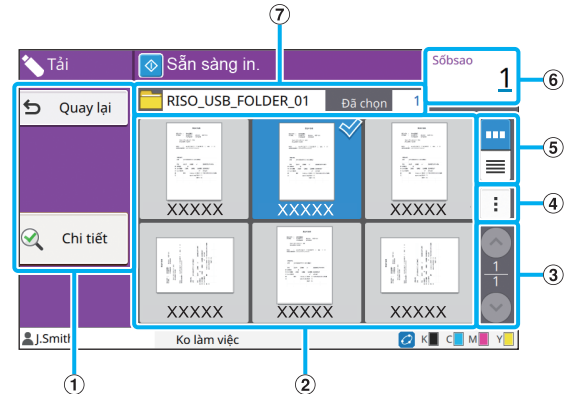
Sử dụng các nút này để thiết lập chức năng Lưu vào USB.

Chạm vào [Menu Khác] để hiển thị các nút cài đặt khác.

#### ③ Nút [Tên Tài liệu]

Nhấn nút này để mở màn hình [Cài đặt Tên Tài liệu]. Sử dụng nút này để đặt tên tài liệu.

### ■ Màn hình Danh sách Tài liệu trong [USB] - [Tải]



#### ① Nút Chức năng

Chọn chức năng có thể sử dụng trong chế độ USB.

#### ② Xem

Các thư mục và tài liệu được lưu trên ổ flash USB sẽ hiển thị trong danh sách.

#### ③ Nút (↑/↓)

Sử dụng những nút này để chuyển đổi các trang xem. Trang hiện tại và tổng số trang hiển thị.

#### ④ Menu Phụ

Bạn có thể thay đổi cài đặt in cho tài liệu đã chọn hoặc sao chép tài liệu vào thư mục trên ổ cứng cục bộ.

#### ⑤ Nút Chọn Chế độ xem

Bạn có thể chọn xem các thư mục và tài liệu dưới dạng hình thu nhỏ hoặc dưới dạng danh sách.

☰ : Xem dưới dạng hình thu nhỏ

☰ : Xem dưới dạng danh sách

#### ⑥ Số sao

Nhập hoặc kiểm tra số bản sao để in.

#### ⑦ Tên Thư mục

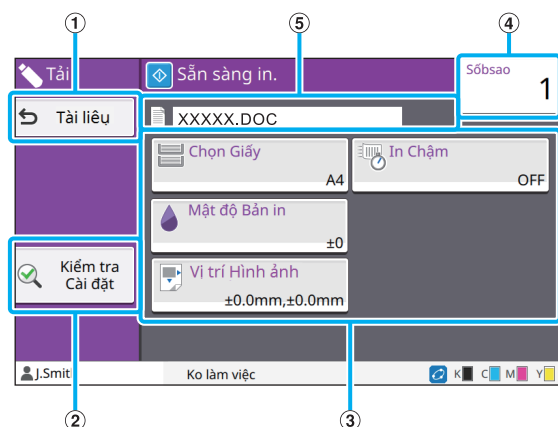
Tên thư mục đã chọn hoặc thư mục lưu tài liệu hiển thị tại đây.



## ■ Màn hình Thay đổi Cài đặt trong [USB] - [Tài]

Màn hình này xuất hiện khi bạn chạm vào [Th/đổi C.đặt] trong menu phụ trên màn hình danh sách tài liệu.

- Khi bạn chọn tệp PDF, màn hình này xuất hiện khi bạn chạm vào [Cài đặt In].



### ① Nút [Tài liệu]

Chạm vào nút này để hiển thị màn hình danh sách tài liệu.

### ② Nút [Kiểm tra cài đặt]

Chạm vào nút này để hiển thị màn hình [Kiểm tra cài đặt].

### ③ Các nút Cài đặt

Sử dụng các nút này để thiết lập chức năng Tài USB.

Khi bạn chọn tệp PDF và chạm vào nút [Menu Khác], các nút cài đặt khác sẽ xuất hiện.

### ④ Số bản sao

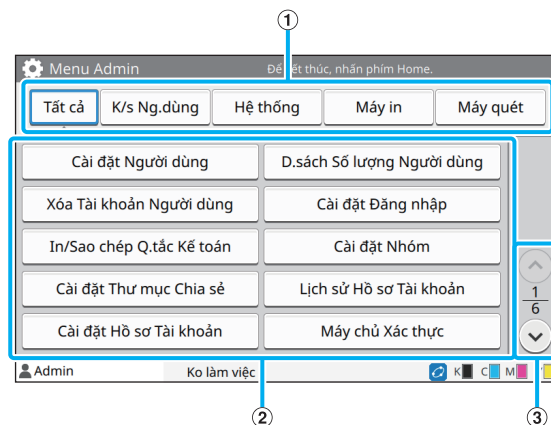
Nhập hoặc kiểm tra số bản sao để in.

### ⑤ Tên Tài liệu

Tên của tài liệu đã chọn hiển thị tại đây.

## Màn hình [Menu Admin]

Màn hình này chỉ hiển thị khi bạn đăng nhập với tư cách quản trị viên. Bạn có thể truy cập cài đặt mà quản trị viên có thể sử dụng và sửa đổi. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Hướng dẫn Quản trị” được cung cấp riêng.



### ① Nút Chọn Danh mục

Danh mục các nút cài đặt trong menu quản trị viên hiển thị tại đây.

Chạm vào [Tất cả] để hiển thị tất cả các nút cài đặt trong menu quản trị viên.

### ② Các nút Cài đặt

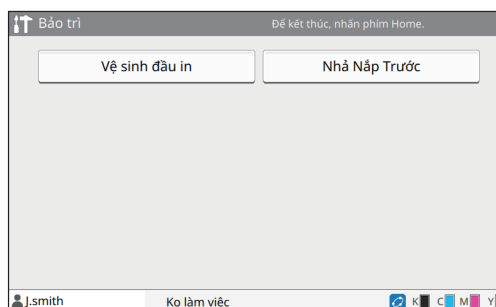
Sử dụng các nút này để thiết lập chức năng menu quản trị viên.

### ③ Nút ^/▽

Sử dụng những nút này để chuyển đổi các trang.

## Màn hình [Bảo trì]

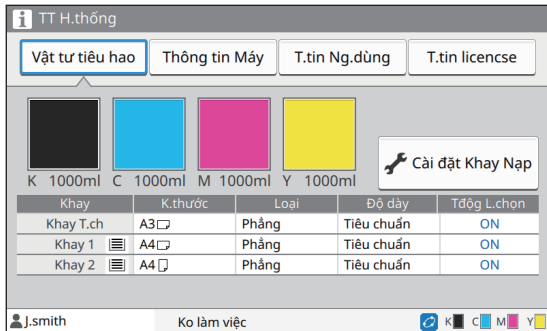
[Vệ sinh đầu in], [Nhà Nấp Trước] và các chức năng khác khả dụng trên màn hình này. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Hướng dẫn Khắc phục Sự cố” được cung cấp riêng.



## Màn hình [TT H.thống]

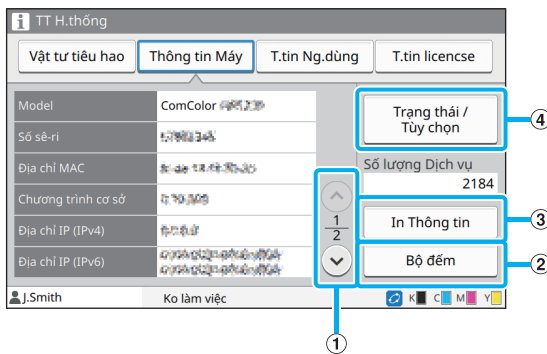
### Màn hình Hàng t.dùng

Màn hình này hiển thị trạng thái của vật tư tiêu hao như giấy và mực. Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt khay.



### Màn hình Thông tin Máy

Màn hình này hiển thị thông tin về máy này.



#### ① Nút (↑/↓)

Sử dụng những nút này để chuyển đổi các trang.

#### ② Nút [Bộ đếm]

Chạm vào nút này để xem số lượng chi tiết của mỗi khay cũng như báo cáo đọc đồng hồ.

#### ③ Nút [In Thông tin]

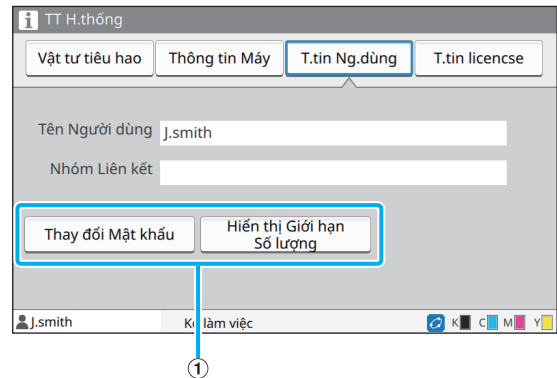
Chạm vào nút này để in thông tin hệ thống hoặc hình ảnh mẫu.

#### ④ Nút [Trạng thái / Tùy chọn]

Chạm vào nút này để hiển thị thông tin về thiết bị tùy chọn được kết nối và trạng thái của thiết bị đó.

### Màn hình T.tin Ng.dùng

Màn hình này hiển thị tên người dùng và nhóm người dùng đã đăng nhập.



#### ① Nút Thông tin

Bạn có thể hiển thị trạng thái sử dụng của người dùng.

Chạm vào [Thay đổi Mật khẩu] để thay đổi mật khẩu.

Nếu quản trị viên đặt giới hạn sao chép hoặc in, hãy chạm vào [Hiển thị Giới hạn Số lượng] để xem trạng thái sử dụng.

Nếu bạn đang dùng đầu đọc thẻ IC tùy chọn, hãy chạm vào [Thẻ IC] để đăng ký thông tin thẻ cho người dùng đã đăng nhập.



- Nếu bạn đang dùng liên kết hệ thống bên ngoài, các nút sau cũng hiển thị.

- [Xem Số dư]: Bạn có thể kiểm tra số dư của từng người dùng đã đăng nhập.

Để biết thêm thông tin về hệ thống thanh toán bằng chức năng [L.kết Hệ thống Bên ngoài], hãy liên hệ với đại lý hoặc đại diện dịch vụ được ủy quyền của bạn.

### Màn hình Thông tin Giấy phép

Màn hình này hiển thị thông tin giấy phép của hệ thống được sử dụng với sản phẩm này.

## Bảng Cảm ứng

Bạn có thể vận hành máy bằng bảng cảm ứng và các phím trên bảng vận hành. Để sử dụng nút trên bảng cảm ứng, hãy chạm ngón tay vào nút.

### Chọn Nút

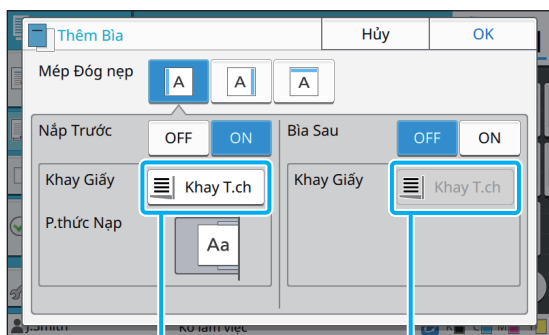
Để chọn nút trên bảng cảm ứng, hãy chạm ngón tay vào nút.

Nút được chọn sẽ chuyển thành màu xanh lam.

Nút được chọn      Nút không được chọn



Nút không khả dụng trong điều kiện hiện tại có màu xám. Bạn có thể sử dụng những nút này khi đáp ứng các điều kiện bắt buộc. Hãy liên hệ với quản trị viên của bạn để biết chi tiết.



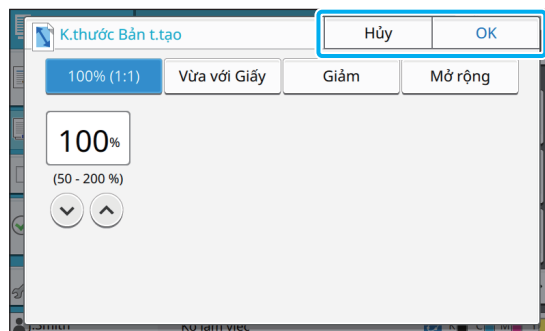
Tùy chọn này khả dụng vì đặt [Nắp Trước] thành [ON].

Tùy chọn này không khả dụng vì đặt [Bia Sau] thành [OFF].

### Xác nhận / Hủy Cài đặt

Khi [OK] hiển thị trên màn hình, bạn phải chạm vào [OK] để lưu cài đặt. Nếu bạn không chạm vào [OK], cài đặt có thể bị hủy.

Để hủy cài đặt bạn đã chỉnh sửa, hãy chạm vào [Hủy].



### Màu của Nút Cài đặt

Khi thay đổi cài đặt, nút cài đặt sẽ chuyển màu để cho biết cài đặt đã được thay đổi từ giá trị mặc định.

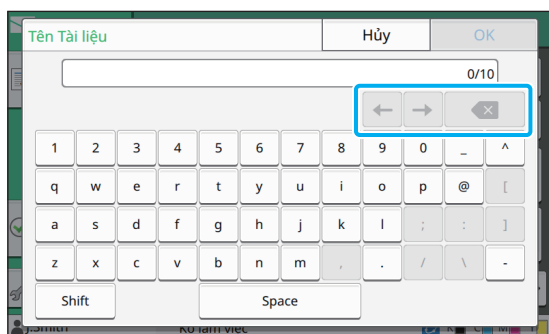


## Nhập Văn bản

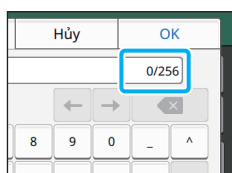
Khi nhập tên người dùng hoặc mật khẩu, hãy nhập thông tin bắt buộc trên màn hình nhập văn bản.

### 1 Chạm vào từng ký tự bạn muốn nhập.

Để di chuyển con trỏ, hãy chạm vào [ ← ] hoặc [ → ].  
Chạm vào [ ✕ ] nếu bạn cần xóa ký tự bên trái con trỏ.



- Nếu các ký tự khả dụng bị giới hạn, chẳng hạn như trường hợp với mật khẩu, những ký tự không thể sử dụng được có màu xám.
- Để nhập chữ hoa, trước tiên, hãy chạm vào [Shift] rồi nhập ký tự. Để quay lại chế độ nhập chữ thường, hãy chạm lại vào [Shift].
- Số ký tự tối đa bạn có thể nhập và số ký tự hiện đã nhập hiển thị ở bên phải trường nhập văn bản.



### 2 Sau khi nhập văn bản, hãy chạm vào [OK].

- Tùy theo khu vực nhập, thao tác chạm vào khu vực này có thể không mở được màn hình nhập. Trong trường hợp đó, hãy nhập văn bản bằng phím số.
- Khu vực đang chọn được biểu thị bằng dòng kẻ ngắn nhấp nháy dưới số hoặc chữ cái. Để chuyển đổi khu vực, hãy chạm vào khu vực bạn muốn nhập văn bản.

# Chuẩn bị

Chương này giải thích cách bật nguồn, đăng nhập, nạp giấy và các công việc chuẩn bị khác để làm cho máy này sẵn sàng sử dụng.



- Khi dùng khay nạp, bạn không cần đặt khay tiêu chuẩn.
- Với RISO Console, bạn có thể kiểm tra trạng thái của máy trên máy tính. (tr. 6-1 “RISO Console”)

## Nguồn

Máy có hai công tắc nguồn: công tắc nguồn chính và phím [Nguồn]. Sử dụng công tắc nguồn chính để bật nguồn chính của toàn bộ máy in. Nhấn phím [Nguồn] để khởi động máy này.



- Để tắt nguồn của máy này khi đang sử dụng bình thường, nhấn và giữ phím [Nguồn] trên bảng vận hành.
- Không tắt nguồn chính trừ khi có nguy cơ sét đánh hoặc dự kiến không sử dụng máy trong thời gian dài.

## Bật Nguồn

**1** Hãy đảm bảo cắm phích cắm nguồn vào ổ điện.

**2** Bật công tắc nguồn chính.

Đèn [Nguồn Chính] trên bảng vận hành bật.

**3** Nhấn phím [Nguồn] trên bảng vận hành.

Nguồn bật và phím [Nguồn] sáng lên.

## Tắt Nguồn

**1** Nhấn và giữ phím [Nguồn] trên bảng vận hành.

**2** Kiểm tra để đảm bảo phím [Nguồn] đã tắt rồi mới tắt công tắc nguồn chính.

Đèn [Nguồn Chính] tắt.



- Để bật lại nguồn chính, đầu tiên, hãy đảm bảo đèn [Nguồn Chính] tắt.
- Chỉ rút phích cắm nguồn sau khi tắt công tắc nguồn chính.

## Tính năng Tiết kiệm Điện

Nếu bạn để máy in không được chú ý đến trong một thời gian, máy sẽ tự động chuyển sang chế độ tiết kiệm điện theo cài đặt của quản trị viên.

Chế độ tiết kiệm điện có hai trạng thái: trạng thái đèn nền tắt và trạng thái ngủ. Thời gian chuyển trạng thái và mức tiêu thụ điện năng khi ngủ tương ứng do quản trị viên đặt.

Khi chế độ tiết kiệm điện bật, bảng cảm ứng tắt và phím [Đánh thức] bật.

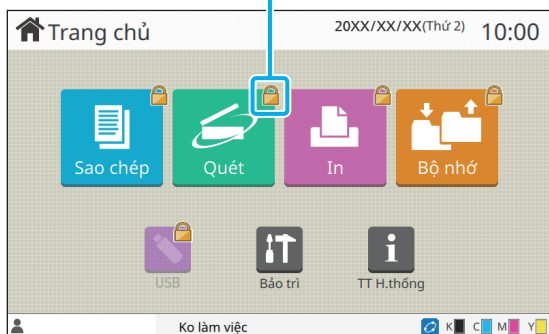
Khi bạn nhấn phím [Đánh thức], chế độ tiết kiệm điện bị hủy và máy quay lại chế độ vận hành bình thường.

Máy sẽ mất nhiều thời gian hơn để khôi phục từ trạng thái ngủ so với từ trạng thái đèn nền tắt.

## Đăng nhập

Biểu tượng khóa ở góc trên bên phải của các nút chế độ cho biết bạn phải đăng nhập để truy cập các chế độ này.

Biểu tượng khóa



- Khi đăng nhập lần đầu, bạn cần mật khẩu tạm thời do quản trị viên cấp.

## Đăng nhập



- Khi dùng đầu đọc thẻ IC tùy chọn, bạn có thể đăng nhập bằng cách giơ thẻ IC lên trên đầu đọc thẻ.

### 1 Nhấn phím [Đ.nhập/Đăng xuất].

### 2 Trên màn hình [Đăng nhập], chọn tên bạn.

Để tìm tên bạn, nhấn [↶] hoặc [↷] để cuộn qua các tên hoặc nhấn nút [Chỉ mục] để hiển thị tên người dùng.

Màn hình [Nhập Mật khẩu] xuất hiện sau khi bạn chọn tên mình.

### 3 Nhập mật khẩu của bạn và chạm vào [Đăng nhập].

Làm theo hướng dẫn được hiển thị để thao tác.



- Khi đăng nhập lần đầu, hãy thay đổi mật khẩu tạm thời thành mật khẩu của riêng bạn.

Khi bạn đăng nhập thành công, màn hình [Trang chủ] sẽ xuất hiện lại. Tên người dùng của bạn hiển thị ở dưới cùng bên trái màn hình.



- Sau khi hoàn tất các thao tác, hãy đảm bảo nhấn phím [Đ.nhập/Đăng xuất] để đăng xuất.



- Liên hệ quản trị viên của bạn nếu bạn không tìm thấy tên mình hoặc nếu bạn đã quên mật khẩu.
- Nếu tên người dùng của bạn không xuất hiện ở dưới cùng bên trái màn hình [Trang chủ], hãy chạm vào nút chế độ và thực hiện thao tác mô tả ở bước 2 và 3 trong “Đăng nhập”. Khi bạn đăng nhập thành công, màn hình của chế độ đã chọn xuất hiện.

## Thay đổi Mật khẩu Đăng nhập

- 1 Chạm vào [TT H.thống] trên màn hình [Trang chủ] sau khi đăng nhập.
- 2 Chạm vào [T.tin Ng.dùng] - [Thay đổi Mật khẩu].
- 3 Nhập mật khẩu mới và chạm vào [Tiếp theo].
- 4 Trên màn hình [Thay đổi Mật khẩu (xác nhận)], nhập lại mật khẩu mới và chạm vào [OK].

## Nạp Giấy

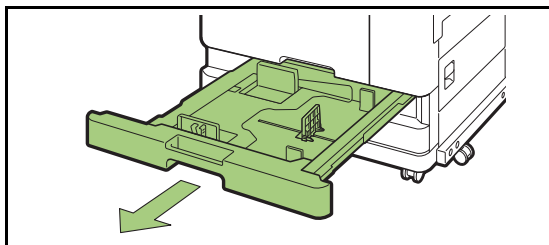
Nạp giấy vào khay nạp và khay tiêu chuẩn.



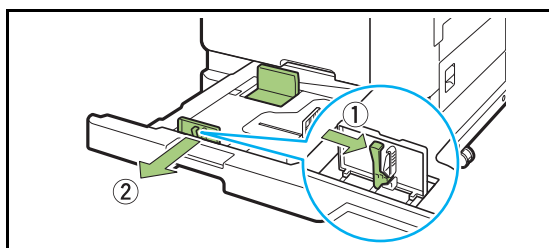
- Chúng tôi khuyên bạn nên nạp loại giấy bạn sẽ thường dùng nhất vào khay nạp.
  - Sử dụng khay tiêu chuẩn cho các loại giấy sau:
    - Giấy dày và giấy đặc biệt khác
    - Giấy in sẵn
    - Bưu thiếp
    - Bì thư
- Để biết thêm thông tin, hãy xem “Giấy In” trong “Thông tin An toàn”.

## Nạp Giấy vào Khay Nạp

### 1 Kéo khay ra phía trước.

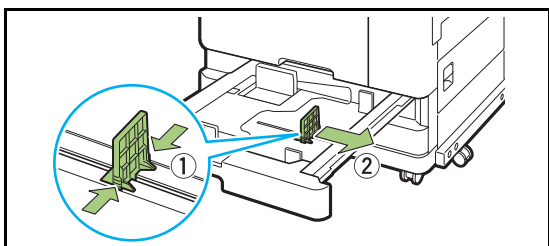


### 2 Giữ cần gạt dẫn hướng nạp giấy và kéo cần về phía trước để mở rộng dẫn hướng nạp giấy tới khi nó dừng lại.



### 3 Di chuyển chốt chặn để tạo khoảng trống.

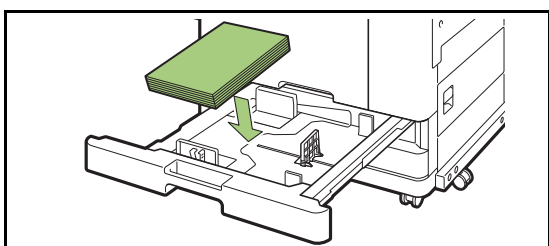
Di chuyển chốt chặn bằng cách giữ cả hai bên.



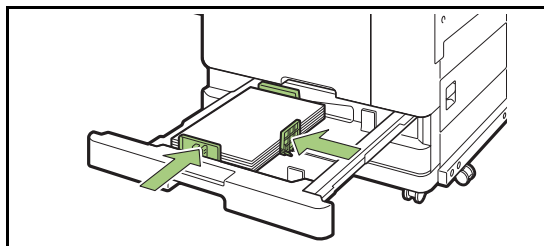
### 4 Nạp giấy.

Khi dùng giấy mà mặt trước và mặt sau có đặc điểm khác nhau, hãy đặt mặt in úp xuống. Không nạp quá nhiều tờ.

Khi nạp giấy, hãy cẩn thận để cạnh giấy không chạm vào dẫn hướng giấy để giấy không bị cong.

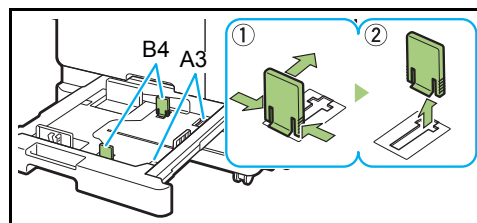


### 5 Di chuyển dẫn hướng nạp giấy và chốt chặn cho vừa với cạnh giấy.



Máy phát hiện kích thước của giấy dựa trên vị trí chốt chặn. Hãy đảm bảo di chuyển dẫn hướng và chốt chặn cho vừa với cạnh giấy.

Để đặt giấy A3 hoặc giấy B4, cài đặt dẫn hướng giấy A3/B4 đúng cách cho từng loại. Kẹp chặt hai bên của dẫn hướng giấy A3/B4, trượt dẫn hướng ra rồi trượt vào lỗ phù hợp với khổ giấy mong muốn.



Khi dùng giấy B4

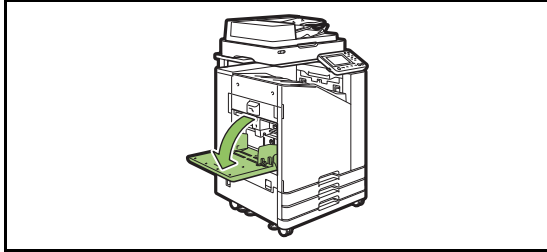
### 6 Đẩy khay vào trong máy.

### 7 Trên bảng vận hành, kiểm tra cài đặt khay.

Khi bạn đã chuyển sang một loại hoặc khổ giấy khác, hãy cập nhật cài đặt khay nạp. (tr. 1-7 “Chọn Giấy”)

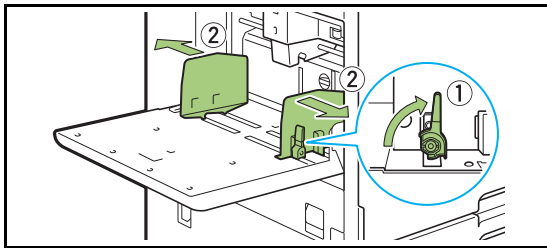
## Nạp Giấy vào Khay Tiêu chuẩn

### 1 Mở khay tiêu chuẩn tới khi khay dừng lại.



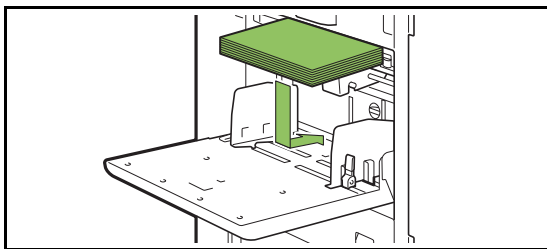
### 2 Mở rộng dẫn hướng.

Nâng cần gạt dẫn hướng nạp giấy (cả hai bên) để mở khóa và trượt dẫn hướng.

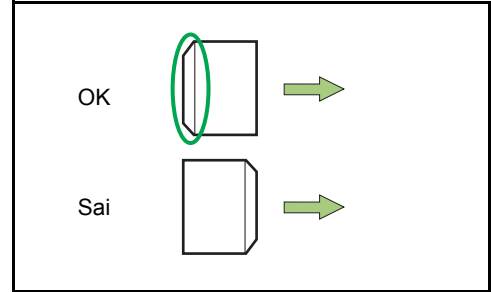


### 3 Nạp giấy.

Nạp giấy với mặt in ngửa lên.



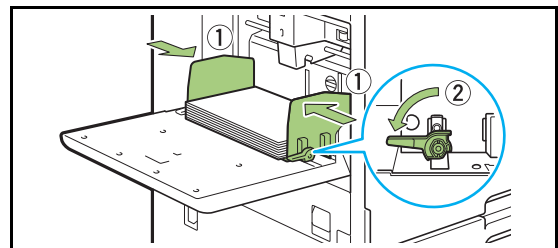
- Khi in trên bì thư, bạn nên kết nối khay xếp chồng và bộ nạp bì thư tùy chọn.
- Hãy đảm bảo nạp bì thư với nắp bì thư mở ra và cạnh cuối bì thư đi vào máy trước.



- [Xoay] là tính năng hữu ích để in trên bì thư từ máy tính.

### 4 Điều chỉnh dẫn hướng giấy cho phù hợp với khổ giấy.

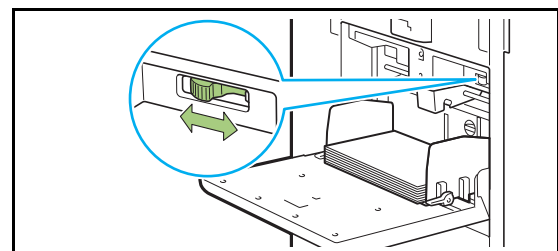
Di chuyển dẫn hướng cho khớp với cạnh giấy và đẩy cần gạt để khóa.



- Máy phát hiện khổ giấy ở vị trí của dẫn hướng. Hãy đảm bảo di chuyển dẫn hướng cho vừa với cạnh giấy.

### 5 Điều chỉnh cần gạt điều chỉnh áp lực nạp giấy.

Để sử dụng bình thường, hãy đặt thành “✕ (NORMAL)”. Với bì thư, giấy vẽ, búp bê thiệp và sản phẩm tương tự, hãy đặt thành “✕ (CARD)”.





## 6 Trên bảng vận hành, kiểm tra cài đặt khay.

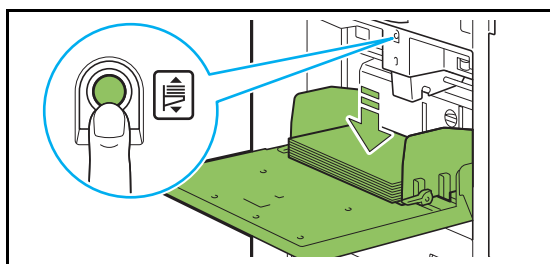
Khi bạn đã chuyển sang một loại hoặc khổ giấy khác, hãy cập nhật cài đặt khay nạp. (tr. 1-7 “Chọn Giấy”)

### Thêm hoặc Chuyển đổi Giấy trong Khay Tiêu chuẩn

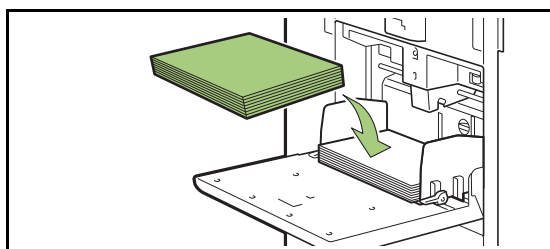
Nhấn nút hạ khay tiêu chuẩn khi nạp thêm tờ hoặc khi chuyển đổi giấy. Lưu ý rằng khay Tiêu Chuẩn được hạ tự động khi lấy tất cả giấy ra.

#### 1 Nhấn nút hạ khay tiêu chuẩn để hạ khay tiêu chuẩn.

Ấn nút này tới khi khay đi tới vị trí mong muốn.



#### 2 Nạp thêm giấy hoặc chuyển đổi giấy nạp.



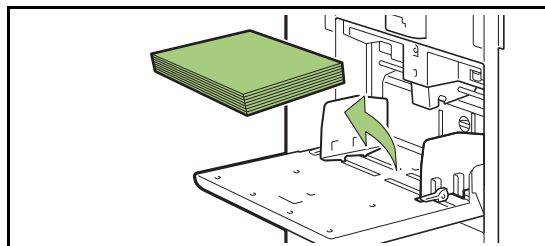
## Đóng Khay Tiêu chuẩn



• Hãy đảm bảo nguồn bật khi bạn thực hiện thao tác này.

#### 1 Lấy giấy đã nạp ra.

Khay tiêu chuẩn bắt đầu hạ.



#### 2 Đóng khay tiêu chuẩn.



• Hãy đảm bảo khay tiêu chuẩn đã hạ hết cỡ trước khi đóng khay.

# Cài đặt Trình điều khiển Máy in

Nếu muốn gửi dữ liệu từ máy tính để in trên máy này, trước tiên, bạn phải cài đặt trình điều khiển máy in vào máy tính.



- Đăng nhập với tư cách người dùng có đặc quyền quản trị.
- Đóng tất cả ứng dụng đang hoạt động.
- Để biết hướng dẫn cụ thể về cách dỡ cài đặt trình điều khiển máy in, hãy xem “Hướng dẫn Quản trị” được cung cấp riêng.

## Môi trường Vận hành

Yêu cầu về hệ thống để kích hoạt trình điều khiển máy in được mô tả trong bảng bên dưới.

Bộ nhớ	1 GB trở lên
CPU	CPU Intel hoặc CPU hoàn toàn tương thích
Ổ cứng	Dung lượng trống 2 GB trở lên (Dung lượng đủ để vận hành hệ điều hành)
Màn hình	Độ phân giải 1024 × 768 trở lên

## Cài đặt

### 1 Lắp đĩa DVD-ROM đi kèm vào ổ đĩa DVD-ROM của máy tính.

Trình hướng dẫn cài đặt khởi động tự động. Nếu trình hướng dẫn cài đặt không khởi động, nhấp đúp vào tệp “Install.exe” trên đĩa DVD-ROM.

### 2 Chọn ngôn ngữ mong muốn trong menu kéo xuống và nhấp vào [OK].

### 3 Nhấp vào [Tiếp theo].

### 4 Làm theo hướng dẫn trên màn hình để cấu hình cài đặt.

### 5 Khi thông báo in trang thử nghiệm hiển thị, nhấp vào [Có].

### 6 Xác nhận rằng trang thử nghiệm được in chính xác và nhấp vào [OK].



- Khi nhấn vào [Hiển thị văn bản “ReadMe”], tệp ReadMe sẽ mở ra. Tệp Readme bao gồm các lưu ý khi dùng máy. Hãy đảm bảo đọc tệp văn bản này.

### 7 Nhấp vào [Hoàn tất].

Khi trình điều khiển máy in được cài đặt đề lên trình điều khiển hiện tại, máy tính sẽ khởi động lại.



- Nếu bạn không muốn khởi động lại máy tính bây giờ, hãy bỏ dấu kiểm khỏi hộp kiểm [Khởi động lại ngay] trước khi nhấp vào [Hoàn tất].

### 8 Tháo đĩa DVD-ROM khỏi máy tính.



- Cất đĩa DVD-ROM ở nơi an toàn để tham khảo sau này.

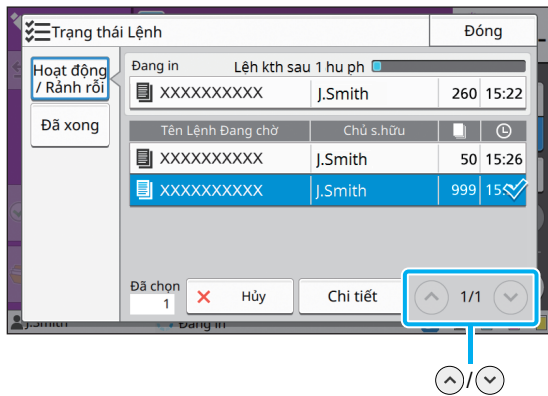
# Giới thiệu về Lệnh

Phần này mô tả cách sử dụng [Chi tiết], [In], [Xóa] và các chức năng khác khả dụng từ Danh sách Tài liệu của mỗi màn hình. Nhấn phím [Trạng thái Lệnh] để xem lệnh.

- Lệnh là đơn vị tác vụ mà máy này thực hiện trong từng chế độ (ví dụ: chế độ In, chế độ Sao chép).
- Trong các trường hợp sau, tên lệnh hiển thị ở dạng "\*\*\*\*\*".
  - Lệnh có hộp kiểm [Ấn Tên Lệnh] được đánh dấu trên trình điều khiển máy in (tr. 3-25 "Mã PIN")

## Màn hình [Hoạt động / Rảnh rỗi]

Chạm vào [Hoạt động / Rảnh rỗi] sẽ hiển thị danh sách lệnh đang thực hiện và lệnh đang chờ in. Lệnh được in theo thứ tự từ trên cùng của danh sách.



- Thứ tự xuất giấy (thứ tự ưu tiên của lệnh) trong [Hoạt động / Rảnh rỗi]  
Khi ngắt sao chép trên máy, lệnh ngắt sao chép được ưu tiên hơn các lệnh gửi từ trình điều khiển máy in.

## Danh sách Lệnh

Danh sách lệnh hiển thị tên lệnh, trạng thái, tên chủ sở hữu, số bản sao và thời gian nhận của lệnh đang được in, đang xử lý và đang chờ in. Một biểu tượng cho biết loại lệnh sẽ hiển thị ở bên trái tên lệnh.

Biểu tượng	Loại Lệnh
	Lệnh sao chép
	Lệnh in
	Lệnh Bộ nhớ (Tải)
	Lệnh USB (Tải)
	Lệnh PS (khi dùng bộ PostScript tùy chọn)
	Lệnh có mã PIN
	Lệnh bị hỏng

- Chạm vào / để chuyển đổi trang trong danh sách.

## Kiểm tra Trạng thái Hiện tại của Lệnh

Trạng thái hiện tại của lệnh đang được in và xử lý sẽ hiển thị với thanh tiến trình. Thời gian hoàn tất dự kiến cũng hiển thị cho các lệnh đang được in.

- Nếu dùng chức năng Bản gốc Kích thước Kết hợp hoặc khi không xác định được số trang của lệnh in, thời gian hoàn tất dự kiến sẽ không hiển thị.

## Hủy Lệnh

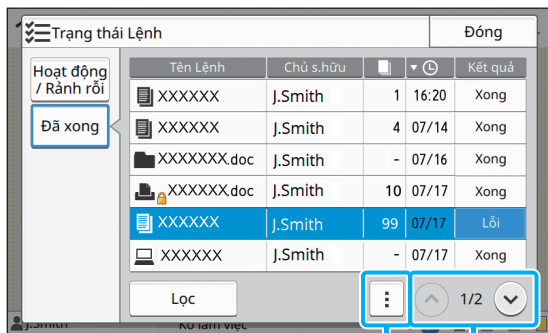
Để hủy lệnh, hãy chọn lệnh mà bạn muốn hủy và chạm vào [Hủy] hoặc nhấn phím [Dừng]. Để hủy lệnh có mã PIN, bạn cần nhập mã PIN.

## Kiểm tra Chi tiết của Lệnh

Chạm vào [Chi tiết] để xem chi tiết của lệnh đang được xử lý hoặc đang chờ in.

## Màn hình [Đã xong]

Chạm vào [Đã xong] để hiển thị danh sách các lệnh đã hoàn tất.



Menu phụ ^ / v

Bạn có thể kiểm tra tên lệnh, chủ sở hữu, số bản sao đã in, ngày/giờ in và kết quả xử lý. Một biểu tượng cho biết loại lệnh sẽ hiển thị ở bên trái tên lệnh.

Biểu tượng	Loại Lệnh
	Lệnh sao chép
	Lệnh in
	Lệnh quét (Thư)
	Lệnh quét (PC)
	Lệnh quét (Console)
	Lệnh Bộ nhớ (Lưu/Tải)
	Lệnh USB (Lưu/Tải)
	Lệnh PS (Khi dùng bộ PostScript tùy chọn)
	Lệnh có mã PIN
	Lệnh bị hỏng



- Chạm vào menu phụ để kiểm tra chi tiết của lệnh, in lại lệnh hoặc xóa lệnh.
- Chạm vào [Lọc] để đặt loại lệnh đã hoàn tất cần liệt kê.
- Chạm vào ^ / v để chuyển đổi trang trong danh sách.
- Chạm vào danh mục như [Tên Lệnh] hoặc [Chủ s.hữu] để chuyển đổi thứ tự sắp xếp giữa tăng và giảm để hiển thị.
- Danh sách cũng hiển thị lịch sử của lệnh đã xử lý. Thời gian lưu và số lệnh hiển thị trong danh sách do quản trị viên chỉ định. Hãy liên hệ với quản trị viên của bạn để biết chi tiết.

Tài liệu giấy được quét và sao chép bằng máy quét.

Có sẵn các tùy chọn sao chép khác nhau phù hợp với mục đích sử dụng và ứng dụng của bạn, ví dụ: sao chép song công và sao chép nhiều tài liệu giấy sang một tờ.

## Tổng quan về Thao tác Sao chép..... tr. 1-2

1. Nạp bản gốc.



2. Chạm vào [Sao chép] trên màn hình [Trang chủ].



3. Thay đổi cài đặt.



4. Chỉ định số bản sao bằng các phím số.



5. Nhấn phím [Bắt đầu].

## Cài đặt Sao chép..... tr. 1-7

Phần này giải thích chi tiết từng cài đặt sao chép.

## Nút chức năng Chế độ Sao chép ..... tr. 1-25

Phần này giải thích các chức năng khả dụng trong chế độ Sao chép.



# 1



## Sao chép

# Tổng quan về Thao tác Sao chép

Phần này giải thích các thao tác sao chép cơ bản.

## Quy trình

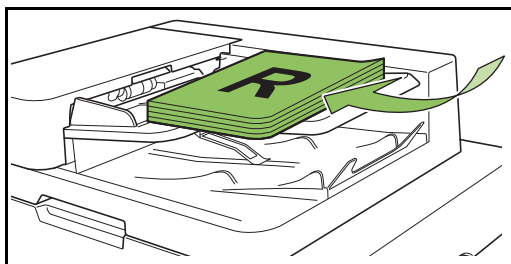
### 1 Nạp bản gốc.

Để biết thêm thông tin về loại bản gốc có thể nạp, hãy xem “Bản gốc” trong “Thông tin An toàn”.

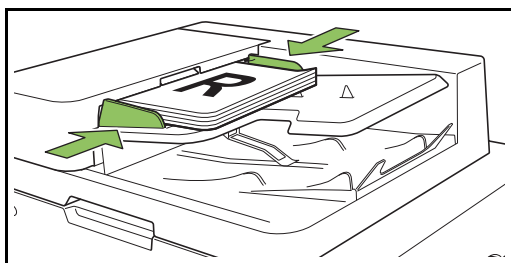
#### ■ Trong ADF

##### 1 Nạp bản gốc trong ADF.

Căn chỉnh bản gốc và đặt bản gốc ngửa lên.



##### 2 Trượt bộ phận dẫn hướng bản gốc cho khớp với độ rộng bản gốc.

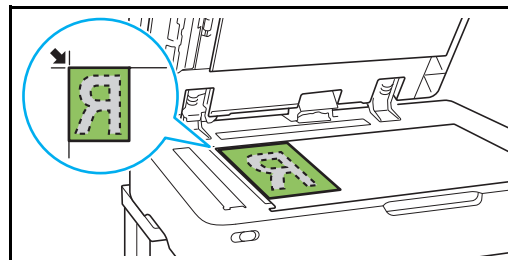


#### ■ Trên Kính Tấm ép giấy

##### 1 Mở bìa gốc.

##### 2 Nạp bản gốc.

Đặt bản gốc úp xuống trên tấm kính. Căn chỉnh góc của bản gốc với góc trên bên trái của tấm kính.



##### 3 Đóng bìa gốc.

- Mở và đóng bìa gốc nhẹ nhàng.

### 2 Chạm vào [Sao chép] trên màn hình [Trang chủ].



### 3 Thay đổi cài đặt.

Chỉ định cài đặt hoàn tất sao chép.

Để biết thêm thông tin về các chức năng có thể cấu hình, hãy xem “Danh sách Cài đặt” (tr. 1-5).

## ● 4 Chỉ định số bản sao bằng các phím số.

Nhập số bản sao mong muốn, tối đa 9.999 bản.

## ● 5 Nhấn phím [Bắt đầu].

Màn hình [Đang sao chép] hiển thị và quá trình sao chép bản gốc bắt đầu. Trạng thái hiện tại hiển thị trên màn hình.

- Khi bạn chọn [In Chậm], tốc độ in sẽ giảm xuống và âm thanh vận hành của lệnh đang xử lý sẽ nhỏ hơn.
- Nếu một lệnh khác đang được in, thông báo sẽ hiển thị và quá trình sao chép sẽ bắt đầu sau khi hoàn thành lệnh hiện tại.



- Nếu bạn cần sao chép tài liệu trong khi đang in một lệnh, nhấn phím [Ngắt kết nối] để tạm dừng lệnh hiện tại và bắt đầu lệnh sao chép khác.

## ■ Khi sử dụng kính tấm ép giấy để quét bản gốc có nhiều trang

Sau khi quét một trang của bản gốc, màn hình thông báo hỏi có quét trang khác không sẽ xuất hiện.

Khi cần quét trang khác, hãy đặt trang tiếp theo và chạm vào [Quét]. Sau khi quét tất cả các trang của bản gốc, chạm vào [Đã quét].

## Tải lệnh Sao chép Tiếp theo

Trong quá trình sao chép, sau khi quét xong bản gốc, bạn có thể bắt đầu quét bản gốc tiếp theo.

### 1 Nhấn vào [Đóng] trên màn hình [Đang sao chép].

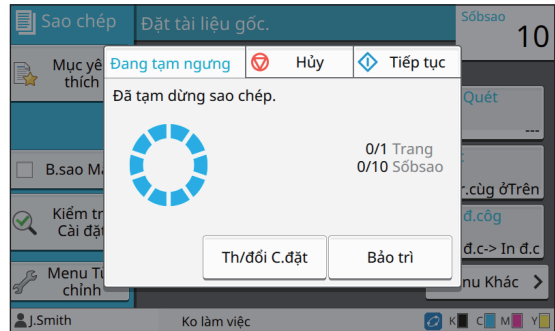
### 2 Nạp bản gốc tiếp theo và nhấn phím [Bắt đầu].

Thông báo xuất hiện và bản gốc được sao chép dưới dạng lệnh tiếp theo.

## Hủy Sao chép

### 1 Nhấn phím [Dừng].

Màn hình [Đang tạm ngưng] hiển thị.



### 2 Chạm vào [Hủy].

Màn hình [Xác nhận] hiển thị.

### 3 Chạm vào [OK].

Quá trình sao chép bị hủy.

### 4 Chạm vào [Đóng].

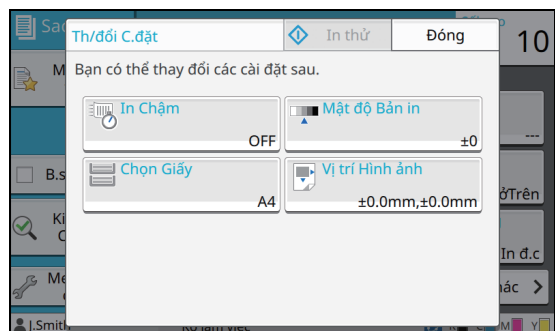
## Thay đổi Cài đặt khi Đang sao chép

### 1 Nhấn phím [Dừng].

Màn hình [Đang tạm ngưng] hiển thị.

### 2 Chạm vào [Th/đổi C.đặt].

Màn hình [Th/đổi C.đặt] hiển thị.



1

### 3 Thay đổi cài đặt.

Bạn có thể thay đổi các cài đặt sau:

- In Chậm (tr. 1-23 “In Chậm”)
- Mật độ Bản in (tr. 1-10 “Mật độ Bản in”)
- Chọn Giấy (tr. 1-7 “Chọn Giấy”)
- Vị trí Hình ảnh (tr. 1-18 “Vị trí Hình ảnh”)



• Nếu bạn chạm vào [In thử], máy chỉ xuất ra một bản sao của trang đang được xử lý khi bạn nhấn phím [Dừng].

### 4 Chạm vào [Đóng].

### 5 Chạm vào [Tiếp tục].

Quá trình sao chép lệnh có thay đổi về cài đặt bắt đầu.

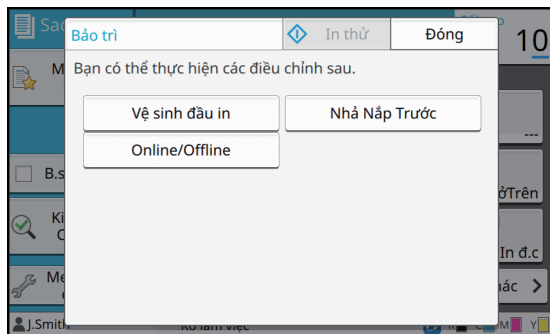
## Tiến hành Bảo trì khi Đang sao chép

### 1 Nhấn phím [Dừng].

Màn hình [Đang tạm ngưng] hiển thị.

### 2 Chạm vào [Bảo trì].

Màn hình [Bảo trì] hiển thị.



### 3 Thực hiện những thao tác điều chỉnh cần thiết.

Có các tùy chọn bảo trì sau đây:

- Vệ sinh đầu in
- Kiểm soát Dẫn hướng Giấy
- Online/Offline
- Nhà Nấp Trước



• Chạm vào [Online/Offline] để hiển thị màn hình [Online/Offline]. Bạn có thể sử dụng toàn bộ máy in bằng cách đặt [Online/Offline] thành [OFF].

• Để biết thêm thông tin về [Vệ sinh đầu in] và [Nhà Nấp Trước], hãy xem “Hướng dẫn Khắc phục Sự cố” được cung cấp riêng.

• Nếu bạn chạm vào [In thử], máy chỉ xuất ra một bản sao của trang đang được xử lý khi bạn nhấn phím [Dừng].

• Nếu đang dùng khay xếp chồng tự động kiểm soát tùy chọn, bạn có thể điều chỉnh vị trí khay xếp chồng từ [Kiểm soát Dẫn hướng Giấy].

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Hướng dẫn Khắc phục Sự cố” được cung cấp riêng.

### 4 Chạm vào [Đóng].

### 5 Chạm vào [Tiếp tục].

Lệnh sao chép được tiếp tục với phần điều chỉnh được áp dụng.



## Danh sách Cài đặt

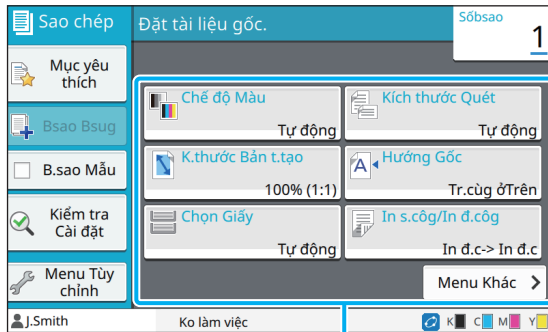
Sau đây là danh sách cài đặt khả dụng ở chế độ Sao chép.

Mục cài đặt	Mô tả	Xem
Chế độ Màu	Chọn in màu hoặc in đơn sắc.	tr. 1-7
Kích thước Bản tái tạo	Sử dụng cài đặt này để thu nhỏ hoặc mở rộng hình ảnh được sao chép.	tr. 1-7
Chọn Giấy	Thay đổi cài đặt khay giấy, loại giấy và cài đặt kiểm soát nạp theo giấy sao chép.	tr. 1-7
Kích thước Quét	Chỉ định kích thước quét cho bản gốc.	tr. 1-9
Hướng Bản gốc	Chỉ định hướng của bản gốc.	tr. 1-9
2 mặt/1 mặt	Chỉ định các mặt cần quét của bản gốc và các mặt giấy để in.	tr. 1-10
Sắp xếp	Chỉ định phương thức in để tạo nhiều bản sao của bản gốc.	tr. 1-10
Cấp độ Quét	Điều chỉnh cấp độ quét của bản gốc.	tr. 1-10
Mật độ Bản in	Chỉ định mật độ bản in.	tr. 1-10
Quét ADF & tạm dừng	Sử dụng tùy chọn này để sao chép dưới dạng một lệnh ngay cả khi phải nạp bản gốc theo nhiều tập do bản gốc có nhiều trang.	tr. 1-11
B.gốc K.thc K.hợp	Sử dụng tùy chọn này khi trong bản gốc sử dụng nhiều kích thước bản gốc khác nhau.	tr. 1-11
Xóa Bóng Sách	Sử dụng tùy chọn này để xóa bóng xuất hiện ở giữa các bản sao khi sao chép một cuốn sách được mở ra.	tr. 1-12
Chia Trang	Sử dụng tùy chọn này để quét các trang dàn trên hai mặt thành hai phần (trái và phải).	tr. 1-12
Kết hợp	Sử dụng tùy chọn này để lên khuôn các trang liên tiếp nhau trên một tờ.	tr. 1-13
Lặp lại Hình ảnh	Sử dụng tùy chọn này để lên khuôn nhiều bản sao của cùng một bản gốc trên một tờ.	tr. 1-13
Sách	Chỉ định lên khuôn khi tạo sách nhỏ. Khi kết nối bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn, chức năng tạo sách nhỏ bằng cách dập ghim tại gáy cũng khả dụng.	tr. 1-14
Tem	Sử dụng tùy chọn này để in số trang, ngày và văn bản trên phần tiêu đề hoặc chân trang.	tr. 1-14
Viền Trang	Sử dụng tùy chọn này để thêm đường viền vào lề giấy.	tr. 1-16
Chất lượng Hình ảnh	Chỉ định độ phân giải để quét bản gốc.	tr. 1-16
Loại bản gốc	Chọn loại bản gốc để tiến hành quy trình xử lý hình ảnh thích hợp trước khi in dữ liệu đã quét.	tr. 1-16
Hiệu chỉnh Gamma	Sử dụng tùy chọn này để điều chỉnh độ cân bằng màu (CMYK) của dữ liệu đã quét.	tr. 1-17
Kiểm soát Hình ảnh	Chỉ định cách xử lý hình ảnh của bản gốc.	tr. 1-17
Mức Màu Cơ sở	Làm cho màu nền (màu cơ sở) sáng hơn để dễ đọc văn bản hơn.	tr. 1-18
Vị trí Hình ảnh	Chỉ định tùy chọn này khi điều chỉnh vị trí in.	tr. 1-18
Overlay	Tạo bản sao khi sắp lớp hình ảnh đã lưu trong bộ nhớ.	tr. 1-18
Chương trình	Chỉ định tùy chọn này khi số bản sao được yêu cầu thay đổi theo nhóm (chẳng hạn phòng ban công ty hoặc lớp học). Bạn có thể in nhanh và chính xác số bản sao của số tập bạn cần.	tr. 1-20

Chương 1 Sao chép

Mục cài đặt	Mô tả	Xem
Thêm Bìa	Chỉ định tùy chọn này để thêm bìa trước và bìa sau vào mặt trước và mặt sau của bản in.	tr. 1-22
Phân tách	Cấu hình cài đặt cho tấm nệm. Khi kết nối bộ hoàn thiện đa chức năng hoặc bộ hoàn thiện úp xuống tùy chọn, cài đặt điều chỉnh giấy ra cũng khả dụng.	tr. 1-22
Lề Đóng nẹp	Chỉ định lề đóng nẹp.	tr. 1-23
Dập ghim / Đục lỗ	Cấu hình cài đặt để dập ghim. (Khi dùng bộ hoàn thiện úp xuống tùy chọn)	tr. 8-7
	Cấu hình cài đặt để dập ghim và đục lỗ. (Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn)	tr. 8-20
Gập	Cấu hình cài đặt để gập giấy. (Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn với thiết bị gập)	tr. 8-21
In Chậm	Sử dụng tùy chọn này để giảm tốc độ in. Tùy chọn này cũng giảm âm thanh vận hành của một lệnh đang được xử lý.	tr. 1-23
Khay Giấy ra	Chọn khay giấy ra cho bản in. (Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn)	tr. 8-23
	Chọn khay giấy ra cho bản in. (Khi dùng khay xếp chồng tùy chọn)	tr. 8-27
Ngửa lên/Úp xuống	Chọn bản in ngửa lên trên hay úp xuống khay khi được xuất ra. (Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn)	tr. 8-23
	Chọn bản in ngửa lên trên hay úp xuống khay khi được xuất ra. (Khi dùng khay xếp chồng tùy chọn)	tr. 8-27
Ch.tiếp Kh.Giấyra	Sử dụng tùy chọn này để tự động chuyển đổi khay giấy ra khi khay đang dùng bị đầy. (Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn)	tr. 8-23
	Sử dụng tùy chọn này để tự động chuyển đổi khay giấy ra khi khay đang dùng bị đầy. (Khi dùng khay xếp chồng tự động kiểm soát tùy chọn)	tr. 8-27
Chuyển tiếp Khay Giấy	Sử dụng tùy chọn này để tự động nạp giấy từ khay khác có cùng khổ giấy và loại giấy khi khay được chọn hết giấy.	tr. 1-24
Tự động Xoay Hình ảnh	Sử dụng tùy chọn này để tự động xoay hình ảnh 90 độ khi hướng của bản gốc và giấy không khớp nhau.	tr. 1-24
Ngắt Sao chép	Bằng cách dùng chức năng này, bạn có thể tạm dừng lệnh đang được in để sao chép lệnh khác.	tr. 1-24
Mục yêu thích	Chức năng này kích hoạt các cài đặt thường dùng.	tr. 1-25
Bản sao bổ sung	Sử dụng tùy chọn này khi sao chép lại bản gốc đã được sao chép mà không phải quét lại.	tr. 1-25
Bản sao mẫu	Sử dụng tùy chọn này để kiểm tra kết quả in khi tạo số bản sao lớn; máy dừng sau khi in một bản sao.	tr. 1-26
Kiểm tra cài đặt	Sử dụng tùy chọn này để kiểm tra cài đặt hiện tại.	tr. 1-26
Menu tùy chỉnh	Đăng ký mục yêu thích và cài đặt mặc định cũng như chỉnh sửa thứ tự nút.	tr. 1-26

# Cài đặt Sao chép



Các nút cài đặt

## Chế độ Màu

Chọn in màu hoặc in đơn sắc.

### [Tự động]

Chọn tùy chọn này nếu bạn muốn máy tự động phát hiện màu của bản gốc và sao chép màu (lục lam, đỏ tươi, vàng và đen) hay sao chép đen trắng.

### [Màu Đầy đủ]

Chọn tùy chọn này để sao chép bằng cách chuyển đổi dữ liệu gốc thành dữ liệu bốn màu (sử dụng màu lục lam, đỏ tươi, vàng và đen).

### [Đen]

Chọn tùy chọn này để sao chép dưới dạng một màu (đen) bất kể bản gốc có màu gì.

### [Lục lam]

Chọn tùy chọn này để sao chép dưới dạng một màu (lục lam) bất kể bản gốc có màu gì.

### [Đỏ tươi]

Chọn tùy chọn này để sao chép dưới dạng một màu (đỏ tươi) bất kể bản gốc có màu gì.

## 1 Chạm vào [Chế độ Màu].

Màn hình [Chế độ Màu] hiển thị.

## 2 Chọn chế độ màu.

## 3 Chạm vào [OK].

## Kích thước Bản tái tạo

Sao chép theo kích thước bản tái tạo đã chỉ định.

### [100% (1:1)]

Chọn tùy chọn này để sao chép ở kích thước 100%.

### [Vừa với Giấy]

Kích thước bản tái tạo này được đặt tự động dựa trên kích thước bản gốc và khổ giấy. (tr. 1-7 “Chọn Giấy”)

### [Giảm]

Chọn tùy chọn này để sao chép bằng cách thu nhỏ bản gốc có kích thước tiêu chuẩn cho vừa với giấy có kích thước tiêu chuẩn.

### [Mở rộng]

Chọn tùy chọn này để sao chép bằng cách mở rộng bản gốc có kích thước tiêu chuẩn cho vừa với giấy có kích thước tiêu chuẩn.

### Thủ công

Chỉ định kích thước bản tái tạo để mở rộng hoặc thu nhỏ bản gốc khi sao chép.

## 1 Chạm vào [K.thước Bản t.tạo].

Màn hình [K.thước Bản t.tạo] hiển thị.

## 2 Chỉ định kích thước bản tái tạo.

Để sử dụng kích thước bản tái tạo do người dùng xác định, chạm vào [▼] hoặc [▲] để chỉ định kích thước. Bạn cũng có thể nhập số bằng phím số.

## 3 Chạm vào [OK].

## Chọn Giấy

Chọn khay giấy.

Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt khay (khổ giấy, loại giấy, kiểm tra nạp hai lần và tự động lựa chọn).

### [Tự động]

Chọn tùy chọn này nếu bạn muốn tự động chọn khay giấy từ phần lựa chọn khay.

### Chọn khay giấy

Khi dùng khổ giấy khác với kích thước bản gốc hoặc để sử dụng khay có [Tự động L.chọn] không được đặt thành [ON], hãy chọn khay giấy.

### [Cài đặt Khay Nạp]

Thay đổi cài đặt khay giấy.

1

# 1 Chạm vào [Chọn Giấy].

Màn hình [Chọn Giấy] hiển thị.

# 2 Chọn [Tự động] hoặc chọn khay giấy.

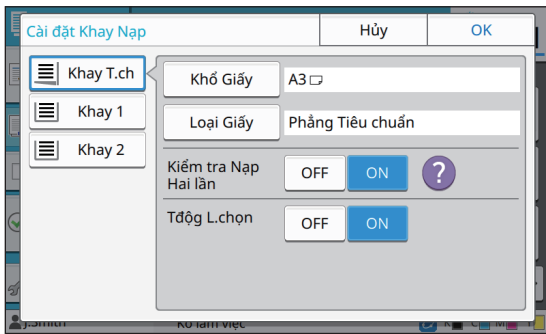
# 3 Chạm vào [OK].



• Nếu bạn sử dụng tùy chọn “B.gốc K.thc K.hợp” (tr. 1-11), [Chọn Giấy] sẽ được đặt thành [Tự động].

## Thay đổi Cài đặt Khay Giấy

Chạm vào [Cài đặt Khay Nạp] để thay đổi cài đặt khay giấy. Khi thay đổi giấy nạp vào khay, hãy đảm bảo thay đổi cài đặt khay giấy.



### Chọn khay giấy

Chọn khay giấy mà bạn sẽ thay đổi cài đặt.

### [Khổ Giấy]

Chọn khổ giấy.

### [Loại Giấy]

Chọn loại giấy và độ dày.

### [Kiểm tra Nạp Hai lần]

Chọn có hoặc không kiểm tra nạp nhiều tờ giấy. Thông thường, cài đặt này được đặt thành [ON]. Chức năng này sử dụng độ thấm nhẹ để phát hiện nhiều tờ giấy nên khi sử dụng giấy được in ở mặt sau hoặc giấy có màu cơ sở tối hay bì thư, hãy chọn [OFF].

### [Tđộng L.chọn]

Đặt tùy chọn này thành [ON] nhằm làm cho khay giấy khả dụng để lựa chọn tự động.

# 1 Chạm vào [Cài đặt Khay Nạp] trên màn hình [Chọn Giấy].

Màn hình [Cài đặt Khay Nạp] hiển thị.

# 2 Chọn khay giấy mà bạn sẽ thay đổi cài đặt.

# 3 Chạm vào [Khổ Giấy].

Màn hình [Khổ Giấy] hiển thị.

# 4 Chọn khổ giấy và chạm vào [OK].

# 5 Chạm vào [Loại Giấy].

Màn hình [Loại Giấy] hiển thị.

# 6 Chọn loại giấy và chạm vào [OK].

# 7 Chọn cài đặt kiểm tra nạp hai lần.

# 8 Chọn có hoặc không làm cho giấy này khả dụng để tự động lựa chọn khay giấy.

# 9 Chạm vào [OK].



• Không nên cài đặt cho khay nạp giấy đặc biệt (giấy chất lượng cao, giấy màu, giấy dày, giấy có tiêu đề thư, v.v.) khả dụng để tự động lựa chọn.

## ■ Khổ Giấy

### [Tự động]

Chọn tùy chọn này nếu bạn muốn bản gốc có kích thước tiêu chuẩn được phát hiện tự động.

### [Tiêu chuẩn]

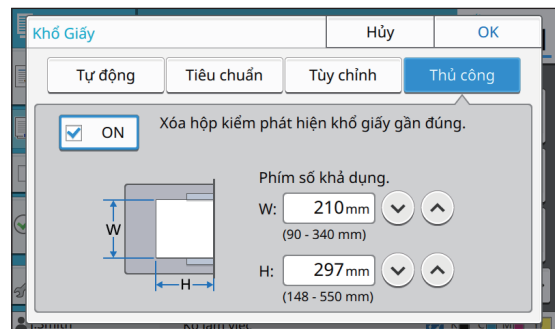
Chỉ định kích thước tiêu chuẩn.

### [Tùy chỉnh]

Chọn tùy chọn này để chọn từ các khổ giấy không tiêu chuẩn mà quản trị viên đã đăng ký trước.

### [Thủ công]

Chỉ định khổ giấy không tiêu chuẩn chưa được đăng ký.

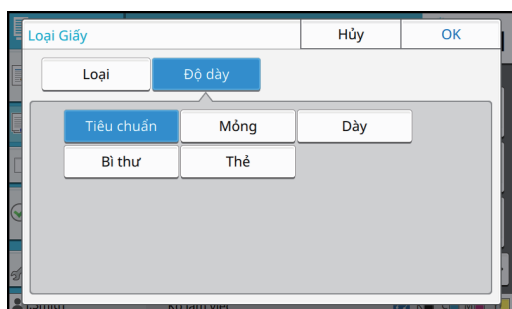
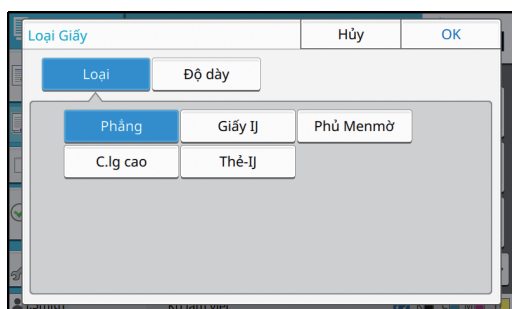




- Nếu không chỉ định khổ giấy, độ rộng tờ được đặt thành độ rộng của từng bộ phận dẫn hướng khay giấy. Độ dài tối đa của khay liên quan được sử dụng cho độ dài của tờ.

## ■ Loại Giấy

[Loại], [Độ dày]



- Nếu đặt độ dày của giấy được nạp vào khay tiêu chuẩn thành [Bì thư], bạn không thể in song công từ khay tiêu chuẩn.
- Máy chọn cấu hình màu theo loại giấy đã chọn. (Khi bạn thay đổi loại giấy, kết quả in sẽ thay đổi.) Nếu bạn không đạt được kết quả in mong muốn, hãy thay đổi loại giấy.
- Khi sử dụng giấy đặc biệt, bạn có thể thêm cài đặt vào [U1] thông qua [U5] cho [Độ dày]. Để biến thêm thông tin, hãy liên hệ với đại lý hoặc đại diện dịch vụ được ủy quyền của bạn.

## Kích thước Quét

Chỉ định kích thước quét cho bản gốc.

### [Tự động]

Chọn tùy chọn này nếu bạn muốn tự động phát hiện kích thước quét của bản gốc.

### [Tiêu chuẩn]

Chọn tùy chọn này khi sử dụng kích thước tiêu chuẩn khác với kích thước của bản gốc.

### [Tùy chỉnh]

Chọn tùy chọn này để chọn từ các khổ giấy không tiêu chuẩn mà quản trị viên đã đăng ký trước.

### [Thủ công]

Chỉ định khổ giấy không tiêu chuẩn chưa được đăng ký.

## 1 Chạm vào [Kích thước Quét].

Màn hình [Kích thước Quét] hiển thị.

## 2 Chỉ định kích thước quét cho bản gốc.

Để sử dụng kích thước không tiêu chuẩn và chưa được đăng ký, chạm vào [⌵] hoặc [⌶] trên màn hình [Thủ công] để nhập giá trị. Bạn cũng có thể nhập số bằng phím số.

## 3 Chạm vào [OK].

## Hướng Bản gốc

### [Tr.cùg ởTrên]

Chọn cài đặt này khi nạp bản gốc có cạnh trên cùng hướng về phía sau kính tẩm ép giấy hoặc ADF.

### [Tr.cùg Btrái]

Chọn cài đặt này khi nạp bản gốc có cạnh trên cùng hướng về bên trái kính tẩm ép giấy hoặc ADF (để văn bản của bản gốc hướng sang bên).

## 1 Chạm vào [Hướng Góc].

Màn hình [Hướng Góc] hiển thị.

## 2 Chọn hướng bản gốc.

## 3 Chạm vào [OK].

## 2 mặt/1 mặt

Chỉ định các mặt cần quét của bản gốc và các mặt giấy để in theo cách kết hợp.

### [In đ.c-> In đ.c]

Một mặt của bản gốc được quét và in lên một mặt giấy.

### [In đ.c -> In s.c]

Một mặt của bản gốc được quét. Dữ liệu đã quét sau đó được in lên cả hai mặt giấy.

### [In s.c -> In s.c]

Cả hai mặt của bản gốc được quét và sao chép sang các mặt giấy riêng biệt.

### [In s.c -> In đ.c]

Cả hai mặt của bản gốc được quét. Dữ liệu đã quét của cả hai mặt được sao chép lên một mặt của hai tờ giấy riêng biệt.

### [Hướng Ph.trang]

Chỉ định cách mở trang theo hướng phải/trái hay trên cùng/dưới cùng.

### [Hướng Gốc] (tr. 1-9 “Hướng Bản gốc”)

Cách cài đặt mặt quét và mặt in kết hợp được giải thích sau đây bằng ví dụ về sao chép dữ liệu quét từ một mặt của bản gốc sang cả hai mặt của giấy.

## 1 Chạm vào [2 mặt/1 mặt].

Màn hình [2 mặt/1 mặt] hiển thị.

- Nếu màn hình [Xác nhận] xuất hiện, đặt hướng bản gốc thành [Tr.cùng ởTrên] hoặc [Tr.cùng Btrái].

## 2 Chạm vào [In đ.c -> In s.c].

## 3 Chỉ định hướng phân trang.

## 4 Chạm vào [OK].

## Sắp xếp

Chỉ định phương thức xuất giấy ra khi tạo nhiều bản sao.

### [Tự động]

Chọn tùy chọn này nếu bạn muốn máy sắp xếp các bản sao theo nhóm khi bạn nạp bản gốc vào ADF và sắp xếp các bản sao theo trang khi bạn nạp bản gốc trên kính tấm ép giấy.

### [Đã sắp xếp]

Chọn tùy chọn này để tạo bản sao theo tập.

### [Hủy sắp xếp]

Chọn tùy chọn này để sao chép theo trang.

## 1 Chạm vào [Sắp xếp].

Màn hình [Sắp xếp] hiển thị.

## 2 Chọn kiểu sắp xếp.

## 3 Chạm vào [OK].

## Cấp độ Quét

Bạn có thể điều chỉnh cấp độ quét của bản gốc.

[-2], [-1], [±0], [+1], [+2]

## 1 Chạm vào [Cấp độ Quét].

Màn hình [Cấp độ Quét] hiển thị.

## 2 Chọn cấp độ quét.

## 3 Chạm vào [OK].



- Bạn có thể làm cho màu nền (màu cơ sở) sáng hơn để dễ đọc văn bản hơn khi sao chép bản gốc dạng văn bản có màu nền hoặc bản gốc in trên giấy màu. (tr. 1-18 “Mức Màu Cơ sở”)

## Mật độ Bản in

Bạn có thể điều chỉnh lượng mực dùng để in.

[-3], [-2], [-1], [±0], [+1], [+2], [+3]

## 1 Chạm vào [Mật độ Bản in].

Màn hình [Mật độ Bản in] hiển thị.

## 2 Chọn mật độ bản in.

## 3 Chạm vào [OK].

## Quét ADF & tạm dừng

Khi sao chép số lượng bản gốc không thể nạp một lần trong ADF, có thể sao chép những bản gốc này theo một lệnh. Có thể sao chép tối đa 1.000 bản gốc một mặt hoặc 500 bản gốc hai mặt theo một lệnh.



- Số tờ tối đa có thể nạp một lần trong ADF là 200 tờ (với khối lượng giấy là 80 g/m<sup>2</sup>).
- Quét tất cả bản gốc bằng ADF và không sử dụng kính tấm ép giấy.

[OFF], [ON]

### 1 Chạm vào [Quét ADF & tạm dừng].

Màn hình [Quét ADF & tạm dừng] hiển thị.

### 2 Chạm vào [ON].

### 3 Chạm vào [OK].

### 4 Nhấn phím [Bắt đầu].

Màn hình [Đang sao chép] hiển thị và quá trình sao chép bản gốc bắt đầu. Trạng thái hiện tại hiển thị trên màn hình.

Khi trong ADF không có tờ nào của bản gốc, màn hình xác nhận thêm bản gốc hiển thị.

### 5 Nạp các trang liên tiếp nhau của bản gốc vào ADF và chạm vào [Quét].

Quá trình quét bản gốc bắt đầu.

Lặp lại bước này cho tới khi quét hết tất cả các trang.

### 6 Chạm vào [Đã quét].

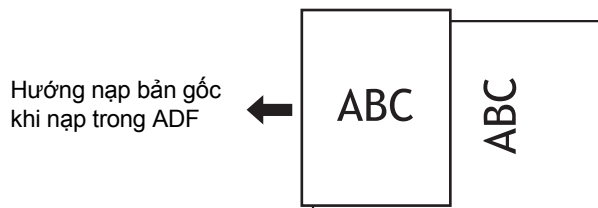
Quá trình in dữ liệu đã quét bắt đầu.

## B.gốc K.thc K.hợp

Sử dụng tùy chọn này khi nạp bản gốc có hai kích thước khác nhau trong ADF.

Nạp bản gốc có các cạnh cùng độ dài được căn chỉnh (A4-LEF\* và A3, B5-LEF và B4 hoặc Letter-LEF và Ledger).

\* Nạp Mép Dài



- Không thể sử dụng [B.gốc K.thc K.hợp] kết hợp với tùy chọn [Xóa Bóng Sách], [Chia Trang], [Kết hợp], [Lặp lại Hình ảnh], [Sách] hoặc [Viền Trang]. (tr. 1-12 “Xóa Bóng Sách”, tr. 1-12 “Chia Trang”, tr. 1-13 “Kết hợp”, tr. 1-13 “Lặp lại Hình ảnh”, tr. 1-14 “Sách”, tr. 1-16 “Viền Trang”)

- Bạn có thể sử dụng bất kỳ cách kết hợp nào đối với kích thước bản gốc khi quét trên kính tấm ép giấy.
- Sử dụng tùy chọn [B.gốc K.thc K.hợp] khi quét bản gốc có kích thước khác nhau trên kính tấm ép giấy và sắp xếp các trang.

[OFF], [ON]

### 1 Đặt [Chọn Giấy] thành [Tự động].

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Chọn Giấy” (tr. 1-7).

### 2 Chạm vào [B.gốc K.thc K.hợp].

Màn hình [B.gốc K.thc K.hợp] hiển thị.

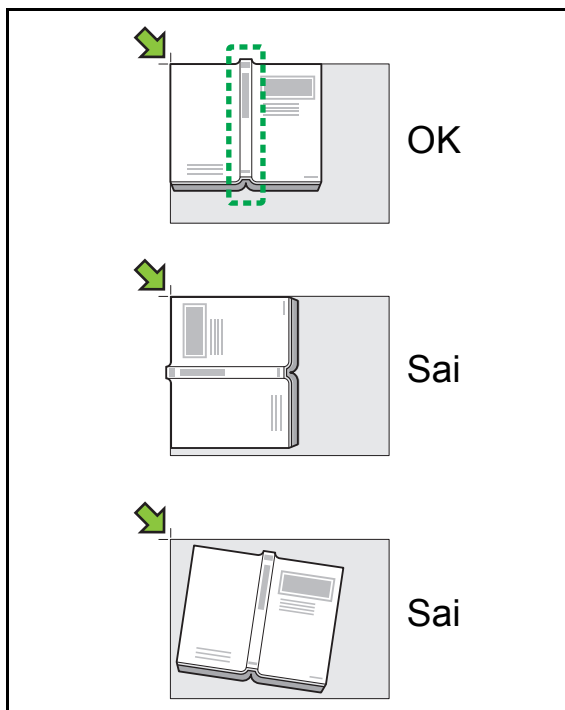
### 3 Chạm vào [ON].

### 4 Chạm vào [OK].

## Xóa Bóng Sách

Chức năng này xóa bóng xuất hiện ở giữa (mép trong) khi quét sách hoặc tài liệu được đóng nẹp khác.

- Khi đặt sách lên kính tấm ép giấy, hãy đặt cạnh trên của sách hướng lên và căn chỉnh bằng mũi tên ở phía trên bên trái bề mặt tấm kính. Chức năng này không khả dụng khi sách được đặt theo chiều dọc hoặc đặt chéo góc.



[OFF], [10 mm], [20 mm],  
[30 mm], [40 mm], [50 mm]  
[Chia Trang] (tr. 1-12 “Chia Trang”)

- 1 Chạm vào [Xóa Bóng Sách].**  
Màn hình [Xóa Bóng Sách] hiển thị.
- 2 Chọn độ rộng để xóa.**
- 3 Đặt [Chia Trang].**  
Để biết thêm thông tin, hãy xem “Chia Trang” (tr. 1-12).
- 4 Chạm vào [OK].**

## Chia Trang

Sử dụng tùy chọn này để quét các trang dàn trên hai mặt thành hai phần (trái và phải). Kích thước bản gốc có thể chia trang như sau. A3, A4, A5, B4, B5, Ledger, Letter

- Khi đặt sách lên kính tấm ép giấy, hãy đặt cạnh trên của sách hướng lên và căn chỉnh bằng mũi tên ở phía trên bên trái bề mặt tấm kính. Chức năng này không khả dụng khi sách được đặt theo chiều dọc hoặc đặt chéo góc.

### [Th.tự Trang]

Khi đặt tùy chọn này thành [OFF], chức năng chia trang không khả dụng.

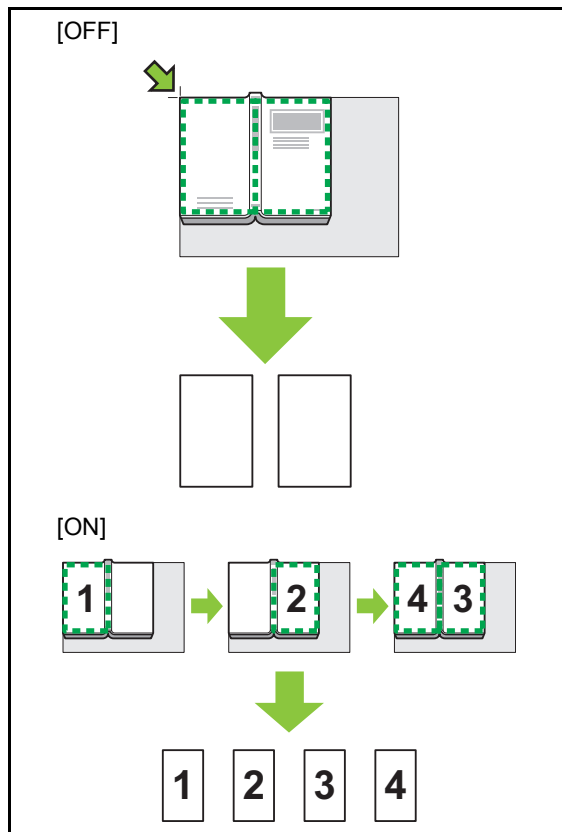
Đặt thứ tự trang thành [Trái sang Phải] cho các cuốn sách được mở từ bên trái.

Đặt thứ tự trang thành [Phải sang Trái] cho các cuốn sách được mở từ bên phải.

### [Chọn Trang trong khi Quét]

Khi đặt tùy chọn này thành [OFF], các trang dàn trên hai mặt được chia làm hai trang (phải và trái).

Khi đặt tùy chọn này thành [ON], bạn có thể chỉ định phạm vi quét cho các trang dàn trên hai mặt.



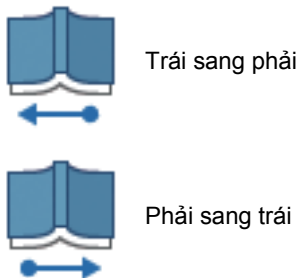


Cách thiết lập để chia trang được giải thích sau đây bằng ví dụ về đặt [Chọn Trang trong khi Quét] thành [ON].

## 1 Chạm vào [Chia Trang].

Màn hình [Chia Trang] hiển thị.

## 2 Chỉ định thứ tự trang.



## 3 Đặt [Chọn Trang trong khi Quét] thành [ON].

## 4 Chạm vào [OK].

## 5 Nhấn phím [Bắt đầu].

Màn hình cài đặt phạm vi quét hiển thị.

## 6 Chọn một trong các lựa chọn sau: [Chỉ Bên trái], [Cả Hai bên] hoặc [Chỉ Bên Phải].

## 7 Chạm vào [Quét].

Quá trình quét bản gốc bắt đầu.

Lặp lại bước 6 và 7 cho tới khi quét hết tất cả các trang.

## 8 Chạm vào [Đã quét].

Quá trình in dữ liệu đã quét bắt đầu.

## Kết hợp

Chức năng này lên khuôn các trang liên tiếp nhau trên một tờ.

- Bạn không thể sử dụng [Kết hợp] và [B.gốc K.thc K.hợp] đồng thời. (tr. 1-11 “B.gốc K.thc K.hợp”)

### [Số trang/Tờ]

[OFF], [2 Trang], [4 Trang], [8 Trang]

### [Bố cục]

Chỉ định thứ tự lên khuôn trang.

Ví dụ: Tài liệu dọc

Số trang trên mỗi tờ	Bố cục
2 Trang	
4 Trang	
8 Trang	

[Hướng Góc] (tr. 1-9 “Hướng Bản gốc”)

## 1 Chạm vào [Kết hợp].

Màn hình [Kết hợp] hiển thị.

- Nếu màn hình [Xác nhận] xuất hiện, đặt hướng bản gốc thành [Tr.cùg ởTrên] hoặc [Tr.cùg Btrái].

## 2 Chỉ định số trang trên mỗi tờ.

## 3 Chọn bố cục.

## 4 Chạm vào [OK].

## Lặp lại Hình ảnh

Chức năng này lên khuôn nhiều bản sao của cùng một bản gốc trên một tờ.



- Bạn không thể sử dụng [Lặp lại Hình ảnh] và [B.gốc K.thc K.hợp] đồng thời. (tr. 1-11 “B.gốc K.thc K.hợp”)

[OFF], [2 Trang], [4 Trang], [8 Trang]

[Hướng Góc] (tr. 1-9 “Hướng Bản gốc”)

## 1 Chạm vào [Lặp lại Hình ảnh].

Màn hình [Lặp lại Hình ảnh] hiển thị.

- Nếu màn hình [Xác nhận] xuất hiện, đặt hướng bản gốc thành [Tr.cùg ởTrên] hoặc [Tr.cùg Btrái].

## 2 Chọn số trang trên mỗi tờ.

## 3 Chạm vào [OK].

### Sách

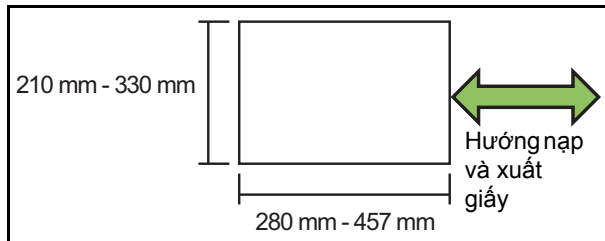
Chức năng này dùng để in song công các trang liên tiếp nhau được lên khuôn trên một tờ.



- Bạn không thể sử dụng [Sách] với [B.gốc K.thc K.hợp] hoặc [Kết hợp]. (tr. 1-11 “B.gốc K.thc K.hợp”, tr. 1-13 “Kết hợp”)

<Các loại giấy có thể dùng để tạo sách nhỏ>

A3, B4, A4, Ledger, Legal, Letter, Foolscap và kích thước tùy chỉnh



#### [T.tự Bỏ cục]

Chỉ định thứ tự lên khuôn.

Khi đặt tùy chọn này thành [OFF], chức năng lên khuôn không khả dụng.

#### [Mép Giữa]

Đặt mép giữa ở giữa các phần được gập để các phần được gập không bị che khuất khi gập tờ làm đôi.

#### [T.độ Thu nhỏ]

Đặt tùy chọn này thành [ON] để cho phép thu hẹp tự động.

## 1 Chạm vào [Sách].

Màn hình [Sách] hiển thị.

## 2 Chọn thứ tự bỏ cục.

## 3 Chạm vào [⏴] hoặc [⏵] để chỉ định mép giữa.

Bạn cũng có thể nhập số bằng phím số.

## 4 Chọn [T.độ Thu nhỏ].

## 5 Chạm vào [OK].



- Nếu mép giữa bạn đã chỉ định khiến hình ảnh được in không nằm vừa trên tờ, hãy đặt tính năng tự động thu nhỏ thành [ON].
- Nếu bạn đang dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn, chức năng [Đóng nẹp] và [P.chia Sách] sẽ khả dụng. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Đóng nẹp ([Sách])” (tr. 8-22) và “Phân chia Sách ([Sách])” (tr. 8-22) trong “Thiết bị Tùy chọn”.

### Tem

Chức năng này in số trang, ngày và văn bản trên phần tiêu đề hoặc chân trang.



- Không thể dán tem số trang và ngày trên giấy tẩm nộm hoặc giấy bìa. (tr. 1-22 “Phân tách”, tr. 1-22 “Thêm Bìa”)
- Khi sử dụng chức năng này với [Kết hợp] hoặc [Lập lại Hình ảnh], số trang và ngày được dán tem lên từng trang của giấy sao chép chứ không theo mỗi trang của bản gốc. Khi sử dụng chức năng này với [Sách], số trang và ngày được dán tem lên từng trang sách nhỏ.
- Việc chỉ định kích thước bản tái tạo không ảnh hưởng tới kích thước tem.
- Không thể dùng chức năng [Tem] và [Viền Trang] đồng thời. (tr. 1-16 “Viền Trang”)

#### [Trang], [Ngày], [Văn bản]

#### [OFF]

Trang và ngày không được in.

#### [Vị trí Bản in]

Chỉ định vị trí bản in.

#### [Kích thước Văn bản]

Chỉ định kích thước văn bản để in.

#### [Giấy bóng kính]

Khi đặt tùy chọn này thành [OFF], hình ảnh được xóa khỏi khu vực dán tem để tạo một khoảng trống và văn bản được dán tem trong khoảng trống đó.

Khi đặt tùy chọn này thành [ON], văn bản được dán tem lên hình ảnh khi khu vực dán tem và hình ảnh chồng chéo nhau.

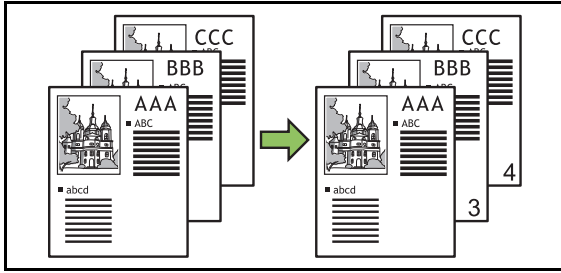
#### [Số Bắt đầu]

Chỉ định số đầu tiên để dán tem.

#### [Dán tem Trang Bắt đầu]

Chỉ định trang đầu tiên cần dán tem.

Ví dụ: Khi trang bắt đầu dán tem được đặt thành “2” và số bắt đầu dán tem được đặt thành “3”



#### [Áp dụng Trang]

Khi đặt tùy chọn này thành [Tất cả Trang], tem được áp dụng cho tất cả các trang.

Khi đặt tùy chọn này thành [Chỉ Tr.Điên], tem chỉ được áp dụng cho trang đầu tiên.

#### [Ngày trên Tem]

Khi đặt tùy chọn này thành [Hôm nay], ngày hôm nay (ngày được cài đặt trên máy) được dán tem.

Khi đặt tùy chọn này thành [C.định Ngày], ngày đã chỉ định được dán tem.

#### [V.bản đc in]

Chỉ định văn bản cần in.

## Dán tem Số Trang

### 1 Chạm vào [Tem].

Màn hình [Tem] hiển thị.

### 2 Chạm vào [Trang].

### 3 Chỉ định vị trí bản in.



• Không thể dán các loại tem khác nhau trong cùng một vị trí.

### 4 Chỉ định kích thước văn bản.

Chạm vào [▽] hoặc [△] để chỉ định kích thước văn bản trên màn hình [Kích thước Văn bản]. Bạn cũng có thể nhập số bằng phím số.

### 5 Đặt tùy chọn giấy bóng kính.

### 6 Chỉ định số bắt đầu.

### 7 Chỉ định trang bắt đầu dán tem.

### 8 Chạm vào [OK].

## Dán tem Ngày

### 1 Chạm vào [Tem].

Màn hình [Tem] hiển thị.

### 2 Chạm vào [Ngày].

### 3 Chỉ định vị trí bản in.



• Không thể dán các loại tem khác nhau trong cùng một vị trí.

### 4 Chỉ định kích thước văn bản.

Chạm vào [▽] hoặc [△] để chỉ định kích thước văn bản trên màn hình [Kích thước Văn bản]. Bạn cũng có thể nhập số bằng phím số.

### 5 Đặt tùy chọn giấy bóng kính.

### 6 Đặt tùy chọn áp dụng trang.

### 7 Đặt ngày cần dán tem.

Để chỉ định ngày theo lựa chọn của bạn, hãy chạm vào [C.định Ngày] và chạm vào màn hình nhập được hiển thị để đặt ngày.

Bạn cũng có thể nhập số bằng phím số.

### 8 Chạm vào [OK].

## In Văn bản

### 1 Chạm vào [Tem].

Màn hình [Tem] hiển thị.

### 2 Chạm vào [Văn bản].

### 3 Chỉ định vị trí để in văn bản.



• Không thể dán các loại tem khác nhau trong cùng một vị trí.

### 4 Chỉ định kích thước văn bản.

Chạm vào [↕] hoặc [↗] để chỉ định kích thước văn bản trên màn hình [Kích thước Văn bản]. Bạn cũng có thể nhập số bằng phím số.

### 5 Đặt tùy chọn giấy bóng kính.

### 6 Đặt tùy chọn áp dụng trang.

### 7 Đặt văn bản cần dán tem.

### 8 Chạm vào [OK].

## Viền Trang

Tùy chọn này thêm đường viền vào lề giấy.



- Ngay cả khi dùng tùy chọn này với [Kết hợp] hoặc [Lặp lại Hình ảnh], đường viền vẫn được in trên từng giấy sao chép chứ không theo trang của bản gốc.
- Đường viền được in lên dữ liệu gốc. Nếu có sự chồng chéo hình ảnh ở khu vực in đường viền, một phần hình ảnh có thể không được in.
- Khi đặt [Chế độ Màu] thành [Đen], [Lục lam] hoặc [Đỏ tươi], các màu không thể lựa chọn được tô xám. (tr. 1-7 “Chế độ Màu”)
- In đường viền trên bản sao đen trắng có thể làm nổi bật áp phích và biển hiệu.
- Bạn không thể sử dụng [Viền Trang] với [Tem] hoặc [B.gốc K.thc K.hợp]. (tr. 1-14 “Tem”, tr. 1-11 “B.gốc K.thc K.hợp”)

[OFF], [Đỏ], [Xanh lam], [Xanh lục], [Vàng], [Đen]  
Độ rộng đường viền (mục nhập thủ công)

### 1 Chạm vào [Viền Trang].

Màn hình [Viền Trang] hiển thị.

### 2 Chọn màu đường viền.

### 3 Chạm vào [↕] hoặc [↗] để chỉ định độ rộng của đường viền.

Bạn cũng có thể nhập số bằng phím số.

### 4 Chạm vào [OK].

## Chất lượng Hình ảnh

Chỉ định độ phân giải để quét bản gốc.

#### [Tiêu chuẩn]

Chọn mục này khi bản gốc chủ yếu là văn bản.

#### [Tinh chỉnh]

Chọn mục này khi bản gốc có ảnh. Bản gốc được quét với độ phân giải cao hơn.

### 1 Chạm vào [Chất lượng H.ảnh].

Màn hình [Chất lượng H.ảnh] hiển thị.

### 2 Chọn độ phân giải.

### 3 Chạm vào [OK].

## Loại bản gốc

Chọn loại bản gốc để in bản gốc bằng cách sử dụng phương thức xử lý hình ảnh thích hợp.

#### [Dòng/Ảnh]

Chọn mục này khi bản gốc có cả văn bản và ảnh.

#### [Dòng]

Chọn mục này khi bản gốc có văn bản hoặc hình minh họa.

#### [Ảnh]

Chọn mục này khi bản gốc có ảnh.

**[B.đồ/Bút chì]**

Chọn mục này cho bản gốc có nhiều màu sắc tinh tế hoặc đường nét tinh xảo như bản đồ hoặc cho bản gốc có bản vẽ bằng bút chì.

**[Xử lý điểm]**

Khi đặt tùy chọn này thành [OFF], chức năng xử lý điểm bị tắt.

Khi đặt tùy chọn này thành [70 lpi], ảnh được tái tạo với độ phân giải in là 70 lpi.

Khi đặt tùy chọn này thành [100 lpi], ảnh được tái tạo với độ phân giải in là 100 lpi.

**1 Chạm vào [Loại bản gốc].**

Màn hình [Loại bản gốc] hiển thị.

**2 Chọn loại bản gốc.****3 Nếu chọn [Dòng/Ảnh], [Ảnh] hoặc [B.đồ/Bút chì], hãy đặt tùy chọn xử lý điểm.****4 Chạm vào [OK].****Hiệu chỉnh Gamma**

Chức năng này điều chỉnh độ cân bằng màu (CMYK) của dữ liệu được quét.



- Khi đặt [Chế độ Màu] thành [Đen], [Lục lam] hoặc [Đỏ tươi], chỉ có thể điều chỉnh giá trị gamma cho màu đen (K). (tr. 1-7 “Chế độ Màu”)

**[C] - [R]**

[1], [2], [3], [4], [5], [6], [7]

Giá trị này càng thấp (thấp nhất là [1]) thì màu lục lam (C) trong hình ảnh càng đậm. Giá trị này càng cao (cao nhất là [7]) thì màu đỏ (R) trong hình ảnh càng đậm.

**[M] - [G]**

[1], [2], [3], [4], [5], [6], [7]

Giá trị này càng thấp (thấp nhất là [1]) thì màu đỏ tươi (M) trong hình ảnh càng đậm. Giá trị này càng cao (cao nhất là [7]) thì màu xanh lục (G) trong hình ảnh càng đậm.

**[Y] - [B]**

[1], [2], [3], [4], [5], [6], [7]

Giá trị này càng thấp (thấp nhất là [1]) thì màu vàng (Y) trong hình ảnh càng đậm. Giá trị này càng cao (cao nhất là [7]) thì màu xanh lam (B) trong hình ảnh càng đậm.

**[K]**

[1], [2], [3], [4], [5], [6], [7]

Giá trị này càng cao (cao nhất là [7]) thì màu đen (K) trong hình ảnh càng đậm.

**1 Chạm vào [Hiệu chỉnh Gamma].**

Màn hình [Hiệu chỉnh Gamma] hiển thị.

**2 Chọn độ cân bằng cho mỗi màu.**

[Hình ảnh Xuất ra] hiển thị bản xem trước của hình ảnh đã điều chỉnh độ cân bằng màu.

**3 Chạm vào [OK].****Kiểm soát Hình ảnh**

Chỉ định cài đặt xử lý hình ảnh thích hợp cho dữ liệu được quét.

**[Tự động]**

Giá trị được tự động cấu hình dựa trên cài đặt [Chế độ Màu] và [Loại bản gốc]. (tr. 1-7 “Chế độ Màu”, tr. 1-16 “Loại bản gốc”)

**[Cấp Dòng/Ảnh]**

[1], [2], [3], [4], [5], [6], [7]

Giá trị này càng cao (cao nhất là [7]) thì mức độ nhận diện văn bản được áp dụng càng cao (ngay cả văn bản có đường nét không rõ ràng cũng được nhận dạng là văn bản).

**[T.cườgđộđậm Đviền]**

[1], [2], [3], [4], [5], [6], [7]

Giá trị này càng cao (cao nhất là [7]) thì đường viền của những phần được nhận dạng là văn bản càng trở nên rõ nét.

**[Loại bỏ Nhiều]**

[1], [2], [3], [4], [5], [6], [7]

Giá trị này càng cao (cao nhất là [7]) thì khả năng giảm nhiễu đối với những phần được nhận dạng là ảnh càng lớn.

**1 Chạm vào [Kiểm soát Hình ảnh].**

Màn hình [Kiểm soát Hình ảnh] hiển thị.

**2 Đặt cài đặt kiểm soát hình ảnh.****3 Chạm vào [OK].**

## Mức Màu Cơ sở

Chức năng này làm cho màu nền (màu cơ sở) sáng hơn để dễ đọc văn bản hơn khi sao chép bản gốc dạng văn bản có màu nền hoặc bản gốc in trên giấy màu.

[1], [2], [3], [4], [5], [6], [7]

Giá trị này càng cao thì mức màu nền càng giảm.

**[Tự động]**

Mật độ màu nền được đặt tự động.

### 1 Chạm vào [Mức Màu Cơ sở].

Màn hình [Mức Màu Cơ sở] hiển thị.

### 2 Cấu hình cài đặt mức màu cơ sở

### 3 Chạm vào [OK].

## Vị trí Hình ảnh

Chức năng này điều chỉnh vị trí in của hình ảnh.

**[Phản Trước], [Phản Sau]**

Chọn mặt để điều chỉnh vị trí hình ảnh.

**[Đặt lại]**

Chọn tùy chọn này để đưa giá trị được điều chỉnh của mặt đã chọn (mặt trước hoặc sau) về 0 mm.

[↶], [↷], [↸], [↹]

Sử dụng những phím này để di chuyển vị trí của hình ảnh.

### 1 Chạm vào [Vị trí Hình ảnh].

Màn hình [Vị trí Hình ảnh] hiển thị.

### 2 Chọn mặt để điều chỉnh vị trí hình ảnh (mặt trước hoặc sau).

### 3 Chạm vào [↶], [↷], [↸] và/hoặc [↹] để điều chỉnh vị trí hình ảnh.

### 4 Chạm vào [OK].



• Bạn có thể điều chỉnh vị trí in đi lên, đi xuống, sang trái, sang phải tối đa là  $\pm 20$  mm theo số gia là 0,5 mm.

• Khi in song công, có thể điều chỉnh riêng mặt trước và mặt sau.

## Overlay

Sao chép hình ảnh lưu trong hộp sang bản gốc với lớp phủ.



• Không thể dùng [Overlay] với các chức năng sau:

- Kích thước Bản tái tạo (tr. 1-7)
- B.gốc K.thc K.hộp (tr. 1-11)
- Kết hợp (tr. 1-13)
- Lặp lại Hình ảnh (tr. 1-13)
- Sách (tr. 1-14)
- Chương trình (tr. 1-20)
- Thêm Bìa (tr. 1-22)
- Tự động Xoay Hình ảnh (tr. 1-24)

• Nếu bạn đang dùng bộ hoàn thiện đa chức năng hoặc khay xếp chồng tùy chọn, hãy đặt [Tự động] hoặc [Khay Úp xuống] cho khay giấy ra.

**[OFF] / [ON]**

**[Tên Thư mục]**

Hiển thị tên thư mục lưu hình ảnh được chỉ định trong [Chọn hình ảnh].

**[Tên Tài liệu]**

Hiển thị tên tệp được chỉ định trong [Chọn hình ảnh].

**[Chọn hình ảnh]**

Chỉ định hình ảnh để phủ.

**[Trang Đích]**

Chỉ định trang đích của tệp hình ảnh để che phủ.

**[Lặp lại]**

Chỉ định có hay không sử dụng lặp lại trang đích của tệp hình ảnh.

**[Lớp Ưu tiên]**

Chỉ định bản gốc hay hình ảnh che phủ nằm lên trên cùng.

**Khu vực xem trước**

Bạn có thể kiểm tra cài đặt dành cho trang đích, chế độ lặp lại hình ảnh hoặc lớp ưu tiên của hình ảnh che phủ.

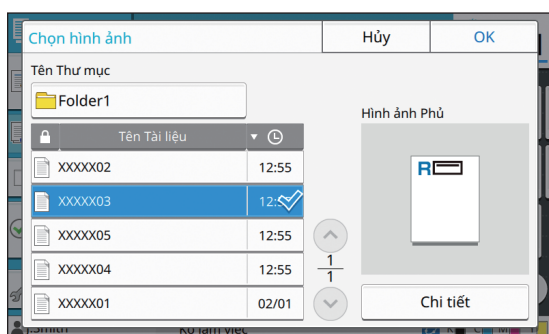
## 1 Chạm vào [Overlay].

Màn hình [Overlay] hiển thị.

## 2 Chạm vào [ON].

## 3 Chạm vào [Chọn hình ảnh].

Màn hình [Chọn hình ảnh] hiển thị.



Chạm vào hộp văn bản [Tên Thư mục] để thay đổi thư mục. Chọn thư mục trên màn hình [Lựa chọn Thư mục] và chạm vào [OK].

Chọn tệp để sử dụng làm hình ảnh che phủ từ danh sách tài liệu và chạm vào [OK]. Màn hình quay trở lại màn hình [Overlay].



- Bản xem trước xuất hiện trên màn hình [Hình ảnh Phủ] sau khi bạn chọn tài liệu từ danh sách. Chạm vào [^] hoặc [v] để thay đổi tài liệu.

- Chạm vào [Chi tiết] để hiển thị màn hình [Chi tiết] và bạn có thể kiểm tra chi tiết của tài liệu.

## 4 Chỉ định trang đích.

Chỉ định trang đích nếu tệp dùng làm hình ảnh che phủ có nhiều hơn một trang.

[Tất cả Trang]: Sử dụng tất cả các trang làm hình ảnh che phủ. Phủ bản gốc theo thứ tự từ trước đến sau.

[Trang đầu tiên]: Chỉ sử dụng trang đầu tiên làm hình ảnh che phủ.



- Không thể chỉ định bất kỳ trang nào trừ trang đầu tiên.

## 5 Chỉ định có hoặc không sử dụng lặp lại.

[ON]: Sử dụng lặp lại hình ảnh che phủ cho bản gốc.

[OFF]: Không lặp lại. Sử dụng hình ảnh trang được chỉ định của tệp được chỉ định để che phủ bản gốc theo thứ tự cho một lần. Phần còn lại của các trang gốc sẽ không bị che phủ.

## 6 Chỉ định lớp phủ ưu tiên.

[Bản gốc]: Bản gốc bị che phủ ở phía trên cùng của hình ảnh che phủ.

[Hình ảnh Phủ]: Hình ảnh che phủ bị che phủ ở phía trên cùng của bản gốc.

## 7 Chạm vào [OK].



- Sử dụng kích thước hình ảnh che phủ (lưu trong hộp) tương tự như kích thước bản gốc. Không thể mở rộng/thu nhỏ hình ảnh che phủ.

- Lưu hình ảnh che phủ với cài đặt in Đơn công vào hộp.

- Nếu độ phân giải của bản gốc và hình ảnh che phủ khác nhau, kết quả in có thể không mịn đẹp. Đặt cài đặt giống nhau cho [Chất lượng H.ảnh] của bản gốc và hình ảnh che phủ cũng như bản sao.

- Khi chế độ sao chép được đặt thành đơn sắc, bản sao được tạo ra theo kiểu đơn sắc ngay cả khi hình ảnh che phủ có màu.

- Khi khổ giấy hoặc hướng của bản gốc và hình ảnh che phủ không giống nhau, chức năng lớp phủ không khả dụng.

- Tài liệu được lưu trong hộp được chuyển đổi bằng cài đặt. Sử dụng loại giấy tương tự khi tài liệu được lưu trong hộp để in. Nếu khác loại giấy, kết quả in có thể khác.

- Khi màu của bản gốc và hình ảnh che phủ giống nhau, phần màu giống nhau có thể không in được.



## Chương trình

Tùy chọn này rất thuận tiện khi số bản sao cần tạo thay đổi theo nhóm (chẳng hạn phòng ban công ty hoặc lớp học).

Bạn có thể lập trình cài đặt về số bản sao, số tập, sắp xếp, tấm nệm và các tùy chọn khác cho mỗi nhóm. Điều này giúp bạn in nhanh và chính xác số bản sao của số tập bạn cần.



- Bạn có thể cấu hình tối đa 60 nhóm.
- Không thể dùng tùy chọn này với chức năng [Sắp xếp] hoặc [Phân tách]. (tr. 1-10 “Sắp xếp”, tr. 1-22 “Phân tách”)

### ■ Ví dụ về nhập số bản sao và tập

Bạn có thể nhập tối đa 9.999 bản sao và tối đa 99 tập. Ví dụ: để phát tờ rơi cho phụ huynh của tất cả học sinh lớp một trong trường học, bạn có thể sử dụng chức năng [Chương trình] để in số bản sao cần thiết cho mỗi lớp bằng một lệnh sao chép duy nhất.

	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	Lớp 6
Số học sinh	35	33	35	30	32	33

Để in tờ rơi theo nhóm, hãy cấu hình cài đặt như sau:

	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	Lớp 6
Số bản sao × Số tập	35 × 1	33 × 1	35 × 1	30 × 1	32 × 1	33 × 1

Ngay cả khi hai lớp có cùng số học sinh (chẳng hạn Lớp 1 và 3 hoặc Lớp 2 và 6), bạn vẫn có thể cấu hình cài đặt như sau để xuất ra số bản sao theo lớp.

	Lớp 1 và 3	Lớp 2 và 6	Lớp 4	Lớp 5
Số bản sao × Số tập	35 × 2	33 × 2	30 × 1	32 × 1

### ■ Giới thiệu về Cài đặt Tách biệt

#### [Sắp xếp]

Khi bạn đặt chế độ [Tự động], các bản sao được sắp xếp theo nhóm khi bạn nạp bản gốc vào ADF và sắp xếp theo trang khi bạn nạp bản gốc trên kính tấm ép giấy.

Đặt tùy chọn [Sắp xếp] thành [Hủy sắp xếp] để sao chép theo trang.

Đặt thành [Đã sắp xếp] để tạo bản sao theo tập.

#### [Tám Nệm]

Khi đặt tùy chọn này thành [OFF], tám nệm không được chèn vào.

Khi đặt tùy chọn này thành [Giữa các Tập], một tấm nệm được chèn vào giữa mỗi tập.

Khi đặt tùy chọn này thành [Giữa các Nhóm], một tấm nệm được chèn vào giữa mỗi nhóm.

#### [Giấy]

Chỉ định khay giấy nạp tám nệm.

#### [In Số]

Đặt tùy chọn này thành [ON] để in số.

Số nhóm và số tập được in khi đặt tùy chọn này thành [Giữa các Tập] và chỉ số nhóm được in khi đặt tùy chọn này thành [Giữa các Nhóm].

## Lưu Chương trình

Bạn có thể đăng ký tối đa 12 chương trình và gọi các chương trình này bất cứ khi nào cần thiết.

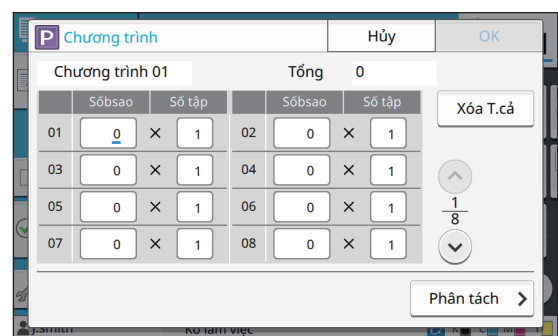
### 1 Chạm vào [Chương trình].

Màn hình [Chương trình] hiển thị.

### 2 Chạm vào [Không có Mục nhập] rồi chạm vào [Chỉnh sửa].

Màn hình chỉnh sửa chương trình hiển thị.

### 3 Nhập số bản sao và tập bằng các phím số.

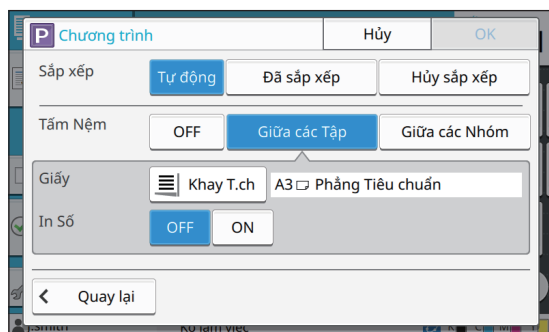


### 4 Chạm vào [Phân tách].

Màn hình tách biệt hiển thị.



## 5 Đặt tùy chọn sắp xếp và tắt nệm.



Đặt cả tùy chọn [Giấy] và [In Số] nếu cần.



• Nếu bạn đang dùng bộ hoàn thiện úp xuống hoặc bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn, chức năng [Bản ra sole] sẽ khả dụng.

Để biết thêm thông tin, hãy xem các trang sau:

- “Bản ra sole ([Chương trình])” (tr. 8-8) khi dùng bộ hoàn thiện úp xuống tùy chọn
- “Bản ra sole ([Chương trình])” (tr. 8-23) khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn

## 6 Chạm vào [OK].

Màn hình [Xác nhận] hiển thị.

## 7 Chọn [Ghi đè] hoặc [Đ. ký Với tư cách].

Để lưu bằng cách đặt tên, hãy nhập tên chương trình và chạm vào [OK].

Quá trình đăng ký giờ đã hoàn thành.

## 8 Chạm vào [OK].

### Truy xuất Chương trình

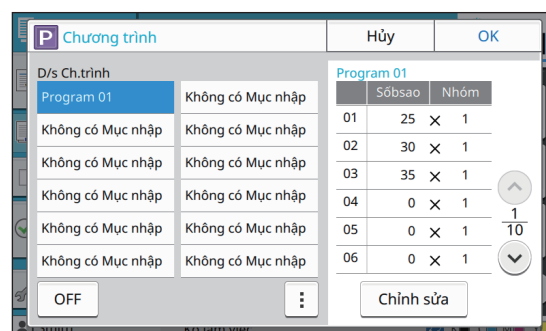
Bạn có thể gọi một chương trình đã lưu.

## 1 Chạm vào [Chương trình].

Màn hình [Chương trình] hiển thị.

## 2 Chọn chương trình để gọi.

Số bản sao và tập đã đăng ký hiển thị trong danh sách.



## 3 Chạm vào [OK].

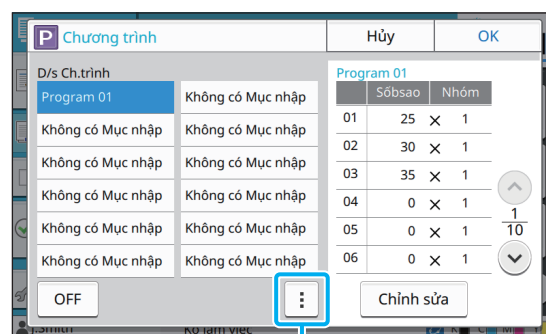
### Thay đổi Cài đặt Chương trình

Bạn có thể thay đổi một chương trình đã lưu.

## 1 Chạm vào [Chương trình].

Màn hình [Chương trình] hiển thị.

## 2 Chọn chương trình.



Menu phụ

Có thể cấu hình cài đặt sau từ menu phụ:

- Đổi tên
- Xóa

Làm theo hướng dẫn trên màn hình để thay đổi cài đặt.

## 3 Chạm vào [Chỉnh sửa].

Để biết hướng dẫn cụ thể về các thao tác tiếp theo, hãy xem các bước từ 3 đến 8 trong “Lưu Chương trình” (tr. 1-20).

## Thêm Bìa

Bạn có thể nạp giấy đã in hoặc giấy được tô màu vào khay giấy để thêm mặt trước và sau của tài liệu in làm bìa.



- Bạn không thể sử dụng giấy không cùng kích thước với giấy sao chép.

### [Rìa đóng sách]

Chỉ định mép đóng nẹp.

### [Nắp Trước]

Đặt tùy chọn này thành [ON] để thêm bìa vào mặt trước của mỗi bản in.

### [Bìa Sau]

Đặt tùy chọn này thành [ON] để thêm bìa vào mặt sau của mỗi bản in.

### [Khay Giấy]

Chỉ định khay nạp giấy bìa.

## 1 Chạm vào [Thêm Bìa].

Màn hình [Thêm Bìa] hiển thị.

## 2 Chọn cạnh đóng nẹp.

## 3 Cấu hình cài đặt bìa.

Chọn [OFF] hoặc [ON] cho bìa sau và bìa trước.

## 4 Chạm vào khay giấy.

Màn hình [Chọn Khay] hiển thị.

## 5 Chọn khay giấy và chạm vào [OK].

## 6 Chạm vào [OK].

## 7 Nạp giấy bìa.



- Mặt giấy sẽ nạp vào thay đổi tùy theo khay.

### [Nắp Trước]

Khay T.ch: Nạp giấy với trang đầu tiên

ngửa lên.

Khay Nạp: Nạp giấy với trang đầu tiên úp

xuống.

### [Bìa Sau]

Khay T.ch: Nạp giấy với trang đầu tiên úp

xuống.

Khay Nạp: Nạp giấy với trang đầu tiên

ngửa lên.

Xem “Nạp Giấy” (tr. 28).

- Thay đổi cài đặt [Chọn Giấy] theo giấy được nạp. (tr. 1-7 “Chọn Giấy”)

## Phân tách

Chèn tấm nệm giữa các trang hoặc tập hoặc để tách biệt các lệnh.



- Để nạp giấy đặc biệt dùng làm tấm nệm, nên đặt [Tđộng L.chọn] thành [OFF] đối với khay giấy dành cho tấm nệm. (tr. 1-8 “Thay đổi Cài đặt Khay Giấy”)

### [Tấm Nệm]

Khi đặt tùy chọn này thành [OFF], tấm nệm không được chèn vào.

Khi đặt tùy chọn này thành [Giữ cacáLần xếp], một tấm nệm sẽ được chèn cho mỗi đơn vị đã chỉ định trong [Sắp xếp].

Khi đặt tùy chọn này thành [Sau một Lệnh], một tấm nệm sẽ được chèn sau mỗi lệnh in.

### [Giấy]

Chỉ định khay giấy nạp tấm nệm.

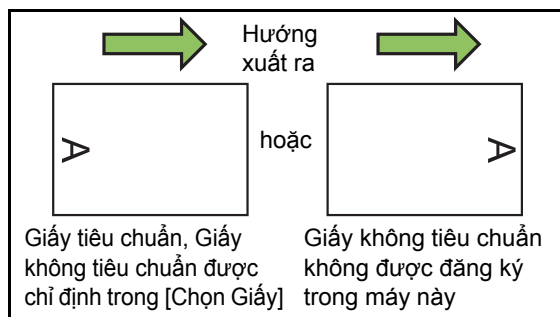
### [In Số]

Khi đặt tùy chọn này thành [OFF], số không được in.

Khi đặt tùy chọn này thành [1 2 3 ...], số được dán tem trên tấm nệm theo thứ tự số (1, 2, 3...).

Khi đặt tùy chọn này thành [A B C ...], chữ cái được dán tem lên tấm nệm theo thứ tự chữ cái (A, B, C ... Z, AA, AB...). (Cuối cùng là ZZZ)

Văn bản được in ở dưới cùng (trong khoảng 5 mm tính từ mép) hoặc trên cùng (trong khoảng 5 mm tính từ mép) của tờ.



## 1 Chạm vào [Phân tách].

Màn hình [Phân tách] hiển thị.

## 2 Chọn vị trí chèn tấm nệm.

## 3 Chạm vào khay giấy.

Màn hình [Chọn Khay] hiển thị.

**4 Chọn khay giấy cho tấm nệm và chạm vào [OK].**

**5 Cấu hình cài đặt [In Số].**

**6 Chạm vào [OK].**



- Nếu bạn đang dùng bộ hoàn thiện úp xuống hoặc bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn, chức năng [Bản ra sole] sẽ khả dụng. Để biết thêm thông tin, hãy xem các trang sau:
  - “Bản ra sole ([Phân tách])” (tr. 8-7) khi dùng bộ hoàn thiện úp xuống tùy chọn
  - “Bản ra sole ([Phân tách])” (tr. 8-19) khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn

## Lề Đóng nẹp

Chỉ định lề đóng nẹp.

### [Rìa đóng sách]

Chỉ định mép đóng nẹp.

### Độ rộng

Nhập độ rộng bằng [▽], [△] hoặc phím số.

### [T.động Thu nhỏ]

Đặt tùy chọn này thành [ON] nhằm tự động thu nhỏ kích thước hình ảnh để hình ảnh nằm vừa trên giấy khi thiếu một phần khu vực in do cài đặt lề đóng nẹp.

**1 Chạm vào [Lề đóng nẹp].**

Màn hình [Lề đóng nẹp] hiển thị.

**2 Chỉ định lề đóng nẹp.**

- Chỉ định [Rìa đóng sách].
- Nhập độ rộng bằng [▽], [△] hoặc phím số.
- Nếu thiếu một phần khu vực in do cài đặt lề đóng nẹp, hãy đặt [T.động Thu nhỏ] thành [ON].

**3 Chạm vào [OK].**

## Đập ghim / Đục lỗ

Nếu đang dùng bộ hoàn thiện úp xuống tùy chọn, bạn có thể đập ghim ở vị trí được chỉ định. Bạn cũng có thể chỉ định lề đóng nẹp.

Nếu đang dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn, ngoài tính năng trên, bạn có thể cấu hình cài đặt đục lỗ.

Để biết thêm thông tin, hãy xem các trang sau:

- “Đập ghim” (tr. 8-7) khi dùng bộ hoàn thiện úp xuống tùy chọn
- “Đập ghim / Đục lỗ” (tr. 8-20) khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn

## Gập

Nếu đang dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn, bạn có thể chỉ định chức năng gập giấy.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Gập” (tr. 8-21) trong “Thiết bị Tùy chọn”.

## In Chậm

Tùy chọn này giảm tốc độ in cũng như giảm âm thanh vận hành của lệnh đang được xử lý.

[OFF], [ON]

**1 Chạm vào [In Chậm].**

Màn hình [In Chậm] hiển thị.

**2 Chạm vào [ON].**

**3 Chạm vào [OK].**

## Khay Giấy ra

Nếu đang dùng bộ hoàn thiện đa chức năng hoặc khay xếp chồng tùy chọn, bạn có thể chọn khay giấy ra.

Để biết thêm thông tin, hãy xem các trang sau:

- “Khay Giấy ra” (tr. 8-23) khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn
- “Khay Giấy ra” (tr. 8-27) khi dùng khay xếp chồng tùy chọn

## Ngửa lên/Úp xuống

Nếu đang dùng bộ hoàn thiện đa chức năng hoặc khay xếp chồng tùy chọn, bạn có thể chỉ định xuất bản in ra khay theo hướng úp xuống hoặc ngửa lên.

Để biết thêm thông tin, hãy xem các trang sau:

- “Ngửa lên/Úp xuống” (tr. 8-23) khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn
- “Ngửa lên/Úp xuống” (tr. 8-27) khi dùng khay xếp chồng tùy chọn

## Ch.tiếp Kh.Giấyra

Nếu bạn đang dùng bộ hoàn thiện đa chức năng hoặc khay xếp chồng tự kiểm soát tùy chọn, khay giấy ra có thể chuyển đổi tự động khi khay đang dùng bị đầy.

Để biết thêm thông tin, hãy xem các trang sau:

- “Ch.tiếp Kh.Giấyra” (tr. 8-23) khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn
- “Ch.tiếp Kh.Giấyra” (tr. 8-27) khi dùng khay xếp chồng tự động kiểm soát tùy chọn

## Chuyển tiếp Khay Giấy

Sử dụng tùy chọn này để tự động nạp giấy từ khay khác có cùng khổ giấy và loại giấy khi khay được chọn hết giấy.

[OFF], [ON]

### 1 Chạm vào [Ch.tiếp Khay Giấy].

Màn hình [Ch.tiếp Khay Giấy] hiển thị.

### 2 Chạm vào [ON].

### 3 Chạm vào [OK].

## Tự động Xoay Hình ảnh

Tính năng này tự động xoay hình ảnh 90 độ khi hướng của bản gốc và giấy không khớp nhau cho dù khổ giấy được nạp trong khay phù hợp với kích thước bản gốc được nạp. Thông thường, cài đặt này được đặt thành [ON].

## Ngắt Sao chép

Chức năng này cho phép bạn tạm dừng lệnh đang được in để sao chép tài liệu khác.



- Các chức năng sau không khả dụng để ngắt sao chép:  
[Chương trình], [Tám Nệm], [Thêm Bìa], [Quét ADF & tạm dừng]
- Các chức năng sau không khả dụng để ngắt sao chép trong khi xuất lệnh sang bộ hoàn thiện đa chức năng.  
[Dập ghim / Đục lỗ], [Gập], [Đóng nẹp], [P.chia Sách], [Khay Giấy ra], [Ngửa lên/Úp xuống], [Ch.tiếp Kh.Giấyra]
- Chức năng Ngắt Sao chép không khả dụng khi một lệnh dùng chức năng dập ghim hoặc chức năng điều chỉnh giấy ra đang được xử lý bằng bộ hoàn thiện úp xuống. Chức năng Ngắt Sao chép khả dụng nếu bộ hoàn thiện đa chức năng hoặc khay xếp chồng được kết nối.

### 1 Nhấn phím [Ngắt kết nối].

Màn hình ngắt hiển thị.

### 2 Nạp bản gốc và nhấn phím [Bắt đầu].

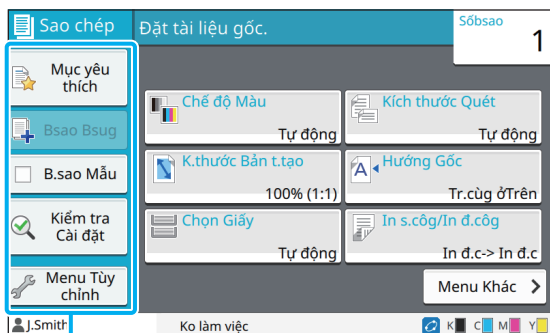
- Bạn có thể tiếp tục với chức năng ngắt sao chép trong khi thông báo [S.sàng s.chép. (Đang gi. đoạn)] hiển thị.

### 3 Sau khi sao chép xong, nhấn phím [Ngắt kết nối] để hủy chức năng ngắt sao chép.

Quá trình in của lệnh bị tạm dừng được tiếp tục.

- Chức năng ngắt sao chép cũng bị hủy khi máy chưa vận hành được 60 giây.

# Nút chức năng Chế độ Sao chép



Nút chức năng

## Mục yêu thích

Có thể gọi những cài đặt này mỗi khi cần. Các cài đặt đề xuất được đăng ký trước làm mục yêu thích. Việc đăng ký cài đặt thường dùng có thể hữu ích. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Thêm làm mục yêu thích” (tr. 1-26).

### 1 Chạm vào [Mục yêu thích].

Màn hình [Mục yêu thích] hiển thị.

### 2 Chọn mục yêu thích.

Các giá trị đã đặt hiển thị trong danh sách trên màn hình.

Có thể cấu hình cài đặt sau từ menu phụ:

- Đổi tên
- Xóa

### 3 Chạm vào [OK].



- Bạn không thể đổi tên hoặc xóa mục yêu thích được đăng ký làm cài đặt ban đầu.

## Bản sao bổ sung

Chức năng này in một bản sao của bản gốc được sao chép gần đây nhất. Bản gốc này không cần quét lại.



- Không thể tạo Bản sao Bổ sung trong những trường hợp sau:
  - Khi quản trị viên chưa cho phép sử dụng chức năng bản sao bổ sung
  - Khi chức năng tự động đặt lại được thi hành sau khi sao chép bản gốc
  - Khi người dùng đăng xuất

### 1 Chạm vào [Bản sao bổ sung] sau khi kết thúc lệnh sao chép.

Màn hình [Bản sao bổ sung] hiển thị.

### 2 Sử dụng phím số để chỉ định số bản sao.

### 3 Chạm vào [OK].

Quá trình in bản sao bổ sung bắt đầu.

## Bản sao mẫu

Quá trình in sẽ dừng sau khi in xong một bản sao. Chức năng này cho phép bạn kiểm tra kết quả in ra trước khi tạo bản in với số lượng lớn.



- Nếu đặt [Sắp xếp] thành [Đã sắp xếp], bạn có thể sử dụng chức năng này để tạo một bản sao mẫu. (tr. 1-10 “Sắp xếp”)

### 1 Chạm vào [Bản sao mẫu].

Màn hình [Bản sao mẫu] hiển thị.

### 2 Chạm vào [ON].

### 3 Chạm vào [OK].

### 4 Nhấn phím [Bắt đầu].

Màn hình [Tạo bản sao mẫu] hiển thị và quá trình sao chép bản gốc bắt đầu. Trạng thái hiện tại hiển thị trên màn hình.

- Có thể tạm dừng sao chép bằng phím [Dừng]. (tr. 1-3 “Hủy Sao chép”)
- Chạm vào [In Chậm] để giảm tốc độ in. Tùy chọn này cũng giảm âm thanh vận hành của lệnh đang được xử lý.

Màn hình [Xác nhận] xuất hiện sau khi in bản sao mẫu.

Bạn có thể thay đổi các cài đặt sau:

- [Th/đổi C.đặt] (tr. 1-3 “Thay đổi Cài đặt khi Đang sao chép”)
- [Bảo trì] (tr. 1-4 “Tiến hành Bảo trì khi Đang sao chép”)

## Kiểm tra cài đặt

Chức năng này cho phép bạn kiểm tra cài đặt hiện tại.

### 1 Chạm vào [Kiểm tra cài đặt].

Màn hình [Kiểm tra cài đặt] hiển thị. Kiểm tra cài đặt hiện tại.

Có thể cấu hình cài đặt sau từ menu phụ:

- Thêm vào Mục yêu thích
- Lưu làm Mặc định
- In Danh sách Đây

### 2 Chạm vào [Đóng].

## Menu tùy chỉnh

Bạn có thể đăng ký mục yêu thích và cài đặt mặc định cũng như chỉnh sửa thứ tự nút.

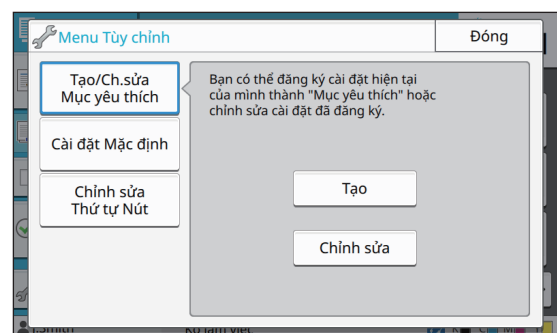
## Thêm làm mục yêu thích

Đăng ký cài đặt và số bản sao cho nút cài đặt làm mục yêu thích. Bạn có thể đăng ký tối đa 30 mục yêu thích.

### 1 Chạm vào [Menu tùy chỉnh].

Màn hình [Menu tùy chỉnh] hiển thị.

### 2 Chạm vào [Tạo/Ch.sửa Mục yêu thích].



### 3 Chạm vào [Tạo].

Màn hình [Thêm vào Mục yêu thích] hiển thị. Kiểm tra cài đặt hiện tại.

**4** Chạm vào [OK].

**5** Nhập tên đăng ký và chạm vào [OK].

Các cài đặt được đăng ký làm mục yêu thích.

**6** Chạm vào [Đóng].



- Các cài đặt sau không được đăng ký làm mục yêu thích.
- [Chọn Giấy]

## Chỉnh sửa Mục yêu thích

Bạn có thể thay đổi thứ tự hiển thị của mục yêu thích.

**1** Chạm vào [Menu tùy chỉnh].

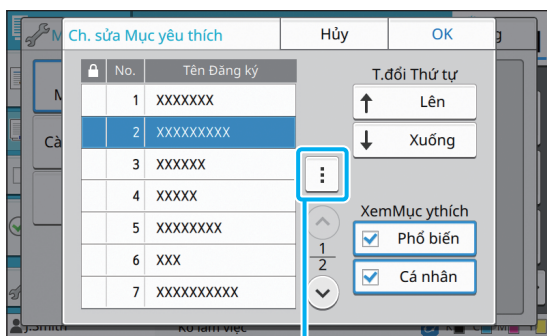
Màn hình [Menu tùy chỉnh] hiển thị.

**2** Chạm vào [Tạo/Ch.sửa Mục yêu thích].

**3** Chạm vào [Chỉnh sửa].

Màn hình [Ch. sửa Mục yêu thích] hiển thị.

**4** Chọn một trong số các mục yêu thích.



Menu phụ

Bạn không thể chỉnh sửa mục yêu thích có biểu tượng khóa.

Có thể cấu hình cài đặt sau từ menu phụ:

- Kiểm tra cài đặt
- Đổi tên
- Xóa

**5** Chạm vào [Lên] hoặc [Xuống] để thiết lập thứ tự.

**6** Cấu hình cài đặt [XemMục ythích].

- Khi bạn chọn [Phổ biến], mục yêu thích phổ biến và mục yêu thích được đăng ký làm cài đặt ban đầu sẽ hiển thị.
- Khi bạn chọn [Cá nhân], mục yêu thích cá nhân sẽ hiển thị.
- Khi bạn chọn cả [Phổ biến] và [Cá nhân], mục yêu thích phổ biến, mục yêu thích được đăng ký làm cài đặt ban đầu và mục yêu thích cá nhân sẽ hiển thị.



- [XemMục ythích] có thể không hiển thị tùy theo cấu hình của quản trị viên. Trong trường hợp này, mục yêu thích phổ biến và mục yêu thích được đăng ký làm cài đặt ban đầu sẽ hiển thị.

**7** Chạm vào [OK].

## Lưu làm Mặc định

Bạn có thể đăng ký giá trị và số lượng bản sao được đặt bằng nút cài đặt làm cài đặt mặc định.

**1** Chạm vào [Menu tùy chỉnh].

Màn hình [Menu tùy chỉnh] hiển thị.

**2** Chạm vào [Cài đặt Mặc định].

**3** Chạm vào [Mục nhập].

Màn hình [Lưu làm Mặc định] hiển thị. Kiểm tra cài đặt hiện tại.

**4** Chạm vào [OK].

Các cài đặt được đăng ký làm cài đặt mặc định.

**5** Chạm vào [Đóng].



- Các cài đặt sau không được đăng ký làm cài đặt mặc định.
- [Chọn Giấy]

## Xóa Mặc định

Chức năng này đưa giá trị mặc định đã đăng ký trở lại giá trị do quản trị viên đặt. (Nếu quản trị viên chưa đăng ký giá trị mặc định, giá trị ban đầu sẽ được khôi phục.)

### 1 Chạm vào [Menu tùy chỉnh].

Màn hình [Menu tùy chỉnh] hiển thị.

### 2 Chạm vào [Cài đặt Mặc định].

### 3 Chạm vào [Xóa].

Màn hình [Khởi chạy] hiển thị.

### 4 Chạm vào [OK].

Giá trị mặc định được xóa.

### 5 Chạm vào [Đóng].

## Chỉnh sửa Thứ tự Nút

Chức năng này thay đổi cách sắp xếp các nút cài đặt.

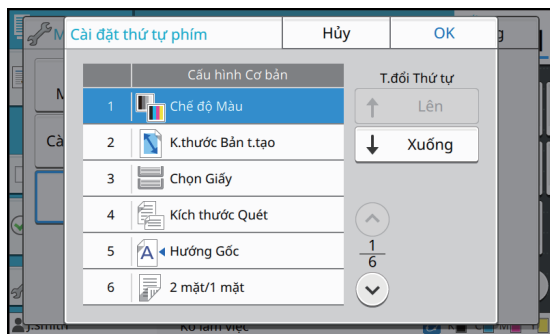
### 1 Chạm vào [Menu tùy chỉnh].

Màn hình [Menu tùy chỉnh] hiển thị.

### 2 Chạm vào [Cài đặt thứ tự phím].

Màn hình [Cài đặt thứ tự phím] hiển thị.

### 3 Chọn một trong các nút cài đặt.



### 4 Chạm vào [Lên] hoặc [Xuống] để thiết lập thứ tự.

### 5 Chạm vào [OK].

Việc sắp xếp các nút cài đặt được hoàn thành.

### 6 Chạm vào [Đóng].



Bạn có thể quét bản gốc dạng giấy để số hóa bản gốc đó.

Chọn đích để lưu dữ liệu đã quét theo cách bạn muốn sử dụng hình ảnh đã quét.

Bạn có thể lưu dữ liệu đã quét vào máy tính trên mạng, gửi qua email dưới dạng tệp đính kèm hoặc lưu vào ổ cứng cục bộ của máy này để tải xuống từ RISO Console.

## Tổng quan về Thao tác Quét ..... tr. 2-2

1. Nạp bản gốc.



2. Chạm vào [Quét] trên màn hình [Trang chủ].



3. Chọn địa chỉ hoặc đích.



4. Thay đổi cài đặt.



5. Kiểm tra nội dung hiển thị bản xem trước.



6. Chạm vào [Gửi].

## Cài đặt Quét..... tr. 2-6

Phần này giải thích chi tiết từng cài đặt quét.

## Nút Chức năng trong Chế độ Quét ..... tr. 2-10

Phần này giải thích các chức năng khả dụng trong chế độ Quét.



# 2



Quét

## Tổng quan về Thao tác Quét

Phần này giải thích các thao tác quét cơ bản.

### Quy trình

#### 1 Nạp bản gốc.

Để biết thêm thông tin về loại bản gốc có thể sử dụng, hãy xem “Bản gốc” trong “Thông tin An toàn”.

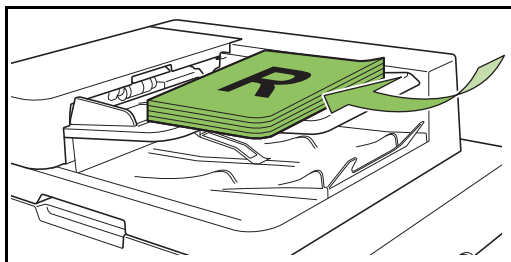


- Máy không thể quét khu vực trong phạm vi 1 mm tính từ mép giấy. (Bất kỳ phần hình ảnh nào nằm trong khu vực này đều bị mất.)

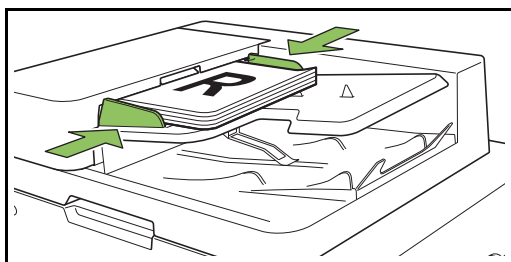
#### Trong ADF

##### 1 Nạp bản gốc trong ADF.

Căn chỉnh bản gốc và đặt bản gốc ngửa lên.



##### 2 Trượt bộ phận dẫn hướng bản gốc cho khớp với độ rộng bản gốc.



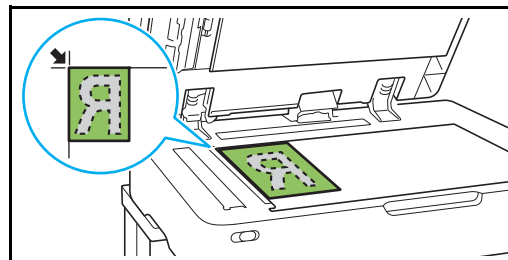
#### Trên Kính Tầm ép giấy

##### 1 Mở bìa gốc.

##### 2 Nạp Bản gốc

Đặt bản gốc úp xuống trên tấm kính.

Căn chỉnh góc của bản gốc với góc trên bên trái của tấm kính.



##### 3 Đóng bìa gốc.



- Mở và đóng bìa gốc nhẹ nhàng.

#### 2 Chạm vào [Quét] trên màn hình [Trang chủ].

Chọn [Gửi thư], [PC] hoặc [Bảng ĐK].



### 3 Chọn Địa chỉ/Đích.

Nếu bạn chọn [Gửi thư] hoặc [PC], hãy chỉ định địa chỉ/đích cho dữ liệu đã quét.



- Nếu chọn [Bảng ĐK], bạn không cần chỉ định đích. Dữ liệu đã quét được lưu vào ổ cứng cục bộ của máy này.

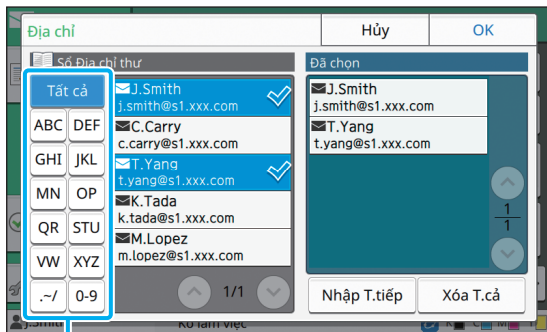
#### ■ Khi bạn đã chọn [Gửi thư]

Bạn có thể đính kèm dữ liệu đã quét vào email và gửi dữ liệu.

##### 1 Chạm vào [Địa chỉ].

Màn hình [Địa chỉ] hiển thị.

##### 2 Chọn địa chỉ từ [Sổ Địa chỉ thư].



Chỉ mục

Địa chỉ đã chọn xuất hiện trong [Đã chọn].

- Bạn có thể chạm vào chỉ mục để thu hẹp danh sách địa chỉ đã đăng ký trong sổ địa chỉ.

##### 3 Chạm vào [OK].



- Để gửi địa chỉ không hiển thị trong [Sổ Địa chỉ thư], hãy chạm vào [Nhập T. tiếp] để đăng ký địa chỉ mới.
- Để xóa địa chỉ khỏi [Đã chọn], bạn có thể xóa tất cả địa chỉ bằng cách chạm vào [Xóa T.cả] hoặc chọn địa chỉ để xóa và chạm vào [Xóa].
- Chạm vào [Người gửi] để hiển thị màn hình [Người gửi] và nhập tên người gửi.

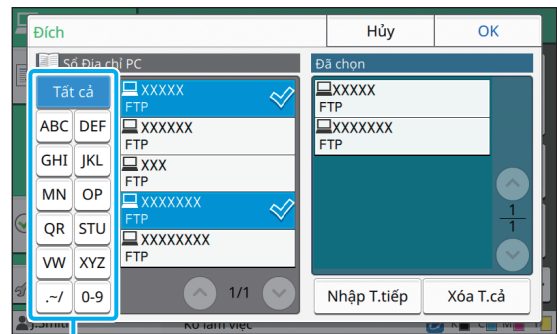
#### ■ Khi bạn đã chọn [PC]

Dữ liệu đã quét được lưu vào máy tính trên mạng.

##### 1 Chạm vào [Đích].

Màn hình [Đích] hiển thị.

##### 2 Chọn đích từ [Sổ Địa chỉ PC].



Chỉ mục

Đích đã chọn xuất hiện trong [Đã chọn].

- Bạn có thể chạm vào chỉ mục để thu hẹp danh sách đích đã đăng ký trong sổ địa chỉ.

##### 3 Chạm vào [OK].



- Để lưu dữ liệu vào máy tính chưa được liệt kê trong [Sổ Địa chỉ PC], hãy liên hệ với quản trị viên của bạn.
- Chạm vào [Nhập T. tiếp] để đăng ký đích mới. Để biết thêm thông tin về máy chủ đích, hãy liên hệ với quản trị viên của bạn.

2

## ● 4 Thay đổi cài đặt.

Chỉ định cài đặt chi tiết để quét.

Để biết thêm thông tin về các chức năng có thể cấu hình, hãy xem “Danh sách Cài đặt” (tr. 2-5).

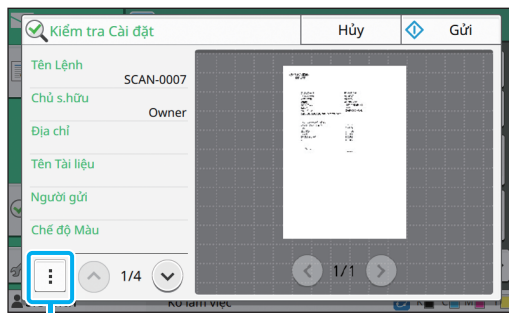
## ● 5 Kiểm tra nội dung hiển thị bản xem trước.

### 1 Chạm vào [Kiểm tra cài đặt].

Màn hình [Kiểm tra cài đặt] hiển thị.

### 2 Chạm vào [X. trước].

Quá trình quét bản gốc bắt đầu và bản xem trước hiển thị.



Menu phụ

Để chuyển đổi trang, chạm vào [◀] hoặc [▶].

Có thể cấu hình cài đặt sau từ menu phụ:

- Thay đổi Địa chỉ

## ● 6 Chạm vào [Gửi].

Màn hình [Đang quét] hiển thị và quá trình quét bản gốc bắt đầu. Trạng thái hiện tại hiển thị trên màn hình.

- Sau khi màn hình [Xác nhận] hiển thị, hãy chạm vào [Đóng].  
Bản gốc được quét và lưu.

## ■ Để hủy quét

### 1 Nhấn phím [Dừng].

Quá trình quét dừng lại và màn hình Quét hiển thị.



- Khi bạn chọn [Console] để quét dữ liệu, dữ liệu đã quét được lưu vào ổ cứng cục bộ của máy này. Dữ liệu đã quét có thể được tải xuống máy tính của người dùng bằng RISO Console. Xem “Màn hình Menu [Quét]” (tr. 6-9) trong “RISO Console”.
- Thời gian lưu trữ dữ liệu đã quét do quản trị viên cấu hình.



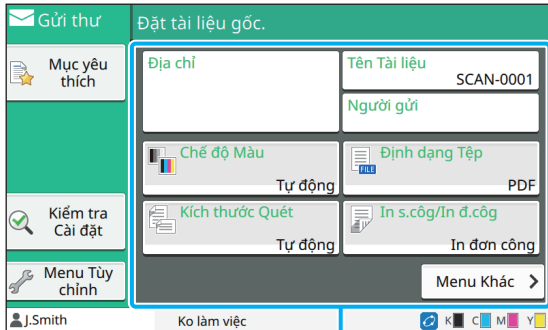
- RISO KAGAKU CORPORATION không chịu trách nhiệm về sự cố mất mát bất kỳ dữ liệu nào trên ổ cứng cục bộ của máy có thể xảy ra trong quá trình sử dụng máy này. Để bảo vệ dữ liệu, bạn nên sao lưu dữ liệu trước.

## Danh sách Cài đặt

Sau đây là danh sách cài đặt khả dụng ở chế độ Quét.

Mục cài đặt	Mô tả	Xem
Tên Tài liệu	Xem và chỉ định tên tài liệu khi lưu dữ liệu đã quét.	tr. 2-6
Chế độ Màu	Chỉ định chế độ màu của dữ liệu cần quét.	tr. 2-7
Kích thước Quét	Chỉ định kích thước quét cho bản gốc cần quét.	tr. 2-7
Định dạng file	Chỉ định định dạng tệp để lưu dữ liệu đã quét.	tr. 2-7
2 mặt/1 mặt	Chỉ định các mặt cần quét cho bản gốc.	tr. 2-8
Cấp độ Quét	Điều chỉnh cấp độ quét.	tr. 2-8
Hướng Bản gốc	Chỉ định hướng của bản gốc.	tr. 2-8
Độ phân giải	Chỉ định độ phân giải để quét bản gốc.	tr. 2-8
B.gốc K.thc K.hợp	Sử dụng tùy chọn này khi trong bản gốc sử dụng nhiều kích thước bản gốc khác nhau.	tr. 2-8
Xóa Bóng Sách	Sử dụng tùy chọn này để xóa bóng xuất hiện ở giữa ảnh khi quét một cuốn sách được mở ra.	tr. 2-8
Chia Trang	Sử dụng tùy chọn này để quét các trang dàn trên hai mặt và tách các trang đó thành hai phần (trái và phải).	tr. 2-8
Mã PIN	Gán mã PIN khi lưu lệnh đã quét trên ổ cứng cục bộ của máy này.	tr. 2-9
Loại bản gốc	Chọn loại bản gốc để tiến hành quy trình xử lý hình ảnh thích hợp và lưu dữ liệu đã quét.	tr. 2-9
Hiệu chỉnh Gamma	Sử dụng tùy chọn này để hiệu chỉnh độ cân bằng màu (CMYK) của dữ liệu đã quét.	tr. 2-9
Kiểm soát Hình ảnh	Chỉ định cách xử lý hình ảnh thích hợp cho bản gốc.	tr. 2-9
Mức Màu Cơ sở	Làm cho màu nền (màu cơ sở) sáng hơn để dễ đọc văn bản hơn.	tr. 2-9
Mục yêu thích	Gọi các cài đặt thường dùng.	tr. 2-10
Kiểm tra cài đặt	Sử dụng tùy chọn này để kiểm tra cài đặt hiện tại. Bạn có thể kiểm tra bản xem trước của dữ liệu đã quét.	tr. 2-10
Menu tùy chỉnh	Đăng ký mục yêu thích và cài đặt mặc định cũng như chỉnh sửa thứ tự nút. Bạn cũng có thể đăng ký và chỉnh sửa số địa chỉ.	tr. 2-10

# Cài đặt Quét

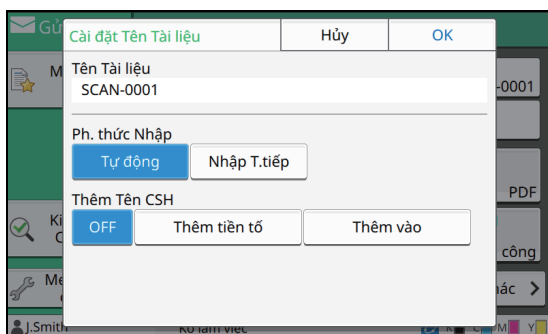


Các nút cài đặt

## Tên Tài liệu

Bạn có thể xem tên tài liệu cần sử dụng khi lưu dữ liệu đã quét.

Chạm vào [Tên Tài liệu] để đặt tên tài liệu.



### [Tên Tài liệu]

Trong số các thông tin được chỉ định trong [Ph. thức Nhập] và [Thêm Tên CSH], thông tin [Tên Tài liệu] và [Chủ s.hữu] hiển thị.

### [Ph. thức Nhập]

Chọn [Tự động] để đặt tên tài liệu tự động.

Chọn [Nhập T.tiếp] để nhập tên tài liệu theo lựa chọn của bạn.

Nếu bạn chọn [Tự động], tài liệu được đặt tên theo số thứ tự (từ 0001 đến 9999), số này đứng sau chữ "SCAN-" theo cài đặt mặc định.

### [Thêm Tên CSH]

Chỉ định thêm hay không thêm tên chủ sở hữu vào tên tài liệu được thiết lập trong [Ph. thức Nhập].

Chọn [OFF] để không thêm tên chủ sở hữu.

Chọn [Thêm tiền tố] để thêm tên chủ sở hữu trước tên tài liệu và đặt tên theo định dạng sau:

Tên chủ sở hữu - Tên tài liệu - Số trang\_Số thứ tự.đuôi tệp

Ví dụ: J.Smith-SCAN-0001-0001\_0001.tif

Chọn [Thêm vào] để thêm tên chủ sở hữu sau tên tài liệu và đặt tên theo định dạng sau:

Tên tài liệu - Tên chủ sở hữu - Số trang\_Số thứ tự.đuôi tệp

Ví dụ: SCAN-0001-J.Smith-0001\_0001.tif



- Số thứ tự chỉ được thêm khi xảy ra trường hợp trùng tên tệp.

## 1 Chạm vào [Tên Tài liệu].

Màn hình [Cài đặt Tên Tài liệu] hiển thị.

## 2 Chọn tùy chọn cho [Ph. thức Nhập].

## 3 Chọn để thêm tên chủ sở hữu hay không.

## 4 Chạm vào [OK].



- Để biết thêm thông tin về nhập văn bản, hãy xem "Nhập Văn bản" (tr. 26).
- Đối với [Nhập T.tiếp], bạn có thể sử dụng chữ hoa và chữ thường.

## Chế độ Màu

Chọn chế độ màu của dữ liệu cần quét.

### [Tự động]

Máy tự động xác định bản gốc có màu hay chỉ là đen trắng. Nếu bản gốc được xác định là có màu, bản gốc sẽ được chuyển đổi sang dữ liệu RGB và lưu. Nếu bản gốc được xác định là đen trắng, bản gốc sẽ được chuyển đổi sang dữ liệu đen và lưu.

### [Màu Đầy đủ]

Bản gốc được chuyển đổi sang dữ liệu RGB và lưu.

### [Thang độ xám]

Bản gốc có màu hoặc ảnh màu được chuyển đổi sang dữ liệu thang độ xám và lưu.

### [Đen]

Bản gốc được lưu thành dữ liệu đen trắng (nhị phân).

## 1 Chạm vào [Chế độ Màu].

Màn hình [Chế độ Màu] hiển thị.

## 2 Chọn chế độ màu.

## 3 Chạm vào [OK].

## Kích thước Quét

Chỉ định kích thước cho bản gốc cần quét.  
Để biết thêm thông tin, hãy xem “Kích thước Quét” (tr. 1-9) trong “Sao chép”.

## Định dạng file

Chỉ định định dạng tệp để lưu dữ liệu đã quét.

[PDF], [TIFF], [JPEG], [PDF/A]

Định dạng file	Mục cài đặt
[PDF]	[Chất lượng H.ảnh] [Mật khẩu PDF] [Trang Đơn] [ZIP]
[TIFF]	[ZIP]
[JPEG]	[Chất lượng H.ảnh] [ZIP]
[PDF/A]	[Chất lượng H.ảnh]

### [Chất lượng H.ảnh]

[1: Thấp], [2], [3], [4], [5: Cao]

### [Mật khẩu PDF]

Nhập mật khẩu người dùng và mật khẩu chủ sở hữu từ [Chi tiết].

### [Trang Đơn]

Chọn [ON] để lưu dữ liệu đã quét trong trang đơn.

### [ZIP]

Tùy chọn này xuất hiện khi gửi dữ liệu đã quét qua email hoặc gửi dữ liệu đã quét đến máy tính trên mạng. Chọn [ON] để nén dữ liệu đã quét vào tệp zip.



- Khi lưu dữ liệu đã quét vào ổ cứng cục bộ của máy này, dữ liệu đã quét được nén vào tệp zip.

## 1 Chạm vào [Định dạng file].

Màn hình [Định dạng file] hiển thị.

## 2 Chọn định dạng tệp để sử dụng cho việc lưu dữ liệu đã quét.

## 3 Thay đổi cài đặt nếu cần.

## 4 Chạm vào [OK].



- Nếu dữ liệu đã quét chỉ là một tệp, dữ liệu đã quét sẽ không được nén.
- Nếu đặt [Định dạng file] thành [PDF], tùy chọn [ZIP] sẽ trở thành khả dụng khi đặt [Trang Đơn] thành [ON].
- Cần có [Mật khẩu Người dùng] (có thể nhập khi chọn [PDF] làm định dạng tệp) để mở tài liệu sau này. Cần có [Mật khẩu Chủ sở hữu] để đặt quyền truy cập tài liệu, đặc biệt là quyền in và chỉnh sửa.  
[Mã PIN] (tr. 2-9) của máy này khác với các mật khẩu được nhắc đến ở trên; mã PIN phục vụ cho mục đích bảo vệ lệnh quét cần lưu trong ổ cứng cục bộ và lệnh in gửi từ máy tính.

## 2 mặt/1 mặt

Chỉ định các mặt cần quét cho bản gốc.

[Một mặt], [Hai mặt]

[Hướng Ph.trang]

Chỉ định cách mở trang theo hướng phải/trái hay trên cùng/dưới cùng.

[Hướng Góc] (tr. 2-8 “Hướng Bản gốc”)

### 1 Chạm vào [2 mặt/1 mặt].

Màn hình [2 mặt/1 mặt] hiển thị.

### 2 Chạm vào [Hướng Góc].

Chọn [Tr.cùg ởTrên] hoặc [Tr.cùg Btrái].

### 3 Chỉ định các mặt của bản gốc để quét.

Nếu bạn đã chọn [Hai mặt], hãy chỉ định hướng phân trang.

### 4 Chạm vào [OK].

## Cấp độ Quét

Điều chỉnh cấp độ quét.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Cấp độ Quét” (tr. 1-10) trong “Sao chép”.

## Hướng Bản gốc

Chỉ định hướng của bản gốc.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Hướng Bản gốc” (tr. 1-9) trong “Sao chép”.

## Độ phân giải

Chỉ định độ phân giải để quét bản gốc.

[200 dpi], [300 dpi], [400 dpi], [600 dpi]

### 1 Chạm vào [Độ phân giải].

Màn hình [Độ phân giải] hiển thị.

### 2 Chỉ định độ phân giải.

### 3 Chạm vào [OK].

## B.gốc K.thc K.hợp

Sử dụng tùy chọn này khi trong bản gốc sử dụng nhiều kích thước bản gốc khác nhau. Các kích thước có thể cùng tồn tại là “A4-LEF và A3”, “B5-LEF và B4”, “Letter-LEF và Ledger”.

Để biết thêm thông tin, hãy xem bước 2 và các bước tiếp theo trong “B.gốc K.thc K.hợp” (tr. 1-11) trong “Sao chép”.

## Xóa Bóng Sách

Xóa bóng xuất hiện ở giữa hình ảnh khi quét một cuốn sách được mở ra.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Xóa Bóng Sách” (tr. 1-12) trong “Sao chép”.

## Chia Trang

Sử dụng tùy chọn này để quét các trang dàn trên hai mặt và tách các trang đó thành hai phần (trái và phải).

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Chia Trang” (tr. 1-12) trong “Sao chép”.



## Mã PIN

Gán mã PIN khi lưu lệnh đã quét trên ổ cứng cục bộ của máy này. Bạn cần có mã PIN được đặt ở đây khi sử dụng RISO Console để tải xuống máy tính.

[OFF], [ON]

Nhập giá trị (tối đa 8 chữ số)

### 1 Chạm vào [Mã PIN].

Màn hình [Mã PIN] hiển thị.

### 2 Chạm vào [ON].

### 3 Sử dụng phím số để nhập mã PIN.

### 4 Chạm vào [OK].

## Loại bản gốc

Chọn loại bản gốc để tiến hành quy trình xử lý hình ảnh thích hợp để lưu dữ liệu đã quét.

[Dòng/Ảnh]

Chọn mục này khi bản gốc có cả văn bản và ảnh.

[Dòng]

Chọn mục này khi bản gốc có văn bản hoặc hình minh họa.

[Ảnh]

Chọn mục này khi bản gốc có ảnh.

### 1 Chạm vào [Loại bản gốc].

Màn hình [Loại bản gốc] hiển thị.

### 2 Chọn loại bản gốc.

### 3 Chạm vào [OK].

## Hiệu chỉnh Gamma

Hiệu chỉnh độ cân bằng màu của dữ liệu đã quét. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Hiệu chỉnh Gamma” (tr. 1-17) trong “Sao chép”.



- Khi đã đặt [Chế độ Màu] thành [Thang độ xám] hoặc [Đen], giá trị gamma chỉ có thể điều chỉnh được đối với K. Giá trị gamma không thể hiệu chỉnh được đối với C-R, M-G hoặc Y-B. (tr. 2-7 “Chế độ Màu”)

## Kiểm soát Hình ảnh

Chỉ định cách xử lý hình ảnh thích hợp cho bản gốc.

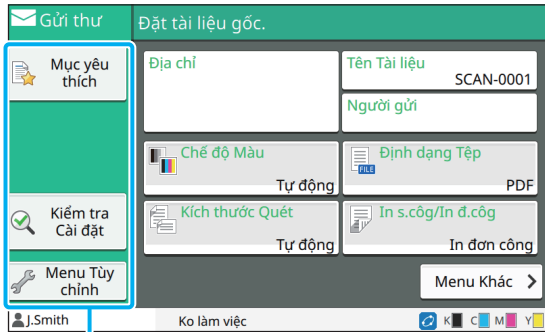
Để biết thêm thông tin, hãy xem “Kiểm soát Hình ảnh” (tr. 1-17) trong “Sao chép”.

## Mức Màu Cơ sở

Chức năng này làm cho màu nền (màu cơ sở) nhạt hơn để dễ đọc văn bản hơn khi quét bản gốc dạng văn bản có màu nền hoặc bản gốc in trên giấy màu.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Mức Màu Cơ sở” (tr. 1-18) trong “Sao chép”.

# Nút Chức năng trong Chế độ Quét



Nút chức năng

## Mục yêu thích

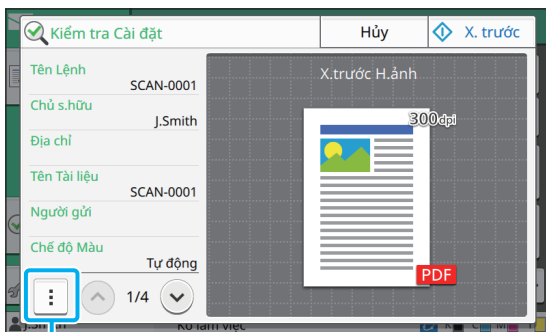
Có thể gọi những cài đặt này mỗi khi cần. Các cài đặt đề xuất được đăng ký trước làm mục yêu thích. Việc đăng ký cài đặt thường dùng có thể hữu ích. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Mục yêu thích” (tr. 1-25) trong “Sao chép”.

## Kiểm tra cài đặt

Sử dụng tùy chọn này để kiểm tra cài đặt hiện tại.

### 1 Chạm vào [Kiểm tra cài đặt].

Kiểm tra cài đặt hiện tại.



Menu phụ

Có thể cấu hình cài đặt sau từ menu phụ:

- Thêm vào Mục yêu thích
- Lưu làm mặc định
- In Danh sách Đây

Chạm vào [X. trước] để kiểm tra hình ảnh đã quét trước khi gửi dữ liệu.

### 2 Chạm vào [Hủy].

Để quét bản gốc bằng cài đặt bạn đã xem, hãy chạm vào [Gửi] hoặc [Lưu].

## Menu tùy chỉnh

Bạn có thể đăng ký mục yêu thích và cài đặt mặc định cũng như chỉnh sửa thứ tự nút. Bạn cũng có thể đăng ký và chỉnh sửa số địa chỉ.

### Thêm làm Mục yêu thích / Chỉnh sửa Mục yêu thích

Sử dụng chức năng này để đăng ký cài đặt được cấu hình bằng nút cài đặt làm mục yêu thích. Bạn có thể đăng ký tối đa 30 mục yêu thích. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Thêm làm mục yêu thích” (tr. 1-26) và “Chỉnh sửa Mục yêu thích” (tr. 1-27) trong “Sao chép”.



- Các cài đặt sau không được đăng ký làm mục yêu thích.  
- [Tên Tài liệu], [Mật khẩu PDF] trong [Định dạng file], [Mã PIN]

## Thêm vào Sổ Địa chỉ

Bạn có thể đăng ký địa chỉ và đích vào sổ địa chỉ.

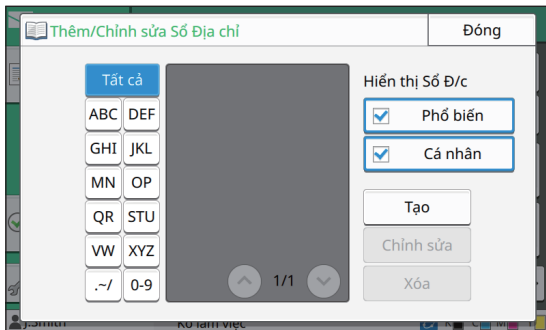
### ■ Khi bạn đã chọn [Gửi thư]

#### 1 Chạm vào [Menu tùy chỉnh].

Màn hình [Menu tùy chỉnh] hiển thị.

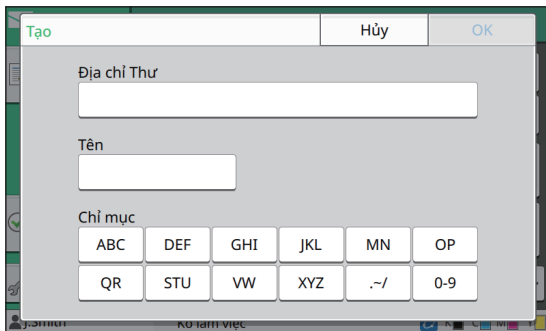
#### 2 Chạm vào [Thêm/Chỉnh sửa Sổ Địa chỉ].

Màn hình [Thêm/Chỉnh sửa Sổ Địa chỉ] hiển thị.



#### 3 Chạm vào [Tạo].

Màn hình [Tạo] hiển thị.



#### 4 Nhập địa chỉ email.

#### 5 Nhập tên người nhận.

#### 6 Chỉ định chỉ mục.

#### 7 Chạm vào [OK].

Địa chỉ email được đăng ký vào sổ địa chỉ.

#### 8 Đặt tùy chọn [Hiện thị Số Đ/c].

Chỉ định hiển thị tên người nhận thông thường hay người nhận đặc biệt trên sổ địa chỉ.

#### 9 Chạm vào [Đóng].

### ■ Khi bạn đã chọn [PC]

Đăng ký máy tính làm đích của dữ liệu đã quét.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Thư mục Dữ liệu Quét” trong “Hướng dẫn Quản trị” được cung cấp riêng.

## Chỉnh sửa Sổ Địa chỉ

Bạn có thể chỉnh sửa địa chỉ cá nhân và đích được đăng ký vào sổ địa chỉ.

### ■ Khi bạn đã chọn [Gửi thư]

#### 1 Chạm vào [Menu tùy chỉnh].

Màn hình [Menu tùy chỉnh] hiển thị.

#### 2 Chạm vào [Thêm/Chỉnh sửa Sổ Địa chỉ].

Màn hình [Thêm/Chỉnh sửa Sổ Địa chỉ] hiển thị.

#### 3 Chọn địa chỉ email và chạm vào [Chỉnh sửa].

Màn hình [Chỉnh sửa] hiển thị.

#### 4 Thay đổi cài đặt.

#### 5 Chạm vào [OK].

Cài đặt địa chỉ email thay đổi.

#### 6 Chạm vào [Đóng].

### ■ Khi bạn đã chọn [PC]

Thay đổi cài đặt được đăng ký làm đích của dữ liệu đã quét.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Thư mục Dữ liệu Quét” trong “Hướng dẫn Quản trị” được cung cấp riêng.

## Xóa Địa chỉ / Lưu Đích

Bạn có thể xóa địa chỉ cá nhân và đích khỏi sổ địa chỉ.

### ■ Khi bạn đã chọn [Gửi thư]

#### 1 Chạm vào [Menu tùy chỉnh].

Màn hình [Menu tùy chỉnh] hiển thị.

#### 2 Chạm vào [Thêm/Chỉnh sửa Sổ Địa chỉ].

Màn hình [Thêm/Chỉnh sửa Sổ Địa chỉ] hiển thị.

#### 3 Chọn địa chỉ email và chạm vào [Xóa].

Màn hình [Xác nhận] hiển thị.

#### 4 Chạm vào [OK].

Địa chỉ email được xóa khỏi sổ địa chỉ.

#### 5 Chạm vào [Đóng].

### ■ Khi bạn đã chọn [PC]

Xóa đích mà bạn đã đăng ký làm đích của dữ liệu đã quét.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Thư mục Dữ liệu Quét” trong “Hướng dẫn Quản trị” được cung cấp riêng.

## Lưu / Xóa Mặc định

Bạn có thể đăng ký giá trị nhập bằng nút cài đặt làm cài đặt mặc định.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Lưu làm Mặc định” (tr. 1-27) và “Xóa Mặc định” (tr. 1-28) trong “Sao chép”.



- Các cài đặt sau không được đăng ký làm cài đặt mặc định.
  - [Tên Tài liệu], [Mật khẩu PDF] trong [Định dạng file], [Mã PIN]

## Chỉnh sửa Thứ tự Nút

Chức năng này thay đổi cách sắp xếp các nút cài đặt.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Chỉnh sửa Thứ tự Nút” (tr. 1-28) trong “Sao chép”.

Kết nối máy này và máy tính với mạng để sử dụng máy này làm máy in.

Bằng cách dùng trình điều khiển máy in, bạn có thể gửi dữ liệu in đến máy này từ máy tính.

### Tổng quan về Thao tác In (Trình điều khiển Máy in) ..... tr. 3-2

1. Mở màn hình trình điều khiển máy in.



2. Thay đổi cài đặt.



3. Nhấp vào [OK].



4. Nhấp vào [In] hoặc [OK].

### Tổng quan về Thao tác In (Chế độ In) ..... tr. 3-3

1. Chạm vào [In] trên màn hình [Trang chủ].



2. Chọn một lệnh.



3. Nhấn phím [Bắt đầu].

### Cài đặt Trình điều khiển Máy in ..... tr. 3-9

Phần này giải thích chi tiết từng cài đặt trình điều khiển máy in.

### Nút Chức năng trong Chế độ In..... tr. 3-30

Phần này giải thích các chức năng khả dụng trong chế độ In.



# 3



In

## Tổng quan về Thao tác In

Chương này mô tả các thao tác cơ bản để sử dụng máy này làm máy in.

### Quy trình Từ Trình điều khiển Máy in

#### ● 1 Mở màn hình trình điều khiển máy in.

##### 1 Chọn tùy chọn in trong ứng dụng trên máy tính.

Hộp thoại in hiển thị.

##### 2 Kiểm tra tên máy in và nhấp vào [Thuộc tính] hoặc [Chi tiết].

Tên nút thay đổi tùy theo ứng dụng.

#### ● 2 Thay đổi cài đặt nếu cần.

Để biết thêm thông tin về các cài đặt có thể cấu hình, hãy xem “Danh sách Cài đặt” (tr. 3-6).

- Để khôi phục tất cả cài đặt trên màn hình trình điều khiển máy in về giá trị mặc định, hãy nhấp vào [Khôi phục mặc định].



- Cài đặt [Loại bản gốc] và [Loại Giấy] của trình điều khiển máy in ảnh hưởng lớn đến chất lượng in. Hãy thay đổi cài đặt theo điều kiện sử dụng.

#### ● 3 Nhấp vào [OK].

Hộp thoại in hiển thị.



- Nếu chọn hộp kiểm [Xếp bộ] trong hộp thoại in, hãy xóa dấu kiểm. Để in bằng cách sắp xếp bản sao, hãy đặt [Sắp xếp] trong tab [Cơ bản] thành [Đã sắp xếp].

#### ● 4 Nhấp vào [In] hoặc [OK].

Dữ liệu in được gửi đến máy này.



- Khi sử dụng liên kết hệ thống bên ngoài, tất cả các lệnh nhận được từ máy tính hiển thị trong [Lệnh của Hệ thống Ngoài] trên màn hình [In] của máy này. Bạn có thể in hoặc xóa lệnh từ đây.

Chức năng [Lệnh của Hệ thống Ngoài] hiển thị khi quản trị viên đặt [L.kết Hệ thống Bên ngoài] thành [ON].

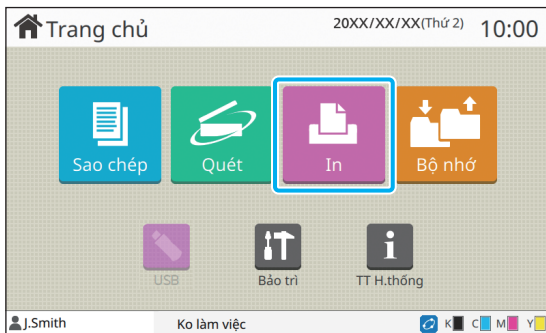
Để biết thêm thông tin, hãy xem “Lệnh của Hệ thống Ngoài” (tr. 3-30).

## Quy trình Từ Chế độ In

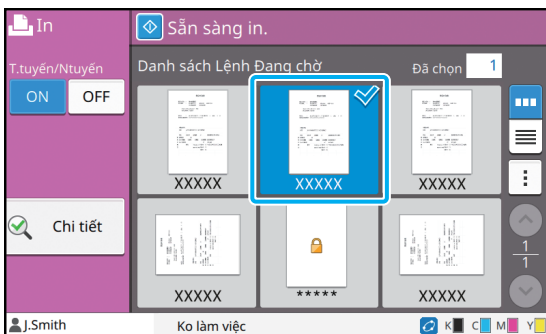


- Tùy theo cài đặt mà quản trị viên cấu hình, bạn có thể tiến hành in bằng cách đơn giản là đăng nhập.

### 1 Chạm vào [In] trên màn hình [Trang chủ].



### 2 Chọn một lệnh.



#### Biểu tượng hiển thị trên hình thu nhỏ



: Lệnh có mã PIN



: Lệnh bị hỏng (Dữ liệu bị hỏng hoặc dữ liệu có sự cố)

**Không:** Tất cả các lệnh khác được gửi từ máy tính

Có thể cấu hình cài đặt sau từ menu phụ.

- Chọn Tất cả / Bỏ chọn tất cả
- Xóa
- Th/đổi C.đặt



- Khi tên Lệnh vượt quá giới hạn ký tự, nửa đầu của tên Lệnh bị bỏ qua và hiển thị thành "...".
- Trong các trường hợp sau, tên lệnh hiển thị ở dạng "\*\*\*\*\*".
  - Lệnh có hộp kiểm [Ẩn Tên Lệnh] được đánh dấu trên trình điều khiển máy in (tr. 3-25 "Mã PIN")

### 3 Nhấn phím [Bắt đầu].

Lệnh đã chọn được in.

#### ■ Khi in lệnh có mã PIN

Màn hình nhập mã PIN hiển thị. Hãy nhập mã PIN bằng phím số và chạm vào [Tiếp tục].

3

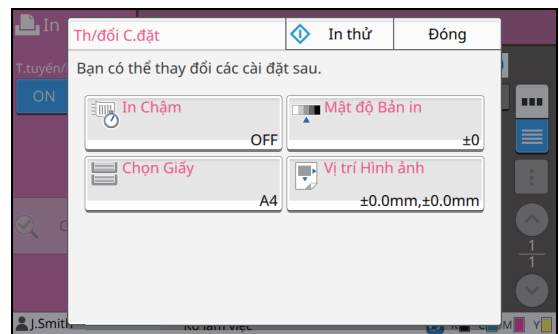
## Thay đổi Cài đặt Khi Đang in

### 1 Nhấn phím [Dừng].

Màn hình [Đang tạm ngưng] hiển thị.

### 2 Chạm vào [Th/đổi C.đặt].

Màn hình [Th/đổi C.đặt] hiển thị.



### 3 Thay đổi Cài đặt.

Bạn có thể thay đổi các cài đặt sau.

- In Chậm (tr. 1-23 "In Chậm")
- Mật độ Bản in (tr. 1-10 "Mật độ Bản in")
- Chọn Giấy (tr. 1-7 "Chọn Giấy")
- Vị trí Hình ảnh (tr. 1-18 "Vị trí Hình ảnh")



- Nếu bạn chạm vào [In thử], máy chỉ in một bản sao của trang đang được xử lý khi bạn nhấn phím [Dừng].

## 4 Chạm vào [Đóng].

## 5 Chạm vào [Tiếp tục].

Quá trình in lệnh có sửa đổi về cài đặt bắt đầu.

### Tiến hành Bảo trì Khi Đang in

## 1 Nhấn phím [Dừng].

Màn hình [Đang tạm ngưng] hiển thị.

## 2 Chạm vào [Bảo trì].

Màn hình [Bảo trì] hiển thị.

## 3 Thay đổi Cài đặt.

Bạn có thể thay đổi các cài đặt sau.

- Vệ sinh Phần đầu
- Kiểm soát Dẫn hướng Giấy
- Online/Offline
- Nhà Nấp Trước



- Chạm vào [Online/Offline] để hiển thị màn hình [Online/Offline]. Bạn có thể sử dụng toàn bộ máy in bằng cách đặt [Online/Offline] thành [OFF].
- Để biết thêm thông tin về [Vệ sinh Phần đầu] và [Nhà Nấp Trước], hãy xem “Hướng dẫn Khắc phục Sự cố” được cung cấp riêng.
- Nếu bạn chạm vào [In thử], máy chỉ in một bản sao của trang đang được xử lý khi bạn nhấn phím [Dừng].
- Nếu đang dùng khay xếp chồng tự động kiểm soát tùy chọn, bạn có thể điều chỉnh vị trí khay xếp chồng từ [Kiểm soát Dẫn hướng Giấy]. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Hướng dẫn Khắc phục Sự cố” được cung cấp riêng.

## 4 Chạm vào [Đóng].

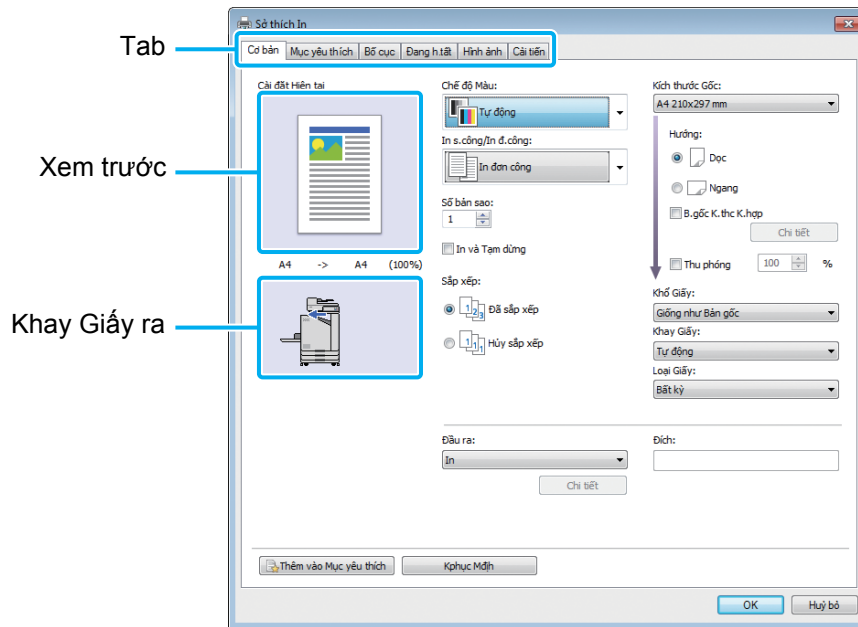
## 5 Chạm vào [Tiếp tục].

Quá trình in lệnh có sửa đổi về cài đặt bắt đầu.



## Màn hình Trình điều khiển Máy in

Có thể cấu hình cài đặt từ màn hình trình điều khiển máy in.



- Tab: Nhấp vào tab để chuyển đổi màn hình.
- Xem trước: Hiển thị hình ảnh xem trước của tài liệu cần in. Kích thước bản gốc, khổ giấy và tỷ lệ mở rộng/ thu nhỏ hiển thị dưới hình ảnh.
- Khay giấy ra: Khay giấy ra hiển thị với một mũi tên.



- Nhấp vào [Khôi phục mặc định] sẽ khôi phục tất cả cài đặt trên màn hình trình điều khiển máy in về giá trị mặc định.
- Khi kết nối thiết bị tùy chọn, đầu tiên, hãy cấu hình cài đặt tại [Cấu hình Máy in] trong tab [Môi trường] để sử dụng các chức năng nhất định. Các chức năng không khả dụng có màu xám. (tr. 3-27 “Tab [Môi trường]”)

## Danh sách Cài đặt

### Danh sách Cài đặt Trình điều khiển Máy in

Sau đây là danh sách cài đặt có thể cấu hình qua trình điều khiển máy in.

Mục cài đặt	Mô tả	Xem
<b>Tab [Cơ bản]</b>		
Chế độ Màu	Chọn in màu hoặc in đơn sắc.	tr. 3-9
In s.công/In đ.công	Chỉ định in đơn công hoặc song công.	tr. 3-9
Số lượng bản copy	Nhập số bản sao để in.	tr. 3-10
In và Tạm dừng	Để kiểm tra kết quả in, máy dừng sau khi in một tập.	tr. 3-10
Sắp xếp	Chỉ định phương thức xuất giấy ra khi in nhiều bản sao.	tr. 3-10
Kích thước bản gốc	Chỉ định khổ giấy và hướng của bản gốc.	tr. 3-10
B.gốc K.thc K.hợp	Sử dụng tùy chọn này khi trong dữ liệu bản gốc sử dụng nhiều kích thước bản gốc khác nhau.	tr. 3-11
Thu phóng	Chỉ định mở rộng hoặc thu hẹp hình ảnh gốc trước khi in nếu cần.	tr. 3-11
Khổ Giấy	Chỉ định khổ giấy để in.	tr. 3-11
Khay Giấy	Chỉ định khay nạp giấy để in.	tr. 3-12
Loại Giấy	Chỉ định loại giấy in.	tr. 3-12
Đầu ra và Đích	Chọn đầu ra cho dữ liệu tài liệu gửi từ máy tính. Nếu chọn [Bộ nhớ] hoặc [Lưu dưới dạng Tập] cho [Đầu ra], trường này sẽ hiển thị đích.	tr. 3-12
Thêm vào Mục yêu thích	Đăng ký cài đặt hiện tại trong tab Mục yêu thích.	tr. 3-13
<b>Tab [Mục yêu thích]</b>		
Danh sách	Kiểm tra cài đặt được đăng ký làm mục yêu thích.	tr. 3-14
Ch. sửa Mục yêu thích	Chỉnh sửa mục yêu thích đã đăng ký.	tr. 3-14
Mở Tập	Mở tập mục yêu thích đã lưu.	tr. 3-14
Lưu trong Tập	Lưu mục yêu thích thành định dạng tập chuyên dụng với đuôi “.uds”.	tr. 3-14
Thêm vào Mục yêu thích	Đăng ký cài đặt hiện tại trong tab Mục yêu thích.	tr. 3-14
<b>Tab [Bổ cục]</b>		
Kết hợp	Sử dụng tùy chọn này để kết hợp nhiều trang liên tiếp.	tr. 3-15
Lặp lại Hình ảnh	Sử dụng tùy chọn này để in nhiều lần cùng một trang trên một tờ.	tr. 3-15
Sách	Chỉ định lên khuôn cho sách nhỏ đóng nẹp ở giữa.	tr. 3-16
Hình mờ	Chỉ định hình nền mờ để thêm vào trang tài liệu.	tr. 3-16
Tem	Sử dụng tùy chọn này để dán tem số trang và ngày trong phần tiêu đề hoặc chân trang.	tr. 3-17
Vị trí Hình ảnh	Chỉ định tùy chọn này khi điều chỉnh vị trí in.	tr. 3-18
Xoay	Chỉ định hướng bản in.	tr. 3-18
Thêm vào Mục yêu thích	Đăng ký cài đặt hiện tại trong tab Mục yêu thích.	tr. 3-19

Mục cài đặt	Mô tả	Xem
<b>Tab [Đang h.tắt]</b>		
Rìa đóng sách	Chỉ định lề đóng nẹp.	tr. 3-19
Dập ghim	Chọn vị trí dập ghim. (Khi dùng bộ hoàn thiện úp xuống tùy chọn)	tr. 8-5
	Chọn vị trí dập ghim. (Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn)	tr. 8-12
Đục lỗ	Cấu hình cài đặt cho vị trí đục lỗ. (Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn)	tr. 8-15
Gập	Cấu hình cài đặt để gập giấy. (Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn với thiết bị gập)	tr. 8-15
Đóng Sách	Cấu hình cài đặt để đóng nẹp sách nhỏ. (Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn)	tr. 8-17
Bản ra sole	Chỉ định thời gian điều chỉnh giấy ra. (Khi dùng bộ hoàn thiện úp xuống tùy chọn)	tr. 8-4
	Chỉ định thời gian điều chỉnh giấy ra. (Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn)	tr. 8-12
Tám Nệm	Chỉ định thời gian chèn tám nệm giữa các bản in.	tr. 3-20
Thêm Bìa	Sử dụng tùy chọn này để thêm bìa trước và bìa sau vào mặt trước và mặt sau của bản in.	tr. 3-21
Khay Giấy ra	Chỉ định thời gian điều chỉnh giấy ra. (Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn)	tr. 8-19
	Chỉ định khay giấy ra. (Khi dùng khay xếp chồng tùy chọn)	tr. 8-27
Ch.tiếp Kh.Giấyra	Chọn mục này để tự động chuyển đổi khay giấy ra khi khay đầy. (Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn)	tr. 8-19
	Chọn mục này để tự động chuyển đổi khay giấy ra khi khay đầy. (Khi dùng khay xếp chồng tự động kiểm soát tùy chọn)	tr. 8-27
Thêm vào Mục yêu thích	Đăng ký cài đặt hiện tại trong tab Mục yêu thích.	tr. 3-21
<b>Tab [Hình ảnh]</b>		
Loại bản gốc	Chỉ định nhấn mạnh vào chất lượng hình ảnh của ảnh hoặc văn bản của bản in.	tr. 3-21
Mật độ Bản in	Chỉ định mật độ bản in.	tr. 3-21
Chất lượng Hình ảnh	Chỉ định độ phân giải của bản in.	tr. 3-22
Làm mềm viền	Chọn mục này để làm nhẵn đường nét của văn bản hoặc hình minh họa.	tr. 3-22
Sàng lọc	Chỉ định phương pháp xử lý bán sắc.	tr. 3-22
Hiệu chỉnh Gamma	Hiệu chỉnh độ sáng, sắc độ, độ tương phản và giá trị gamma RGB.	tr. 3-23
Xác định Khu vực Mã vạch	Sử dụng tùy chọn này khi in mã vạch.	tr. 3-23
Tạo ảnh Bì thư	Chỉ định cách xử lý hình ảnh để in bì thư.	tr. 3-25
Đường kẻ Mảnh Năng cao	Giúp các đường kẻ sắc nét trong bản gốc không bị biến mất.	tr. 3-25
Thêm vào Mục yêu thích	Đăng ký cài đặt hiện tại trong tab Mục yêu thích.	tr. 3-25

Mục cài đặt	Mô tả	Xem
<b>Tab [Cài tiến]</b>		
Chủ s.hữu	Sử dụng tùy chọn này để thiết lập tên chủ sở hữu theo lựa chọn của bạn.	tr. 3-25
Tên Lệnh	Chọn mục này khi đặt tên lệnh mong muốn.	tr. 3-25
Mã PIN	Sử dụng tùy chọn này để thêm mã PIN vào dữ liệu.	tr. 3-25
Nhận xét Lệnh	Sử dụng tùy chọn này để thêm nhận xét vào lệnh.	tr. 3-26
Chương trình	Sử dụng tùy chọn này khi phân bổ số bản sao khác nhau cho nhiều nhóm.	tr. 3-26
In Chậm	Tùy chọn này giảm tốc độ in cũng như giảm âm thanh vận hành của lệnh đang được xử lý.	tr. 3-26
Phát hiện Trang Trắng	Sử dụng tùy chọn này để không in bất kỳ trang trắng nào trong tài liệu.	tr. 3-26
Phiên bản	Bạn có thể xem phiên bản của trình điều khiển máy in.	tr. 3-27
Thêm vào Mục yêu thích	Đăng ký cài đặt hiện tại trong tab Mục yêu thích.	tr. 3-27

## Danh sách Nút Chức năng trong Chế độ In

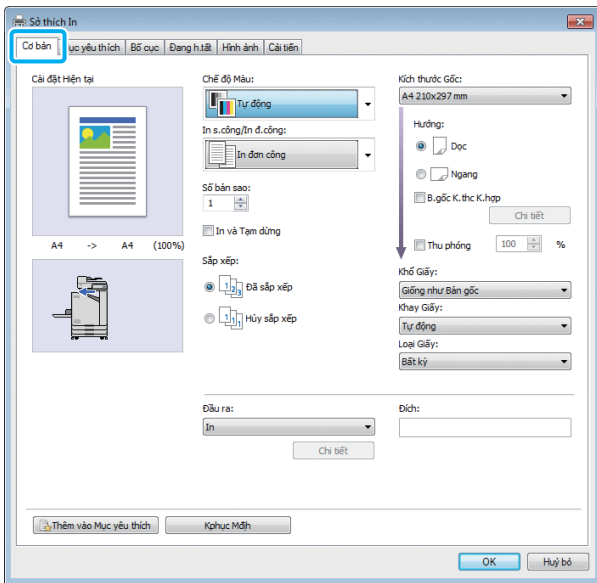
Các nút chức năng khả dụng trong chế độ In được liệt kê sau đây.

Mục cài đặt	Mô tả	Xem
T.tuyến/Ntuyến	Chức năng này chuyển đổi trạng thái kết nối mạng (trực tuyến/ngoại tuyến) của máy này.	tr. 3-30
Lệnh của Hệ thống Ngoài	Chức năng này xuất hiện khi quản trị viên thiết lập [L.kết Hệ thống Bên ngoài]. Bạn có thể in hoặc xóa lệnh hay kiểm tra số tiền.	tr. 3-30
Chi tiết	Sử dụng tùy chọn này để kiểm tra cài đặt hiện tại.	tr. 3-31
Th/đổi C.đặt	Sử dụng tùy chọn này để thay đổi cài đặt của lệnh.	tr. 3-31

# Cài đặt Trình điều khiển Máy in

Phần này mô tả cách cấu hình các cài đặt cơ bản của trình điều khiển máy in như chế độ màu, in song công/in đơn công và loại giấy.

## Tab [Cơ bản]



## Chế độ Màu

Chọn chế độ màu.

### [Tự động]

Máy tự động đọc màu của tài liệu và in màu đầy đủ (lục lam, đỏ tươi, vàng và đen) hoặc in màu đen.

### [Màu Đầy đủ]

Chọn tùy chọn này để in bốn màu (lục lam, đỏ tươi, vàng và đen).

### [Đen]

Chọn tùy chọn này để in một màu (đen) bất kể tài liệu đã sử dụng màu gì.

### [Lục lam]

Chọn tùy chọn này để in một màu (lục lam) bất kể tài liệu đã sử dụng màu gì.

### [Đỏ tươi]

Chọn tùy chọn này để in một màu (đỏ tươi) bất kể tài liệu đã sử dụng màu gì.

## In s.công/In đ.công

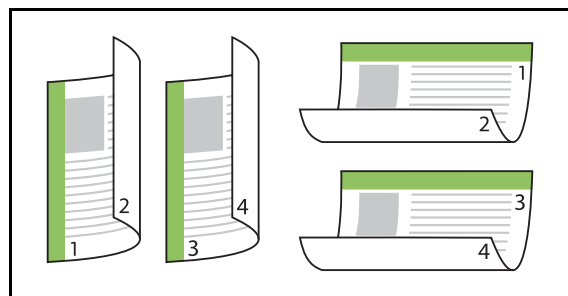
Chỉ định in đơn công hoặc song công.

### [In đơn công]

Dữ liệu được in lên một mặt giấy.

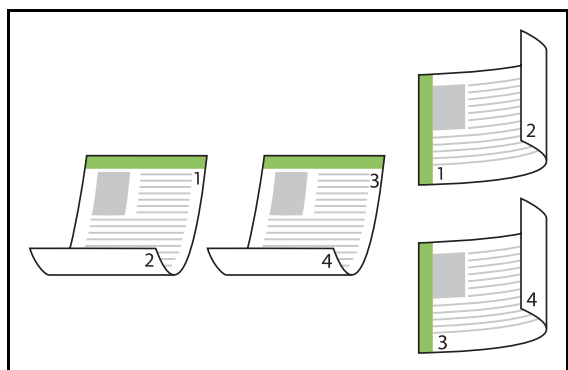
### [In Song công (Mép Dài)]

Dữ liệu được in trên cả hai mặt giấy với mép dài là vị trí đóng nẹp.



### [In S.công (Mép Ngắn)]

Dữ liệu được in trên cả hai mặt giấy với mép ngắn là vị trí đóng nẹp.



- Để in trên cả hai mặt giấy với tài liệu có kích thước kết hợp, hãy chỉ định hướng đóng nẹp trong hộp thoại [B.gốc K.thc K.hợp].

## Số lượng bản copy

Nhập số bản sao (từ 1 đến 9999) để in.



- Khi đã cấu hình chương trình, bạn không thể nhập số bản sao.

## In và Tạm dừng

Khi in tài liệu có nhiều trang hoặc tờ, máy sẽ in một trang hoặc một tập (trang hoặc tập này không nằm trong số trang được chỉ định) để bạn kiểm tra trước khi bắt đầu in thực sự. Sau khi bạn kiểm tra bản in ra, hãy nhấn phím [Bắt đầu] trên máy in để tiếp tục in. Chọn hộp kiểm để bật tùy chọn này.



- Theo đơn vị in ([Hủy sắp xếp] hoặc [Đã sắp xếp]) được chọn trong [Sắp xếp], một bản in được xuất ra để bạn kiểm tra.
- Sau khi kiểm tra bản in ra, bạn có thể thay đổi cài đặt trên bảng vận hành của máy in. (tr. 3-3 “Thay đổi Cài đặt Khi Đang in”)

## Sắp xếp

Chỉ định phương thức xuất giấy ra khi in nhiều bản sao.

[Đã sắp xếp], [Hủy sắp xếp]



- Nếu chọn [Đã sắp xếp], hãy xóa dấu kiểm soát [Xếp bộ] trong hộp thoại In của ứng dụng. Tài liệu có thể không được in đúng cách nếu chọn hộp kiểm này.

## Kích thước bản gốc

Chỉ định khổ giấy và hướng của dữ liệu tài liệu.

[Hướng]

[Dọc], [Ngang]



- Khi in trên bì thư, bạn nên kết nối khay xếp chồng và bộ nạp bì thư tùy chọn.
- Danh sách này hiển thị kích thước được đăng ký trong [M.nhập trên giấy tùy chỉnh] trong tab [Môi trường]. (tr. 3-28 “Mục nhập trên Giấy Tùy chỉnh”)

### Chỉ định Kích thước Tùy chỉnh

Khi tài liệu có kích thước không tiêu chuẩn, hãy chọn [Custom].

### 1 Chọn [Custom] cho [Kích thước bản gốc].

Hộp thoại [Tùy chỉnh] hiển thị.

### 2 Nhập kích thước tài liệu.

### 3 Nhấp vào [OK].



- Kích thước nhập ở đây chỉ hợp lệ khi cấu hình kích thước tài liệu. Việc đăng ký kích thước tài liệu thường dùng có thể hữu ích. (tr. 3-28 “Mục nhập trên Giấy Tùy chỉnh”)

## B.gốc K.thc K.hợp

Sử dụng tùy chọn này khi trong dữ liệu bản gốc sử dụng nhiều kích thước bản gốc khác nhau. Chọn hộp kiểm này để bật tính năng tự động chọn khay giấy phù hợp với kích thước tài liệu.



- Bạn không thể sử dụng tùy chọn [B.gốc K.thc K.hợp] với chức năng [Kết hợp], [Lập lại Hình ảnh] hoặc [Sách]. (tr. 3-15 “Kết hợp”, tr. 3-15 “Lập lại Hình ảnh”, tr. 3-16 “Sách”)
- Khi dùng chức năng này với in song công, chức năng in song công chỉ được áp dụng khi kích thước mặt trước và mặt sau của tài liệu là như nhau. (Nếu kích thước không giống nhau, mặt sau của trang được bỏ trống.)
- Khi in dữ liệu tài liệu có kích thước kết hợp mà không chọn hộp kiểm [B.gốc K.thc K.hợp], tất cả các trang sẽ được in theo kích thước của trang đầu tiên.

## ■ Sử dụng Chức năng này với In Song công

Khi sử dụng chức năng này với in song công, bạn có thể đặt vị trí đóng nẹp cho mỗi khổ giấy.

Chọn hộp kiểm [B.gốc K.thc K.hợp] và nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [B.gốc K.thc K.hợp]. Chọn vị trí đóng nẹp cho mỗi kích thước.

[Trang Lớn hơn]

[Mép Dài], [Mép Ngắn]

[Trang Nhỏ hơn]

[Mép Dài], [Mép Ngắn]

[Xoay Trang > 180 độ]

Chọn hộp kiểm [Xoay Trang > 180 độ] để xoay 180 độ cho các trang lớn hơn.



- [Trang Lớn hơn] nghĩa là trang A3, B4 và Tabloid; [Trang Nhỏ hơn] nghĩa là các kích thước khác.
- Một số ứng dụng không cho phép bạn xoay trang lớn hơn theo hướng mong muốn. Trong trường hợp này, hãy chọn hộp kiểm để xoay hướng in 180 độ.

## Thu phóng

Chỉ định tỷ lệ mở rộng/thu nhỏ của bản gốc.

Chọn hộp kiểm [Thu phóng] và nhập tỷ lệ mở rộng/thu nhỏ trong khoảng từ 50% đến 200%.

Nếu bạn không chọn [Thu phóng], tỷ lệ mở rộng/thu nhỏ sẽ được chọn tự động dựa trên cài đặt [Kích thước bản gốc] và [Khổ Giấy].

## Khổ Giấy

Chỉ định khổ giấy để in.



- Khi in trên bì thư, bạn nên kết nối khay xếp chồng và bộ nạp bì thư tùy chọn.
- Danh sách này hiển thị kích thước được đăng ký trong [M.nhập trên giấy tùy chỉnh] trong tab [Môi trường]. (tr. 3-28 “Mục nhập trên Giấy Tùy chỉnh”)

## ■ Chỉ định Khổ Giấy Tùy chỉnh

Khi giấy có kích thước không tiêu chuẩn, hãy chọn [Custom].

### 1 Chọn [Custom] cho [Khổ Giấy].

Hộp thoại [Tùy chỉnh] hiển thị.

### 2 Nhập kích thước của giấy.

### 3 Nhấp vào [OK].



- Kích thước nhập ở đây chỉ hợp lệ khi cấu hình kích thước tài liệu. Việc đăng ký khổ giấy thường dùng có thể hữu ích. (tr. 3-28 “Mục nhập trên Giấy Tùy chỉnh”)

## Khay Giấy

Chỉ định khay đầu vào để sử dụng cho việc in.

### [Tự động]

Khay giấy được chọn tự động theo cài đặt [Loại Giấy] và [Khổ Giấy].

### [Khay Nạp1], [Khay Nạp2]

Giấy nạp vào khay đã chỉ định được sử dụng để in.

### [Khay T.ch]

Giấy nạp vào khay tiêu chuẩn được sử dụng để in.



• Nếu chọn [Tự động] nhưng giấy được nạp vào khay trên thực tế lại không khớp với cài đặt [Khổ Giấy] và [Loại Giấy] (hoặc giấy tương tự được nạp vào nhưng không đặt cài đặt lựa chọn khay thành [Tự động L.chọn]), lỗi sẽ xuất hiện và lệnh không được in. Hãy chọn [Bất kỳ] trong [Loại Giấy]. (tr. 3-12 “Loại Giấy”)

• Bạn có thể sử dụng RISO Console để xác nhận khổ giấy và loại giấy nạp vào khay giấy của máy in. Xem “Màn hình [Vật tư tiêu hao]” (tr. 6-6) trong “RISO Console”.

## Loại Giấy

Chọn loại giấy in.

Bạn có thể in dữ liệu tài liệu có các điều chỉnh như điều chỉnh về màu sắc và lượng mực cũng như cách xử lý hình ảnh phù hợp với loại giấy đã chọn.

### [Bất kỳ]

Chọn tùy chọn này để bật tính năng lựa chọn loại giấy tự động theo cài đặt máy in.

### [Phẳng]

### [Giấy IJ], [Phủ Menmờ]

Chọn một trong những mục này khi sử dụng giấy IJ hoặc giấy tương tự.

### [C.lg cao]

### [Thẻ-IJ]



• Máy chọn cấu hình màu phù hợp nhất với loại giấy của bạn. Để in với độ cân bằng màu phù hợp, hãy khớp cài đặt giấy của máy in với giấy được nạp vào.

• Nếu chọn [Bất kỳ], có thể không thiết lập được giao tiếp với máy in. Nếu thay đổi cài đặt giấy của máy in sau khi gửi lệnh in, loại giấy và cách xử lý hình ảnh có thể không tương thích.

## Cấu hình màu

Màu trên màn hình hoặc thiết bị hiển thị khác được thể hiện bằng ba màu ánh sáng cơ bản (RGB: đỏ - red, xanh lục - green và xanh lam - blue). Tuy nhiên, màu in bằng mực được thể hiện bằng ba màu cơ bản (CMY: lục lam - cyan, đỏ tươi - magenta và vàng - yellow).

Vì CMY, dùng để thể hiện màu in trên giấy, có ít màu hơn RGB, dùng để thể hiện màu hiển thị trên màn hình máy tính, nên máy in không thể in màu chính xác như nhìn thấy trên màn hình. Ví lý do này nên cần sử dụng phương pháp đặc biệt để quy đổi màu RGB sang màu CMY để tái tạo màu gần giống hoặc gần như tự nhiên.

Phương pháp này gọi là “quản lý màu” và bảng quy đổi gọi là “cấu hình màu”.

Với phương pháp quản lý màu, máy in tự động chọn vài loại cấu hình màu để thu được màu tối ưu theo cách kết hợp hình ảnh gốc với giấy đang được sử dụng.

• Máy in này sử dụng cấu hình màu được tạo và chỉnh sửa dựa trên công nghệ ColorSet được cấp giấy phép của Monotype Imaging K.K.

## Đầu ra và Đích

Chỉ định in dữ liệu gửi từ máy tính hay lưu dữ liệu vào một thư mục trên máy in.

Bạn cũng có thể lưu dữ liệu vào ổ flash USB dưới dạng tệp PRN hoặc tạo một tệp để sử dụng trong Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch.

### [In]

Tài liệu được in.

### [In & Lưu trữ]

Lưu dữ liệu bản gốc vào thư mục trên máy và in dữ liệu đó.

### [Bộ nhớ]

Bạn có thể lưu dữ liệu tài liệu vào thư mục trên máy in dưới dạng tệp PRN.

### [Lưu vào Ổ USB]

Bạn có thể lưu dữ liệu tài liệu vào ổ flash USB dưới dạng tệp PRN. Ngay cả khi không có môi trường mạng, bạn vẫn có thể in bằng cách kết nối ổ flash USB với máy.

### [Lưu dưới dạng Tệp]

Tệp PRN được tạo để sử dụng trong Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch.





- Không tháo ổ flash USB khi chưa lưu xong. Trong khi lưu dữ liệu, biểu tượng máy in xuất hiện trong thanh tác vụ hiển thị trên máy tính. Khi lưu xong, biểu tượng máy in biến mất. Hãy đảm bảo rằng biểu tượng đã biến mất trước khi tháo ổ flash USB.



- Dữ liệu lưu trong thư mục trên máy này có thể in được từ màn hình [Bộ nhớ] - [Tải] (tr. 4-3) hoặc từ "Menu [Bộ nhớ]" (tr. 6-11) trên "RISO Console".
- Dữ liệu lưu trên ổ flash USB có thể in được từ màn hình [USB] - [Tải] bằng cách kết nối ổ flash USB vào máy. Bạn cũng có thể lưu dữ liệu vào máy này bằng cách sao chép dữ liệu vào thư mục trên máy. (tr. 5-7 "Sao chép sang thư mục")
- Tệp PRN là định dạng tệp chuyên dụng trong đó, dữ liệu được xuất ra qua trình điều khiển máy in. Loại tệp này chỉ có thể mở bằng máy in hoặc ứng dụng của RISO.
- Tên người dùng máy tính được thêm, làm chủ sở hữu, vào dữ liệu lưu trong thư mục trên máy.

## ■ Cài đặt Thư mục Đích

Thư mục đã đăng ký trong [Mục nhập Thư mục] trên tab [Môi trường] sẽ hiển thị trong [Đích]. (tr. 3-27 "Tab [Môi trường]")

### 1 Trong [Đầu ra], chọn [In & Lưu trữ], [Bộ nhớ] hoặc [Lưu vào Ổ USB].

### 2 Nhấp vào [Chi tiết].

Hộp thoại [Đầu ra] hiển thị.

### 3 Trong menu kéo xuống [Đích], chọn thư mục của dữ liệu bản gốc.

- Các thư mục khả dụng hiển thị trong danh sách [Đích].

### 4 Nhấp vào [OK].

Tên thư mục đã chọn hiển thị trong trường [Đích].

## Thêm vào Mục yêu thích

Bạn có thể lưu cài đặt hiện tại trên màn hình trình điều khiển máy in để truy xuất sau nếu cần. Số nhóm cài đặt tối đa có thể lưu là 30.

### 1 Cấu hình cài đặt cần thiết trên màn hình trình điều khiển máy in.

### 2 Nhấp vào [Thêm vào Mục yêu thích].

Hộp thoại [Thêm vào Mục yêu thích] hiển thị.

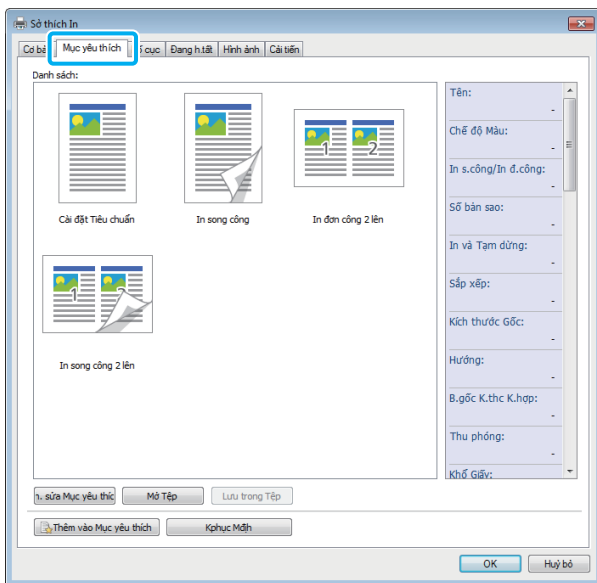
### 3 Nhập tên.

- Nhập tên dài tối đa 20 ký tự.

### 4 Nhấp vào [Mục nhập].

Cài đặt được lưu và hiển thị trong tab [Mục yêu thích].

## Tab [Mục yêu thích]



### Danh sách

Các cài đặt trình điều khiển máy in được đăng ký làm mục yêu thích sẽ hiển thị trong danh sách. Các cài đặt đề xuất được đăng ký trước làm mục yêu thích.

Nhấp vào một mục yêu thích để hiển thị chi tiết về cài đặt mục yêu thích đã chọn trong một danh sách. Cài đặt in thay đổi theo cài đặt mục yêu thích đã chọn.

### Ch. sửa Mục yêu thích

Chỉnh sửa mục yêu thích đã đăng ký.

#### [Cài đặt Hiện tại]

Các cài đặt mục yêu thích đã chọn sẽ hiển thị.

#### [Danh sách]

Mục yêu thích đã đăng ký sẽ hiển thị.

#### [Lên], [Xuống]

Bạn có thể thay đổi thứ tự hiển thị cho các mục yêu thích trong [Danh sách] bằng những phím này.

#### [Đổi tên]

Bạn có thể thay đổi tên đã đăng ký của mục yêu thích. Nhập tên mới có từ 1 đến 20 ký tự.

#### [Xóa]

Bạn có thể xóa mục yêu thích.

### Mở Tệp

Bạn có thể gọi và sử dụng cài đặt trình điều khiển máy in lưu trong máy tính.

#### 1 Nhấp vào [Mở Tệp].

Hộp thoại [Mở] hiển thị.

#### 2 Chọn tệp trên máy tính.

#### 3 Nhấp vào [Mở].

Các cài đặt được tải hiển thị trong [Danh sách].

### Lưu trong Tệp

Bạn có thể lưu cài đặt được đăng ký làm mục yêu thích vào máy tính.

Lưu cài đặt vào máy tính là việc rất hữu ích, chẳng hạn như khi bạn muốn chia sẻ cài đặt với nhiều người hoặc cài đặt lại trình điều khiển máy in.

#### 1 Chọn cài đặt trong [Danh sách] bạn muốn lưu vào máy tính.

#### 2 Nhấp vào [Lưu trong Tệp].

Hộp thoại [Lưu như] hiển thị.

#### 3 Chỉ định thư mục đích và tên tệp.

#### 4 Nhấp vào [Lưu].

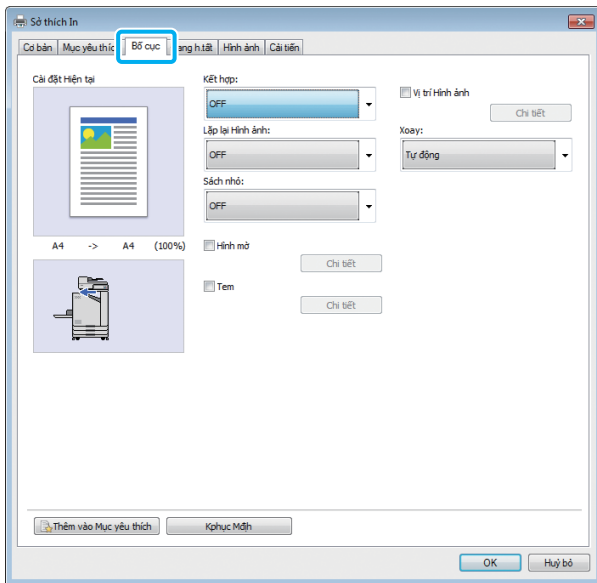
Cài đặt đã chọn được lưu.

### Thêm vào Mục yêu thích

Bạn có thể lưu cài đặt hiện tại trên màn hình trình điều khiển máy in để truy xuất sau nếu cần. Số nhóm cài đặt tối đa có thể lưu là 30.

Để biết thêm thông tin, hãy xem "Thêm vào Mục yêu thích" (tr. 3-13).

## Tab [Bố cục]



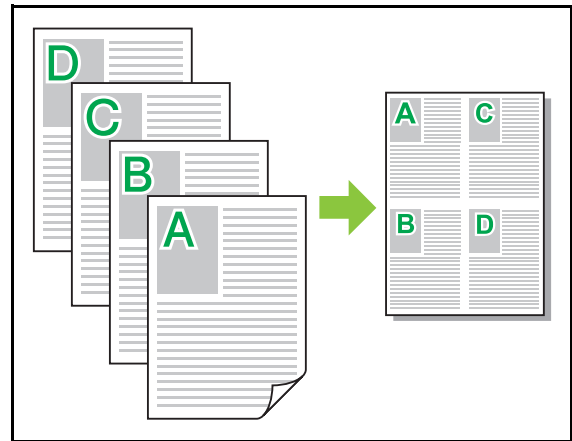
### Kết hợp

Chức năng này lên khuôn các trang liên tiếp nhau trên một tờ để in.

- Bạn không thể sử dụng chức năng [Kết hợp] với chức năng [B.gốc K.thc K.hợp], [Lặp lại Hình ảnh] hoặc [Sách]. (tr. 3-11 “B.gốc K.thc K.hợp”, tr. 3-15 “Lặp lại Hình ảnh”, tr. 3-16 “Sách”)

[OFF], [2 Tr: Trái sang Phải], [2 Tr: Phải sang Trái],  
 [2 Tr: Trên xuống Dưới], [2 Tr: Dưới lên Trên],  
 [4Tr: Tùg Btrái tớiĐcùg], [4 Tr: Tùg Btrái sag Ph],  
 [4Tr: Tùg Bphải tớiĐcùg], [4Tr: Tùg Bphải sagTrái],  
 [8Tr: Tùg Btrái tớiĐcùg], [8 Tr: Tùg Btrái sag Ph],  
 [8Tr: Tùg Bphải tớiĐcùg], [8Tr: Tùg Bphải sagTrái]  
 Chọn số trang mỗi tờ và trật tự bố cục của các trang.

Ví dụ: Nếu chọn [4Tr: Tùg Btrái tớiĐcùg]



### Lặp lại Hình ảnh

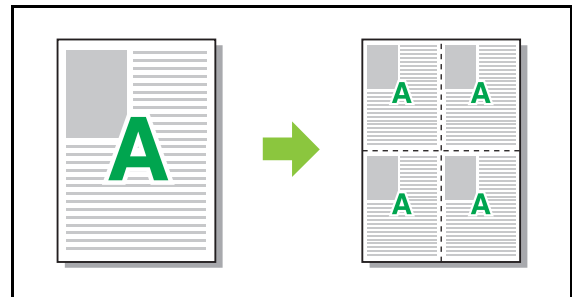
Trang tương tự được in nhiều lần trên một tờ.

- Bạn không thể sử dụng chức năng [Lặp lại Hình ảnh] với chức năng [B.gốc K.thc K.hợp], [Kết hợp] hoặc [Sách]. (tr. 3-11 “B.gốc K.thc K.hợp”, tr. 3-15 “Kết hợp”, tr. 3-16 “Sách”)

[OFF], [2 Trang], [4 Trang], [8 Trang]

Chọn số trang trên mỗi tờ.

Ví dụ: Nếu chọn [4 Trang]



## Sách

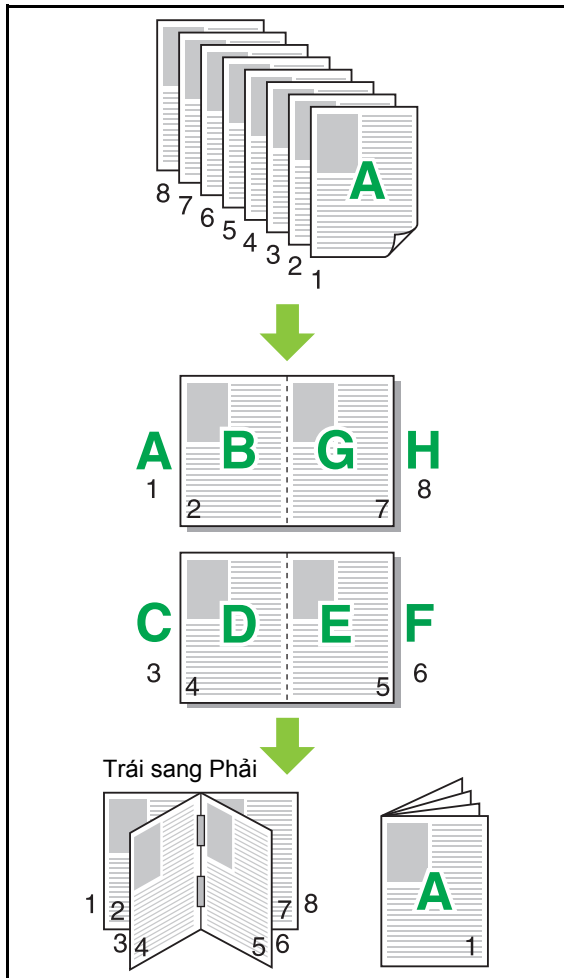
Nhiều trang liên tiếp được lên khuôn và in để tạo sách nhỏ đóng nẹp ở giữa sau khi in xong công.



- Bạn không thể sử dụng chức năng [Sách] với chức năng [B.gốc K.thc K.hợp], [Kết hợp] hoặc [Lập lại Hình ảnh]. (tr. 3-11 “B.gốc K.thc K.hợp”, tr. 3-15 “Kết hợp”, tr. 3-15 “Lập lại Hình ảnh”)
- Nếu bạn đang dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn, tùy chọn [Đóng Sách] (sách nhỏ gấp hoặc đóng nẹp ở giữa) trong tab [Đang h.tất] sẽ khả dụng.  
Để biết thêm thông tin, hãy xem “Đóng Sách” (tr. 8-17) trong “Thiết bị Tùy chọn”.

[OFF], [Trái sang Phải], [Phải sang Trái], [Tr.cùng/Dưới cùng]

Chỉ định trật tự bố cục. Tùy chọn [Trái sang Phải] và [Phải sang Trái] xuất hiện khi chọn [Đọc] cho [Kích thước bản gốc]. Tùy chọn [Tr.cùng/Dưới cùng] xuất hiện khi chọn [Ngang] cho [Kích thước bản gốc].



## Hình mờ

Thêm hình mờ theo kích thước mong muốn vào vị trí mong muốn trên bản in.

Chọn hộp kiểm [Hình mờ] và nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [Hình mờ]. Chọn chuỗi ký tự từ danh sách chuỗi ký tự và cấu hình cài đặt cần thiết.

Cài đặt đã chọn được áp dụng ngay cho hình ảnh xem trước.

### ■ Văn bản

[Chọn Văn bản]

[Confidential], [Important], [Circulation], [Reference], [Urgent], [Copying Prohibited]

[Thêm]

Bạn cũng có thể thêm một chuỗi ký tự dài tối đa 63 ký tự. Nhấp vào [Thêm] trong danh sách chuỗi ký tự và nhập chuỗi ký tự vào hộp thoại [Thêm].

[Xóa]

Chọn chuỗi ký tự để xóa khỏi danh sách và nhấp vào [Xóa].

Bạn không thể xóa chuỗi ký tự mặc định (Confidential, Important, Circulation, v.v.).

[Nhập Văn bản]

[Áp dụng]

Bạn cũng có thể in chuỗi ký tự dài tối đa 63 ký tự nhưng bạn không thể đăng ký chuỗi ký tự đó; hãy nhập chuỗi ký tự mỗi lần. Nhấp vào [Áp dụng] để áp dụng chuỗi ký tự đã nhập vào hình ảnh xem trước.



- Bạn cần có quyền quản trị đối với máy tính của mình để thêm hoặc xóa chuỗi ký tự hình mờ.

### ■ Xem trước

Hình ảnh hiển thị theo cài đặt. Bạn cũng có thể sử dụng con trỏ chuột để điều chỉnh vị trí hình ảnh xem trước.

### ■ Áp dụng Trang

[Tất cả Trang], [Trang Đầu tiên]

## ■ Trang trí Văn bản

### [Phông chữ]

Chọn phông chữ và kiểu chữ.

### [Kthước]

Chỉ định kích thước chuỗi ký tự.

### [Màu]

Chỉ định màu chuỗi ký tự. Nhấp vào [Khác] để chọn màu từ bảng màu của hệ điều hành.

### [Giấy bóng kính]

Chỉ định độ trong suốt của chuỗi ký tự. Giấy bóng kính càng cao, dữ liệu in càng dễ nhìn hơn trên nền của chuỗi ký tự hình mờ.

### [Khung]

[Không], [Vòng tròn], [H. chữ nhật], [Hai Hình CN]

Chọn khung cho hình mờ.

## ■ Vị trí Bản in

### [Góc Văn bản]

[Ngang (0 độ)], [Dọc (90 độ)], [Dọc (270 độ)],

[Chéo (45 độ)], [Chéo (315 độ)],

[Tùy chỉnh] (0-360 độ)

Chọn góc của văn bản. Bạn cũng có thể nhập góc dưới dạng số cho văn bản.

### [Vị trí Bản in]

[Giữa], [T.cùng Btrái], [Tr.cùng Giữa], [Trcùng Bphải],

[Giữa Bên phải], [D.cùng Bphải], [D.cùng Giữa],

[D.cùng Btrái], [Giữa Bên trái], [Tùy chỉnh]

Chọn vị trí bản in của hình mờ. Bạn cũng có thể nhập giá trị của các vị trí theo chiều ngang và dọc.

## Tem

Sử dụng tùy chọn này để dán tem số trang và ngày trong phần tiêu đề hoặc chân trang.

Chọn hộp kiểm [Tem] và nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [Tem]. Sử dụng màn hình tab để cấu hình cài đặt.

### [Trang], [Ngày]



- Không thể dán các loại tem khác nhau trong cùng một vị trí.
- Khi sử dụng chức năng này với [Kết hợp] hoặc [Lặp lại Hình ảnh], số trang và ngày được dán tem lên từng trang của giấy sao chép chứ không dán lên mỗi trang của tài liệu gốc. Khi sử dụng chức năng này với [Sách], số trang và ngày được dán tem lên từng trang sách nhỏ.

## ■ Trang

Để dán tem số trang, hãy chọn [ON] trên màn hình tab [Trang].

[T.cùng Btrái], [Tr.cùng Giữa], [Trcùng Bphải],  
[D.cùng Btrái], [D.cùng Giữa], [D.cùng Bphải]

Chỉ định vị trí bản in.

### [Giấy bóng kính]

Chọn hộp kiểm [Giấy bóng kính] để dán tem số trang lên trên cùng khi khu vực dán tem và hình ảnh chồng chéo. Xóa dấu kiểm để tạo một khoảng trắng bằng cách xóa hình ảnh trong khu vực dán tem rồi dán tem số trang vào khoảng trắng đó.

### [Số Bắt đầu]

Nhập số bắt đầu dán tem.

### [Dán tem Trang Bắt đầu]

Nhập trang bắt đầu dán tem. Để không dán tem lên bìa, hãy đặt [Dán tem Trang Bắt đầu] thành "2" (Đối với in song công, đặt mục này thành "3" tùy theo trường hợp).

### [Phông chữ]

Chọn phông chữ và kiểu chữ.

### [Kthước]

Chỉ định kích thước văn bản cho số trang.

## ■ Ngày

Để dán tem ngày, hãy chọn [ON] trên màn hình tab [Ngày].

[T.cùng Btrái], [Tr.cùng Giữa], [Tr.cùng Bphải],  
[D.cùng Btrái], [D.cùng Giữa], [D.cùng Bphải]

Chỉ định vị trí bản in.

### [Giấy bóng kính]

Chọn hộp kiểm [Giấy bóng kính] để dán tem ngày lên trên cùng khi khu vực dán tem và hình ảnh chồng chéo. Xóa dấu kiểm để tạo một khoảng trắng bằng cách xóa hình ảnh trong khu vực dán tem rồi dán tem ngày vào khoảng trống đó.

### [Áp dụng Trang]

Khi đặt tùy chọn này thành [Tất cả Trang], ngày được dán tem trên tất cả các trang.

Khi đặt tùy chọn này thành [Trang Đầu tiên], ngày chỉ được dán tem trên trang đầu tiên.

### [Ngày trên Tem]

Chọn [Hôm nay] để dán tem ngày dựa trên thông tin ngày của máy tính.

Chọn [C.định Ngày] để nhập ngày theo lựa chọn của bạn vào hộp văn bản.

### [Phông chữ]

Chọn phông chữ và kiểu chữ.

### [Kthước]

Chỉ định kích thước văn bản cho ngày.

## Vị trí Hình ảnh

Điều chỉnh vị trí in của hình ảnh.



- Bạn có thể di chuyển vị trí hình ảnh tối đa 20 mm theo tất cả các hướng (lên, xuống, trái, phải).
- Khi in song công, có thể điều chỉnh riêng mặt trước và mặt sau.

Chọn hộp kiểm [Vị trí Hình ảnh] và nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [Vị trí Hình ảnh].

Nhập giá trị vào trường nhập dữ liệu của hướng bạn muốn điều chỉnh.

### [Mặt Trước], [Mặt Sau]

Nhập giá trị trong [Ngang] và [Dọc].

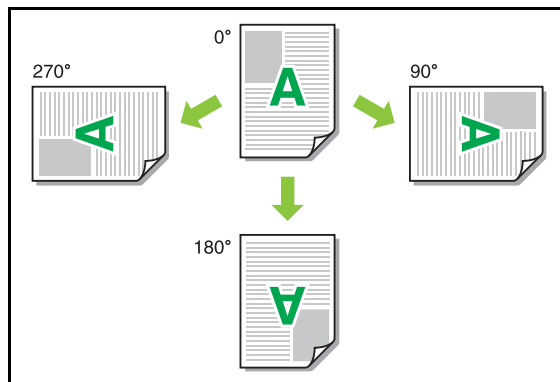
### [Đặt lại]

Tất cả các giá trị được đặt lại về 0.

## Xoay

Chỉ định hướng bản in.

[Tự động], [0 độ], [90 độ], [180 độ], [270 độ]



Khi chọn [Tự động], hướng bản in được đặt tự động theo hướng của dữ liệu tài liệu và hướng của giấy nạp vào khay giấy. Với cách sử dụng thông thường, hãy chọn [Tự động].



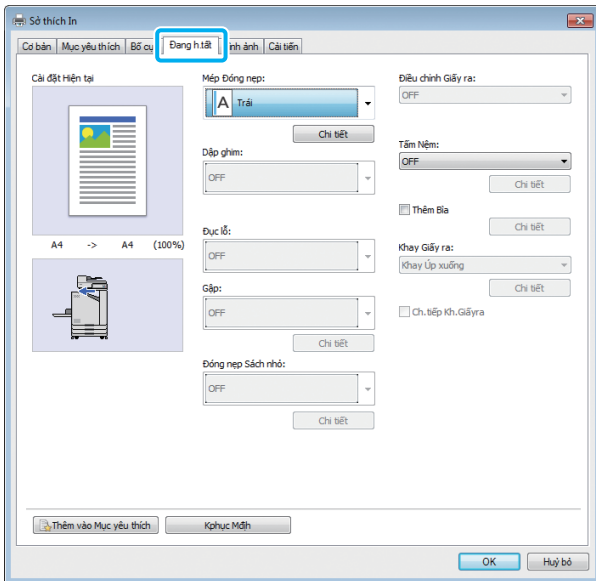
- Để căn chỉnh hướng bản in với bì thư hoặc giấy khác với hướng nạp cố định, hãy chỉ định góc xoay.
- [Tự động] có thể là tùy chọn khả dụng duy nhất tùy theo kích thước tài liệu, kích thước và hướng giấy nạp vào khay và các cài đặt khác.

## Thêm vào Mục yêu thích

Bạn có thể lưu cài đặt hiện tại trên màn hình trình điều khiển máy in để truy xuất sau nếu cần. Số nhóm cài đặt tối đa có thể lưu là 30.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Thêm vào Mục yêu thích” (tr. 3-13).

## Tab [Đang h. tắt]



## Rìa đóng sách

Chỉ định lề đóng nẹp.

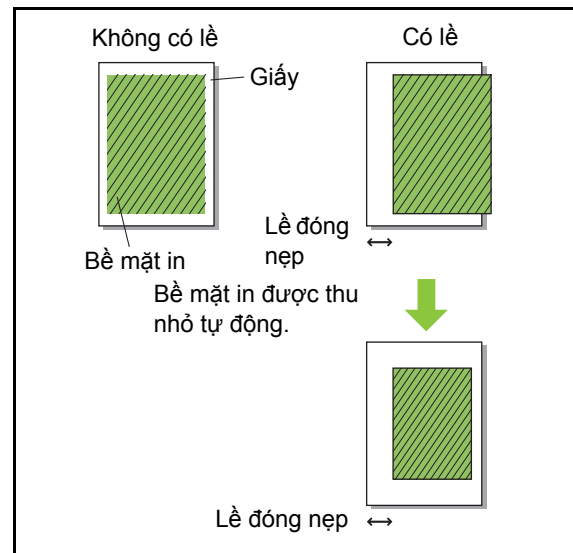
[Trái], [Phải], [Trên cùng]

### ■ Cài đặt Lề Đóng nẹp

Chọn lề đóng nẹp và nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [Rìa đóng sách].

Chỉ định độ rộng lề.

Chọn hộp thoại [T.độ Thu nhỏ] để tự động thu nhỏ hình ảnh được in cho vừa với giấy trong trường hợp độ rộng lề không cho phép hình ảnh được in theo tỷ lệ của bản gốc hiển thị vừa trong giấy.



3

## Dập ghim

Nếu đang dùng bộ hoàn thiện úp xuống hoặc bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn, bạn có thể chỉ định vị trí dập ghim.

Để biết thêm thông tin, hãy xem các trang sau:

- “Dập ghim” (tr. 8-5) khi dùng bộ hoàn thiện úp xuống tùy chọn
- “Dập ghim” (tr. 8-12) khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn

## Đục lỗ

Nếu bạn đang dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn, bạn có thể chỉ định vị trí đục lỗ. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Đục lỗ” (tr. 8-15) trong “Thiết bị Tùy chọn”.

## Gập

Nếu bạn đang dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn, chức năng gập giấy khả dụng. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Gập” (tr. 8-15) trong “Thiết bị Tùy chọn”.

## Đóng Sách

Nếu bạn đang dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn, chức năng đóng nẹp sách nhỏ khả dụng. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Đóng Sách” (tr. 8-17) trong “Thiết bị Tùy chọn”.

## Bản ra sole

Nếu bạn đang dùng bộ hoàn thiện úp xuống hoặc bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn, bạn có thể điều chỉnh vị trí xuất giấy ra.

Để biết thêm thông tin, hãy xem các trang sau:

- “Bản ra sole” (tr. 8-4) khi dùng bộ hoàn thiện úp xuống tùy chọn
- “Bản ra sole” (tr. 8-12) khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn

## Tấm Nệm

Sử dụng chức năng này để chèn tấm nệm giữa các đơn vị in khi in nhiều bản sao. Bạn có thể dán tem số hoặc chữ cái trên tấm nệm.

### [OFF]

Tấm nệm không được chèn vào.

### [Giữ các Lần sắp xếp]

Tấm nệm được chèn vào giữa các tập dựa trên đơn vị được chỉ định trong [Sắp xếp].

### [Giữa các Lệnh]

Tấm nệm được chèn vào giữa các lệnh in.

Chọn chèn tấm nệm giữa các lần sắp xếp hoặc giữa các lệnh và nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [Tấm Nệm].

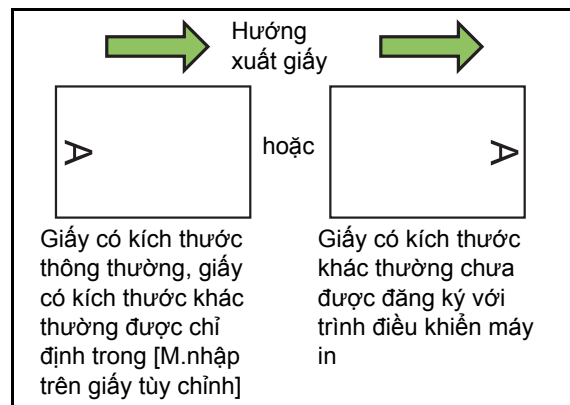
Chọn khay cho tấm nệm và chỉ định văn bản để dán tem.

## ■ Khay Tấm Nệm

[Khay T.ch], [Khay Nạp1], [Khay Nạp2]

## ■ Số trên Tấm Nệm

Văn bản được in ở dưới cùng (trong khoảng 5 mm tính từ mép) hoặc trên cùng (trong khoảng 5 mm tính từ mép) của tờ.



### [OFF]

Không có nội dung nào được dán tem.

### [1 2 3 ...]

Số được dán tem trên tấm nệm theo thứ tự số (1, 2, 3...). (Tối đa 9999)

### [A B C ...]

Chữ cái được dán tem trên tấm nệm theo thứ tự chữ cái (A, B, C...Z, AA, AB, AC...). (Cuối cùng là ZZZ)



## Thêm Bìa

Chỉ định tùy chọn này để thêm bìa trước và/hoặc bìa sau.

Giấy được thêm từ khay được chỉ định trước hoặc sau dữ liệu cần in. Chỉ định tùy chọn này để sử dụng giấy màu hoặc giấy khác với giấy cần in.

Chọn hộp kiểm [Thêm Bìa] và nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [Thêm Bìa]. Chọn hộp kiểm [Thêm Bìa Trước], [Thêm Bìa Sau] hoặc cả hai tùy chọn này và chỉ định khay cho bìa đã chọn.

### [Thêm Bìa Trước]

Tùy chọn này chèn một tờ bìa trước trang đầu tiên.

### [Thêm Bìa Sau]

Tùy chọn này chèn một tờ bìa sau trang cuối cùng.

### [Chọn Khay Bìa Trước], [Chọn Khay Bìa Sau] [Khay Tiêu Chuẩn], [Khay Nạp1], [Khay Nạp2]



- Chỉ định khay được nạp giấy cần dùng cho các bìa.
- Khi nạp giấy in sẵn, bạn nên in một tập để kiểm tra xem hướng có khớp với hướng của các trang khác cần in không.

## Khay Giấy ra

Nếu đang dùng bộ hoàn thiện đa chức năng hoặc khay xếp chồng tùy chọn, bạn có thể chọn khay để xuất giấy.

Để biết thêm thông tin, hãy xem các trang sau:

- “Khay Giấy ra” (tr. 8-19) khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn
- “Khay Giấy ra” (tr. 8-27) khi dùng khay xếp chồng tùy chọn

## Ch.tiếp Kh.Giấyra

Nếu bạn đang dùng bộ hoàn thiện đa chức năng hoặc khay xếp chồng tự động kiểm soát tùy chọn, khay giấy ra có thể chuyển đổi tự động khi khay đang dùng bị đầy.

Để biết thêm thông tin, hãy xem các trang sau:

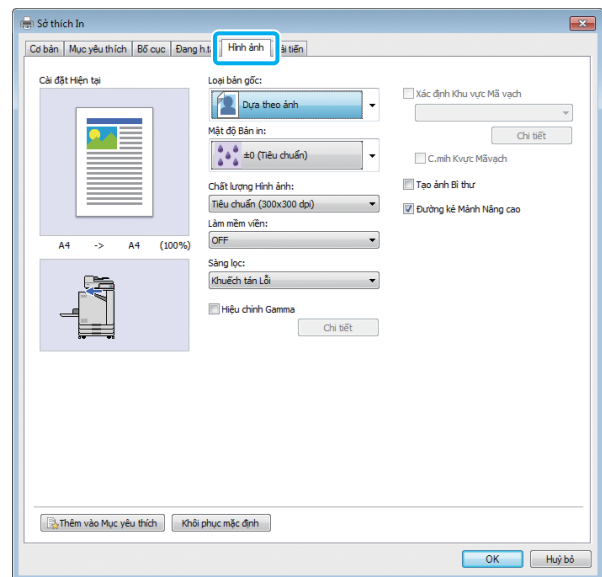
- “Ch.tiếp Kh.Giấyra” (tr. 8-19) khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn
- “Ch.tiếp Kh.Giấyra” (tr. 8-27) khi dùng khay xếp chồng tự động kiểm soát tùy chọn

## Thêm vào Mục yêu thích

Bạn có thể lưu cài đặt hiện tại trên màn hình trình điều khiển máy in để truy xuất sau nếu cần. Số nhóm cài đặt tối đa có thể lưu là 30.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Thêm vào Mục yêu thích” (tr. 3-13).

## Tab [Hình ảnh]



## Loại bản gốc

Chọn ưu tiên chất lượng hình ảnh của ảnh hay văn bản trong bản gốc.

### [Dựa theo ảnh]

Tùy chọn này xử lý dữ liệu hình ảnh với màu tự nhiên hơn.

### [Dựa theo dòng]

Tùy chọn này xử lý văn bản và hình minh họa một cách sắc nét.

## Mật độ Bản in

Chỉ định mật độ bản in.

[-3] (Sáng), [-2], [-1], [0 (Tiêu chuẩn)], [+1], [+2], [+3] (Tối)

## Chất lượng Hình ảnh

Chỉ định độ phân giải của hình ảnh.

### [Tiêu chuẩn (300 × 300 dpi)]

Phù hợp với tài liệu và các bản gốc có văn bản khác.

### [Bản nháp (300 × 300 dpi)]

Mức tiêu thụ mực được giảm xuống khi in. Khi dùng ít mực hơn, mật độ bản in được giảm xuống và các màu trung tính trở nên không đồng đều.

### [Nén Dữ liệu (300 × 300 dpi)]

Sử dụng tùy chọn này để ưu tiên tốc độ giao tiếp mạng hơn chất lượng. Khi kích thước tệp của dữ liệu in nhỏ hơn, các màu trung tính trở nên không đồng đều.

### [Tinh tế (300 × 600 dpi)]

Tùy chọn này phù hợp với ảnh và bản gốc tương tự.



- Thời gian in sẽ lâu hơn nếu bạn chọn [Tinh tế (300 × 600 dpi)].

- Trên ComColor black FW1230/FW1230R, [Tinh tế (300 × 600 dpi)] không hiển thị và độ phân giải được đặt cố định ở 600 × 600 dpi đối với mỗi cài đặt.

## Làm mềm viền

Chức năng này bổ sung các màu trung gian của bản vẽ và màu nền trong phần đường nét của văn bản hoặc hình minh họa (bản vẽ có đường nét) để làm cho đường nét mềm mại hơn.

Bạn có thể chọn một trong hai kiểu xử lý hình ảnh khác nhau.

### [OFF]

Chọn tùy chọn này nếu bạn không muốn làm nhẵn dòng.

### [Thấp]

Chọn tùy chọn này để làm cho đường nét mềm mại hơn. Đây là tùy chọn thích hợp với việc in dữ liệu không cần xử lý tinh tế.

### [Cao]

Chọn tùy chọn này để làm cho đường nét mềm mại hơn cũng như làm cho các ký tự và đường nét tinh tế hiển thị rõ ràng hơn.



(Hình ảnh)



- Quá trình xử lý hình ảnh của chức năng làm nhẵn dòng tỷ lệ nghịch với tốc độ xử lý (tốc độ in). Chất lượng hình ảnh càng cao, tốc độ in càng thấp.

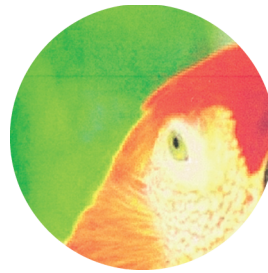
## Sàng lọc

Chỉ định phương pháp xử lý bán sắc.

Bán sắc là phương pháp xử lý làm thay đổi mật độ và kích thước của các điểm mực được in trên giấy để tạo cảm giác màu thay đổi từ từ liên tục khi chỉ dùng số lượng mực giới hạn.

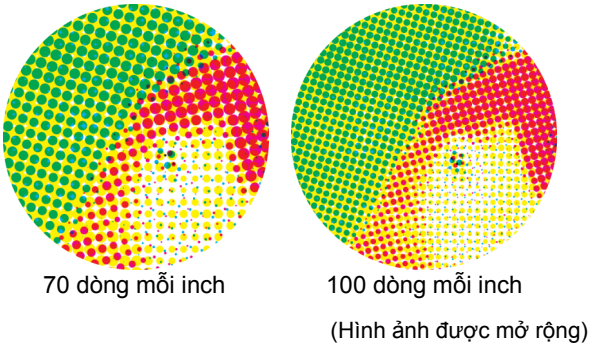
### [Khuếch tán Lỗi]

Mức độ thay đổi màu được thể hiện thông qua mật độ các điểm. Mật độ càng cao, màu càng tối. Mật độ càng thấp, màu càng sáng.



### [Xử lý Điểm (70 lpi)], [Xử lý Điểm (100 lpi)]

Mức độ thay đổi màu được thể hiện bằng cách thay đổi kích thước các điểm. Điểm càng lớn, màu càng tối. Điểm càng nhỏ, màu càng sáng. Chế độ xử lý điểm cho 100 dòng mỗi inch mang lại hình ảnh chi tiết.



- Trên ComColor black FW1230/FW1230R, chức năng xử lý điểm sẽ thể hiện mức độ thay đổi màu với kích cỡ điểm là 140 dòng mỗi inch hoặc 200 dòng mỗi inch.

## Hiệu chỉnh Gamma

Sử dụng chức năng này để hiệu chỉnh độ sáng, sắc độ, độ tương phản và giá trị gamma RGB.

Chọn hộp kiểm [Hiệu chỉnh Gamma] và nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [Hiệu chỉnh Gamma]. Nhập một giá trị từ -25 đến +25 cho mỗi mục.

### [Độ sáng]

Giá trị càng nhỏ, màu càng tối (càng đen). Giá trị càng lớn, màu càng sáng (càng trắng).

### [Sắc độ]

Giá trị càng nhỏ, màu càng mờ nhạt. Giá trị càng lớn, màu càng sống động.

### [Độ tương phản]

Điều chỉnh độ sáng tương phản.

Giá trị càng nhỏ, độ tương phản càng thấp. Giá trị càng lớn, độ tương phản càng cao.

### [Đỏ], [Xanh lục], [Xanh lam]

Điều chỉnh giá trị gamma cho mỗi màu.

Giá trị càng nhỏ, màu càng nhạt. Giá trị càng lớn, màu càng đậm.



- Khi bản in có màu hơi vàng, hãy giảm giá trị của màu đỏ và xanh lục. Để điều chỉnh màu khác, hãy tham vấn quản trị viên để cấu hình.

## Xác định Khu vực Mã vạch

Chức năng này điều chỉnh mật độ bản in của khu vực mã vạch được chỉ định để khu vực này trở nên dễ đọc.

### [Xác định Khu vực Mã vạch]

Chọn hộp kiểm này và chọn tệp xác định khu vực để in từ menu kéo xuống.

### [Chi tiết]

Nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [Xác định Khu vực Mã vạch]. Bạn có thể đặt giá trị mật độ bản in của khu vực mã vạch được chỉ định trong khoảng từ -3 đến +3.

### [C.mih K vực Mã vạch]

Bạn có thể kiểm tra trên bản in (bản in có bóng trên khu vực in mã vạch) xem phần xác định khu vực mã vạch có bị lệch không và chữ cái hoặc hình minh họa có nằm lên 1 mm xung quanh mã vạch không.

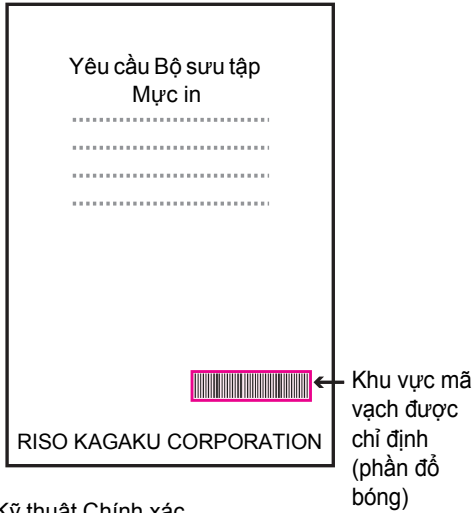
## Tạo Tệp Xác định Khu vực Mã vạch

Để sử dụng chức năng [Xác định Khu vực Mã vạch], hãy sử dụng Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch trước tiên để tạo tệp CSV chỉ định khu vực in mã vạch để đăng ký trong máy in.

Để biết cách cài đặt Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch, cách chỉ định khu vực mã vạch và cách đăng ký tệp xác định trong máy in, hãy xem "Sử dụng Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch" (tr. 7-1).

## ■ Kiểm tra Xác định Khu vực Mã vạch

Chọn hộp kiểm [C.mih K vực Mã vạch] và nhấp vào [OK] để xuất bản in ra để kiểm tra. Kiểm tra xem khu vực được chỉ định có bị lệch không. Nếu khu vực được chỉ định không được in ở vị trí mong muốn, hãy sử dụng lại Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch để cấu hình lại khu vực mã vạch.



Thông số Kỹ thuật Chính xác

- Lề xung quanh mã vạch rộng từ 1 mm trở lên.



- Khu vực được chỉ định không thể nhỏ hơn mã vạch.



- Khu vực được chỉ định phải được căn chỉnh với mã vạch.



- Không đưa đối tượng khác vào mã vạch. Mọi hình ảnh không đen bên trong khu vực được chỉ định được in ra với màu trắng (biến mất).



- Trong khu vực được chỉ định làm khu vực mã vạch, bất kể màu của bản gốc là gì, màu nền vẫn là màu trắng và màu mã vạch là màu đen. Khi in tài liệu bằng [Ktra K vực Mã vạch], khu vực mã vạch đã chỉ định được in bằng màu chỉ định trong cài đặt [Chế độ Màu].
- Loại mã vạch được nhắm mục tiêu theo một chiều. Nếu mã vạch có hai chiều (ví dụ: mã QR), bạn không cần thực hiện cài đặt này.
- Nếu bạn in bằng các độ phân giải khác nhau cho ứng dụng đã tạo bản gốc và máy in, bạn có thể không đọc được mã vạch chính xác kể cả khi dùng chức năng này.

## ■ In Bản gốc Mã vạch

Sau khi xác định chính xác khu vực mã vạch, hãy in tài liệu.

**1 Mở trình điều khiển máy in từ menu In trên màn hình ứng dụng của tài liệu.**

**2 Trên màn hình tab [Hình ảnh], chọn hộp kiểm [Xác định Khu vực Mã vạch].**

**3 Chọn tệp xác định khu vực mã vạch từ menu kéo xuống.**

**4 Nhấp vào [OK].**

Mật độ bản in của khu vực mã vạch được cấu hình phù hợp trước khi in.



- Đặt cài đặt cho bản gốc mã vạch thường dùng làm cài đặt mặc định. Điều này sẽ giúp bạn in mã vạch mà không phải tiến hành các cài đặt cần thiết mỗi lần in để in mã vạch dễ dàng.

## ■ Cách Đăng ký làm Mặc định

**1 Nhấp chuột phải vào máy in sê-ri FW từ [Thiết bị và Máy in] trên menu [Bắt đầu].**

**2 Mở màn hình trình điều khiển máy in từ [Sở thích In] để hiển thị màn hình tab [Hình ảnh].**

**3 Cấu hình cài đặt cần thiết để in mã vạch và nhấp vào [Áp dụng].**

Tệp “Xác định khu vực mã vạch” được đăng ký làm cài đặt mặc định. Từ giờ trở đi, bạn có thể in mã vạch bằng cách đơn giản là chọn trình điều khiển máy in.

### Tạo ảnh Bì thư

Hãy ngăn chặn hiện tượng nhòe và các vết bẩn nhỏ trong khi in bì thư. Chọn hộp kiểm [Tạo ảnh Bì thư].

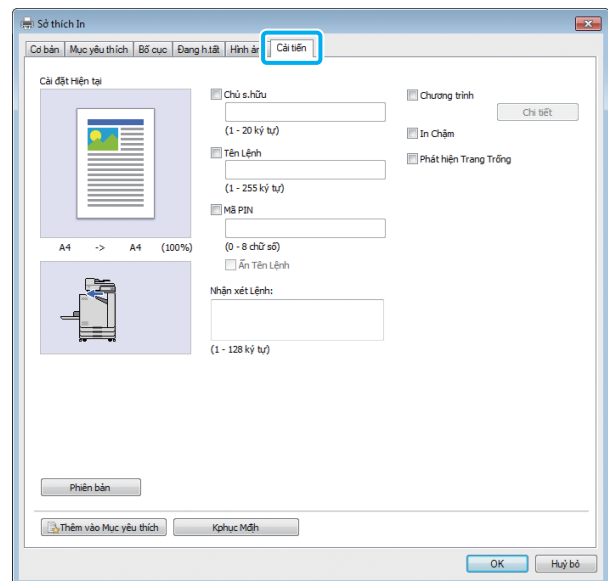
### Đường kẻ Mạnh Nâng cao

Giúp các đường kẻ sắc nét trong bản gốc không bị biến mất. Chọn hộp kiểm [Đường kẻ Mạnh Nâng cao].

### Thêm vào Mục yêu thích

Bạn có thể lưu cài đặt hiện tại trên màn hình trình điều khiển máy in để truy xuất sau nếu cần. Số nhóm cài đặt tối đa có thể lưu là 30. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Thêm vào Mục yêu thích” (tr. 3-13).

## Tab [Cải tiến]



### Chủ s.hữu

Bạn có thể nhập tên chủ sở hữu theo lựa chọn của mình. Chọn hộp kiểm [Chủ s.hữu] để nhập tên chủ sở hữu.

### Tên Lệnh

Bạn có thể nhập tên lệnh theo lựa chọn của mình. Chọn hộp kiểm [Tên Lệnh] để nhập tên lệnh.

### Mã PIN

Bạn có thể đặt mã PIN khi in tài liệu bạn không muốn người khác xem. Để in lệnh được bảo vệ bằng mã PIN, hãy nhập mã PIN bằng bảng vận hành của máy in. Chọn hộp kiểm [Mã PIN] và nhập mã PIN. Khi chọn [Ẩn Tên Lệnh], tên lệnh hiển thị với dấu sao (\*) trên bảng vận hành của máy in và trên RISO Console.



- Quản lý mã PIN để khỏi quên. Người dùng không có quyền quản trị viên không thể xóa lệnh khỏi danh sách có mã PIN không xác định. Hãy liên hệ quản trị viên để xóa những lệnh này.

## Nhận xét Lệnh

Bạn có thể nhập nhận xét cho người dùng máy in. Bạn có thể hiển thị nhận xét lệnh bằng bảng vận hành của máy in hoặc RISO Console.

## Chương trình

Chức năng này hữu dụng khi phân bổ số bản sao khác nhau cho nhiều nhóm. Bạn có thể cấu hình tối đa 60 nhóm.

Chọn hộp kiểm [Chương trình] và nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [Chương trình]. Chỉ định số bản sao và tập cho mỗi nhóm.

### Nhập Số Bản sao và Tập

Bạn có thể chỉ định tối đa 9.999 bản sao và 99 tập mỗi nhóm. Ví dụ: để phân bổ tài liệu cho bốn phòng ban trong một văn phòng, bạn có thể sử dụng [Chương trình] để in theo số tờ cho mỗi ban bằng một thao tác.

Phòng ban	Tổng hợp 1	Tổng hợp 2	Kế toán	Quản lý
Số nhân viên	10	6	24	6

Để in tờ rơi theo nhóm, hãy cấu hình cài đặt như sau.

Phòng ban	Tổng hợp 1	Tổng hợp 2	Kế toán	Quản lý
Số bản sao × Số tập	10 × 1	6 × 1	24 × 1	6 × 1

Ngay cả khi hai phòng ban có cùng số nhân viên (chẳng hạn Tổng hợp 2 và Quản lý), bạn vẫn có thể cấu hình cài đặt như sau để in số tờ mỗi phòng ban.

Nhóm	01G (Tổng hợp 1)	02G (Tổng hợp 2 và Quản lý)	03G (Kế toán)
Số bản sao × Số tập	10 × 1	6 × 2	24 × 1

### Sắp xếp

Chỉ định in từng trang hay in theo tập.

[Hủy sắp xếp], [Đã sắp xếp]

### Tấm Nệm (Chương trình)

Chèn tấm nệm để tách biệt các bản in ra thành các đơn vị được chỉ định.

#### [OFF]

Tấm nệm không được chèn vào.

#### [Giữa các Tập]

Tấm nệm được chèn vào giữa các tập.

#### [Giữa các Nhóm]

Tấm nệm được chèn vào giữa các nhóm.

### Khay Tấm Nệm

[Khay Nạp1], [Khay Nạp2], [Khay Tiêu Chuẩn]

### Số trên Tấm Nệm

Khi chọn hộp kiểm này, số được dán tem lên tấm nệm.

Nếu chọn [Giữa các Tập], số nhóm và số tập được dán tem.

Nếu chọn [Giữa các Nhóm], số nhóm được dán tem.

### Bản ra sole (Chương trình)

Chức năng này khả dụng khi chọn bộ hoàn thiện úp xuống hoặc bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn.

Để biết thêm thông tin, hãy xem các trang sau:

- “Bản ra sole (Chương trình)” (tr. 8-7) khi dùng bộ hoàn thiện úp xuống tùy chọn
- “Bản ra sole (Chương trình)” (tr. 8-19) khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn

## In Chậm

Tùy chọn này giảm tốc độ in. Tùy chọn này cũng giảm âm thanh vận hành của lệnh đang được xử lý.

## Phát hiện Trang Trống

Dữ liệu in được in ngoại trừ trang trống.



- “Trang trống” nghĩa là trang thường được xuất ra mà không in gì trên đó. Trang được in cho dù chỉ có tiêu đề hoặc chân trang nhưng không có văn bản chính.

## Phiên bản

Kiểm tra “phiên bản” và “cấu hình màu” của trình điều khiển máy in cũng như “tên model” của máy in.

## Thêm vào Mục yêu thích

Bạn có thể lưu cài đặt hiện tại trên màn hình trình điều khiển máy in để truy xuất sau nếu cần. Số nhóm cài đặt tối đa có thể lưu là 30.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Thêm vào Mục yêu thích” (tr. 3-13).

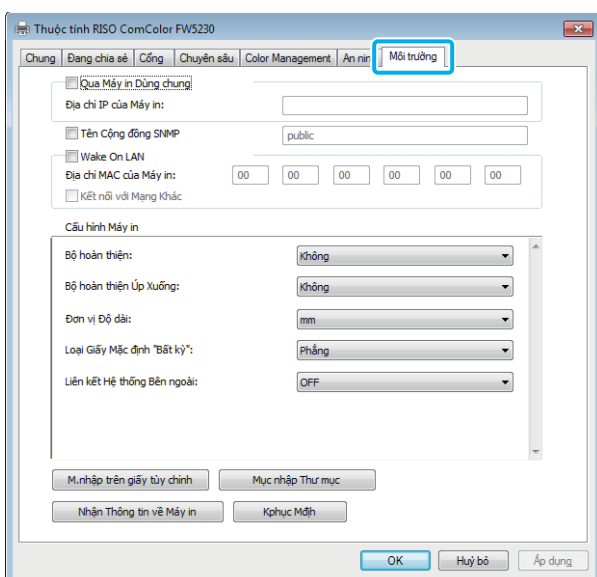
## Cài đặt Môi trường

Phần này mô tả cách cấu hình cài đặt môi trường, bao gồm cấu hình của thiết bị tùy chọn được kết nối với máy.

Khi sử dụng trình điều khiển máy in lần đầu tiên hoặc thêm thiết bị tùy chọn vào máy, hãy cấu hình máy in.

## Tab [Môi trường]

Để hiển thị tab [Môi trường], hãy chuyển tới [Thiết bị và Máy in] từ menu [Bắt đầu], nhấp chuột phải vào máy in sê-ri FW và mở [Thuộc tính Máy in].



- Nhấp vào [Khôi phục mặc định] sẽ khôi phục tất cả cài đặt trên tab về giá trị mặc định.

## Qua Máy in Dừng chung

Chọn tùy chọn này để chia sẻ trình điều khiển máy in của máy tính đóng vai trò máy chủ để sử dụng máy này.

Chọn hộp kiểm và nhập địa chỉ IP của máy trong trường [Địa chỉ IP của Máy in]. Bạn có thể kiểm tra địa chỉ IP của máy in trên màn hình [TT H.thống] - [Thông tin Máy] trên bảng vận hành.

## Tên SNMP

Chỉ định tên cộng đồng cho quá trình giao tiếp SNMP.

Đánh dấu chọn vào [Tên SNMP] và dùng hộp văn bản để nhập 1 đến 32 ký tự làm tên cộng đồng cho quá trình giao tiếp SNMP.



- Nếu bạn không đánh dấu chọn vào [Tên SNMP], thì tên cộng đồng cho quá trình giao tiếp SNMP sẽ được đặt thành “public”.
- Bạn có thể nhập các ký tự số, chữ (viết hoa/thường) và các biểu tượng sau vào hộp văn bản dành cho [Tên SNMP]:  
., / : ; @ [ \ ] ^ \_
- Thông tin trên máy sẽ không thể được trích xuất nếu tên cộng đồng SNMP trên máy và trong trình điều khiển máy in không giống nhau. Nếu bạn thay đổi tên cộng đồng SNMP trên máy, hãy nhớ áp dụng thay đổi đó cho cả trình điều khiển máy in.

## Cấu hình Địa chỉ MAC

Chọn [Nhận Thông tin về Máy in] và nhấp vào [Áp dụng] để lấy địa chỉ MAC và hiển thị địa chỉ đó trong [Địa chỉ MAC của Máy in]. Để nhập địa chỉ MAC bằng cách thủ công, chọn hộp kiểm [Wake On LAN] và nhập địa chỉ MAC trong [Địa chỉ MAC của Máy in] rồi chọn [Kết nối với Mạng Khác].

### [Kết nối với Mạng Khác]

Thông thường, không chọn hộp kiểm này. Chọn tùy chọn này khi phân khúc mạng của máy in và máy tính khác nhau.



## Cấu hình Máy in

Thông thường, hãy nhấp vào [Nhận Thông tin về Máy in] để lấy thông tin cấu hình thiết bị tùy chọn từ máy in một cách tự động. Thông tin lấy từ máy hiển thị trong [Cấu hình Máy in]. Bạn cũng có thể thay đổi thông tin thu được theo cách thủ công.



- Thông tin hiển thị trên màn hình thay đổi tùy theo thiết bị tùy chọn được kết nối.

### ■ Cấu hình Máy in Tự động

Chọn [Nhận Thông tin về Máy in] và nhấp vào [Áp dụng] để lấy thông tin cấu hình thiết bị tùy chọn từ máy in và hiển thị thông tin đó trong [Cấu hình Máy in].



- [Đơn vị Độ dài], [Loại Giấy Mặc định “Bất kỳ”] và [Liên kết Hệ thống Bên ngoài] không được cấu hình tự động.

### ■ Cấu hình Máy in theo cách Thủ công

Bạn có thể thay đổi cấu hình thiết bị tùy chọn mà bạn lấy từ máy in.

Chỉ định các cài đặt sau theo cách thủ công.

#### [Bộ hoàn thiện]

Chọn loại bộ hoàn thiện được kết nối với máy này.

#### [Bộ hoàn thiện]

Chọn có bộ hoàn thiện úp xuống hay không.

#### [Đơn vị Độ dài]

Chọn hiển thị độ dài bằng [mm] hoặc [inch].

#### [Loại Giấy Mặc định “Bất kỳ”]

Chọn loại giấy để sử dụng khi đặt [Loại Giấy] trong tab [Cơ bản] trên màn hình trình điều khiển máy in thành [Bất kỳ].

#### [Liên kết Hệ thống Bên ngoài]

Đặt tùy chọn này thành [ON] để bật và [OFF] để tắt liên kết hệ thống bên ngoài.



- Máy thay đổi cấu hình màu theo loại giấy. (tr. 3-12 “Loại Giấy”) Cho dù không chỉ định loại giấy, bạn vẫn phải chọn một trong các cấu hình màu. Hãy lựa chọn dựa trên khuyến nghị của quản trị viên.

## Mục nhập trên Giấy Tùy chỉnh

Đăng ký tối đa 99 khổ giấy không tiêu chuẩn. Kích thước được đăng ký tại đây hiển thị trong [Kích thước bản gốc] và [Khổ Giấy].

### ■ Cấu hình Khổ Giấy Tự động

Bạn có thể sử dụng tùy chọn này khi đã đăng ký khổ giấy trong máy in.

#### 1 Nhấp vào [M.nhập trên giấy tùy chỉnh].

Hộp thoại [M.nhập trên giấy tùy chỉnh] hiển thị.

#### 2 Nhấp vào [Nhận Thông tin về Máy in].

Thông tin về khổ giấy đã đăng ký trong máy in hiển thị.

#### 3 Nhấp vào [Đóng].

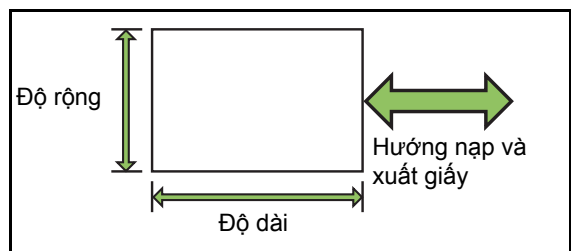
Thông tin về khổ giấy được lưu.

### ■ Cấu hình Khổ Giấy theo cách Thủ công

#### 1 Nhấp vào [M.nhập trên giấy tùy chỉnh].

Hộp thoại [M.nhập trên giấy tùy chỉnh] hiển thị.

#### 2 Nhập độ rộng và độ dài của giấy.



Nếu bạn đang dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn, hãy xem “Bộ hoàn thiện Đa chức năng FG10 (Tùy chọn)” (tr. 9-11) trong “Phụ lục”.

#### 3 Nhập tên cho khổ giấy.

Nhập tên dài tối đa 30 ký tự.

#### 4 Nhấp vào [Thêm] để đăng ký khổ giấy.



## 5 Nhấp vào [Đóng].

Thông tin về khổ giấy được lưu.

### ■ Lưu khổ giấy vào Máy tính

Bạn có thể lưu khổ giấy đã đăng ký vào máy tính. Lưu cài đặt vào máy tính rất hữu ích, chẳng hạn như khi bạn muốn chia sẻ khổ giấy đã đăng ký với nhiều người dùng hoặc cài đặt lại trình điều khiển máy in.

## 1 Nhấp vào [M.nhập trên giấy tùy chỉnh].

Hộp thoại [M.nhập trên giấy tùy chỉnh] hiển thị.

## 2 Chọn khổ giấy để lưu từ hộp danh sách.

## 3 Nhấp vào [Lưu trong Tập].

## 4 Chỉ định thư mục đích và tên tệp.

## 5 Nhấp vào [Lưu].

Khổ giấy đã chọn được lưu.

### ■ Đọc Khổ giấy từ Máy tính

Bạn có thể đọc và sử dụng khổ giấy đã lưu vào máy tính.

## 1 Nhấp vào [M.nhập trên giấy tùy chỉnh].

Hộp thoại [M.nhập trên giấy tùy chỉnh] hiển thị.

## 2 Nhấp vào [Mở Tập].

## 3 Chọn tệp với cài đặt khổ giấy trên máy tính.

## 4 Nhấp vào [Mở].

Khổ giấy đã đọc hiển thị trong danh sách trên hộp thoại [M.nhập trên giấy tùy chỉnh].

### ■ Xóa Khổ Giấy

## 1 Nhấp vào [M.nhập trên giấy tùy chỉnh].

Hộp thoại [M.nhập trên giấy tùy chỉnh] hiển thị.

## 2 Chọn khổ giấy để xóa khỏi hộp danh sách.

## 3 Nhấp vào [Xóa].

Khổ giấy đã chọn được xóa.

### Mục nhập Thư mục

Bạn có thể đăng ký trong trình điều khiển máy in thư mục để lưu dữ liệu in. Thư mục dùng chung và thư mục cá nhân đăng ký tại đây hiển thị dưới dạng thư mục đích của dữ liệu in ở [Đầu ra] trong tab [Cơ bản] trên màn hình trình điều khiển máy in. (tr. 3-12 “Đầu ra và Đích”)



- Nếu không lấy được thông tin thư mục từ máy in, các thư mục dùng chung sẽ hiển thị thành “Thư mục Dùng chung 1” đến “Thư mục Dùng chung 30”.

### ■ Cấu hình Mục nhập Thư mục

## 1 Nhấp vào [Mục nhập Thư mục].

Hộp thoại [Mục nhập Thư mục] hiển thị.

## 2 Nhấp vào [Nhận Thông tin về Máy in].

Thông tin về thư mục dùng chung đã đăng ký trong máy in sẽ hiển thị trong [T.mục D.chung trong Máy in].

## 3 Chọn thư mục để thêm vào [Thư mục đã Đăng ký] và nhấp vào [Thêm ->].

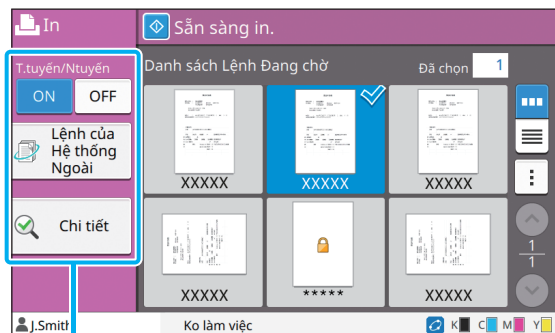
## 4 Cấu hình thư mục cá nhân.

Đối với thư mục cá nhân, hãy chọn hộp kiểm [Sử dụng Thư mục Cá nhân].

## 5 Nhấp vào [Áp dụng].

## 6 Nhấp vào [OK].

# Nút Chức năng trong Chế độ In



Nút chức năng


## T.tuyên/Ntuyên

Bạn có thể chuyển đổi trạng thái kết nối mạng (trực tuyến/ngoại tuyến). Khi đặt cài đặt này thành [OFF], máy không chấp nhận thứ tự in từ máy tính.

Bạn nên sử dụng tùy chọn [OFF] khi sử dụng riêng máy này.

[OFF], [ON]



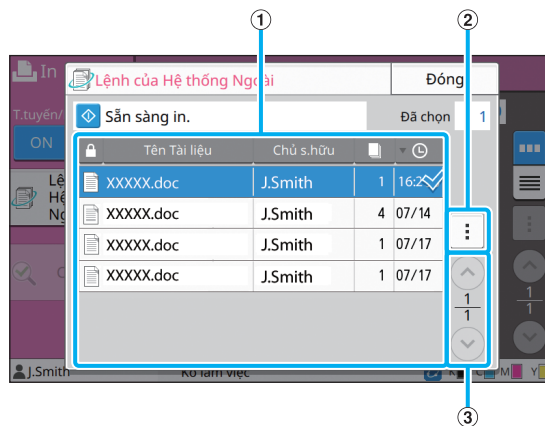
• Khi đặt cài đặt này thành [OFF], [] hiển thị. (tr. 17 “Màn hình [Trang chủ]”)

• Nếu người dùng không đưa cài đặt này trở về [ON] sau khi in lệnh của mình, cài đặt tự động quay về [ON] trong các trường hợp sau.

- Khi tiến hành tự động đặt lại (Thời gian tự động đặt lại do quản trị viên đặt.)
- Khi bạn đăng xuất

## Lệnh của Hệ thống Ngoài

Khi sử dụng liên kết hệ thống bên ngoài, bạn có thể in các lệnh được lưu trên hệ thống bên ngoài.





① Xem

Lệnh của hệ thống ngoài được liệt kê. Danh sách lệnh hiển thị tên tài liệu, tên chủ sở hữu, số bản sao và ngày/giờ nhận.

② Menu phụ

- Chọn Tất cả / Bỏ chọn tất cả
- Xóa
- Chi tiết

Trong mục Chi tiết, bạn có thể chọn Tên Tài liệu, Tên Người dùng, Đã nhận, Khách hàng, Số trang và Chi phí.

③ Nút /

Sử dụng những nút này để chuyển đổi các trang xem. Trang hiện tại và tổng số trang hiển thị dưới dạng phân số.

## Chi tiết

Bạn có thể kiểm tra chi tiết của tài liệu đã chọn.

### 1 Chạm vào [Chi tiết].

Màn hình [Chi tiết] hiển thị. Kiểm tra chi tiết của tài liệu đã chọn.

Có thể cấu hình cài đặt sau từ menu phụ.

- In Danh sách Đây

### 2 Chạm vào [Đóng].

## Th/đổi C.đặt

Để kiểm tra cài đặt lệnh, chọn lệnh và chạm vào [Th/đổi C.đặt] trong menu phụ.

## Chọn Giấy

Chọn khay giấy.

Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt khay (khổ giấy, loại giấy, kiểm tra nạp hai lần và tự động lựa chọn).

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Chọn Giấy” (tr. 1-7) trong “Sao chép”.

## Mật độ Bản in

Bạn có thể điều chỉnh mật độ bản in.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Mật độ Bản in” (tr. 1-10) trong “Sao chép”.

## Vị trí Hình ảnh

Chức năng này điều chỉnh vị trí in của hình ảnh.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Vị trí Hình ảnh” (tr. 1-18) trong “Sao chép”.

## In Chậm

Tùy chọn này giảm tốc độ in cũng như giảm âm thanh vận hành của lệnh đang được xử lý.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “In Chậm” (tr. 1-23) trong “Sao chép”.



Bạn có thể lưu dữ liệu đã quét vào thư mục để in nếu cần.

## Tổng quan về các Thao tác Bộ nhớ (Lưu) .....tr. 4-2

1. Nạp bản gốc.



2. Chọn [Bộ nhớ] - [Lưu] trên màn hình [Trang chủ].



3. Chọn thư mục để lưu dữ liệu vào.



4. Nhấn phím [Bắt đầu].

## Tổng quan về các Thao tác Bộ nhớ (Tải) .....tr. 4-3

1. Chọn [Bộ nhớ] - [Tải] trên màn hình [Trang chủ].



2. Chọn một thư mục.



3. Chọn một tài liệu.



4. Nhập số bản sao bằng các phím số.



5. Nhấn phím [Bắt đầu].

## Nút Chức năng trong Chế độ Bộ nhớ .....tr. 4-7

Phần này giải thích các chức năng khả dụng trong chế độ Bộ nhớ.



# 4



Bộ nhớ

Bộ nhớ

## Tổng quan về các Thao tác Bộ nhớ

Phần này giải thích các thao tác lưu trữ cơ bản.

### Lưu Dữ liệu vào Thư mục

Bạn có thể lưu dữ liệu đã quét vào thư mục.

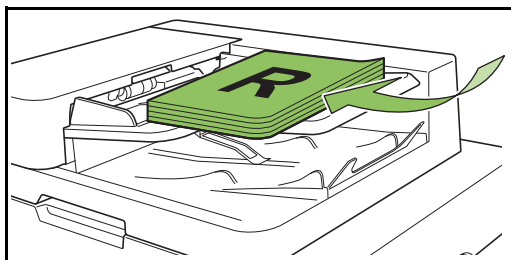
#### 1 Nạp bản gốc.

Để biết thêm thông tin về loại bản gốc có thể sử dụng, hãy xem “Bản gốc” trong “Thông tin An toàn”.

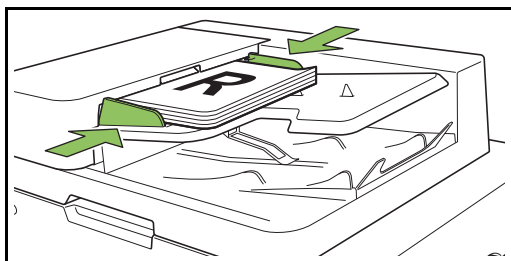
##### ■ Trong ADF

#### 1 Nạp bản gốc trong ADF.

Căn chỉnh bản gốc và đặt bản gốc ngửa lên.



#### 2 Trượt bộ phận dẫn hướng bản gốc cho khớp với độ rộng bản gốc.

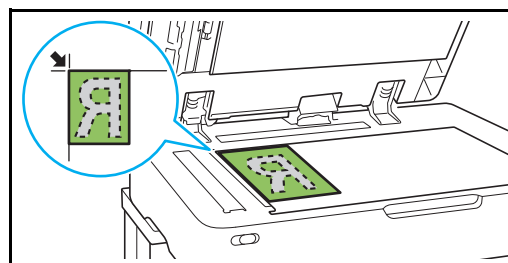


#### ■ Trên Kính Tẩm ép giấy

#### 1 Mở bìa gốc.

#### 2 Nạp bản gốc.

Đặt bản gốc úp xuống trên tấm kính. Căn chỉnh góc của bản gốc với góc trên bên trái của tấm kính.



#### 3 Đóng bìa gốc.

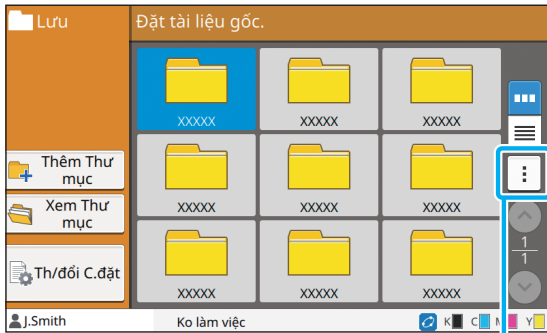


• Mở và đóng bìa gốc nhẹ nhàng.

#### 2 Chọn [Bộ nhớ] - [Lưu] trên màn hình [Trang chủ].



● 3 Chọn thư mục để lưu dữ liệu.



Menu phụ

Danh sách thư mục hiển thị các thư mục cá nhân. Danh sách này cũng hiển thị thư mục dùng chung mà quyền truy cập vào thư mục này do quản trị viên quản lý.

Có thể cấu hình cài đặt sau từ menu phụ:

- Thay đổi Màu
- Đổi tên

● 4 Nhấn phím [Bắt đầu].

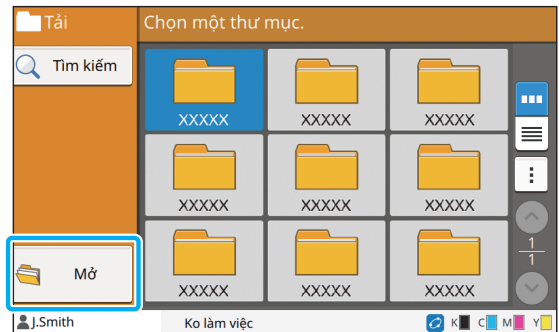
**In Tài liệu trong Thư mục**

Bạn có thể in tài liệu lưu trong thư mục.

● 1 Chọn [Bộ nhớ] - [Tải] trên màn hình [Trang chủ].

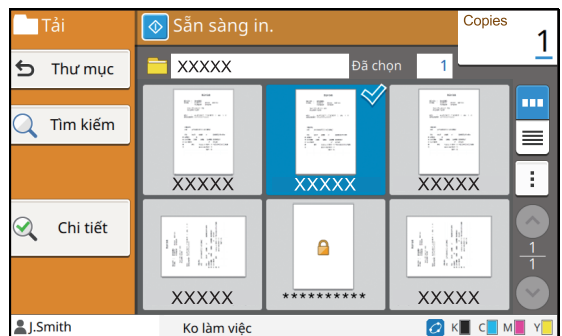


● 2 Chọn thư mục bạn muốn sử dụng và chạm vào [Mở].



Danh sách thư mục hiển thị các thư mục cá nhân. Danh sách này cũng hiển thị thư mục dùng chung mà quyền truy cập vào thư mục này do quản trị viên quản lý.

● 3 Chọn tài liệu bạn muốn in.



Tài liệu đã chọn có dấu kiểm.

● 4 Nhập số bản sao bằng các phím số.

● 5 Nhấn phím [Bắt đầu].



- Tài liệu lưu trong thư mục được số hóa cùng với các cài đặt của tài liệu. Khi in tài liệu này, hãy sử dụng cùng một loại giấy đã dùng khi lưu dữ liệu vào thư mục.

4

## Danh sách Cài đặt trong [Bộ nhớ] - [Lưu]

Chọn thư mục trên màn hình [Bộ nhớ] - [Lưu] và chạm vào [Th/đổi C.đặt] để hiển thị cài đặt. Sau đây là danh sách cài đặt khả dụng trên màn hình này.

Mục cài đặt	Mô tả	Xem
Tên Tài liệu	Xem/Chỉ định tên tài liệu khi lưu dữ liệu của tài liệu vào thư mục.	tr. 2-6
Chế độ Màu	Chọn in màu hoặc in đơn sắc.	tr. 1-7
Kích thước Bản tái tạo	Sử dụng cài đặt này để thu nhỏ hoặc mở rộng hình ảnh được sao chép.	tr. 1-7
Chọn Giấy	Thay đổi cài đặt khay giấy, loại giấy và cài đặt kiểm soát nạp theo giấy sao chép.	tr. 1-7
Kích thước Quét	Chỉ định kích thước quét cho bản gốc.	tr. 1-9
Hướng Bản gốc	Chỉ định hướng của bản gốc.	tr. 1-9
2 mặt/1 mặt	Chỉ định các mặt cần đọc của bản gốc và các mặt giấy để in.	tr. 1-10
Sắp xếp	Chỉ định chế độ in để tạo nhiều bản sao của bản gốc.	tr. 1-10
Cấp độ Quét	Điều chỉnh cấp độ quét.	tr. 1-10
Mật độ Bản in	Chỉ định mật độ bản in.	tr. 1-10
Quét ADF & tạm dừng	Sử dụng tùy chọn này để sao chép dưới dạng một lệnh ngay cả khi phải nạp bản gốc theo nhiều tập do bản gốc có nhiều trang.	tr. 1-11
B.gốc K.thc K.hợp	Sử dụng tùy chọn này khi trong bản gốc sử dụng nhiều kích thước bản gốc khác nhau.	tr. 1-11
Xóa Bóng Sách	Xóa bóng xuất hiện ở giữa các bản sao khi sao chép một cuốn sách được mở ra.	tr. 1-12
Chia Trang	Sử dụng tùy chọn này để quét các trang dàn trên hai mặt và tách các trang đó thành hai phần (trái và phải).	tr. 1-12
Kết hợp	Sử dụng tùy chọn này để lên khuôn các trang liên tiếp nhau trên một tờ.	tr. 1-13
Lặp lại Hình ảnh	Tùy chọn này lên khuôn nhiều bản sao của cùng một bản gốc trên một tờ.	tr. 1-13
Sách	Chỉ định lên khuôn khi tạo sách nhỏ. Khi kết nối bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn, chức năng tạo sách nhỏ bằng cách dập ghim tại gáy cũng khả dụng.	tr. 1-14
Mã PIN	Chỉ định có hoặc không áp dụng mã PIN cho lệnh. Nếu mã PIN được sử dụng trong tài liệu, cần có mã PIN để in hoặc xóa tài liệu đó.	tr. 2-9
Tem	Sử dụng tùy chọn này để in số trang, ngày và văn bản trong khu vực tiêu đề hoặc chân trang.	tr. 1-14
Viền Trang	Sử dụng tùy chọn này để thêm đường khung vào lề giấy.	tr. 1-16
Chất lượng Hình ảnh	Chỉ định độ phân giải để quét bản gốc.	tr. 1-16
Loại bản gốc	Chọn loại bản gốc để tiến hành quy trình xử lý hình ảnh thích hợp trước khi in dữ liệu đã quét.	tr. 1-16
Hiệu chỉnh Gamma	Sử dụng tùy chọn này để hiệu chỉnh độ cân bằng màu (CMYK) của dữ liệu đã quét.	tr. 1-17
Kiểm soát Hình ảnh	Chỉ định cách xử lý hình ảnh của bản gốc.	tr. 1-17
Mức Màu Cơ sở	Làm cho màu nền (màu cơ sở) sáng hơn để dễ đọc văn bản hơn.	tr. 1-18
Vị trí Hình ảnh	Chỉ định tùy chọn này khi điều chỉnh vị trí in.	tr. 1-18



Mục cài đặt	Mô tả	Xem
Chương trình	Chỉ định tùy chọn này khi số bản sao được yêu cầu thay đổi theo nhóm (chẳng hạn phòng ban công ty hoặc lớp học). Bạn có thể in nhanh và chính xác số bản sao của số tập bạn cần.	tr. 1-20
Thêm Bìa	Chỉ định tùy chọn này để thêm bìa trước và bìa sau vào mặt trước và mặt sau của bản in.	tr. 1-22
Phân tách	Cấu hình cài đặt cho tám nệm. Khi kết nối bộ hoàn thiện đa chức năng hoặc bộ hoàn thiện úp xuống tùy chọn, cài đặt điều chỉnh giấy ra cũng khả dụng.	tr. 1-22
Lề Đóng nẹp	Chỉ định in có lề đóng nẹp hay không. Bạn có thể đặt giá trị lề đóng nẹp và mép đóng nẹp.	tr. 1-23
Dập ghim / Đục lỗ	Cấu hình cài đặt dập ghim. (Khi dùng bộ hoàn thiện úp xuống tùy chọn)	tr. 8-7
	Cấu hình cài đặt để dập ghim và đục lỗ. (Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn)	tr. 8-20
Gập	Cấu hình cài đặt để gập giấy. (Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn với thiết bị gập)	tr. 8-21
In Chậm	Sử dụng tùy chọn này để giảm tốc độ in. Tùy chọn này cũng giảm âm thanh vận hành của lệnh đang được xử lý.	tr. 1-23
Khay Giấy ra	Chọn khay giấy ra cho bản in. (Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn)	tr. 8-23
	Chọn khay giấy ra cho bản in. (Khi dùng khay xếp chồng tùy chọn)	tr. 8-27
Ngửa lên/Úp xuống	Chỉ định xuất bản in ra theo hướng ngửa lên hay úp xuống trên khay. (Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn)	tr. 8-23
	Chỉ định xuất bản in ra theo hướng ngửa lên hay úp xuống trên khay. (Khi dùng khay xếp chồng tùy chọn)	tr. 8-27
Ch.tiếp Kh.Giấyra	Sử dụng tùy chọn này để tự động chuyển đổi khay giấy ra khi khay bị đầy. (Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn)	tr. 8-23
	Sử dụng tùy chọn này để tự động chuyển đổi khay giấy ra khi khay bị đầy. (Khi dùng khay xếp chồng tự động kiểm soát tùy chọn)	tr. 8-27
Chuyển tiếp Khay Giấy	Sử dụng tùy chọn này để tự động nạp giấy từ khay khác có cùng khổ giấy và loại giấy khi khay được chọn hết giấy.	tr. 1-24
Tự động Xoay Hình ảnh	Tự động xoay hình ảnh 90 độ khi hướng của bản gốc và giấy không khớp nhau.	tr. 1-24
Thư mục	Hiện thị màn hình danh sách thư mục.	tr. 4-7
Mục yêu thích	Chức năng này kích hoạt các cài đặt thường dùng.	tr. 4-7
Kiểm tra cài đặt	Sử dụng tùy chọn này để kiểm tra cài đặt hiện tại. Bạn có thể kiểm tra bản xem trước của dữ liệu đã quét.	tr. 4-7
Menu tùy chỉnh	Đăng ký mục yêu thích và cài đặt mặc định cũng như chỉnh sửa thứ tự nút.	tr. 4-7

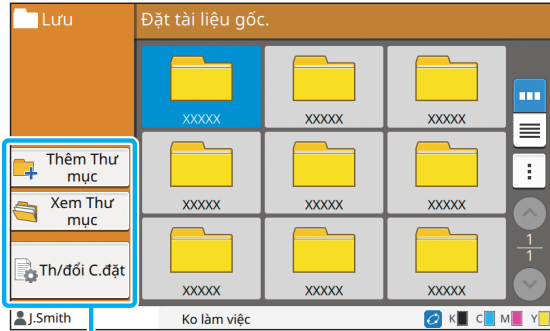
## Danh sách Cài đặt trong [Bộ nhớ] - [Tài]

Chọn thư mục trên màn hình [Bộ nhớ] - [Tài] và chạm vào [Mở] để hiển thị danh sách tất cả tài liệu trong thư mục đó. Chọn tài liệu và chạm vào [Th/đổi C.đặt] trong menu phụ để hiển thị màn hình cài đặt. Sau đây là danh sách cài đặt khả dụng trên màn hình này.

Mục cài đặt	Mô tả	Xem
Chọn Giấy	Thay đổi cài đặt khay giấy, loại giấy và cài đặt kiểm soát nạp theo giấy cần sao chép.	tr. 1-7
Mật độ Bản in	Chỉ định mật độ bản in.	tr. 1-10
Vị trí Hình ảnh	Chỉ định tùy chọn này khi điều chỉnh vị trí in.	tr. 1-18
In Chậm	Tùy chọn này giảm tốc độ in cũng như giảm âm thanh vận hành của lệnh đang được xử lý.	tr. 1-23

# Nút Chức năng trong Chế độ Bộ nhớ

## Nút Chức năng trong [Bộ nhớ] - [Lưu]



Nút chức năng

## Thêm thư mục

Bạn có thể thêm thư mục mới.

### 1 Chạm vào [Thêm thư mục].

Màn hình [Thêm thư mục] hiển thị.

### 2 Nhập tên thư mục và chạm vào [OK].



- Để biết thêm thông tin về nhập văn bản, hãy xem “Nhập Văn bản” (tr. 26) trong “Bảng Cẩm ứng”.
- Bạn có thể sử dụng cả chữ hoa và chữ thường.
- Nếu đã có một thư mục mang tên tương tự, màn hình xác nhận hiển thị cùng với thông báo cho biết không thể đăng ký được tên thư mục đã nhập.

## Xem Thư mục

Chức năng này hiển thị danh sách tài liệu trong thư mục đã chọn.

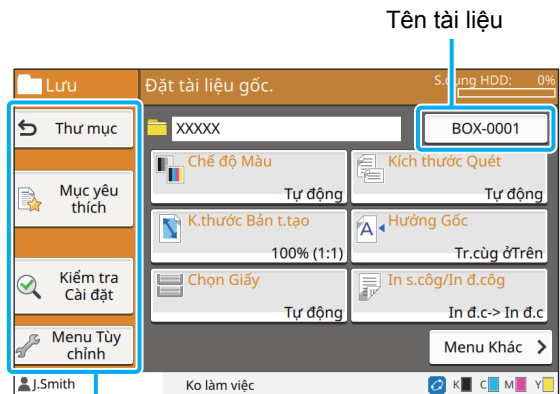


- Chạm vào [Tên Tài liệu], [Chủ s.hữu] hoặc [Ngày Lưu] để chuyển đổi thứ tự sắp xếp giữa tăng và giảm để hiển thị.

## Th/đổi C.đặt

Bạn có thể thay đổi các cài đặt để lưu tài liệu vào thư mục.

Để biết thêm thông tin về nút cài đặt, hãy xem “Danh sách Cài đặt trong [Bộ nhớ] - [Lưu]” (tr. 4-4).



Nút chức năng

## Thư mục

Chạm vào nút này để hiển thị màn hình danh sách thư mục.

## Mục yêu thích

Chạm vào nút này để gọi các cài đặt đã đăng ký.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Mục yêu thích” (tr. 1-25) trong “Sao chép”.

## Kiểm tra cài đặt

Bạn có thể xem các cài đặt dành cho tài liệu cần lưu.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Kiểm tra cài đặt” (tr. 2-10) trong “Quét”.

## Menu tùy chỉnh

Bạn có thể đăng ký mục yêu thích và cài đặt mặc định cũng như chỉnh sửa thứ tự nút.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Menu tùy chỉnh” (tr. 1-26) trong “Sao chép”.

## ■ Tên Tài liệu

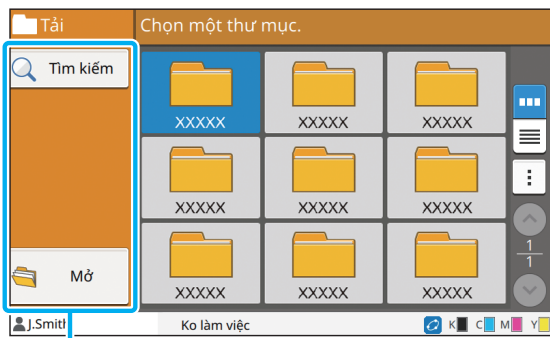
Chạm vào nút tên tài liệu để chỉ định tên tài liệu khi lưu tài liệu vào thư mục.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Tên Tài liệu” (tr. 2-6) trong “Quét”.



- Không thể thêm tên chủ sở hữu vào tên tài liệu.

## Nút Chức năng trong [Bộ nhớ] - [Tải]



Nút chức năng

## Tìm kiếm

Chạm vào nút này để tìm kiếm tài liệu trong tất cả các thư mục.

### 1 Chạm vào [Tìm kiếm].

Màn hình [Tìm kiếm] hiển thị.

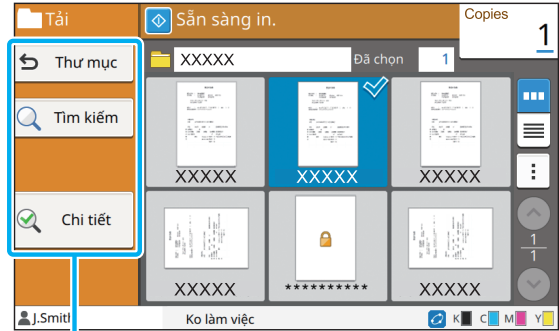
### 2 Nhập chuỗi văn bản mà bạn muốn tìm kiếm và chạm vào [OK].



- Để biết thêm thông tin về nhập văn bản, hãy xem “Nhập Văn bản” (tr. 26).
- Trong các trường hợp sau, tên lệnh hiển thị ở dạng “\*\*\*\*”.
  - Lệnh có hộp kiểm [Ẩn Tên Lệnh] được đánh dấu trên trình điều khiển máy in (tr. 3-25 “Mã PIN”)

## Mở

Chạm vào nút này để hiển thị danh sách tài liệu trong thư mục.



Nút chức năng

## ■ Thư mục

Chạm vào nút này để hiển thị màn hình danh sách thư mục.

## ■ Tìm kiếm

Chạm vào nút này để tìm kiếm tài liệu trong thư mục đang mở.

## ■ Chi tiết

Nhấp vào nút này để kiểm tra chi tiết của tài liệu đã chọn. Bạn có thể in danh sách này từ menu phụ.

## ■ Menu phụ

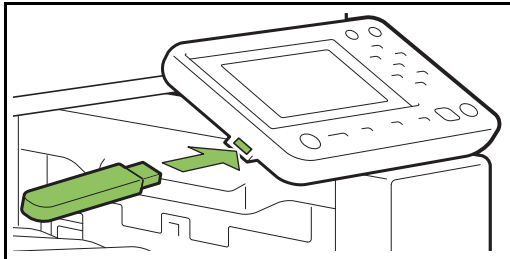
Có thể cấu hình cài đặt sau cho các tài liệu đã chọn:

- Đổi tên
- Chọn Tất cả / Bỏ chọn tất cả
- Xóa
- Th/đổi C.đặt
- Sao chép sang USB (tr. 4-9)
- Sao chép sang thư mục (tr. 4-9)

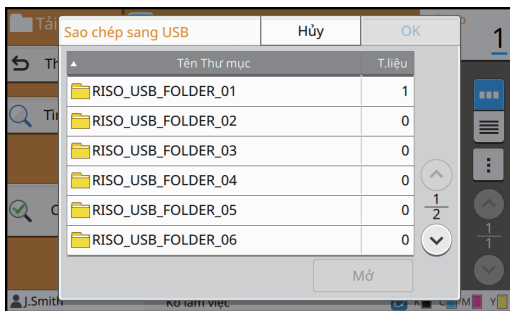
## ■ Sao chép sang USB

Có thể sao chép tài liệu lưu trong thư mục sang ổ flash USB.

### 1 Cắm ổ flash USB vào khe cắm USB.



### 2 Hiện thị menu phụ và chạm vào [Sao chép sang USB].



### 3 Chọn thư mục bạn muốn lưu tài liệu và chạm vào [OK].

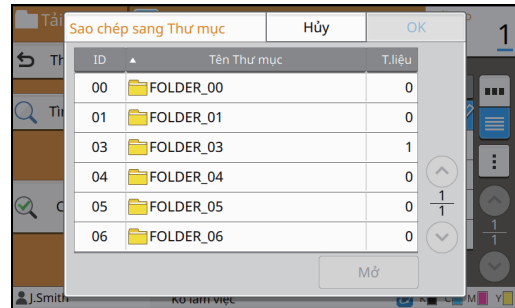


- Nếu ổ flash USB không có thư mục khi chạm vào [OK], một thư mục sẽ được tạo ra tự động để sao chép tài liệu.
- Chọn thư mục và chạm vào [Mở] để hiển thị danh sách tất cả tài liệu trong thư mục đó.

## ■ Sao chép sang thư mục

Có thể sao chép tài liệu lưu trong thư mục này sang thư mục khác.

### 1 Hiện thị menu phụ và chạm vào [Sao chép sang thư mục].



### 2 Chọn thư mục bạn muốn lưu tài liệu và chạm vào [OK].



- Chỉ các thư mục mà người dùng đã đăng nhập có thể truy cập mới hiển thị trên màn hình [Sao chép sang thư mục].
- Chọn thư mục và chạm vào [Mở] để hiển thị danh sách tất cả tài liệu trong thư mục đó.



Bạn có thể lưu dữ liệu đã quét vào ổ flash USB được kết nối với máy này.  
Bạn cũng có thể in tài liệu lưu trên ổ flash USB từ trình điều khiển máy in.

## Tổng quan về các Thao tác với USB (Lưu) ..... tr. 5-2

1. Cắm ổ flash USB vào khe cắm USB.



2. Nạp bản gốc.



3. Chọn [USB] - [Lưu] trên màn hình [Trang chủ].



4. Thay đổi cài đặt.



5. Nhấn phím [Bắt đầu].

## Tổng quan về các Thao tác với USB (Tải)..... tr. 5-3

1. Cắm ổ flash USB vào khe cắm USB.



2. Chọn [USB] - [Tải] trên màn hình [Trang chủ].



3. Chọn một thư mục.



4. Chọn một tài liệu.



5. Nhập số bản sao bằng các phím số.



6. Nhấn phím [Bắt đầu].

## Nút Chức năng trong Chế độ USB ..... tr. 5-6

Phần này giải thích các chức năng khả dụng trong chế độ USB.



# 5



USB

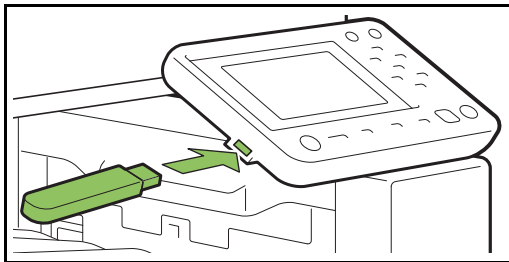
## Tổng quan về các Thao tác với USB

Phần này giải thích các thao tác cơ bản trong chế độ USB.

### Lưu Dữ liệu Đã quét vào Ổ Flash USB

Bạn có thể lưu dữ liệu đã quét vào ổ flash USB.

#### ● 1 Cắm ổ flash USB vào khe cắm USB.



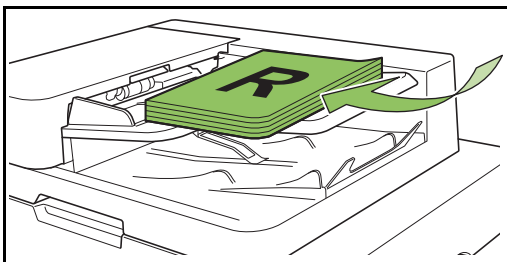
#### ● 2 Nạp bản gốc.

Để biết thêm thông tin về loại bản gốc có thể sử dụng, hãy xem “Bản gốc” trong “Thông tin An toàn”.

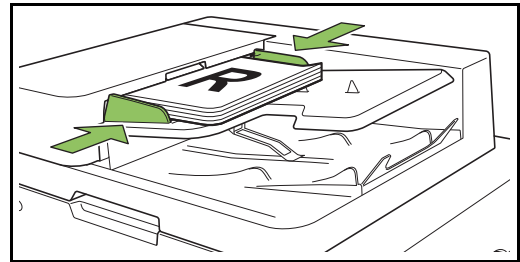
##### ■ Trong ADF

#### 1 Nạp bản gốc trong ADF.

Căn chỉnh bản gốc và đặt bản gốc ngửa lên.



#### 2 Trượt bộ phận dẫn hướng bản gốc cho khớp với độ rộng bản gốc.

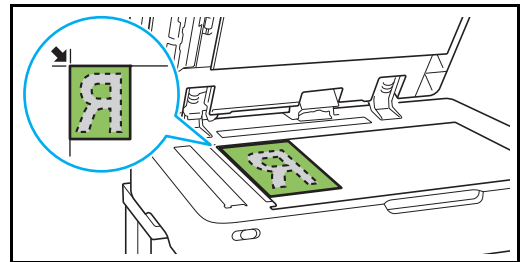


##### ■ Trên Kính Tẩm ép giấy

#### 1 Mở bìa gốc.

#### 2 Nạp bản gốc.

Đặt bản gốc úp xuống trên tấm kính. Căn chỉnh góc của bản gốc với góc trên bên trái của tấm kính.



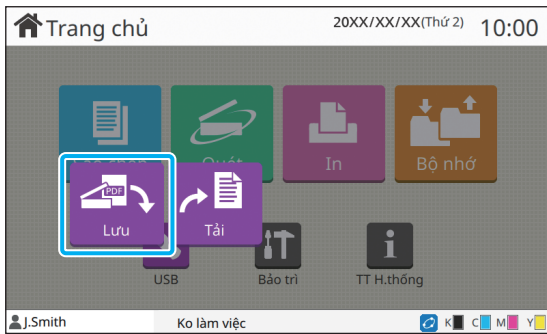
#### 3 Đóng bìa gốc.



• Mở và đóng bìa gốc nhẹ nhàng.



● **3 Chọn [USB] - [Lưu] trên màn hình [Trang chủ].**



● **4 Thay đổi cài đặt.**

Chỉ định cài đặt chi tiết để quét. Để biết thêm thông tin về các chức năng có thể cấu hình, hãy xem “Danh sách Cài đặt trong [USB] - [Lưu]” (tr. 5-4).

● **5 Nhấn phím [Bắt đầu].**

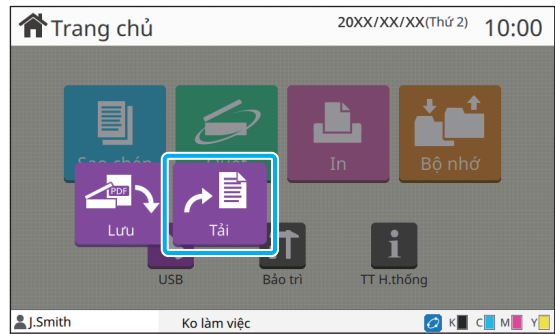
**In Tài liệu Lưu trên Ổ Flash USB**

Bạn có thể in tài liệu lưu trên ổ flash USB. Để biết hướng dẫn cụ thể về cách lưu tài liệu vào ổ flash USB, hãy xem “Đầu ra và Đích” (tr. 3-12) trong “In”.

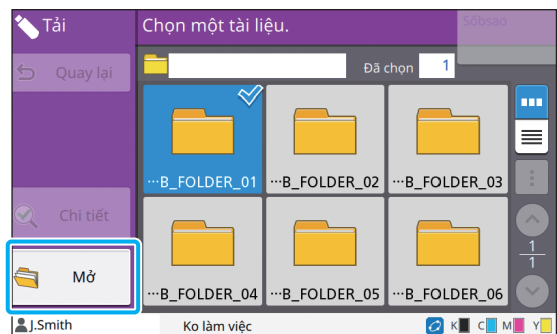
- Bạn chỉ có thể in tệp có định dạng PRN.
- Tệp PRN là định dạng tệp chuyên dụng trong đó, dữ liệu được xuất ra qua trình điều khiển máy in. Loại tệp này chỉ có thể mở bằng máy in hoặc ứng dụng của RISO.
- Nếu đang dùng bộ PostScript tùy chọn, bạn cũng có thể sử dụng tệp PDF. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Tệp Có thể In trong Ổ Flash USB” (tr. 8-40) trong “Thiết bị Tùy chọn”.

● **1 Cắm ổ flash USB vào khe cắm USB.**

● **2 Chọn [USB] - [Tải] trên màn hình [Trang chủ].**

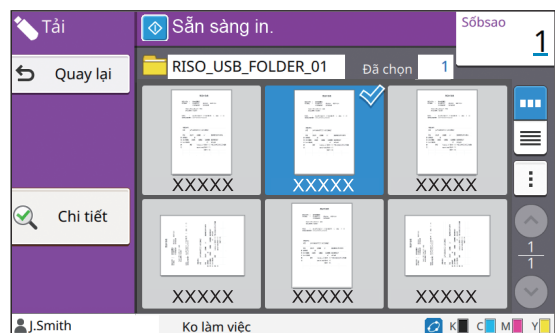


● **3 Chọn thư mục bạn muốn sử dụng và chạm vào [Mở].**



5

● **4 Chọn tài liệu bạn muốn in.**



Tài liệu đã chọn có dấu kiểm.

● **5 Nhập số bản sao bằng các phím số.**

● **6 Nhấn phím [Bắt đầu].**

## Danh sách Cài đặt trong [USB] - [Lưu]

Sau đây là danh sách cài đặt khả dụng trên màn hình [USB] - [Lưu].

Mục cài đặt	Mô tả	Xem
Tên Tài liệu	Xem/Chỉ định tên tài liệu khi lưu dữ liệu của tài liệu vào ổ flash USB.	tr. 2-6
Chế độ Màu	Chỉ định chế độ màu của dữ liệu cần quét.	tr. 2-7
Kích thước Quét	Chỉ định kích thước quét cho bản gốc cần quét.	tr. 2-7
Định dạng file	Chỉ định định dạng tệp, cấp độ nén và độ phân giải để lưu dữ liệu đã quét.	tr. 2-7
2 mặt/1 mặt	Chỉ định các mặt cần quét cho bản gốc.	tr. 2-8
Cấp độ Quét	Điều chỉnh cấp độ quét.	tr. 1-10
Hướng Bản gốc	Chỉ định hướng của bản gốc.	tr. 1-9
Độ phân giải	Chỉ định độ phân giải để quét bản gốc.	tr. 2-8
B.gốc K.thc K.hợp	Sử dụng tùy chọn này khi trong bản gốc sử dụng nhiều kích thước bản gốc khác nhau.	tr. 1-11
Xóa Bóng Sách	Xóa bóng xuất hiện ở giữa các bản sao khi sao chép một cuốn sách được mở ra.	tr. 1-12
Chia Trang	Sử dụng tùy chọn này để quét các trang dàn trên hai mặt và tách các trang đó thành hai phần (trái và phải).	tr. 1-12
Loại bản gốc	Chọn loại bản gốc để tiến hành quy trình xử lý hình ảnh thích hợp và lưu dữ liệu đã quét.	tr. 2-9
Hiệu chỉnh Gamma	Sử dụng tùy chọn này để hiệu chỉnh độ cân bằng màu (CMYK) của dữ liệu đã quét.	tr. 2-9
Kiểm soát Hình ảnh	Chỉ định cách xử lý hình ảnh thích hợp cho bản gốc.	tr. 1-17
Mức Màu Cơ sở	Làm cho màu nền (màu cơ sở) sáng hơn để dễ đọc văn bản hơn.	tr. 1-18
Mục yêu thích	Chức năng này kích hoạt các cài đặt thường dùng.	tr. 5-6
Kiểm tra cài đặt	Sử dụng tùy chọn này để kiểm tra cài đặt hiện tại. Bạn có thể kiểm tra bản xem trước của dữ liệu đã quét.	tr. 5-6
Menu tùy chỉnh	Đăng ký mục yêu thích và cài đặt mặc định cũng như chỉnh sửa thứ tự nút.	tr. 5-6

## Danh sách Cài đặt trong [USB] - [Tài]

Chọn thư mục trên màn hình [USB] - [Tài] và chạm vào [Mở] để hiển thị danh sách tất cả tài liệu trong thư mục đó. Chọn tài liệu và chạm vào [Th/đổi C.đặt] trong menu phụ để hiển thị màn hình cài đặt.

Sau đây là danh sách cài đặt khả dụng trên màn hình này.

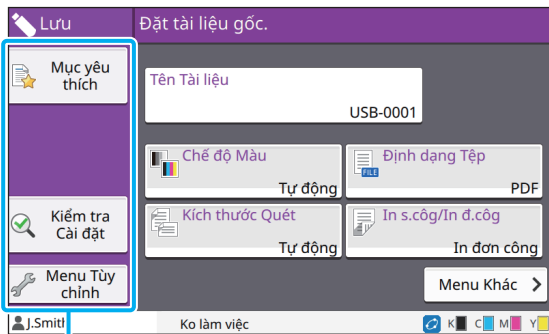
Mục cài đặt	Mô tả	Xem
Chọn Giấy	Thay đổi cài đặt khay giấy, loại giấy và cài đặt kiểm soát nạp theo giấy sao chép.	tr. 1-7
Mật độ Bản in	Chỉ định mật độ bản in.	tr. 1-10
Vị trí Hình ảnh	Chỉ định tùy chọn này khi điều chỉnh vị trí in.	tr. 1-18
In Chậm	Tùy chọn này giảm tốc độ in. Tùy chọn này cũng giảm âm thanh vận hành của lệnh đang được xử lý.	tr. 1-23



- Nếu cài đặt bộ PostScript tùy chọn, tệp PDF lưu trên ổ flash USB cũng có thể sử dụng được. Trong trường hợp này, bạn có thể thay đổi cài đặt để in tệp PDF. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Tệp Có thể In trong Ổ Flash USB” (tr. 8-40) trong “Thiết bị Tùy chọn”.

# Nút Chức năng trong Chế độ USB

## Nút Chức năng trong [USB] - [Lưu]



Nút chức năng

## Mục yêu thích

Chạm vào nút này để gọi các cài đặt đã đăng ký. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Mục yêu thích” (tr. 1-25) trong “Sao chép”.

## Kiểm tra cài đặt

Bạn có thể xem các cài đặt dành cho tài liệu cần lưu.  
Để biết thêm thông tin, hãy xem “Kiểm tra cài đặt” (tr. 2-10) trong “Quét”.

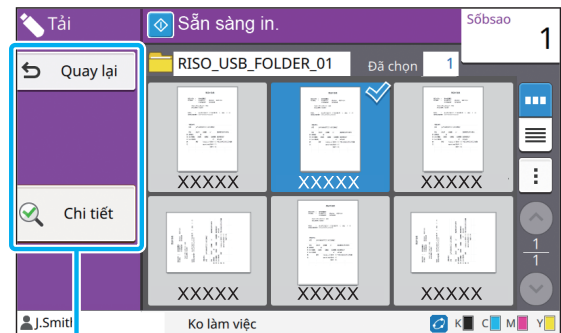
## Menu tùy chỉnh

Bạn có thể đăng ký mục yêu thích và cài đặt mặc định cũng như chỉnh sửa thứ tự nút.  
Để biết thêm thông tin, hãy xem “Menu tùy chỉnh” (tr. 1-26) trong “Sao chép”.

## Tên Tài liệu

Hiển thị tên tài liệu khi lưu dữ liệu của tài liệu vào ổ flash USB. Chạm vào [Tên Tài liệu] để đặt cài đặt đặt tên tài liệu. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Tên Tài liệu” (tr. 2-6) trong “Quét”.

## Nút Chức năng trong [USB] - [Tải]



Nút chức năng

## Quay lại

Chạm vào nút này để hiển thị thư mục bên trên trong danh sách tài liệu.

## Chi tiết

Nhấp vào nút này để kiểm tra chi tiết của tài liệu đã chọn.

Có thể cấu hình các cài đặt sau từ menu phụ trên màn hình chi tiết:

- In Danh sách Đây

Khi chọn tài liệu trên màn hình danh sách tài liệu, bạn có thể cấu hình các cài đặt sau từ menu phụ:

- Chọn Tất cả / Bỏ chọn tất cả
- Th/đổi C.đặt
- Sao chép sang thư mục (tr. 5-7)



- Chạm vào [Tên] hoặc [T.liệu] để chuyển đổi thứ tự sắp xếp giữa tăng và giảm để hiển thị.
- Khi chọn tài liệu PDF trên màn hình danh sách tài liệu, bạn chỉ có thể chọn [Cài đặt In] từ menu phụ.

## ■ Sao chép sang thư mục

Có thể sao chép tài liệu lưu trên ổ flash USB sang thư mục trên máy này.

### 1 Hiện thị menu phụ và chạm vào [Sao chép sang thư mục].

### 2 Chọn thư mục bạn muốn lưu tài liệu và chạm vào [OK].



- Bạn không thể sao chép tài liệu từ một thư mục trên ổ flash USB sang thư mục khác trên ổ flash USB.
- Chỉ các thư mục mà người dùng đã đăng nhập có thể truy cập mới hiển thị trên màn hình [Sao chép sang thư mục].
- Chọn thư mục và chạm vào [Mở] để hiển thị danh sách tất cả tài liệu trong thư mục đó.



# RISO Console

RISO Console là phần mềm sử dụng trình duyệt Web để điều khiển máy này từ xa. Với máy tính được kết nối với máy in qua mạng, bạn có thể kiểm tra trạng thái máy in, thay đổi cài đặt của lệnh và thực hiện các thao tác khác.

## Tổng quan về RISO Console ..... tr. 6-2

Khởi động RISO Console



Các thao tác thông thường bằng nút

## Menu [TT H.thống] ..... tr. 6-6

Phần này giải thích các chức năng khả dụng trên màn hình [Vật tư tiêu hao], [Thông tin Máy], [T.tin Ng.dùng] và [T.tin licencse].

## Menu [Quét] ..... tr. 6-9

Phần này giải thích các chức năng khả dụng trên menu [Quét].

## Menu [In] ..... tr. 6-10

Phần này giải thích các chức năng khả dụng trên menu [In].

## Menu [Bộ nhớ] ..... tr. 6-11

Phần này giải thích các chức năng khả dụng trên menu [Bộ nhớ].

## Menu [Trạng thái Lệnh] ..... tr. 6-12

Phần này giải thích các chức năng khả dụng trên menu [Trạng thái Lệnh].

## Menu [Bảo trì] ..... tr. 6-13

Phần này giải thích các chức năng khả dụng trên menu [Bảo trì].



# 6



Bảng điều khiển

## RISO Console

# Tổng quan về RISO Console

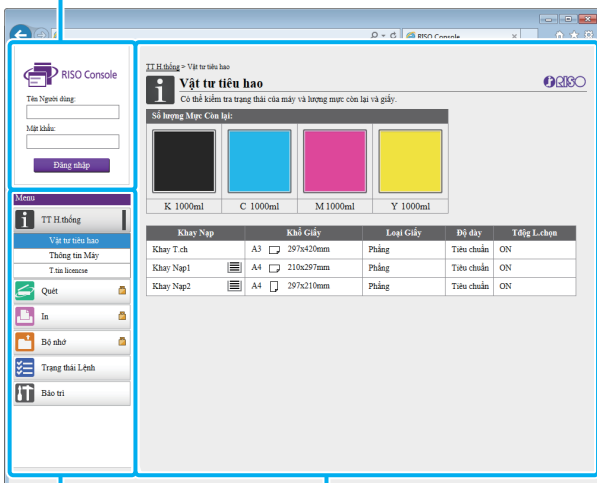
Phần này giải thích các chức năng của RISO Console.

## Màn hình Trên cùng



- Hãy đảm bảo máy được kết nối mạng.




Bảng trạng thái



Menu bên cạnh

Bảng nội dung



- Khi một mục trên menu bên cạnh có biểu tượng , điều này cho biết bạn phải đăng nhập trước khi truy cập vào mục đó. Khi một mục hiển thị với biểu tượng  sau khi đăng nhập, quyền truy cập vào chế độ này bị hạn chế.
- Dấu  hiển thị ở phía bên trái màn hình trong khi thông tin trên máy đang được thu thập.



- Các trình duyệt Web sau được hỗ trợ:
  - Windows® Internet Explorer phiên bản 9.0
  - Windows® Internet Explorer phiên bản 10.0
  - Windows® Internet Explorer phiên bản 11.0
  - Microsoft® Edge
  - Safari® (dành cho Mac OS)
- Màn hình RISO Console không hiển thị khi sử dụng một số cài đặt tiết kiệm điện nhất định. Hãy liên hệ với quản trị viên của bạn để biết chi tiết.
- Menu bên cạnh được hiển thị sẽ khác tùy theo cài đặt do quản trị viên cấu hình.

## Menu Bên cạnh

Các thông tin và chức năng khả dụng trên menu bên cạnh của RISO Console được liệt kê sau đây:

TT H.thống		
Vật tư tiêu hao	Xem trạng thái của vật tư tiêu hao như lượng mực hoặc giấy còn lại.	tr. 6-6
Thông tin Máy	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Xem trạng thái của máy in.</li> <li>• Xem model, số sê-ri của máy in, địa chỉ MAC và các thông tin hệ thống khác.</li> <li>• Xem số lượng chi tiết và báo cáo đọc đồng hồ.</li> </ul>	tr. 6-6
T.tin Ng.dùng	Xem thông tin về người dùng hiện đã đăng nhập.	tr. 6-7
T.tin licencse	Xem thông tin giấy phép của hệ thống được sử dụng trong sản phẩm này.	tr. 6-8



<b>Quét</b>		
Tìm kiếm, xem, xóa hoặc tải xuống lệnh quét được lưu trên ổ cứng cục bộ của máy này.		tr. 6-9
<b>In</b>		
Xem hoặc xóa lệnh.		tr. 6-10
<b>Bộ nhớ</b>		
Tải	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tìm kiếm tài liệu trong thư mục.</li> <li>Chỉnh sửa thư mục (thêm, thay đổi màu, v.v.)</li> </ul>	tr. 6-11
Dữ liệu Biểu mẫu	Tìm kiếm, xem, in hoặc xóa lệnh được xuất ra qua [Biểu mẫu] từ trình điều khiển máy in. (khi cài đặt bộ PostScript tùy chọn)	tr. 8-40
<b>Trạng thái Lệnh</b>		
Hoạt động / Rảnh rỗi	Tìm kiếm, xem hoặc xóa lệnh đang được xử lý hoặc đang chờ.	tr. 6-12
Đã xong	Tìm kiếm, xem, xóa hoặc in lại lệnh đã hoàn tất.	tr. 6-12
<b>Bảo trì</b>		
Vệ sinh đầu in	Tiến hành vệ sinh phần đầu.	tr. 6-13

## Khởi động RISO Console

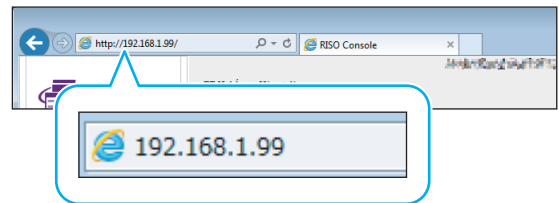
Hãy kết nối máy tính với mạng trước khi khởi động RISO Console. Không cần kết nối Internet.

### 1 Khởi động trình duyệt Web của bạn.

### 2 Nhập địa chỉ IP của máy in trong hộp địa chỉ của trình duyệt web.

Để xem địa chỉ IP của máy in, chọn [Thông tin Máy] trong [TT H.thống] trên bảng vận hành của máy này.

<Ví dụ về cách nhập địa chỉ IP "192.168.1.99">




### 3 Nhấn phím [Enter].

Màn hình [TT H.thống] của RISO Console hiển thị.



- Bạn có thể tạo phím tắt trên màn hình chính để khởi động RISO Console nhanh chóng.

## Đăng nhập

Khi một mục trên menu bên cạnh có biểu tượng , điều này cho biết bạn phải đăng nhập trước khi truy cập vào mục đó.

### 1 Nhập tên người dùng và mật khẩu của bạn trong bảng trạng thái.

Mật khẩu của bạn phải gồm từ 0 đến 16 ký tự (số và/hoặc chữ thường). Các ký tự đã nhập được hiển thị bằng dấu sao (\*).

### 2 Nhấp vào [Đăng nhập].

Màn hình [TT H.thống] - [Vật tư tiêu hao] hiển thị.

### Đăng xuất

Nhấp vào [Đăng xuất] trong bảng trạng thái.



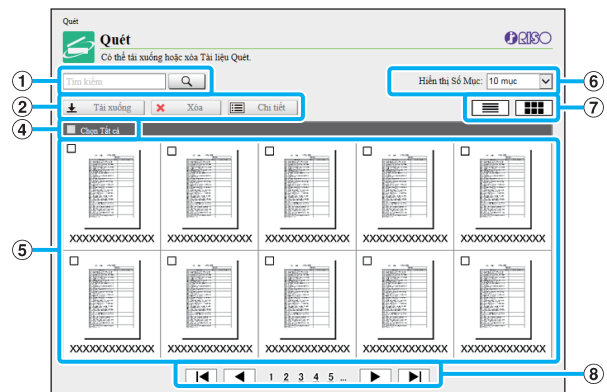
- Nếu bạn quên mật khẩu, hãy liên hệ với quản trị viên.

- Bạn có thể thay đổi mật khẩu người dùng trên màn hình [TT H.thống] - [T.tin Ng.dùng]. (tr. 6-7 “Màn hình [T.tin Ng.dùng]”)

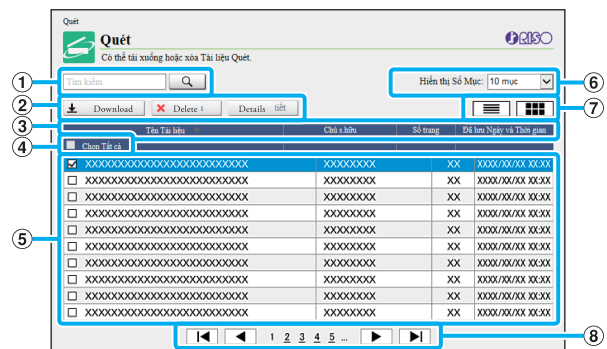
## Các Thao tác bằng nút thông thường

Màn hình menu [Quét], màn hình menu [In], màn hình menu [Bộ nhớ] và màn hình [Trạng thái Lệnh] có các nút thông thường để thực hiện những mục đích giống nhau.

Màn hình menu [Quét] được sử dụng ở đây như một ví dụ để giải thích các chức năng tương ứng.



Màn hình hình thu nhỏ



Màn hình danh sách

#### ① Tìm kiếm

Sử dụng chức năng này để tìm kiếm lệnh.

Bạn có thể sử dụng tối đa 256 ký tự.

#### ② Menu

Chọn lệnh và nhấp vào một tùy chọn menu.

Tùy chọn menu hiển thị tùy theo màn hình.

#### ③ Thanh tiêu đề (chỉ màn hình danh sách)

Bạn có thể sắp xếp lệnh bằng cách nhấp vào một mục trong thanh tiêu đề ([Tên Tài liệu], [Chủ s.hữu], [Số Trang] hoặc [Đã lưu Ngày và Thời gian]).

#### ④ Chọn Tất cả

Chọn tùy chọn này nếu bạn muốn chọn tất cả các lệnh.

⑤ **Lệnh**

Để chọn một lệnh, nhấp vào tên lệnh để thêm dấu kiểm.

⑥ **Số lệnh hiển thị trên một trang**

Chọn số lệnh sẽ hiển thị trên một trang.

⑦ **Chuyển đổi màn hình (chỉ màn hình [Quét] và màn hình [In])**

Nhấp vào ☰ hoặc ☱ để chuyển đổi giữa màn hình danh sách và hình thu nhỏ.

⑧ **Chuyển đổi trang**

◀ hoặc ▶ : Di chuyển đến trang đầu tiên hoặc cuối cùng.

◀ hoặc ▶ : Di chuyển đến trang trước hoặc tiếp theo.

1 2...: Di chuyển đến trang được chỉ định mà bạn nhấp vào.

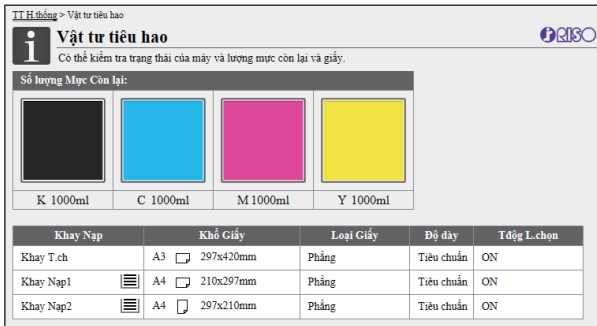


- Nếu bạn chọn lệnh có mã PIN được chỉ định, màn hình nhập mã PIN hiển thị. Nhập mã PIN và nhấp vào [OK].
- Bạn có thể chọn nhiều lệnh.
- Nếu tên lệnh, chủ sở hữu hoặc tên thư mục dài quá số ký tự tối đa có thể hiển thị, những thông tin này sẽ hiển thị với phần đầu tiên của tên bị bỏ qua và thay thế bằng dấu "...".

# Menu [TT H.thống]

## Màn hình [Vật tư tiêu hao]

Màn hình này hiển thị thông tin về mực và giấy.



### Lượng Mực Còn lại

Lượng mực còn lại được hiển thị theo 10 mức cho mỗi hộp mực.

Chỉ báo bắt đầu nhấp nháy khi gần đến thời gian thay thế hộp mực.

Hãy chuẩn bị hộp mực mới cho màu nhấp nháy.



- Lượng mực còn lại được chỉ báo dựa trên dung lượng bình.
- Nếu bạn không dùng mực RISO, lượng mực còn lại sẽ không hiển thị.

### Trạng thái Giấy

Tất cả thông tin về số lượng giấy còn lại ước tính, khổ giấy, loại giấy, độ dày và tính năng Tự động Lựa chọn có BẬT hay không đều hiển thị cho mỗi khay.

Số lượng giấy còn lại được hiển thị theo 3 mức cho Khay Nạp 1 và 2 ( 51-100%, 1-50% và 0%). Khi 0% hiển thị, điều này cho biết không có giấy. Hãy nạp giấy. Không có chỉ báo trạng thái giấy cho khay tiêu chuẩn.

Để biết các cài đặt giấy, hãy xem "Thay đổi Cài đặt Khay Giấy" (tr. 1-8) trong "Sao chép".

## Màn hình [Thông tin Máy]

Màn hình này hiển thị trạng thái của máy này, trạng thái kết nối của thiết bị tùy chọn, số sê-ri, dung lượng đã dùng trên ổ cứng cục bộ và các thông tin khác liên quan đến hệ thống.



### Trạng thái Máy

Trạng thái của máy này, tính khả dụng của khay và trạng thái kết nối của thiết bị tùy chọn, tất cả đều được hiển thị. Nếu xảy ra lỗi, thông báo lỗi sẽ hiển thị.

### Thông tin Máy

Model: Model máy.

Số sê-ri: Số sê-ri của máy.

Địa chỉ MAC (LAN0/LAN1): Địa chỉ MAC của máy.

Chương trình Cơ sở: Phiên bản của chương trình cơ sở.

Địa chỉ IP (IPv4/IPv6) (LAN0/LAN1): Địa chỉ IP của máy.

Sử dụng HDD: Tỷ lệ dung lượng đã dùng trên ổ cứng cục bộ.

Mã hóa dữ liệu HDD: Hiển thị trạng thái (ON hoặc OFF) của cài đặt mã hóa dữ liệu cho ổ cứng cục bộ.

Nhận xét: Nhận xét do quản trị viên nhập.

Chỉ người dùng có tài khoản quản trị viên mới có thể nhập nhận xét.

**[In TT Hệ thống]**

Nhấp vào đây để in thông tin hệ thống.

**[In Hình ảnh Mẫu]**

Nhấp vào đây để in trang mẫu, giúp bạn kiểm tra kết quả của hình ảnh được in.

**Kiểm tra Số lượng Chi tiết**

Tổng số lượng bản in và bản sao của máy này cũng như số lượng của mỗi khổ giấy sẽ hiển thị.

Khổ Giấy	Đen	Đơn sắc	Màu Đầy đủ
A3	0	0	0
A4	1	0	2183
B4	0	0	0
B5	0	0	0
Foolscap	0	0	0
L Không tiêu chuẩn	0	0	0
S Không tiêu chuẩn	0	0	0

**[In Danh sách Đây]**

Nhấp vào đây để in thông tin mới nhất.

**[Tải xuống dưới dạng Tệp CSV]**

Nhấp vào đây để lưu thông tin mới nhất vào máy tính dưới dạng tệp CSV.

**Số lượng Dịch vụ**

Tổng số bản in và bản sao do máy này thực hiện hiển thị.

**Số lượng Chi tiết**

Số lượng của mỗi khổ giấy sẽ hiển thị.



- Khi bạn nhấp vào [In Danh sách Đây] hoặc [Tải xuống dưới dạng Tệp CSV], thông tin mới nhất được thu thập và có thể khác thông tin hiển thị trên màn hình.

**Kiểm tra Mức phí**

Mức phí cho mỗi nhóm khổ giấy được hiển thị riêng biệt đối với in đơn sắc và in màu.

**[In Danh sách Đây]**

Nhấp vào đây để hiển thị thông tin mới nhất.

**[Tải xuống dưới dạng Tệp CSV]**

Nhấp vào đây để lưu thông tin mới nhất vào máy tính dưới dạng tệp CSV.

**Cài đặt Báo cáo Đọc Đồng hồ**

Loại chi phí hiển thị.



- Màn hình [Báo cáo Đọc Đồng hồ] chỉ hiển thị khi dùng ComColor FW5230R/FW5231R/FW5000R.
- Khi bạn nhấp vào [In Danh sách Đây] hoặc [Tải xuống dưới dạng Tệp CSV], thông tin mới nhất được thu thập và có thể khác thông tin hiển thị trên màn hình.
- Để biết thêm thông tin về cách tính phí, hãy liên hệ với đại lý hoặc đại diện dịch vụ được ủy quyền của bạn.

**Màn hình [T.tin Ng.dùng]**

Thông tin về người dùng hiện đã đăng nhập hiển thị.

- Nếu không cần đăng nhập, màn hình [T.tin Ng.dùng] không hiển thị.

Giới hạn	In		Sao chép	
	Đơn sắc	Màu Đầy đủ	Đơn sắc	Màu Đầy đủ
Hiện tại	10000	10000	---	---
Số lượng Còn lại	9999	10000	---	---

Giới hạn	In		Sao chép	
	Đơn sắc	Màu Đầy đủ	Đơn sắc	Màu Đầy đủ
Hiện tại	10000	10000	---	---
Số lượng Còn lại	0	0	---	---

**[Thay đổi Mật khẩu]**

Bạn có thể thay đổi mật khẩu.

**Thông tin Người dùng**

Màn hình này hiển thị tên người dùng và nhóm người dùng đã đăng nhập.

**Giới hạn**

Các giới hạn có thể in và sao chép do quản trị viên thiết lập và số bản in cũng như số bản sao hiện tại do người dùng đã đăng nhập tạo ra sẽ hiển thị.



- Quản trị viên đăng ký các thông tin hiển thị. Nếu dữ kiện khác với thông tin hiển thị, hãy liên hệ quản trị viên của bạn.

## Thay đổi Mật khẩu Đăng nhập

Người dùng có thể thay đổi mật khẩu đăng nhập của chính mình.

### 1 Nhấp vào [Thay đổi Mật khẩu].

### 2 Nhập mật khẩu mới vào [Mật khẩu Mới].

Mật khẩu của bạn phải gồm từ 0 đến 16 ký tự (số và/hoặc chữ thường). Các ký tự đã nhập được hiển thị bằng dấu sao (\*).

### 3 Nhập lại mật khẩu mới để xác nhận.

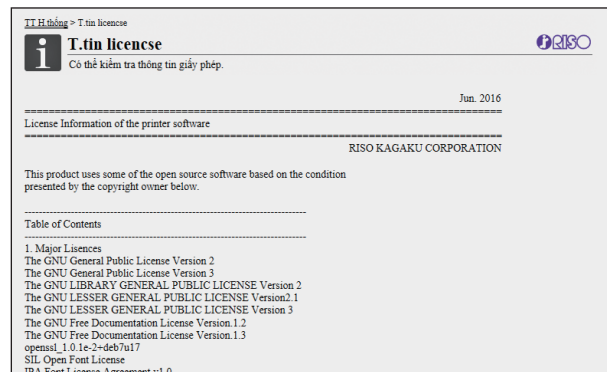
### 4 Nhấp vào [OK].

Màn hình hiển thị cho biết đã gửi cài đặt.

### 5 Nhấp vào [OK].

## Màn hình [T.tin licence]

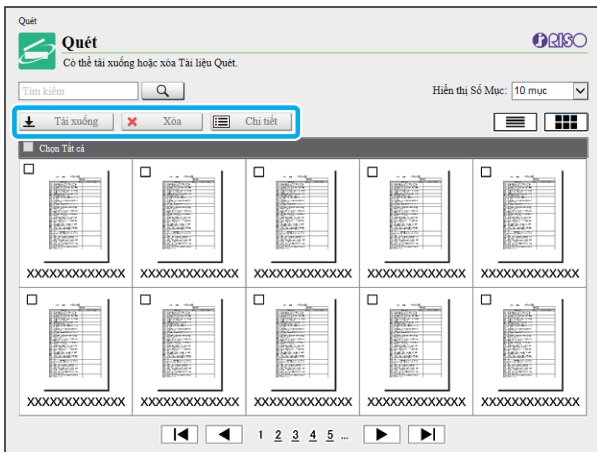
Màn hình [T.tin licence] hiển thị thông tin về giấy phép của hệ thống được sử dụng trong máy.



# Menu [Quét]

## Màn hình Menu [Quét]

Bạn có thể tải xuống dữ liệu đã quét được lưu trên ổ cứng cục bộ của máy này vào máy tính.



### [Tải xuống]

Tải xuống lệnh đã chọn.

### [Xóa]

Xóa lệnh đã chọn.

### [Chi tiết]

Bạn có thể xem cài đặt, dung lượng tệp và thông tin khác về lệnh đã chọn.



- Thời gian lưu trữ của lệnh đã quét do quản trị viên cấu hình bằng [Cài đặt Lưu Tài liệu Quét]. Khi hết thời gian này, lệnh được xóa tự động.

## Tải Lệnh Đã quét xuống Máy tính

### 1 Chọn hộp kiểm của lệnh đã quét để tải xuống.

Bạn có thể chọn nhiều lệnh.

### 2 Nhấp vào [Tải xuống].

Màn hình cho biết tệp zip đang được tạo sẽ hiển thị.

- Đối với các lệnh có mã PIN, màn hình nhập mã PIN hiển thị. Nhập mã PIN và nhấp vào [OK].

### 3 Nhấp vào liên kết đến tệp zip.

Hộp thoại [Lưu như] hiển thị.

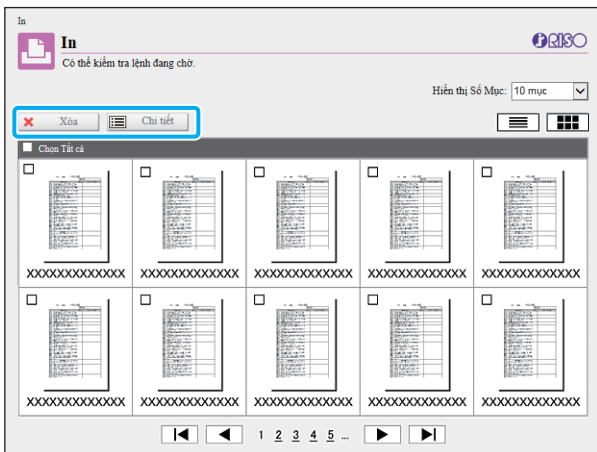
### 4 Chỉ định thư mục đích và tên tệp rồi nhấp vào [Lưu].

Dữ liệu đã quét được lưu vào máy tính.

# Menu [In]

## Màn hình Menu [In]

Bạn có thể kiểm tra trạng thái của lệnh được gửi từ trình điều khiển máy in và lưu trên ổ cứng cục bộ của máy này.



### [Xóa]

Xóa lệnh đã chọn.

### [Chi tiết]

Bạn có thể xem cài đặt, dung lượng tệp và thông tin khác về lệnh đã chọn.



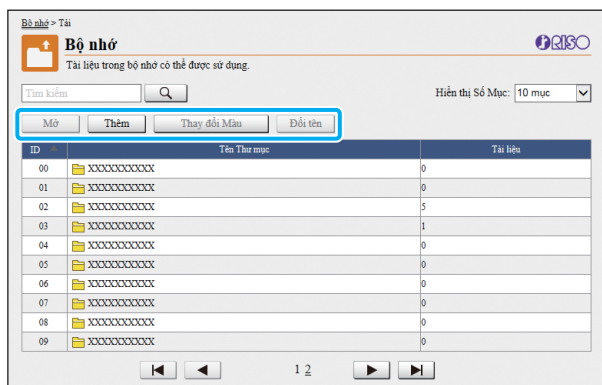
- Trong các trường hợp sau, tất cả tên lệnh hiển thị trong danh sách.
  - Khi người dùng không bắt buộc phải đăng nhập
- Trong các trường hợp sau, tên lệnh hiển thị ở dạng "\*\*\*\*\*".
  - Lệnh có hộp kiểm [Ẩn Tên Lệnh] được đánh dấu trên trình điều khiển máy in (tr. 3-25 "Mã PIN")



# Menu [Bộ nhớ]

## Màn hình [Tải]

Thư mục dùng chung và thư mục cá nhân hiển thị.



### [Mở]

Nhấp vào nút này để hiển thị danh sách tài liệu trong thư mục.

### [Thêm]

Nhấp vào nút này để thêm thư mục.

Có thể nhập tên thư mục dài tối đa 128 ký tự.

### [Thay đổi Màu]

Nhấp vào nút này để thay đổi màu của thư mục đã chọn.

### [Đổi tên]

Nhấp vào nút này để thay đổi tên thư mục.

Có thể nhập tên thư mục dài tối đa 128 ký tự.



- Các chức năng có thể không hiển thị tùy theo cách cấu hình cài đặt của quản trị viên.

## Quản lý Tài liệu trong Thư mục

### [Đóng]

Đóng màn hình danh sách tài liệu và hiển thị màn hình [Tải].

### [In]

In tài liệu đã chọn.

### [Xóa]

Xóa tài liệu đã chọn.

### [Sao chép sang thư mục]

Chọn thư mục bạn muốn sao chép sang và nhấp vào nút này để sao chép tài liệu.

### [Chi tiết]

Nhấp vào nút này để xem cài đặt của tài liệu đã chọn.

Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt.

### [Tải xuống]

Nếu cài đặt bộ PostScript tùy chọn, bạn có thể lưu các lệnh PostScript đã chọn vào máy tính.

## 1 Chọn thư mục và nhấp vào [Mở].

Màn hình hiển thị danh sách tài liệu trong thư mục đó.

## 2 Thao tác đối với tài liệu.

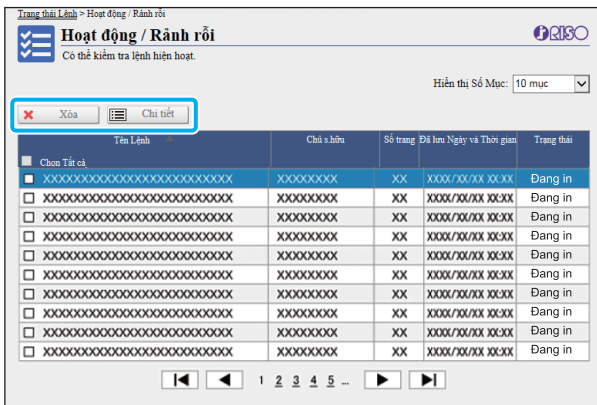
Các chức năng sau khả dụng đối với tài liệu đã chọn.

- In
- Xóa
- Sao chép sang thư mục
- Chi tiết
- Tải xuống

# Menu [Trạng thái Lệnh]

## Màn hình [Hoạt động / Rảnh rỗi]

Lệnh đang được in và lệnh đang chờ in hiển thị.



Mục [Trạng thái] trong thanh tiêu đề của danh sách hiển thị trạng thái của mỗi lệnh ("In", "Tạm ngưng", v.v.).

### [Xóa]

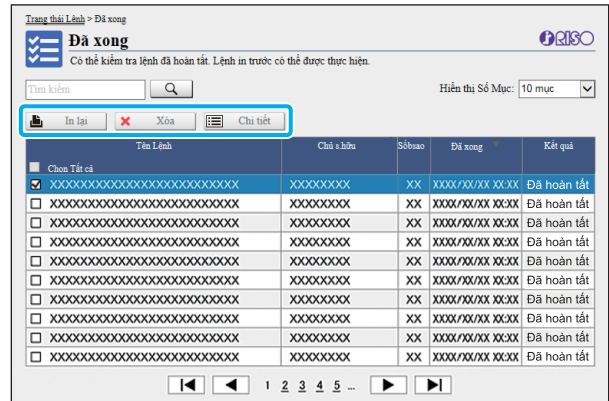
Xóa lệnh đã chọn.

### [Chi tiết]

Nhấp vào nút này để xem cài đặt của lệnh đã chọn. Nội dung hiển thị thay đổi tùy theo loại lệnh.

## Màn hình [Đã xong]

Màn hình [Đã xong] hiển thị lệnh in đã xong, lệnh in tạm ngưng và lệnh in có lỗi.



Mục [Trạng thái] trong thanh tiêu đề của danh sách hiển thị kết quả của mỗi lệnh ("Đã hoàn tất", "Lỗi", v.v.).

### [In lại]

Nhấp vào nút này để in lại lệnh đã chọn.

### [Xóa]

Nhấp vào nút này để xóa lệnh đã chọn.

### [Chi tiết]

Nhấp vào nút này để xem cài đặt của lệnh đã chọn. Nội dung hiển thị thay đổi tùy theo loại lệnh.



Lệnh đã xong chỉ hiển thị khi đặt [Cài đặt Lệnh đã Hoàn tất] trên menu quản trị viên thành [Lưu].

Chức năng in không khả dụng trong các trường hợp sau:

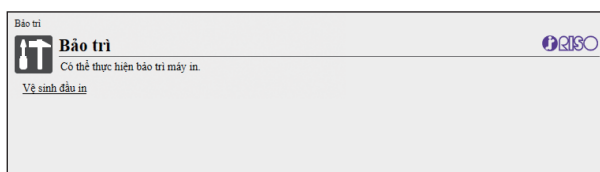
- Khi chọn lệnh chưa hoàn thành đúng cách
- Khi chọn lệnh không phải lệnh in
- Khi không được phép in một lệnh đã xong
- Khi chọn lệnh màu mặc dù không được phép in màu

Khi quản trị viên cấu hình thời gian lưu trữ của lệnh.

# Menu [Bảo trì]

## Màn hình Menu [Bảo trì]

Trên màn hình này, bạn có thể cấu hình chức năng mà người dùng có thể cấu hình cho thiết bị chính của máy in (hệ thống).



### [Vệ sinh đầu in]

Vệ sinh đầu in để tránh bị kẹt. Vệ sinh đầu in khi bạn nhận thấy có thay đổi về chất lượng hình ảnh như mờ một phần của bản in, các vạch trắng hoặc màu bị nhạt đi. Khi đang dùng máy in, việc vệ sinh đầu in được tiến hành sau khi máy in đã hoàn tất việc in hoặc sao chép.

**1** Nhấn vào [Vệ sinh đầu in].

**2** Nhấn vào [OK].

Màn hình hiển thị cho biết đã gửi cài đặt.

**3** Nhấn vào [OK].



# Sử dụng Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch

Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch được thiết kế để chuyên dùng với các sản phẩm dòng ComColor FW.

Phần mềm này được sử dụng để chỉ định thông tin về vị trí in mã vạch để có thể tạo mã vạch để đọc trong tài liệu.

Chương này mô tả cách cài đặt và vận hành Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch cũng như cách đăng ký tệp xác định vị trí mã vạch cho máy in.

## Tổng quan về Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch ..... tr. 7-2

Cài đặt Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch

## Tạo và Đăng ký Tệp Xác định Khu vực Mã vạch ..... tr. 7-5

1. Tạo tệp PRN.



2. Đọc tệp PRN.



3. Chỉ định khu vực mã vạch.



4. Lưu tệp xác định khu vực mã vạch.



5. Đăng ký tệp xác định khu vực mã vạch.





# Tổng quan về Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch

## Cài đặt Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch

Bạn cần cài đặt Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch trước khi dùng phần mềm này lần đầu tiên.

### Môi trường Vận hành

Yêu cầu về hệ thống để kích hoạt Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch được mô tả trong bảng bên dưới.

Bộ nhớ	1 GB trở lên
CPU	Intel hoặc CPU hoàn toàn tương thích
Ổ cứng	Dung lượng trống 2 GB trở lên (Dung lượng đủ để vận hành hệ điều hành)
Màn hình	Độ phân giải 1024 × 768 trở lên



Hệ điều hành duy nhất hỗ trợ Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch là Windows.

## Cài đặt



- Đăng nhập với tư cách người dùng có đặc quyền quản trị.
- Đóng tất cả ứng dụng đang hoạt động.

- 1 Tải đĩa DVD-ROM Trình điều khiển Máy in RISO đi kèm trong ổ đĩa DVD-ROM của máy tính.**
- 2 Mở [Tiện ích] - thư mục [BarcodeAreaDefinitionSoftware] trên đĩa DVD-ROM và nhấp đúp vào tệp “setup.exe”.**
- 3 Nhấp vào [Tiếp theo].**
- 4 Chọn [Tôi chấp nhận điều khoản trong thỏa thuận cấp phép] và nhấp vào [Tiếp theo].**
- 5 Làm theo hướng dẫn trên màn hình để cấu hình cài đặt.**



Khi hoàn tất cài đặt, màn hình “Readme” hiển thị. Màn hình “Readme” bao gồm các lưu ý khi dùng máy. Hãy nhớ đọc thông tin này.

- 6 Tháo đĩa DVD-ROM khỏi máy tính.**



Cất đĩa DVD-ROM ở nơi an toàn để tham khảo sau này.

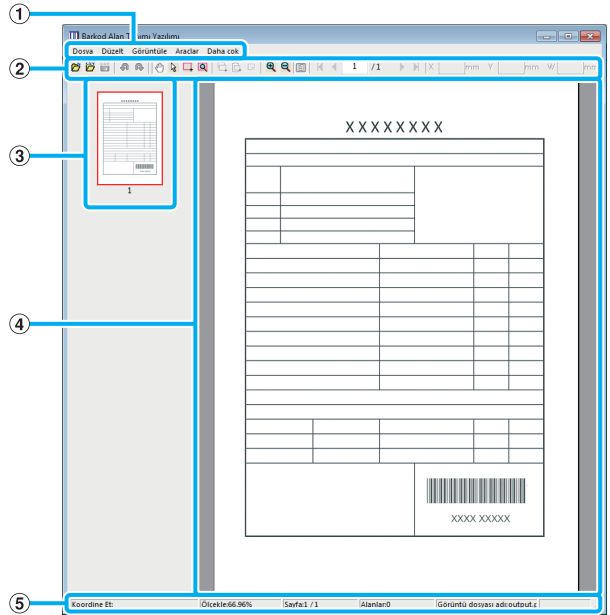
■ Dỡ cài đặt

- 1 Nhấp vào [Bắt đầu] - [Bảng Điều khiển] - [Chương trình và Tính năng] - [BarcodeAreaDefinitionSoftware] - [Dỡ cài đặt].
- 2 Làm theo hướng dẫn trên màn hình để dỡ cài đặt Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch.
- 3 Sau khi đã dỡ cài đặt Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch, hãy khởi động lại máy tính.

**Khởi động Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch**

- 1 Nhấp vào [Bắt đầu] - [Tất cả Chương trình] - [RISO] - [Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch].
  - Đối với Windows 10, nhấp vào [Bắt đầu] - [Tất cả Chương trình] - [RISO] - [Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch].
  - Đối với Windows 8.1, mở màn hình “Ứng dụng” và chọn [RISO] - [Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch].

**Màn hình Chính**



- ① **Thanh menu**  
Thanh menu bao gồm menu [Tệp], [Chỉnh sửa], [Xem], [Công cụ] và [Khác]. Mỗi menu bao gồm một chức năng chỉnh sửa và các mục cài đặt.
- ② **Thanh công cụ**  
Các công cụ khác nhau hiển thị.
- ③ **Hình thu nhỏ**  
Hình thu nhỏ của hình ảnh in hiển thị.
- ④ **Màn hình khu vực hình ảnh/mã vạch**  
Hình ảnh in hiển thị.
- ⑤ **Thanh trạng thái**  
Vị trí (tọa độ), mức phóng đại, số trang và các chi tiết khác hiển thị.

## Thao tác

Để chỉnh sửa khu vực mã vạch, chọn khu vực in hình ảnh và sử dụng chức năng trong thanh công cụ hoặc thanh menu. Khi cả trong thanh công cụ và thanh menu đều xuất hiện cùng một biểu tượng, bạn có thể nhấp vào một trong hai biểu tượng để thực hiện cùng một thao tác.

Thanh menu	Chức năng
<b>Tệp</b>	
Mở Tệp Hình ảnh	Mở tệp in đã chọn và hiển thị hình ảnh của tệp.
Mở Tệp CSV	Mở tệp CSV đã chọn.
Tạo lại Tệp CSV	Xóa khu vực mã vạch hiển thị.
Lưu	Lưu tệp CSV mà bạn hiện đang dùng.
Lưu dưới dạng	Lưu tệp đang mở bằng tên tệp mới.
Cài đặt Trang	Bạn có thể chỉ định kích thước trang của khu vực tạo mã vạch.
<b>Chỉnh sửa</b>	
Hoàn tác	Hủy chỉnh sửa trước đó.
Làm lại	Áp dụng lại chỉnh sửa bị hủy trước đó. Có thể thực hiện lại 10 chỉnh sửa gần đây nhất.
Sao chép	Sao chép khu vực mã vạch đã chọn.
Dán	Dán khu vực mã vạch đã sao chép sang khu vực khác.
Xóa	Xóa khu vực mã vạch đã chọn.
Lặp lại	Bạn có thể chỉ định lặp lại cùng một khu vực mã vạch. Bạn có thể chỉ định một chu kỳ gồm từ 1 đến 999 trang.
<b>Xem</b>	
Di chuyển	Di chuyển đến trang đầu tiên, trước, tiếp theo hoặc cuối cùng.
Chuyển tới	Di chuyển đến trang được chỉ định. Nhập số trang mong muốn vào hộp văn bản và nhấn phím [Enter]. (Phần này chỉ hiển thị trong thanh công cụ.)

Thanh menu	Chức năng
Công cụ điều chỉnh nhỏ cho khu vực (X/Y/R/C)	Hiển thị tọa độ (X/Y), độ rộng (R) và độ cao (C) của khu vực mã vạch theo định dạng đơn vị hiển thị (mm/inch). Nhập giá trị vào hộp để thay đổi khu vực mã vạch theo một vị trí hoặc kích thước được chỉ định. (Phần này chỉ hiển thị trong thanh công cụ.)
Xoay	Xoay hình ảnh in trên màn hình sang trái hoặc phải 90 độ.
Hiển thị các Thiết bị	Bạn có thể chỉ định mm hoặc inch làm đơn vị để sử dụng trên trang xác định khu vực mã vạch.
Thu phóng	Bạn có thể chỉ định tỷ lệ phóng đại cho hình ảnh in, chỉ định hiển thị hình ảnh vừa trên trang, hiển thị hình ảnh vừa với độ rộng của trang, phóng to hoặc thu nhỏ hình ảnh.
Hình thu nhỏ	Hiển thị hoặc ẩn hình thu nhỏ.
Thanh Trạng thái	Hiển thị hoặc ẩn thanh trạng thái.
Thanh Công cụ	Hiển thị hoặc ẩn thanh công cụ.
<b>Công cụ</b>	
Công cụ bằng Tay	Bạn có thể kéo hình ảnh in để thay đổi vị trí hiển thị của ảnh.
Công cụ Lựa chọn	Bạn có thể chọn khu vực mã vạch. Nhấn và giữ phím Ctrl để chọn nhiều khu vực mã vạch. Khu vực đã chọn được biểu thị bằng .
Công cụ Tạo	Bạn có thể chỉ định khu vực mã vạch mà ở đó, mật độ bản in được điều chỉnh để làm cho khu vực này dễ đọc. Khu vực đã khoanh vùng được biểu thị bằng .
T.động Phát hiện Khu vực	Tự động phát hiện khu vực mã vạch trên tất cả các trang hoặc trang được chỉ định.
<b>Khác</b>	
Phiên bản	Hiển thị thông tin phiên bản.



# Tạo và Đăng ký Tập Xác định Khu vực Mã vạch

Xuất dữ liệu bản gốc từ trình điều khiển máy in thành định dạng tệp PRN. Mở tệp PRN bằng Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch, chỉ định khu vực mã vạch và tạo tệp CSV.

Quản trị viên sử dụng RISO Console để đăng ký tệp xác định khu vực mã vạch vào máy in.

## Quy trình

### 1 Tạo tệp PRN

Xuất bản gốc có mã vạch được in bằng định dạng tệp PRN.

**1 Nhấp vào [Thuộc tính] (hoặc [Chi tiết]) trong hộp thoại in của ứng dụng trên máy tính.**

**2 Nhấp vào tab [Cơ bản].**

**3 Chọn [Lưu dưới dạng Tệp] trong menu kéo xuống [Đầu ra].**



• Nếu cài đặt bộ PostScript tùy chọn, hãy chọn [Bộ nhớ].

**4 Nhấp vào [Chi tiết] và chỉ định đích.**

**5 Nhấp vào [OK].**

**6 Nhấp vào [In].**

Tệp PRN được tạo tại đích được chỉ định.

### 7 Nếu cài đặt bộ PostScript tùy chọn, hãy sử dụng RISO Console để tải xuống tài liệu lưu trong thư mục.

Khởi động RISO Console, chọn tài liệu được lưu trên màn hình [Tải] trong menu [Bộ nhớ] rồi nhấp vào [Tải xuống].



• Cấu hình cài đặt tương tự cho trình điều khiển máy in như khi bạn in thực sự, trừ cài đặt [Đầu ra]. Nếu định dạng tệp PRN và cài đặt in thực tế (kích thước bản gốc, hướng in, khổ giấy, lên khuôn, v.v.) khác nhau, dữ liệu xác định khu vực mã vạch có thể không được áp dụng chính xác. Nếu bạn thay đổi bất kỳ cài đặt nào liên quan đến bố cục, tọa độ của khu vực đó cũng thay đổi.

• Tệp PRN được trình điều khiển máy in xuất ra theo định dạng đã được phát triển riêng cho RISO KAGAKU CORPORATION. Máy in hoặc ứng dụng của các nhà sản xuất khác không thể mở được tệp PRN.

### 2 Đọc tệp PRN

Mở tệp PRN (hình ảnh in) bằng Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch.

**1 Nhấp vào [Bắt đầu] - [Tất cả Chương trình] - [RISO] - [Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch].**

Đối với Windows 8.1, mở màn hình "Ứng dụng" và chọn [RISO] - [Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch].

**2 Nhấp vào [Tệp] - [Mở Tệp Hình ảnh] và chọn tệp PRN.**

**3 Chỉ định số trang sẽ đọc.**

Chọn hộp kiểm [Tự động Phát hiện Khu vực Mã vạch.] để tự động phát hiện khu vực mã trên tất cả các trang.

## 4 Nhấp vào [OK].

Hình ảnh in của bản gốc xuất hiện trong khu vực hình ảnh/mã vạch.




- Nếu bạn sử dụng dữ liệu có kích thước kết hợp, dữ liệu bản gốc có thể được định hướng khác với hình ảnh in. Chọn [Xem] trong thanh menu, xoay hình ảnh in theo hướng giống dữ liệu bản gốc và chỉ định khu vực mã vạch.

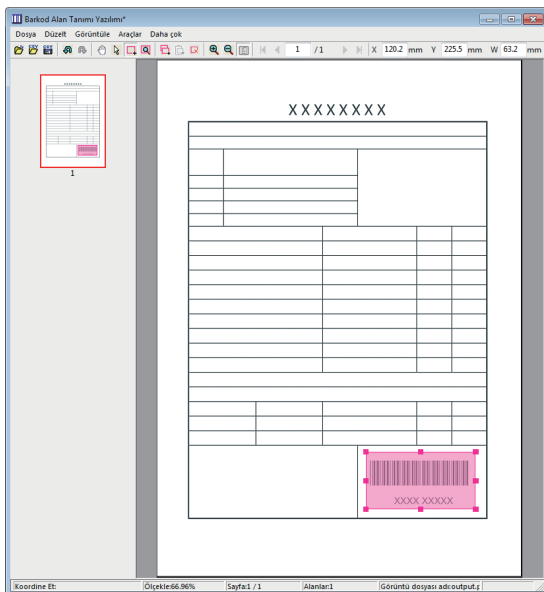
- Kích thước mã vạch tối đa có thể đọc bằng tính năng [Tự động Phát hiện Khu vực Mã vạch.] là 100 mm (R) x 30 mm (C) và kích thước tối thiểu là 20 mm (R) x 5 mm (C).



- Không thể tự động phát hiện khu vực mã vạch trong những trường hợp sau:
  - Khi khoảng cách giữa các mã vạch là 5 mm trở xuống
  - Khi hình ảnh mã vạch không rõ ràng
  - Khi mã vạch được đặt ở góc hoặc khi các vạch màu đen không thẳng
  - Khi các vạch không có màu đen thực sự (RGB 0.0.0)
  - Khi khoảng cách giữa các vạch không có màu trắng thực sự (RGB 255.255.255)


## 3 Chỉ định Khu vực Mã vạch

Sử dụng  để khoanh vùng mã vạch trên màn hình.



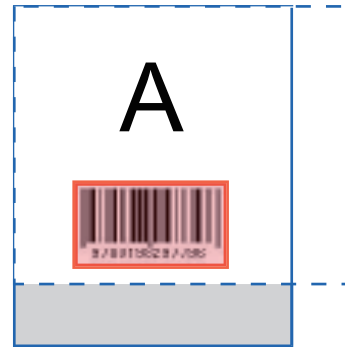
Khu vực đã khoanh vùng được tô màu và chỉ định làm khu vực mã vạch.

Để chỉnh sửa khu vực mã vạch, sử dụng công cụ chỉnh sửa và thanh menu. (tr. 7-4 “Thao tác”)

Nếu sử dụng tính năng phát hiện khu vực mã vạch tự động, hãy đảm bảo mã vạch đã được phát hiện chính xác. Nếu khu vực phát hiện không được căn chỉnh với mã vạch, hãy sử dụng  (công cụ lựa chọn) để điều chỉnh mã vạch.

## ■ Màn hình Hình thu nhỏ

Góc trên cùng bên trái của hình thu nhỏ là điểm cơ bản và hình ảnh gốc cùng hình ảnh xác định khu vực mã vạch được hiển thị chồng chéo lên nhau. Nếu hình ảnh gốc và hình ảnh xác định khu vực mã vạch không có cùng kích thước, một hình thu nhỏ như hình minh họa dưới đây sẽ hiển thị. Để chỉ định khu vực mã vạch trong phần màu xám, hãy căn chỉnh hình ảnh gốc và hình ảnh xác định khu vực mã vạch theo cùng một hướng.




Trong ví dụ này, hình ảnh gốc (đường thẳng nét liền) nhỏ hơn hình ảnh xác định khu vực mã vạch (đường thẳng nét đứt).

Phần bên ngoài hình ảnh xác định khu vực mã vạch có màu xám.



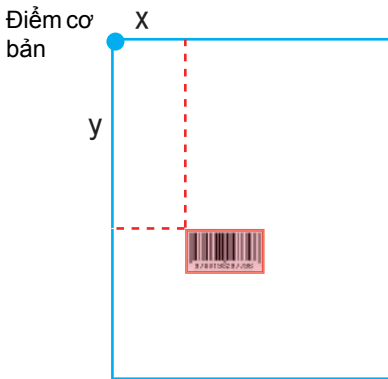
- Bạn có thể chỉ định tối đa 50 mã vạch mỗi trang trên tối đa 30 trang. Nếu chỉ định [Lặp lại], bạn có thể áp dụng lặp lại các khu vực.

- Có thể di chuyển khu vực mã vạch trên cùng một trang bằng  (công cụ lựa chọn). Để di chuyển khu vực mã vạch đến trang khác, hãy sao chép và dán khu vực đó sang trang mong muốn. Bạn không thể dán khu vực mã vạch đã sao chép nếu khu vực đó lớn hơn bản gốc.

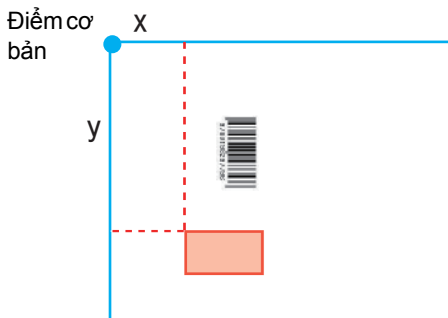
### ■ Lưu ý khi Xác định Khu vực Mã vạch

Nếu thông tin vị trí của khu vực mã vạch được chỉ định thay đổi, như khi hình ảnh bị xoay, khu vực mã vạch sẽ không được xử lý đúng cách.

Nếu hình ảnh bị xoay hoặc hướng in thay đổi, hãy sử dụng công cụ tạo để chỉ định lại khu vực mã vạch. (Hãy hiệu chỉnh khu vực mã vạch bắt đầu từ điểm cơ bản)




Ví dụ về xử lý mã vạch chính xác



Ví dụ về xử lý mã vạch không chính xác do bản gốc bị xoay và vị trí mã vạch so với điểm cơ bản thay đổi

### ● 4 Lưu Tập Xác định Khu vực Mã vạch

Nhập vào  trong thanh menu. Tập xác định khu vực mã vạch được xuất (lưu) bằng định dạng CSV. Để thay đổi tên tập khi lưu, hãy chọn [Lưu dưới dạng] trong menu [Tập].



- Tập CSV chỉ định kích thước (R, C) và tọa độ vị trí (X, Y) của mã vạch trên bản in ra (theo đơn vị 0,1 mm) so với điểm cơ bản, là góc trên cùng bên trái của dữ liệu bản gốc tạo trên máy tính.



### ● 5 Đăng ký Tập Xác định Khu vực Mã vạch

Đăng ký tập xác định khu vực mã vạch cho máy in trong menu quản trị viên trên RISO Console. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Hướng dẫn Quản trị” được cung cấp riêng.

## Chức năng Lặp lại

Nếu bạn sử dụng chức năng [Lặp lại] khi chỉ định khu vực mã vạch, khu vực này sẽ được chỉ định lặp lại cho các trang sau dựa trên giá trị được chỉ định cho [Chu kỳ] trong hộp thoại [Lặp lại]. Điều đó giúp bạn không phải xác định khu vực này trên từng trang và tất cả các trang.

- Khi chu kỳ bằng 0: Khu vực mã vạch chỉ được áp dụng trên trang được cấu hình trong tệp xác định khu vực mã vạch.
- Khi chu kỳ bằng 1: Khu vực mã vạch được cấu hình cho trang đầu tiên trong tệp xác định khu vực mã vạch được lặp lại trên từng trang đến trang cuối cùng.
- Khi chu kỳ bằng 2: Cứ 2 trang một lần, khu vực mã vạch được cấu hình cho 2 trang đầu tiên trong tệp xác định khu vực mã vạch lại được lặp lại đến trang cuối cùng.
- Khi chu kỳ bằng 3: Cứ 3 trang một lần, khu vực mã vạch được cấu hình cho 3 trang đầu tiên trong tệp xác định khu vực mã vạch lại được lặp lại đến trang cuối cùng.

Sau đây là ví dụ về khu vực mã vạch được xác định cho 3 trang.

Dữ liệu bản gốc	p.1  p.2  p.3  p.4  p.5  p.6  p.7  p.8  p.9  p.10  p.11  p.12  p.13
Xác định khu vực mã vạch	
Chu kỳ: 0	p.1  p.2  p.3  p.4  p.5  p.6  p.7  p.8  p.9  p.10  p.11  p.12  p.13 Các trang bạn cấu hình trong tệp xác định khu vực mã vạch <span style="margin-left: 100px;">Tính năng xử lý mã vạch không được cấu hình cho các trang từ 4 đến 13.</span>
Chu kỳ: 3	p.1  p.2  p.3  p.4  p.5  p.6  p.7  p.8  p.9  p.10  p.11  p.12  p.13 Các trang bạn cấu hình trong tệp xác định khu vực mã vạch <span style="margin-left: 50px;">Các trang lặp lại</span> <span style="margin-left: 50px;">Các trang lặp lại</span> <span style="margin-left: 50px;">Các trang lặp lại</span>



- Bạn có thể chỉ định từ 1 đến 999 trang cho [Chu kỳ].
- Các trang sau trang được đặt trong quy trình lặp lại không xuất hiện trong hình thu nhỏ.

## In Bản gốc Mã vạch

Bạn có thể chọn tệp xác định khu vực mã vạch đã đăng ký từ menu kéo xuống [Xác định Khu vực Mã vạch] trong tab [Hình ảnh] trên màn hình trình điều khiển máy in. Chọn tệp xác định khu vực mã vạch thích hợp khi in bản gốc mã vạch. (tr. 3-23 “Xác định Khu vực Mã vạch”)

# Thiết bị Tùy chọn

Chương này mô tả thiết bị tùy chọn có thể dùng với máy này.

## **Bộ hoàn thiện .....tr. 8-2**

Phần này mô tả các cài đặt và chức năng khả dụng khi kết nối bộ hoàn thiện úp xuống.

## **Bộ hoàn thiện Đa chức năng .....tr. 8-9**

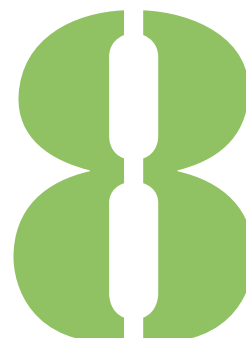
Phần này mô tả các cài đặt và chức năng khả dụng khi kết nối bộ hoàn thiện đa chức năng.

## **Khay Xếp chồng (T.động k/s Khay Xếp chồng / Khay Xếp chồng Rộng).....tr. 8-24**

Phần này mô tả các cài đặt và chức năng khả dụng khi kết nối khay xếp chồng tự động kiểm soát/khay xếp chồng rộng.

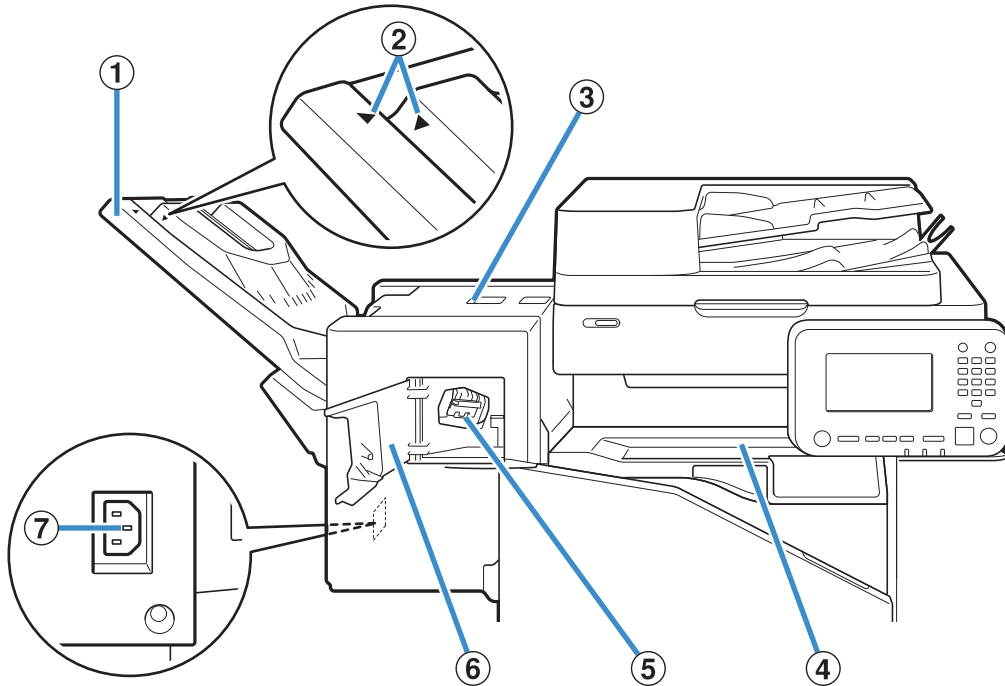
## **Bộ PostScript .....tr. 8-28**

Phần này mô tả các cài đặt và chức năng khả dụng khi cài đặt bộ PostScript.



## Bộ hoàn thiện

Nếu kết nối bộ hoàn thiện úp xuống tùy chọn, bạn có thể dập ghim các tờ đã in hoặc tiến hành điều chỉnh giấy ra cho từng tập tài liệu đã in.



### ① Khay Xếp chồng

Bản in ra úp xuống.

### ② Vị trí Đặt Khay Xếp chồng

Trượt vào vị trí tùy theo loại giấy và điều kiện xuất giấy.

### ③ Nắp Nhà Giấy kẹt

### ④ Nắp Trên cùng

Nếu xảy ra kẹt giấy trong khi chuyển giấy từ máy in sang bộ hoàn thiện úp xuống, hãy mở nắp này và tháo tờ giấy bị kẹt ra.

### ⑤ Hộp Ghim dập

Kéo hộp ghim dập ra để thay thế ghim dập hoặc nếu ghim dập bị kẹt.

### ⑥ Nắp Ghim dập

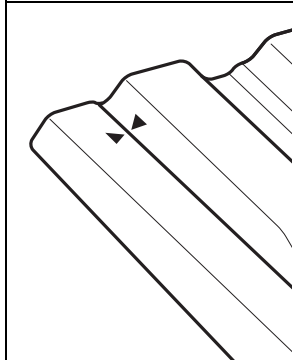
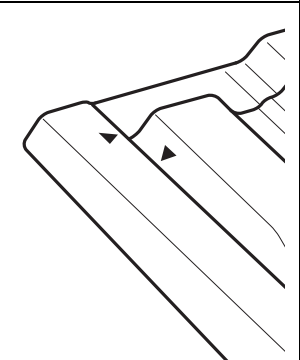
Mở nắp này nếu ghim dập bị kẹt hoặc để thay thế hộp ghim dập.

### ⑦ Ổ cắm Bộ hoàn thiện Úp Xuống

Kết nối dây nguồn của bộ hoàn thiện úp xuống.



• Khay xếp chồng bị trượt. Để xuất giấy ra theo cách thông thường, hãy căn chỉnh ► và ◀ được minh họa trong ②.

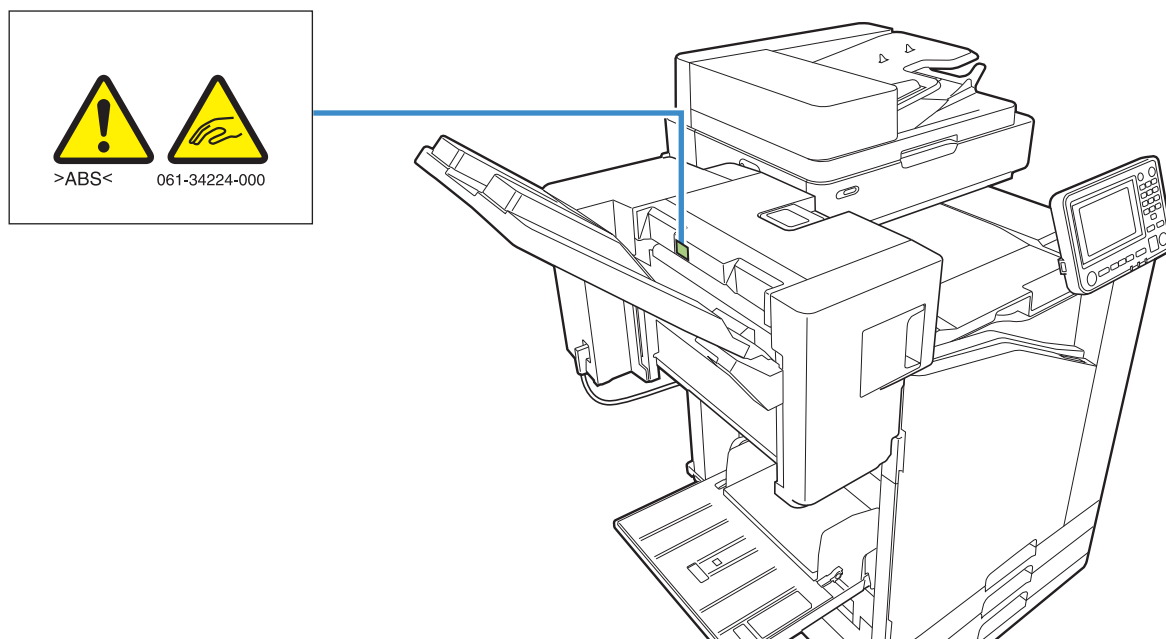
Bình thường (trừ trường hợp được minh họa ở bên phải)	Khi dùng giấy khổ B5 hoặc nhỏ hơn mà không dập ghim
 <p>Căn chỉnh ► và ◀.</p>	 <p>Định vị ► và ◀ lệch nhau.</p>

## Nhãn lưu ý

Để đảm bảo bạn sử dụng an toàn, chúng tôi đã gắn nhãn lưu ý dưới đây vào bộ hoàn thiện. Khi vận hành hoặc bảo trì bộ hoàn thiện, hãy tuân theo các hướng dẫn trên nhãn lưu ý để sử dụng an toàn. Không bóc hoặc làm bẩn nhãn. Nếu nhãn không dính vào bộ hoàn thiện, đang bong ra hoặc không đọc được, hãy liên hệ với đại lý hoặc đại diện bảo dưỡng được ủy quyền.

### ■ Vị trí của nhãn lưu ý

Dưới đây là hình minh họa vị trí của nhãn lưu ý (cảnh báo).



### ■ Chi tiết nhãn

Ngón tay của bạn có thể bị kẹt trong khi bộ hoàn thiện di chuyển hoặc khi bạn lấy bản in ra khỏi khay xếp chồng.

## Danh sách Cài đặt

Có thể cài đặt các mục được mô tả dưới đây khi kết nối bộ hoàn thiện úp xuống.

### Trình điều khiển Máy in

Mục cài đặt	Mô tả	Xem
<b>Tab [Đang h.tắt]</b>		
Bản ra sole	Bạn có thể xếp chồng từng tập tài liệu đã in riêng biệt nhau một chút khi in nhiều bản sao.	tr. 8-4
Dập ghim	Chọn vị trí dập ghim.	tr. 8-5
<b>Tab [Cài tiến]</b>		
Chương trình	Chỉ định tùy chọn này khi số bản sao được yêu cầu thay đổi theo nhóm (chẳng hạn phòng ban công ty hoặc lớp học).	tr. 3-26
Bản ra sole (Chương trình)	Bạn có thể xếp chồng từng tập tài liệu đã in riêng biệt nhau một chút để tạo ra sự tách biệt.	tr. 8-7



- Khi [Dập ghim] trong tab [Đang h.tắt] có màu xám, hãy đảm bảo rằng [Cấu hình Máy in] trong tab [Môi trường] trên màn hình thuộc tính đã được cấu hình chính xác. (tr. 3-28 “Cấu hình Máy in”)

### Chế độ Sao chép

Mục cài đặt	Mô tả	Xem
Chương trình	Chỉ định tùy chọn này khi số bản sao được yêu cầu thay đổi theo nhóm (chẳng hạn phòng ban công ty hoặc lớp học).	tr. 1-20
Bản ra sole ([Chương trình])	Bạn có thể xếp chồng từng tập tài liệu đã in riêng biệt nhau một chút để tạo ra sự tách biệt.	tr. 8-8
Phân tách	Chỉ định vị trí chèn tấm nệm giữa các bản in.	tr. 1-22
Bản ra sole ([Phân tách])	Bạn có thể xếp chồng từng tập tài liệu đã in riêng biệt nhau một chút để tạo ra sự tách biệt.	tr. 8-7
Dập ghim	Cấu hình cài đặt dập ghim.	tr. 8-7

### Cài đặt Trình điều khiển Máy in

#### Bản ra sole

Xếp chồng từng tập tài liệu đã in riêng biệt nhau một chút khi in nhiều bản sao.



- Khi cấu hình [Chương trình], [Bản ra sole] ở chế độ [OFF]. (tr. 3-26 “Chương trình”)
- Cài đặt này không khả dụng đối với các khổ giấy không thể xuất ra bộ hoàn thiện úp xuống.
- Khi dùng bộ hoàn thiện úp xuống, bạn không thể sử dụng cài đặt này với chức năng dập ghim.
- Khi cấu hình [B.gốc K.thc K.hợp], [Bản ra sole] ở chế độ [OFF]. (tr. 3-11 “B.gốc K.thc K.hợp”)

#### [OFF]

Không tiến hành điều chỉnh giấy ra.

#### [Giữ các Làn xếp]

Mỗi tập tài liệu đã in được chỉ định trong [Sắp xếp] được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút.

#### [Giữa các Lệnh]

Mỗi lệnh in đã xong được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút.



## Dập ghim

Chọn vị trí dập ghim.



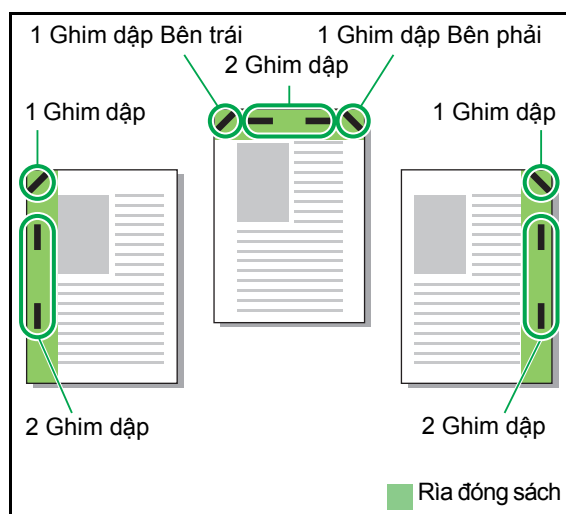
- Khi cấu hình [Dập ghim], hãy đảm bảo cấu hình [Rìa đóng sách].
- Khi cấu hình [Dập ghim], [Sắp xếp] được đặt thành [Đã sắp xếp]. (tr. 3-10 “Sắp xếp”)
- Khi cấu hình [B.góc K.thc K.hợp], [Dập ghim] ở chế độ [OFF]. (tr. 3-11 “B.góc K.thc K.hợp”)
- Khi cấu hình [Sách], [Dập ghim] ở chế độ [OFF]. (tr. 3-16 “Sách”)
- Hướng giấy thay đổi tùy theo mép đóng nẹp. Xem “Chức năng Dập ghim và Hướng Nẹp của Giấy” (tr. 8-6).

Nếu bạn chọn [Trái] hoặc [Phải] cho [Rìa đóng sách], hãy chọn từ các tùy chọn sau:

[OFF], [1 Ghim dập], [2 Ghim dập]

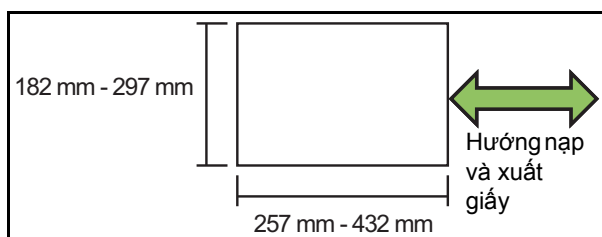
Nếu bạn chọn [Trên cùng] cho [Rìa đóng sách], hãy chọn từ các tùy chọn sau:

[OFF], [1 Ghim dập B.trái], [1 Ghim dập B.phải], [2 Ghim dập]



<Các loại giấy có thể dập ghim>

- Khổ giấy: A3, B4, A4, A4-LEF\*<sup>1</sup>, B5, B5-LEF, Ledger, Legal, Letter, Letter-LEF, Foolscap



- Trọng lượng giấy: 52 g/m<sup>2</sup> đến 210 g/m<sup>2</sup>

<Số tờ có thể dập ghim>

- Giấy có kích thước tiêu chuẩn A4, A4-LEF, B5, B5-LEF (Letter, Letter-LEF): 2 - 50 tờ<sup>2</sup>  
Kích thước khác kích thước trên (A3, B4 (Ledger, Legal, Foolscap)): 2 - 25 tờ<sup>2</sup>  
\*1 Nạp Mép Dài  
\*2 Khi sử dụng giấy phẳng và giấy tái chế (85 g/m<sup>2</sup>)



- Không thể dập ghim khi sử dụng giấy có kích thước khác thường.
- Khi lệnh in vượt quá số tờ tối đa có thể dập ghim, màn hình cấu hình sẽ hiển thị để bạn có thể chọn dừng in hay tiếp tục in mà không dập ghim.

## Tính năng của Bộ hoàn thiện Úp Xuống

Kích thước giấy có thể dập ghim thay đổi theo model.

	ComColor FW 5000/5000R	ComColor FW 5230/5230R 5231/5231R 2230 ComColor black FW 1230/1230R
	✓	✓
	✓	✓
	Không có	✓
	Không có	✓
	Không có	✓
	Không có	✓
	✓	✓
	Không có	✓
	Không có	✓

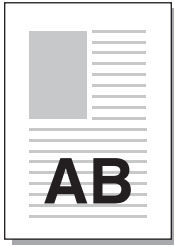


- Khổ giấy tính theo inch như sau:  
A3 (Ledger) A4 (Letter) B4 (Legal)

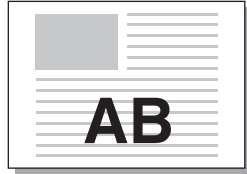
## Chức năng Dập ghim và Hướng Nạp của Giấy

Hướng giấy trong khay giấy và mép đóng nẹp bằng ghim được hiển thị bên dưới.

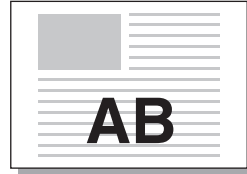
Hướng: Dọc



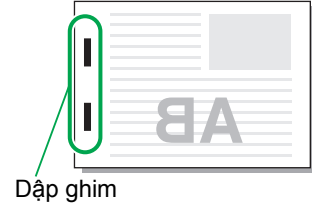
Hướng: Ngang



Dữ liệu ngửa lên



Dữ liệu úp xuống



Mép đóng nẹp	Vị trí dập ghim							
Trái	1 Ghim dập		2 Ghim dập		/			
Phải	1 Ghim dập		2 Ghim dập					
Trên cùng	1 Ghim dập Bên trái		1 Ghim dập Bên phải				2 Ghim dập	
Chuyển giấy								



• Khi không nạp kích thước giấy tương ứng vào khay giấy, thông báo sẽ hiển thị. Hãy làm theo hướng dẫn trên màn hình để nạp giấy.

• Để đóng nẹp bằng [1 Ghim dập], góc dập ghim có thể khác hình ảnh phía trên và hình ảnh in trên màn hình trình điều khiển máy in tùy theo khổ giấy hoặc hướng giấy.

## Bản ra sole (Chương trình)

Khi dùng [Chương trình], mỗi tập tài liệu đã in được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút để tạo ra sự tách biệt.

Để biết thêm thông tin về cấu hình [Chương trình], hãy xem “Chương trình” (tr. 3-26) trong “In”.

### [OFF]

Không tiến hành điều chỉnh giấy ra.

### [Giữa các Tập]

Mỗi tập tài liệu đã in được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút.

### [Giữa các Nhóm]

Mỗi nhóm tài liệu đã in được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút.

## Cài đặt Chế độ Sao chép

## Bản ra sole ([Phân tách])

Khi dùng [Phân tách], mỗi tập tài liệu đã in được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút để tạo ra sự tách biệt.

### [OFF]

Không tiến hành điều chỉnh giấy ra.

### [Giữa các Lần xếp]

Mỗi tập đã sắp xếp được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút.

### [Sau một Lệnh]

Mỗi lệnh in được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút.

<Giấy có thể điều chỉnh được>

- Khi dùng bộ hoàn thiện úp xuống:  
131 mm × 148 mm - 305 mm × 550 mm

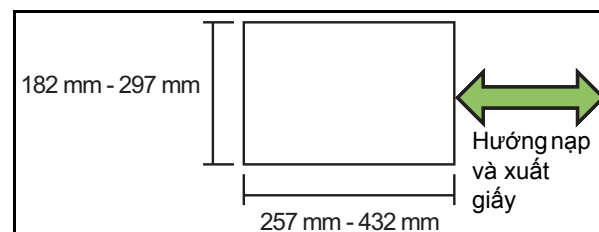
- 1 Chạm vào [Phân tách].
- 2 Chọn cài đặt điều chỉnh giấy ra.
- 3 Chạm vào [OK].

## Dập ghim

Dập ghim ở vị trí đã chỉ định.

<Các loại giấy có thể dập ghim>

- Khổ giấy: A3, B4, A4, A4-LEF\*<sup>1</sup>, B5, B5-LEF, Ledger, Legal, Letter, Letter-LEF, Foolscap



- **Trọng lượng giấy: 52 g/m<sup>2</sup> đến 210 g/m<sup>2</sup>**

<Số tờ có thể dập ghim>

- Giấy có kích thước tiêu chuẩn A4, A4-LEF, B5, B5-LEF (Letter, Letter-LEF): 2 - 50 tờ\*<sup>2</sup>  
Kích thước khác kích thước trên (A3, B4 (Ledger, Legal, Foolscap)): 2 - 25 tờ\*<sup>2</sup>  
\*1 Nạp Mép Dài  
\*2 Khi sử dụng giấy phẳng và giấy tái chế (85 g/m<sup>2</sup>)



- Khi lệnh in vượt quá số tờ tối đa có thể dập ghim, màn hình cấu hình sẽ hiển thị để bạn có thể chọn dừng in hay tiếp tục in mà không dập ghim.
- Không thể dập ghim khi sử dụng giấy có kích thước khác thường.
- Kích thước giấy có thể dập ghim thay đổi theo model. (tr. 8-5 “Tính năng của Bộ hoàn thiện Úp Xuống”)

## ■ Hướng Góc

### [Tr.cùg ởTrên]

Chọn tùy chọn này khi nạp bản gốc theo hướng có thể đọc bản gốc một cách bình thường.

### [Tr.cùg Btrái]

Chọn tùy chọn này khi nạp bản gốc sao cho phần trên cùng của bản gốc được căn chỉnh với mép trái.

## ■ Rìa đóng sách

Chọn mép đóng nẹp của giấy.

**Trái, Phải, Trên cùng**

## ■ Dập ghim

Chọn vị trí dập ghim.

Nếu bạn chọn trái hoặc phải cho [Rìa đóng sách], hãy chọn từ các tùy chọn sau:

**[OFF], 1 Ghim dập, 2 Ghim dập**

Nếu bạn chọn trên cùng cho [Rìa đóng sách], hãy chọn từ các tùy chọn sau:

**[OFF], 1 ghim dập bên trái, 1 ghim dập bên phải, 2 ghim dập**



- 1 ghim dập bên trái và 1 ghim dập bên phải chỉ hiển thị khi chọn phía trên cùng cho [Rìa đóng sách].

**1 Chạm vào [Dập ghim].**

**2 Chọn hướng bản gốc.**

**3 Cấu hình [Rìa đóng sách].**

**4 Cấu hình [Dập ghim].**

**5 Chạm vào [OK].**

## ■ Lề đóng nẹp

Bạn có thể chỉ định lề đóng nẹp để ghim dập không nằm trong khu vực in.

**1 Chạm vào [Lề đóng nẹp] trên màn hình [Dập ghim].**

Màn hình [Lề đóng nẹp] hiển thị.

**2 Chỉ định lề đóng nẹp.**

- Chọn [Rìa đóng sách].
- Sử dụng [ $\odot$ ], [ $\oslash$ ] hoặc phím số để nhập độ rộng.
- Nếu thiếu một phần khu vực in do cài đặt lề đóng nẹp, hãy đặt [T.độ Thu nhỏ] thành [ON].

**3 Chạm vào [OK].**

## Bản ra sole ([Chương trình])

Khi dùng [Chương trình], mỗi tập tài liệu đã in được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút để tạo ra sự tách biệt.

Để biết thêm thông tin về chương trình, hãy xem “Chương trình” (tr. 1-20) trong “Sao chép”.

**[OFF]**

Không tiến hành điều chỉnh giấy ra.

**[Giữa các Tập]**

Mỗi tập tài liệu đã in được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút.

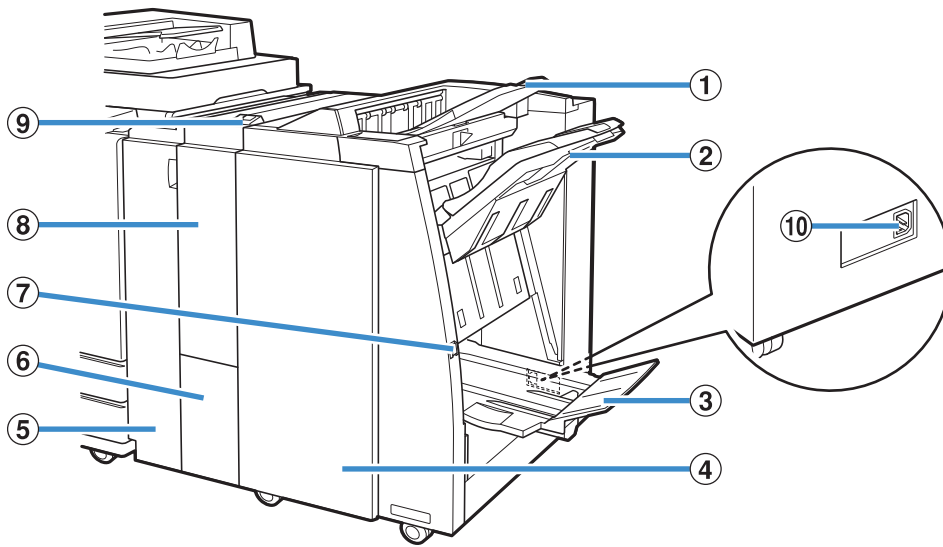
**[Giữa các Nhóm]**

Mỗi nhóm tài liệu đã in được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút.

# Bộ hoàn thiện Đa chức năng

Nếu kết nối bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn, bạn có thể sử dụng các chức năng sau.

Chức năng khả dụng cho Bộ hoàn thiện Đa chức năng	Chức năng khả dụng cho Bộ hoàn thiện/Thiết bị Gập
Dập ghim / Đục lỗ Gập đôi Đóng Sách	Gập Ba Bên trong Gập Ba Bên ngoài Gập chữ Z



**① Khay Trên cùng**

Bản in được xuất ra đây khi tiến hành đục lỗ.

**② Khay Xếp chồng**

Bản in được xuất ra đây khi sử dụng chức năng dập ghim hoặc điều chỉnh giấy ra.

**③ Khay Sách nhỏ**

Sách nhỏ và bản in gập đôi được xuất ra đây.

**④ Nắp Phải**

Mở để thay thế hộp ghim dập hoặc nếu kẹt giấy.

**⑤ Nắp Trái**

Mở để tháo giấy bị kẹt khỏi đường nạp giấy giữa máy in và bộ hoàn thiện.

**⑥ Khay Giấy ra Gập Ba**

Bản in gập ba được xuất ra đây.

**⑦ Nút Đẩy ra**

Sử dụng nút này để đưa bản in trong khay sách nhỏ đến vị trí mà bạn dễ lấy.

**⑧ Bộ hoàn thiện/Thiết bị Gập**

Chức năng gập ba bên ngoài, gập ba bên trong và gập chữ Z khả dụng.

**⑨ Nút Khay Giấy ra Gập Ba**

Ấn nút này để đẩy bản in gập ba ra. Khay gập ba mở về phía bạn.

**⑩ Ổ cắm Bộ h.thiện Đa chức năng**

Sử dụng để kết nối dây nguồn của bộ hoàn thiện đa chức năng.

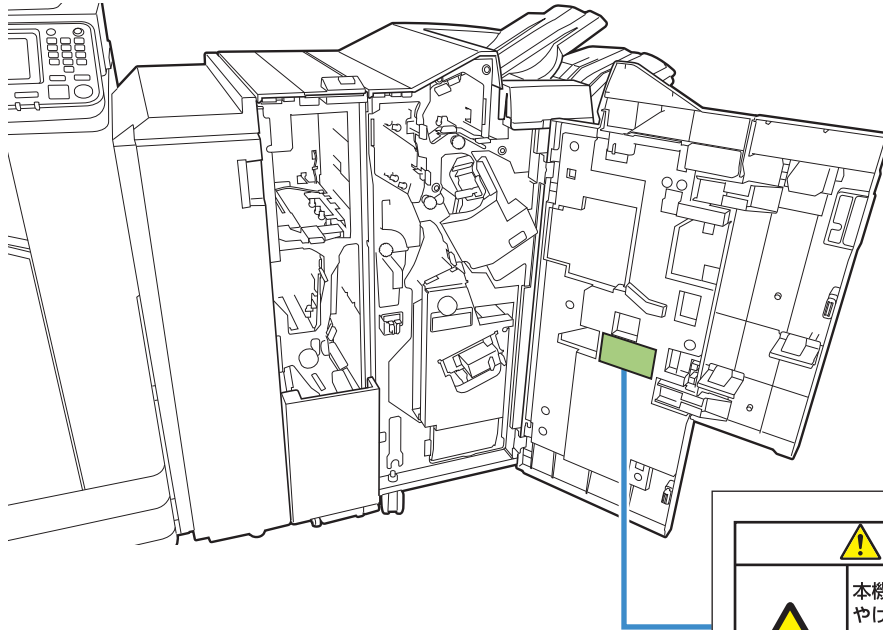
Ổ cắm này nằm ở phía sau bộ hoàn thiện.



## Nhãn lưu ý

Để đảm bảo bạn sử dụng an toàn, chúng tôi đã gắn nhãn lưu ý dưới đây vào bộ hoàn thiện đa chức năng. Khi vận hành hoặc bảo trì bộ hoàn thiện đa chức năng, hãy đọc các hướng dẫn trên nhãn lưu ý để sử dụng an toàn. Không bóc hoặc làm bẩn nhãn. Nếu nhãn không dính vào bộ hoàn thiện đa chức năng, đang bong ra hoặc không đọc được, hãy liên hệ với đại lý hoặc đại diện bảo dưỡng được ủy quyền.

### ■ Vị trí của nhãn lưu ý

Dưới đây là hình minh họa vị trí của nhãn lưu ý (cảnh báo).



 <b>注意 / CAUTION</b>	
	本機内部(▲シール部周辺)、高温につきやけどの恐れあり。触らないでください。
	Heat may cause a burn injury. Do not touch the inside of the unit (around the ▲ symbol).
<small>061-34225-007</small>	



• Ngoài ra, bên trong bộ hoàn thiện đa chức năng còn có các nhãn lưu ý về nhiệt độ cao.

### ■ Chi tiết nhãn

Vị trí của nhãn có thể là ở nơi nhiệt độ cao. Chạm vào có thể bị bỏng.

## Danh sách Cài đặt

Có thể cài đặt các mục được mô tả dưới đây khi kết nối bộ hoàn thiện đa chức năng.

### Trình điều khiển Máy in

Mục cài đặt	Mô tả	Xem
<b>Tab [Đang h.tắt]</b>		
Bản ra sole	Bạn có thể xếp chồng từng tập tài liệu đã in riêng biệt nhau một chút khi in nhiều bản sao.	tr. 8-12
Dập ghim	Chọn vị trí dập ghim.	tr. 8-12
Đục lỗ	Chọn phương pháp đục lỗ.	tr. 8-15
Gập	Chọn mục này khi gập giấy làm đôi.	tr. 8-15
Đóng Sách	Chỉ định kiểu in sách nhỏ.	tr. 8-17
Khay Giấy ra	Chỉ định khay giấy ra.	tr. 8-19
Ch.tiếp Kh.Giấyra	Chọn mục này để tự động chuyển đổi khay giấy ra khi khay đầy.	tr. 8-19
<b>Tab [Cải tiến]</b>		
Chương trình	Chỉ định tùy chọn này khi số bản sao được yêu cầu thay đổi theo nhóm (chẳng hạn phòng ban công ty hoặc lớp học).	tr. 3-26
Bản ra sole (Chương trình)	Bạn có thể xếp chồng từng tập tài liệu đã in riêng biệt nhau một chút để tạo ra sự tách biệt.	tr. 8-19



- Khi chức năng [Dập ghim], [Đục lỗ] và các chức năng khác trong tab [Đang h.tắt] có màu xám, hãy đảm bảo rằng [Cấu hình Máy in] trong tab [Môi trường] trên màn hình thuộc tính đã được cấu hình chính xác. (tr. 3-28 “Cấu hình Máy in”)

### Chế độ Sao chép

Mục cài đặt	Mô tả	Xem
Sách	Chỉ định lên khuôn và gập giấy khi tạo sách nhỏ.	tr. 1-14
Đóng nẹp ([Sách])	Giấy in được gập làm đôi và đóng nẹp ở giữa bằng ghim dập.	tr. 8-22
Phân chia Sách ([Sách])	Chọn đóng nẹp bằng cách dập ghim tại gáy hay đóng nẹp bằng cách dập ghim ở bên cạnh khi in sách nhỏ với bản in ra được tách biệt.	tr. 8-22
Chương trình	Chỉ định tùy chọn này khi số bản sao được yêu cầu thay đổi theo nhóm (chẳng hạn phòng ban công ty hoặc lớp học).	tr. 1-20
Bản ra sole ([Chương trình])	Bạn có thể xếp chồng từng tập tài liệu đã in riêng biệt nhau một chút để tạo ra sự tách biệt.	tr. 8-23
Phân tách	Chỉ định vị trí chèn tấm nệm giữa các bản in.	tr. 1-22
Bản ra sole ([Phân tách])	Bạn có thể xếp chồng từng tập tài liệu đã in riêng biệt nhau một chút để tạo ra sự tách biệt.	tr. 8-19
Dập ghim / Đục lỗ	Chỉ định cài đặt dập ghim và đục lỗ.	tr. 8-20
Gập	Chọn mục này khi gập giấy làm đôi.	tr. 8-21
Khay Giấy ra	Chỉ định khay giấy ra.	tr. 8-23
Ngửa lên/ Úp xuống	Chỉ định xuất bản in ra theo hướng ngửa lên hay úp xuống trên khay.	tr. 8-23
Ch.tiếp Kh.Giấyra	Chọn mục này để tự động chuyển đổi khay giấy ra khi khay đầy.	tr. 8-23

## Cài đặt Trình điều khiển Máy in

### Bản ra sole

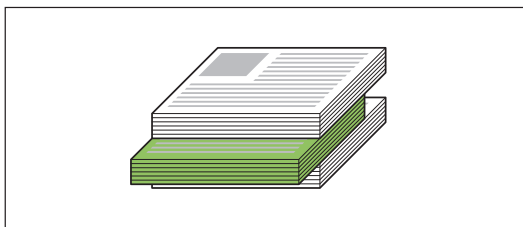
Xếp chồng từng tập tài liệu đã in riêng biệt nhau một chút khi in nhiều bản sao.



- Khi cấu hình [Chương trình], [Bản ra sole] ở chế độ [OFF]. (tr. 3-26 “Chương trình”)
- Cài đặt này không khả dụng đối với các khổ giấy không thể xuất ra khay xếp chồng.
- Khi cấu hình [B.gốc K.thc K.hợp], [Bản ra sole] ở chế độ [OFF]. (tr. 3-11 “B.gốc K.thc K.hợp”)
- Khi cấu hình [Gập đôi], [Gập Ba Bên trong] hoặc [Gập Ba Bên ngoài] trong [Gập], [Bản ra sole] được đặt thành [OFF]. (tr. 8-15 “Gập”)
- Khi cấu hình [Đóng Sách], [Bản ra sole] ở chế độ [OFF]. (tr. 8-17 “Đóng Sách”)
- Thông thường, chế độ điều chỉnh hai lớp được sử dụng. Khi dùng kết hợp với chức năng dập ghim, chế độ điều chỉnh ba lớp được sử dụng.

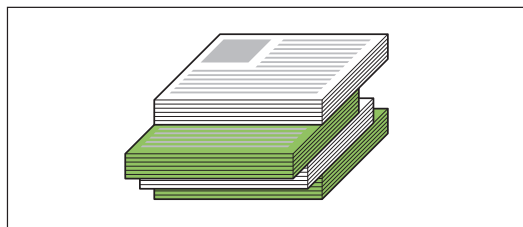
#### Điều chỉnh hai lớp

Không có dập ghim (Bộ hoàn thiện Đa chức năng, Bộ hoàn thiện Úp Xuống)



#### Điều chỉnh ba lớp

Có dập ghim (Bộ hoàn thiện Đa chức năng)



#### [OFF]

Không tiến hành điều chỉnh giấy ra.

#### [Giữ các Làn xếp]

Mỗi tập tài liệu đã in được chỉ định trong [Sắp xếp] được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút.

#### [Giữa các Lệnh]

Mỗi lệnh in đã xong được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút.

### Dập ghim

Chọn vị trí dập ghim.



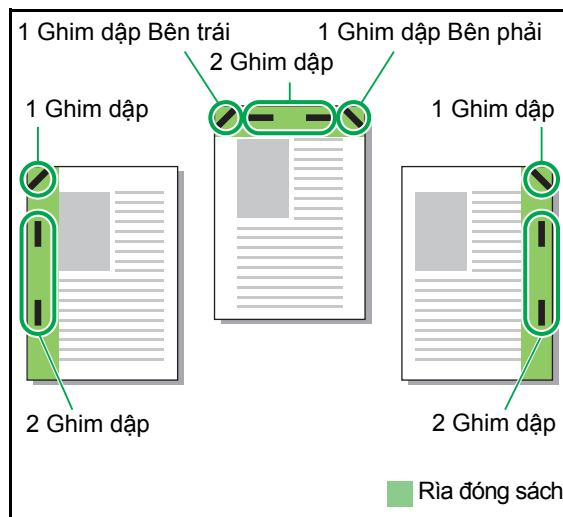
- Khi cấu hình [Dập ghim], hãy đảm bảo cấu hình [Rìa đóng sách].
- Khi cấu hình [Dập ghim], [Sắp xếp] được đặt thành [Đã sắp xếp]. (tr. 3-10 “Sắp xếp”)
- Khi cấu hình [B.gốc K.thc K.hợp], [Dập ghim] ở chế độ [OFF]. (tr. 3-11 “B.gốc K.thc K.hợp”)
- Khi cấu hình [Sách], [Dập ghim] ở chế độ [OFF]. (tr. 3-16 “Sách”)
- Khi cấu hình [Đóng Sách], [Dập ghim] ở chế độ [OFF]. (tr. 8-17 “Đóng Sách”)
- Hướng giấy thay đổi tùy theo mép đóng nẹp. Xem “Chức năng Dập ghim và Hướng Nẹp của Giấy” (tr. 8-14).

Nếu bạn chọn [Trái] hoặc [Phải] cho [Rìa đóng sách], hãy chọn từ các tùy chọn sau:

[OFF], [1 Ghim dập], [2 Ghim dập]

Nếu bạn chọn [Trên cùng] cho [Rìa đóng sách], hãy chọn từ các tùy chọn sau:

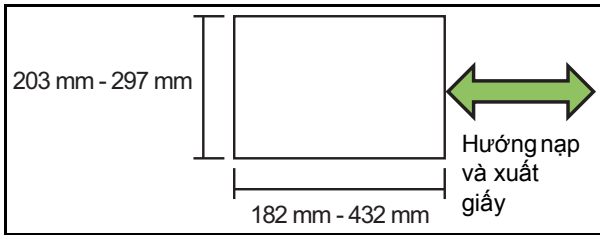
[OFF], [1 Ghim dập B.trái], [1 Ghim dập B.phải], [2 Ghim dập]





<Các loại giấy có thể dập ghim>

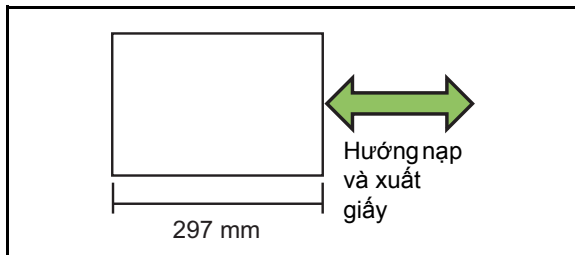
- Khổ giấy: A3, B4, A4, A4-LEF, B5-LEF, Ledger, Legal, Letter, Letter-LEF, Foolscap và kích thước tùy chỉnh



- **Trọng lượng giấy: 52 g/m<sup>2</sup> đến 210 g/m<sup>2</sup>**  
**Khi trọng lượng giấy vượt quá 162 g/m<sup>2</sup>, chỉ có thể dập ghim một tờ làm bìa.**

<Số tờ có thể dập ghim>

- Khi sử dụng giấy có kích thước tiêu chuẩn A4 hoặc A4-LEF/B5-LEF (Letter hoặc Letter-LEF): 2 đến 100 tờ
- Giấy có kích thước tiêu chuẩn khác (A3 hoặc B4 (Ledger, Legal)): 2 đến 65 tờ
- Khi sử dụng giấy có kích thước không tiêu chuẩn  
 Độ dài giấy vượt quá 297 mm: 2 đến 65 tờ  
 Độ rộng và dài của giấy vượt quá 216 mm: 2 đến 65 tờ  
 Khác kích thước trên: 2 đến 100 tờ



- Khi lệnh in vượt quá số tờ tối đa có thể dập ghim, các tờ được xuất ra mà không được dập ghim.

Kích thước giấy có thể dập ghim thay đổi theo model.

	ComColor FW 5000/5000R	ComColor FW 5230/5230R 5231/5231R 2230 ComColor black FW 1230/1230R
	✓	✓
	✓	✓
	Không có	✓
	Không có	✓
	Không có	✓
	Không có	✓
	✓	✓
	Không có	✓
	Không có	✓

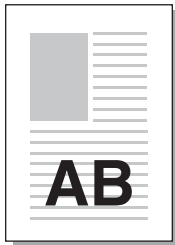


- Khổ giấy tính theo inch như sau:  
 A3 (Ledger) A4 (Letter) B4 (Legal)

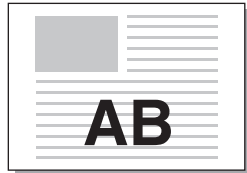
## Chức năng Dập ghim và Hướng Nạp của Giấy

Hướng giấy trong khay giấy và mép đóng nẹp bằng ghim được hiển thị bên dưới.

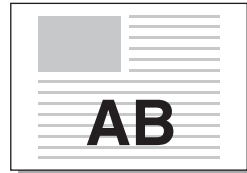
Hướng: Dọc



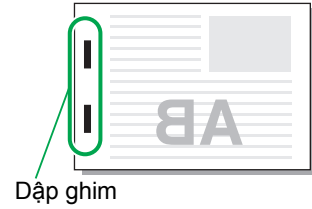
Hướng: Ngang



Dữ liệu ngửa lên



Dữ liệu úp xuống



Mép đóng nẹp	Vị trí dập ghim							
Trái	1 Ghim dập		2 Ghim dập		/			
Phải	1 Ghim dập		2 Ghim dập					
Trên cùng	1 Ghim dập Bên trái		1 Ghim dập Bên phải				2 Ghim dập	
Chuyển giấy								



• Khi không nạp kích thước giấy tương ứng vào khay giấy, thông báo sẽ hiển thị. Hãy làm theo hướng dẫn trên màn hình để nạp giấy.

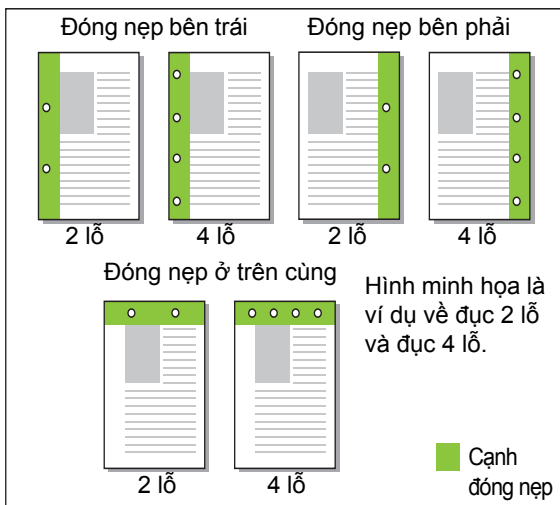
• Để đóng nẹp bằng [1 Ghim dập], góc dập ghim có thể khác hình ảnh phía trên và hình ảnh in trên màn hình trình điều khiển máy in tùy theo khổ giấy hoặc hướng giấy.

## Đục lỗ

Chỉ định số lỗ cần đục.

- Khi cấu hình [B.gốc K.thc K.hợp], [Đục lỗ] được đặt thành [OFF]. (tr. 3-11 “B.gốc K.thc K.hợp”)
- Khi cấu hình [Sách], [Đục lỗ] được đặt thành [OFF]. (tr. 3-16 “Sách”)
- Khi cấu hình [Đóng Sách], [Đục lỗ] được đặt thành [OFF]. (tr. 8-17 “Đóng Sách”)

[OFF], [2 Lỗ], [4 Lỗ]



<Các loại giấy có thể đục lỗ>

- Khổ giấy:  
2 lỗ: A3, B4, A4, A4-LEF, B5-LEF, Ledger, Legal, Letter, Letter-LEF  
4 lỗ: A3, A4-LEF, Ledger, Letter-LEF
- Trọng lượng giấy: 52 g/m<sup>2</sup> - 200 g/m<sup>2</sup>

Kích thước giấy có thể đục lỗ thay đổi theo model.

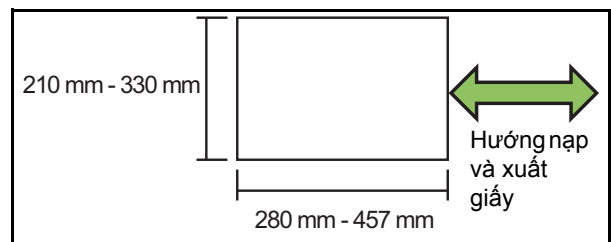
	ComColor FW 5000/5000R	ComColor FW 5230/5230R 5231/5231R 2230 ComColor black FW 1230/1230R
	✓	✓
	Không có	✓
	Không có	✓
	Không có	✓
	Không có	✓

## Gập

Chọn kiểu gập như gập đôi hoặc gập chữ Z.

<Các loại giấy có thể Gập>

- Khổ giấy:  
Gập đôi: A3, B4, A4, Ledger, Legal, Letter, Foolscap và kích thước tùy chỉnh  
Gập Ba Bên trong, Gập Ba Bên ngoài: A4, Letter  
Gập chữ Z: A3, B4, Ledger



- Trọng lượng giấy: 60 g/m<sup>2</sup> đến 90 g/m<sup>2</sup>

[OFF]

Giấy không được gập.

[Gập đôi]

Mỗi tờ giấy được gập làm đôi.

[Gập Ba Bên trong]

Mỗi tờ giấy được gập làm ba vào bên trong.

**[Gập Ba Bên ngoài]**

Mỗi tờ giấy được gập làm ba ra bên ngoài.

**[Gập chữ Z]**

Mỗi tờ giấy được gập thành hình chữ Z.

Khi kết hợp sử dụng với [B.góc K.thc K.hợp], giấy gập thành hình chữ Z và giấy không gập thành hình chữ Z được xuất ra cùng nhau.

Chọn kiểu gập và nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [Gập]. Cấu hình hướng gập và vị trí mép đóng nẹp.

**■ Hướng Gập**

Khi bạn đã chọn [Gập đôi], [Gập Ba Bên trong] hoặc [Gập Ba Bên ngoài], hãy chỉ định bề mặt được in để gập vào bên trong hay ra ngoài.



- Khi đã in cả hai mặt, trang đầu tiên là bề mặt được in.

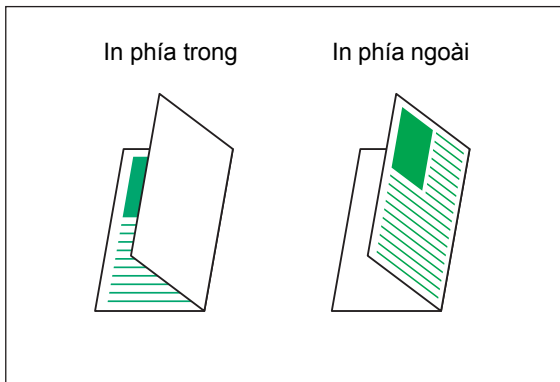
**[In Phía trong]**

Gập giấy với bề mặt được in ở bên trong.

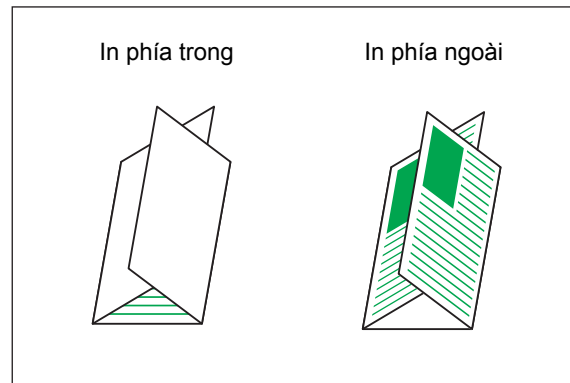
**[In Phía ngoài]**

Gập giấy với bề mặt được in ở bên ngoài.

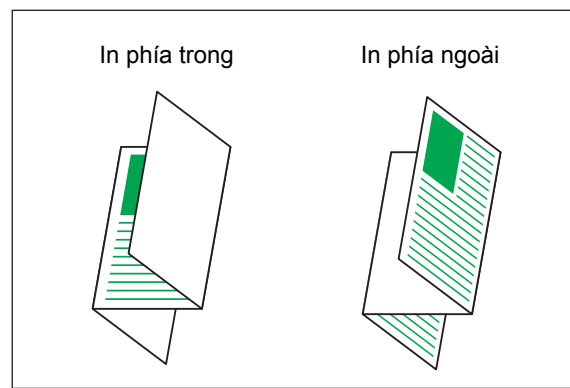
**Gập đôi**



**Gập Ba Bên trong**



**Gập Ba Bên ngoài**



**■ Rìa đóng sách**

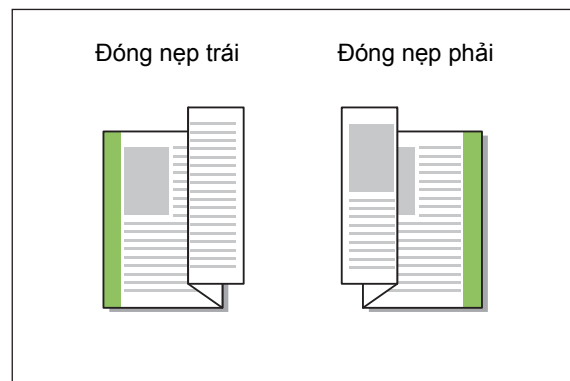
Khi bạn đã chọn [Gập chữ Z], hãy chỉ định vị trí đóng nẹp.

**[Đóng nẹp Trái/Tr.cùng]**

Gập nửa bên phải của giấy thành hình chữ Z.

**[Đóng nẹp Phải/D.cùng]**

Gập nửa bên trái của giấy thành hình chữ Z.





- Khi cấu hình [B.gốc K.thc K.hợp], [Gập] chỉ được đặt thành [Gập chữ Z]. Trong trường hợp này, các kích thước có thể cùng tồn tại là “A4-LEF và A3”, “B5-LEF và B4” và “Letter-LEF và Ledger”. (tr. 3-11 “B.gốc K.thc K.hợp”)
- Khi sử dụng kết hợp với [B.gốc K.thc K.hợp], hãy chọn hướng có kích thước lớn hơn của bản gốc cho [Hướng]. (Khi bản gốc A4 có chiều dọc và bản gốc A3 có chiều ngang, hãy chọn [Ngang].) (tr. 3-10 “Kích thước bản gốc”, tr. 3-11 “B.gốc K.thc K.hợp”)
- Chọn khổ giấy để gập chữ Z cho [Khổ giấy]. (tr. 3-11 “Khổ Giấy”)
- Khi dùng chức năng này với in song công, chức năng in song công chỉ được áp dụng khi kích thước mặt trước và mặt sau của tài liệu là như nhau. (Nếu kích thước không giống nhau, mặt sau của trang được bỏ trống.) (tr. 3-9 “In s.công/In đ.công”)
- Khi kết hợp sử dụng với [B.gốc K.thc K.hợp], chức năng dập ghim, đục lỗ và điều chỉnh giấy ra khả dụng. (tr. 3-10 “Kích thước bản gốc”, tr. 8-12 “Bản ra sole”, tr. 8-12 “Dập ghim”, tr. 8-15 “Đục lỗ”)
- Khi kết hợp sử dụng với [Thêm Bìa], bạn có thể thêm giấy trang bìa có kích thước như khi được gập thành hình chữ Z. (tr. 3-21 “Thêm Bìa”)

## Đóng Sách

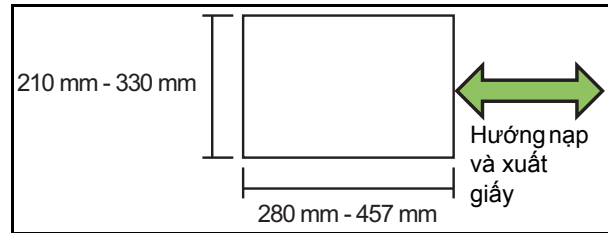
Tiến hành in song công cho nhiều trang liên tiếp để tạo sách nhỏ với giấy được gập làm đôi. Cũng có thể đóng nẹp giấy ở giữa bằng ghim dập.



- Khi cấu hình [Đóng Sách], [Sắp xếp] được đặt thành [Đã sắp xếp]. (tr. 3-10 “Sắp xếp”)

<Các loại giấy có thể dùng để tạo sách nhỏ>

- A3, B4, A4, Ledger, Legal, Letter, Foolscap và kích thước tùy chỉnh



### [OFF]

Không tiến hành đóng nẹp sách nhỏ.

### [Gập]

Giấy in được gập làm đôi.

### [Gập + D.ghim]

Giấy in được gập làm đôi và đóng nẹp ở giữa bằng ghim dập.

Chọn cách tạo sách nhỏ và nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [Đóng Sách]. Cấu hình cài đặt để phân chia sách, mép giữa và bìa sách nhỏ.

## ■ Phân chia Sách

Khi bạn đã chọn [Gập] hoặc [Gập + D.ghim], một số giới hạn được áp dụng cho số tờ bạn có thể gập.

Cứ 5 tờ (20 trang), tính năng [Gập] lại tạo ra một cuốn sách nhỏ riêng biệt và cứ 15 tờ (60 trang), tính năng [Gập + D.ghim] lại tạo ra một cuốn sách nhỏ riêng biệt.

Khi số trang vượt quá số tờ này, thao tác gập được tiến hành cho mỗi số lượng tờ được chỉ định ở trên và những tờ này được xuất ra (tạo thành sách nhỏ riêng biệt).

Thứ tự bố cục khác nhau tùy theo việc bạn tiến hành đóng nẹp ở giữa hay đóng nẹp bên cạnh cho các chông tách biệt. Vì vậy, hãy chọn [OFF] hoặc [ON].

## Chương 8 Thiết bị Tùy chọn

### [OFF]

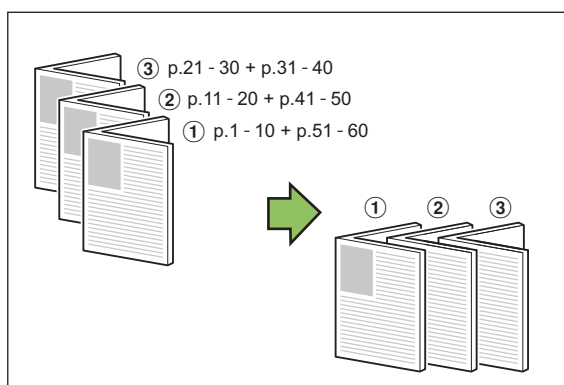
Dữ liệu được lên khuôn để tạo sách bằng cách mở, sắp lớp rồi đóng nẹp các tờ (ở giữa).

Khi đã chọn [OFF], các tờ không được dập ghim cho dù chọn [Gập + D.ghim].

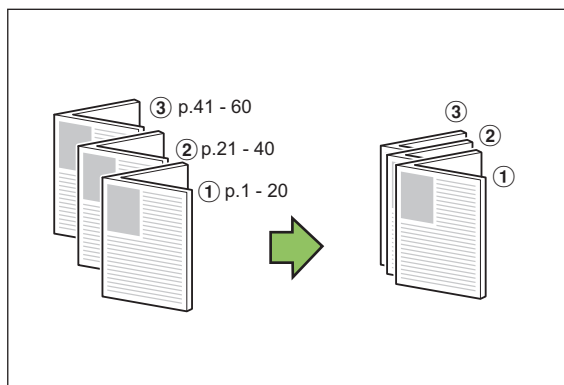
### [ON]

Dữ liệu được lên khuôn để tạo sách bằng cách gập, sắp lớp rồi đóng nẹp các tờ (ở bên cạnh).

Ví dụ: Khi đã chọn [OFF] cho [Phân chia Sách] và đặt [Gập] cho bản gốc 60 trang



Ví dụ: Khi đã chọn [ON] cho [Phân chia Sách] và đặt [Gập] cho bản gốc 60 trang



## ■ Mép Giữa

Nhập giá trị cho [Độ rộng].

Khi bạn đã chọn hộp kiểm [T.độ Thu nhỏ] và độ rộng của mép bạn đã chỉ định khiến hình ảnh in ra không khớp trên tờ, hình ảnh sẽ được tự động thu nhỏ cho khớp.

## ■ Bìa Sách nhỏ

Chỉ các trang bìa (hai trang đầu tiên và hai trang cuối cùng) được in tách biệt. Tính năng này hữu ích khi in trang bìa và văn bản chính bằng giấy tách biệt.

### [OFF]

Bìa sách nhỏ không được in.

### [Chỉ In Bìa]

Chỉ in trang bìa.

### [In Trừ Bìa]

Tất cả các trang trừ trang bìa được in thành sách nhỏ.

### [Ltrữ TrừBìa vào DS Chờ]

Khi chọn hộp kiểm [Ltrữ TrừBìa vào DS Chờ], bạn có thể bắt đầu in văn bản chính trên bảng vận hành của máy sau khi in trang bìa. Khi bạn chọn hộp kiểm này, hãy chỉ định khay nẹp cho bìa.

### [Khay Tờ Bìa]

[Khay Tiêu Chuẩn] / [Khay Nạp1] / [Khay Nạp2]

Phần này giải thích khi nào bạn chỉ in trang bìa riêng lẻ và tạo sách nhỏ bằng cách căn chỉnh văn bản chính.

## 1 Nhấp vào [Chỉ In Bìa] trong [Bìa Sách nhỏ].

## 2 Chọn hộp kiểm [Ltrữ TrừBìa vào DS Chờ].

## 3 Chọn [Khay Tờ Bìa].

## 4 Nhấp vào [OK].

Chỉ in trang bìa và dữ liệu trong phần nội dung chính sẽ được liệt kê trong lệnh đang chờ.

## 5 Đặt bìa đã in vào khay được chọn trong [Khay Tờ Bìa].


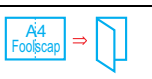
## 6 Chạm vào [In] trên màn hình [Trang chủ].

## 7 Chọn một lệnh.

## 8 Nhấn phím [Bắt đầu].

Văn bản chính được in, căn chỉnh với bìa và tạo thành sách nhỏ.

Kích thước giấy có thể tạo thành sách nhỏ thay đổi tùy theo model.

	ComColor FW 5000/5000R	ComColor FW 5230/5230R 5231/5231R 2230 ComColor black FW 1230/1230R
	Không có	✓
	✓	✓

## Khay Giấy ra

Chỉ định khay giấy ra cho bản in. Khi bạn đã chỉ định [Tự động], bản in được tự động xuất ra khay thích hợp dựa trên chức năng được cấu hình. Khi kết nối bộ hoàn thiện đa chức năng, hãy chọn [Khay Trên cùng] hoặc [Khay Xếp chồng].

Nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [Khay Giấy ra]. Chỉ định xuất bản in ra theo hướng ngửa lên hay úp xuống trên khay.

**[Ngửa lên] / [Úp xuống]**

- Khi cấu hình [Bản ra sole], [Dập ghim], [Đục lỗ], [Gập] hoặc [Đóng Sách], khay bạn có thể chọn tại [Khay Giấy ra] thay đổi tùy theo cài đặt. (tr. 8-12 “Bản ra sole”, tr. 8-12 “Dập ghim”, tr. 8-15 “Đục lỗ”, tr. 8-15 “Gập”, tr. 8-17 “Đóng Sách”)

## Ch. tiếp Kh. Giấy ra

Chuyển đổi khay giấy ra tự động khi khay đầy. Bạn phải đặt [Sắp xếp] thành [Hủy sắp xếp] trong tab [Cơ bản].

## Bản ra sole (Chương trình)

Khi dùng [Chương trình], mỗi tập tài liệu đã in được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút để tạo ra sự tách biệt.

Để biết thêm thông tin về cấu hình [Chương trình], hãy xem “Chương trình” (tr. 3-26) trong “In”.

**[OFF]**

Không tiến hành điều chỉnh giấy ra.

**[Giữa các Tập]**

Mỗi tập tài liệu đã in được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút.

**[Giữa các Nhóm]**

Mỗi nhóm tài liệu đã in được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút.

## Cài đặt Chế độ Sao chép

### Bản ra sole ([Phân tách])

Khi dùng [Phân tách], mỗi tập tài liệu đã in được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút để tạo ra sự tách biệt.

**[OFF]**

Không tiến hành điều chỉnh giấy ra.

**[Giữa các Lần sxép]**

Mỗi tập đã sắp xếp được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút.

**[Sau một Lệnh]**

Mỗi lệnh in được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút.

<Giấy có thể điều chỉnh được>

- Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng: A3, B4, A4, A4-LEF, B5-LEF, Ledger, Legal, Letter, Letter-LEF, Foolscap, kích thước tùy chỉnh (203 mm × 182 mm đến 297 mm × 488 mm)

**1 Chạm vào [Phân tách].**

**2 Chọn cài đặt điều chỉnh giấy ra.**

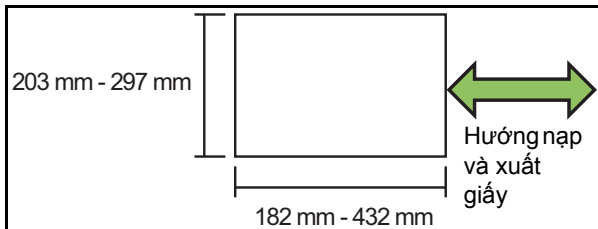
**3 Chạm vào [OK].**

## Dập ghim / Đục lỗ

Dập ghim hoặc đục lỗ ở vị trí đã chỉ định.

<Các loại giấy có thể dập ghim>

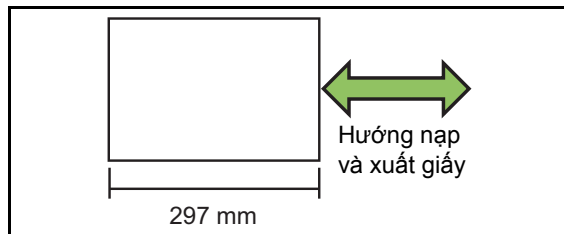
- **Khổ giấy:** A3, B4, A4, A4-LEF, B5-LEF, Ledger, Legal, Letter, Letter-LEF, Foolscap và kích thước tùy chỉnh



- **Trọng lượng giấy: 52 g/m<sup>2</sup> đến 210 g/m<sup>2</sup>**  
**Khi trọng lượng giấy vượt quá 162 g/m<sup>2</sup>, chỉ có thể dập ghim một tờ làm bia.**

<Số tờ có thể dập ghim>

- Khi sử dụng giấy có kích thước tiêu chuẩn A4 hoặc A4-LEF/B5-LEF (Letter hoặc Letter-LEF): 2 đến 100 tờ  
Giấy có kích thước tiêu chuẩn khác (A3 hoặc B4 (Ledger hoặc Legal)): 2 đến 65 tờ
- Khi sử dụng giấy có kích thước không tiêu chuẩn  
Độ dài giấy vượt quá 297 mm: 2 đến 65 tờ  
Độ rộng và dài của giấy vượt quá 216 mm: 2 đến 65 tờ  
Khác kích thước trên: 2 đến 100 tờ



- Khi lệnh in vượt quá số tờ tối đa có thể dập ghim, các tờ được xuất ra mà không được dập ghim.

<Các loại giấy có thể đục lỗ>

- **Khổ giấy:**  
2 lỗ: A3, B4, A4, A4-LEF, B5-LEF, Ledger, Legal, Letter, Letter-LEF  
4 lỗ: A3, A4-LEF, Ledger, Letter-LEF
- **Trọng lượng giấy: 52 g/m<sup>2</sup> đến 200 g/m<sup>2</sup>**

## Hướng Gốc

[Tr.cùng ởTrên]

Chọn tùy chọn này khi nạp bản gốc theo hướng có thể đọc bản gốc một cách bình thường.

[Tr.cùng Btrái]

Chọn tùy chọn này khi nạp bản gốc sao cho phần trên cùng của bản gốc được căn chỉnh với mép trái.

## Rìa đóng sách

Chọn mép đóng nẹp của giấy.

**Trái, Phải, Trên cùng**

## Dập ghim

Chọn vị trí dập ghim.

Nếu bạn chọn trái hoặc phải cho [Rìa đóng sách], hãy chọn từ các tùy chọn sau:

**[OFF], 1 Ghim dập, 2 Ghim dập**

Nếu bạn chọn trên cùng cho [Rìa đóng sách], hãy chọn từ các tùy chọn sau:

**[OFF], 1 ghim dập bên trái, 1 ghim dập bên phải, 2 ghim dập**



- 1 ghim dập bên trái và 1 ghim dập bên phải chỉ hiển thị khi chọn phía trên cùng cho [Rìa đóng sách].

**1 Chạm vào [Dập ghim / Đục lỗ].**

**2 Chọn hướng bản gốc.**

**3 Cấu hình [Rìa đóng sách].**

**4 Cấu hình [Dập ghim].**

**5 Chạm vào [OK].**



## ■ Đục lỗ

Chỉ định số lỗ cần đục.

[OFF], [2 Lỗ], [4 Lỗ]

**1** Chạm vào [Dập ghim / Đục lỗ].

**2** Chọn hướng bản gốc.

**3** Cấu hình [Rìa đóng sách].

**4** Cấu hình [Đục lỗ].

**5** Chạm vào [OK].

## ■ Lề đóng nẹp

Bạn có thể chỉ định lề đóng nẹp để ghim dập không nằm trong khu vực in.

**1** Chạm vào [Lề đóng nẹp] trên màn hình [Dập ghim / Đục lỗ].

Màn hình [Lề đóng nẹp] hiển thị.

**2** Chỉ định lề đóng nẹp.

- Chọn [Rìa đóng sách].
- Sử dụng [ $\downarrow$ ], [ $\uparrow$ ] hoặc phím số để nhập độ rộng.
- Nếu thiếu một phần khu vực in do cài đặt lề đóng nẹp, hãy đặt [T.độ Thu nhỏ] thành [ON].

**3** Chạm vào [OK].

## Gập

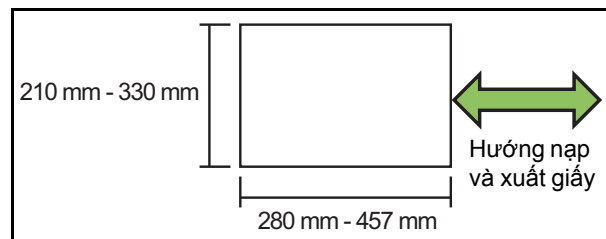
Chọn kiểu gập như gập đôi hoặc gập chữ Z.



- Khi đặt [Gập hình chữ Z K.thước Kết hợp] trong [Gập] thành [ON], có thể dùng chức năng này kết hợp với [Dập ghim / Đục lỗ]. (tr. 8-20 “Dập ghim / Đục lỗ”)

<Các loại giấy có thể gập>

- **Khổ giấy:**  
Gập đôi: A3, B4, A4, Ledger, Legal, Letter, Foolscap và kích thước tùy chỉnh  
Gập Ba Bên trong, Gập Ba Bên ngoài: A4, Letter  
Gập chữ Z: A3, B4, Ledger



- **Trọng lượng giấy: 60 g/m<sup>2</sup> đến 90 g/m<sup>2</sup>**

[OFF]

Giấy không được gập.

[Gập đôi]

Mỗi tờ giấy được gập làm đôi.

[Gập Ba Bên trong]

Mỗi tờ giấy được gập làm ba vào bên trong.

[Gập Ba Bên ngoài]

Mỗi tờ giấy được gập làm ba ra bên ngoài.

[Gập chữ Z]

Mỗi tờ giấy được gập thành hình chữ Z.

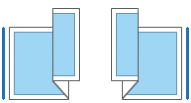
[Hướng Gập]

Chọn gập bề mặt in vào trong hay ra ngoài.

Gập	Hướng gập
[Gập đôi]	
[Gập Ba Bên trong]	
[Gập Ba Bên ngoài]	

**[Rìa đóng sách]**

Chỉ định cạnh đóng nẹp của giấy.

Gập	Mép đóng nẹp
[Gập chữ Z]	

**[Gập hình chữ Z K.thước Kết hợp]**

Khi đặt tùy chọn này thành [ON], bản in với kích thước lớn hơn trong hai kích thước khác nhau sẽ được xuất ra và gập chữ Z còn bản in với kích thước nhỏ hơn sẽ được xuất ra mà không gập chữ Z.

Các kích thước có thể cùng tồn tại cho chức năng gập hình chữ Z kích thước kết hợp là “A4-LEF và A3”, “B5-LEF và B4” và “Letter-LEF và Ledger”.

**[T.động Xoay H.ảnh]**

Tính năng này tự động xoay hình ảnh 90 độ khi hướng của bản gốc và giấy không khớp nhau cho dù khổ giấy được nẹp trong khay phù hợp với kích thước bản gốc được nẹp. Thông thường, cài đặt này được đặt thành [ON].

**■ Khi bạn đã chọn [Gập đôi], [Gập Ba Bên trong] hoặc [Gập Ba Bên ngoài]**

**1** Chạm vào [Gập].

**2** Chọn kiểu gập.

**3** Chọn [Hướng Gập].

**4** Chạm vào [OK].

**■ Khi bạn đã chọn [Gập chữ Z]**

**1** Chạm vào [Gập].

**2** Chạm vào [Gập chữ Z].

**3** Chọn [Rìa đóng sách].

**4** Khi bản gốc có kích thước lẫn lộn, hãy chọn [Gập hình chữ Z K.thước Kết hợp].

**5** Chạm vào [OK].

- Chạm vào [OK] sau khi màn hình xác nhận hiển thị và đặt [T.động Xoay H.ảnh] thành [OFF].

**Đóng nẹp ([Sách])**

Chỉ định cài đặt lên khuôn, gập giấy và dập ghim khi tạo sách nhỏ.

Để biết thêm thông tin về sách nhỏ, hãy xem “Sách” (tr. 1-14) trong “Sao chép”.



- Khi cấu hình [Đóng nẹp], [Sắp xếp] được đặt thành [Đã sắp xếp]. (tr. 1-10 “Sắp xếp”)

**[OFF]**

Không tiến hành đóng nẹp.

**[Gập + D.ghim]**

Giấy được gập làm đôi và đóng nẹp ở giữa bằng ghim dập.

**[Gập]**

Giấy được gập làm đôi.

**Phân chia Sách ([Sách])**

Khi bạn đã chọn [Gập] hoặc [Gập + D.ghim] trong [Đóng nẹp], một số giới hạn được áp dụng cho số tờ bạn có thể gập.

Cứ 5 tờ (20 trang), tính năng [Gập] lại tạo ra một cuốn sách nhỏ riêng biệt và cứ 15 tờ (60 trang), tính năng [Gập + D.ghim] lại tạo ra một cuốn sách nhỏ riêng biệt.

Khi số trang vượt quá số tờ này, thao tác gập được tiến hành cho mỗi số lượng tờ được chỉ định ở trên và những tờ này được xuất ra (tạo thành sách nhỏ riêng biệt).

Thứ tự bố cục thay đổi tùy theo việc bạn tiến hành đóng nẹp ở giữa hay đóng nẹp bên cạnh cho các chông tách biệt. Vì vậy, hãy chọn [OFF] hoặc [ON].

**[OFF]**

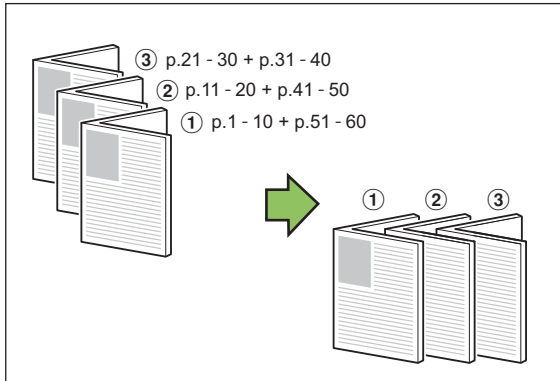
Dữ liệu được lên khuôn để tạo sách bằng cách mở, sắp lớp rồi đóng nẹp các tờ (ở giữa).

Khi đã chọn [OFF], các tờ không được dập ghim cho dù chọn [Gập + D.ghim].

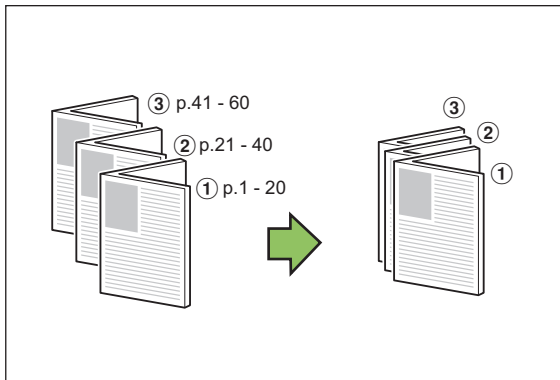
**[ON]**

Dữ liệu được lên khuôn để tạo sách bằng cách gập, sắp lớp rồi đóng nẹp các tờ (ở bên cạnh).

Khi đã chọn [OFF] cho [Phân chia Sách] và đặt [Gập] cho bản gốc 60 trang



Khi đã chọn [ON] cho [Phân chia Sách] và đặt [Gập] cho bản gốc 60 trang



## Khay Giấy ra

Chọn khay giấy ra cho bản in.

- Nút hiển thị trên màn hình [Khay Giấy ra] thay đổi tùy theo thiết bị tùy chọn được kết nối.

### [Tự động]

Khay thích hợp được chọn tự động.

- [① Khay Úp xuống], [② Khay Trên cùng], [③ Khay Xếp chồng]

Chọn khay giấy ra.

**1** Chạm vào [Khay Giấy ra].

**2** Chọn khay giấy ra.

**3** Chạm vào [OK].

## Ngửa lên/Úp xuống

Chỉ định xuất bản in ra theo hướng ngửa lên hay úp xuống trên khay.

[Ngửa lên], [Úp xuống]

## Ch.tiếp Kh.Giấyra

Chuyển đổi khay giấy ra tự động khi khay đầy.

**1** Chạm vào [Ch.tiếp Kh.Giấyra].

**2** Chạm vào [ON].

**3** Chạm vào [OK].



- Khi cấu hình [Ch.tiếp Kh.Giấyra], [Sắp xếp] được đặt thành [Hủy sắp xếp]. (tr. 1-10 “Sắp xếp”)

## Bản ra sole ([Chương trình])

Khi dùng [Chương trình], mỗi tập tài liệu đã in được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút để tạo ra sự tách biệt.

Để biết thêm thông tin về chương trình, hãy xem “Chương trình” (tr. 1-20) trong “Sao chép”.

### [OFF]

Không tiến hành điều chỉnh giấy ra.

### [Giữa các Tập]

Mỗi tập tài liệu đã in được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút.

### [Giữa các Nhóm]

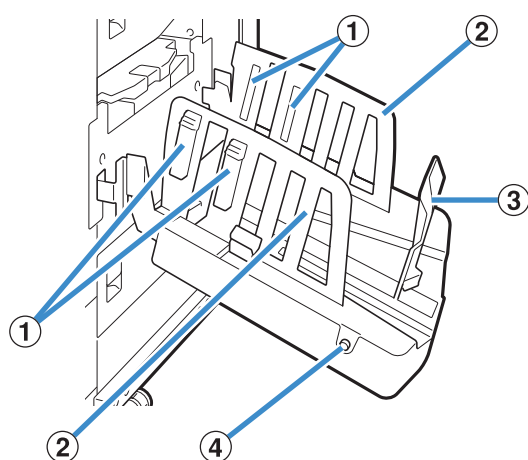
Mỗi nhóm tài liệu đã in được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút.

# Khay Xếp chồng (T.động k/s Khay Xếp chồng / Khay Xếp chồng Rộng)

Khay xếp chồng tự động kiểm soát và khay xếp chồng rộng được cung cấp dưới dạng khay xếp chồng tùy chọn.

- Với khay xếp chồng tự động kiểm soát, dẫn hướng giấy tự động điều chỉnh cho khớp với khổ giấy.
- Với khay xếp chồng rộng, hãy di chuyển dẫn hướng giấy (bên cạnh và cuối) cho phù hợp với khổ giấy.

<Khay xếp chồng tự động kiểm soát được hiển thị trong hình minh họa này.>



## ① Bộ sắp xếp Giấy

Đặt cho phù hợp với loại giấy để giấy xuất ra được căn chỉnh gọn gàng.

## ② Dẫn hướng Giấy (bên cạnh)

## ③ Dẫn hướng Giấy (cuối)

Sử dụng để tránh cho giấy xuất ra khay xếp chồng khỏi bị xô lệch.

## ④ Nút Mở Dẫn hướng Giấy

(Chỉ Khay Xếp chồng Tự động Kiểm soát)

Sử dụng để tách các dẫn hướng giấy ra xa nhau. Cách hoạt động thay đổi tùy theo trạng thái có giấy hay không.

- Khi máy không làm việc và không có giấy trong khay xếp chồng, các dẫn hướng mở ở vị trí áp.
- Khi máy không làm việc và có giấy trong khay xếp chồng, các dẫn hướng giấy tách xa nhau, giúp bạn lấy giấy ra dễ dàng. Quản trị viên có thể cấu hình cho bộ phận dẫn hướng giấy nào tách xa ra khi nhấn nút này.

## Nạp Khay Xếp chồng

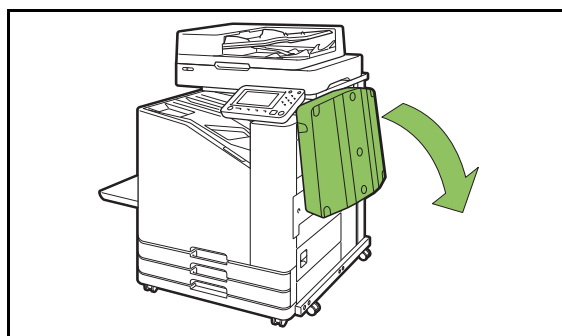
Làm theo quy trình sau đây để nạp khay xếp chồng. Tùy theo khổ giấy hoặc loại giấy, bạn còn có thể điều chỉnh bộ sắp xếp giấy vào lúc này.



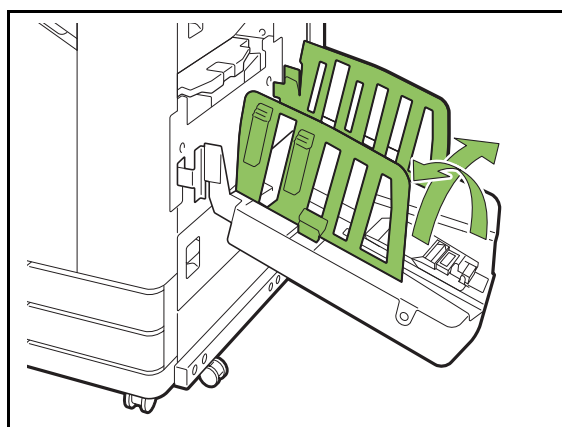
• Khay xếp chồng tự động kiểm soát được hiển thị trong hình minh họa sau đây.

• Khi sử dụng khay xếp chồng rộng, hãy điều chỉnh theo cách thủ công vị trí của dẫn hướng giấy (bên cạnh và cuối) cho phù hợp với khổ giấy.

## 1 Mở khay xếp chồng theo chiều mũi tên tới khi khay dừng lại.

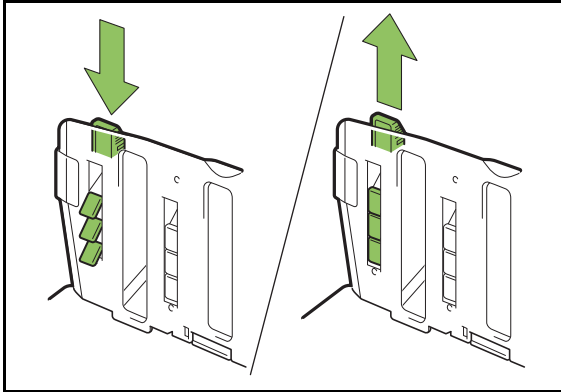


## 2 Nhấc các dẫn hướng giấy (bên cạnh) dựng đứng lên.

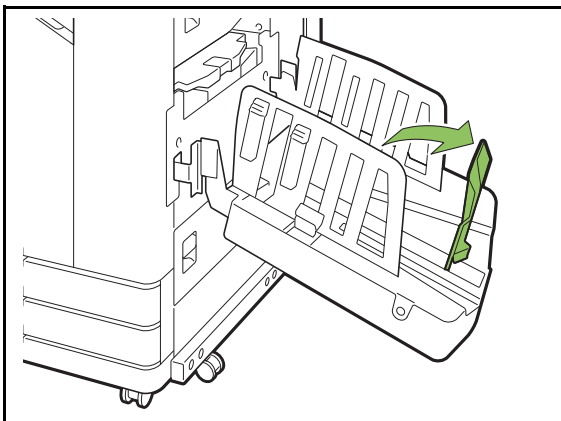


### 3 Điều chỉnh bộ sắp xếp giấy.

Bình thường, bộ sắp xếp giấy được mở rộng khi in trên khổ giấy B4 hoặc nhỏ hơn. Cách giấy được xếp chồng sau khi in thay đổi tùy theo độ cứng và các yếu tố khác. Điều chỉnh bộ sắp xếp giấy nếu cần.



### 4 Nhấc các dẫn hướng giấy (cuối) dựng đứng lên.

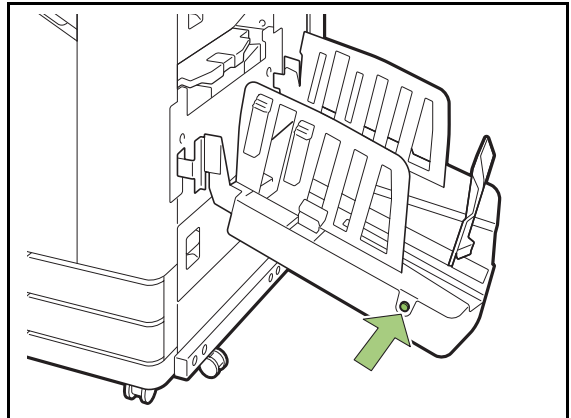


• Gập tất cả dẫn hướng giấy khi in trên giấy rộng hơn 320 mm x 432 mm.

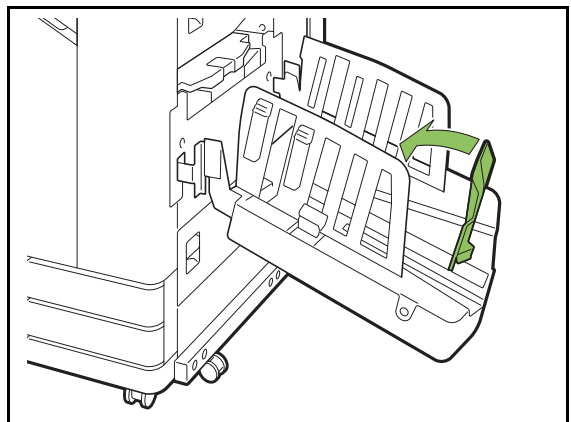
## Đóng Khay Xếp chồng

### 1 Sau khi xác nhận là không có bản in trong khay xếp chồng, nhấn nút mở dẫn hướng giấy.

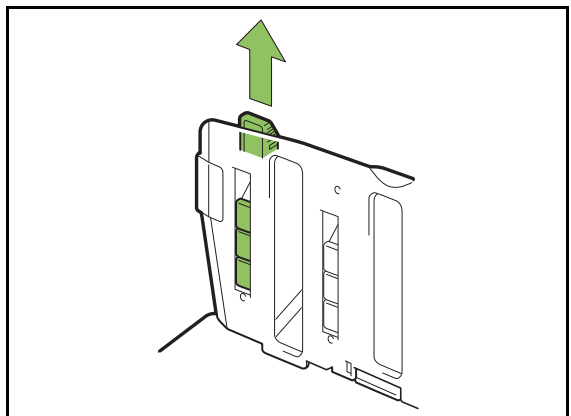
Bây giờ, dẫn hướng giấy (bên cạnh và cuối) di chuyển vào vị trí để lưu trữ.



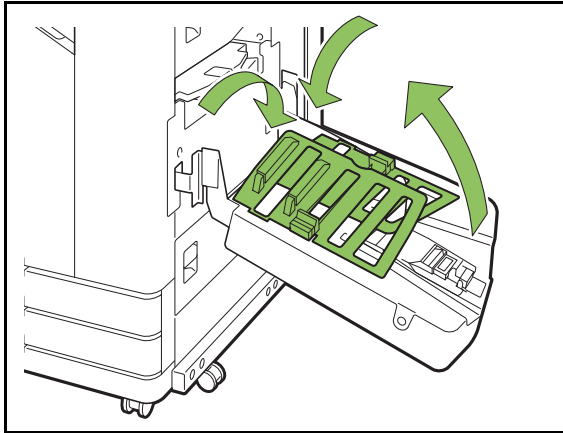
### 2 Hạ dẫn hướng giấy (cuối) xuống khay xếp chồng để gập lên.



### 3 Gập bộ sắp xếp giấy lên.



**4** Hạ dẫn hướng giấy (bên cạnh) vào trong rôi đóng khay xếp chồng.



**Danh sách Cài đặt**

Có thể cài đặt các mục được mô tả dưới đây khi kết nối bộ khay xếp chồng.

**Trình điều khiển Máy in**

Mục cài đặt	Mô tả	Xem
<b>Tab [Đang h.tắt]</b>		
Khay Giấy ra	Chỉ định khay giấy ra.	tr. 8-27
Ch.tiếp Kh.Giáyrá	Chọn mục này để tự động chuyển đổi khay giấy ra khi khay đầy.	tr. 8-27

**Chế độ Sao chép**

Mục cài đặt	Mô tả	Xem
Khay Giấy ra	Chỉ định khay giấy ra.	tr. 8-27
Ngửa lên/Úp xuống	Chỉ định xuất bản in ra theo hướng ngửa lên hay úp xuống trên khay.	tr. 8-27
Ch.tiếp Kh.Giáyrá	Chọn mục này để tự động chuyển đổi khay giấy ra khi khay đầy.	tr. 8-27

**Chế độ Bảo trì**

Mục cài đặt	Mô tả	Xem
Kiểm soát Dẫn hướng Giấy	Điều chỉnh vị trí của dẫn hướng giấy trên khay xếp chồng tự động kiểm soát.	tr. 8-27

## Cài đặt Trình điều khiển Máy in

### Khay Giấy ra

Chỉ định khay giấy ra cho bản in.  
Khi chỉ định [Tự động], bản in được tự động xuất ra khay thích hợp dựa trên chức năng được cấu hình.  
Nếu kết nối khay xếp chồng, hãy chọn [T.động k/s Khay Xếp chồng] hoặc [Wide Stacking Tray].  
Nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [Khay Giấy ra].  
Chọn bản in ngửa lên trên hay úp xuống khay khi được xuất ra.

[Ngửa lên], [Úp xuống]

### Ch.tiếp Kh.Giấyra

Khay giấy ra tự động chuyển đổi khi khay đầy.  
Bạn phải đặt [Sắp xếp] thành [Hủy sắp xếp] trong tab [Cơ bản].



- Cài đặt này không khả dụng khi dùng khay xếp chồng rộng.

## Cài đặt Chế độ Sao chép

### Khay Giấy ra

Chọn khay giấy ra cho bản in.



- Chi tiết về khay hiển thị trên màn hình [Khay Giấy ra] thay đổi tùy theo thiết bị tùy chọn được kết nối.

#### [Tự động]

Khay thích hợp được chọn tự động.

[① Khay Úp xuống], [② Wide Stacking Tray]

Chọn khay giấy ra.

**1** Chạm vào [Khay Giấy ra].

**2** Chọn khay giấy ra.

**3** Chạm vào [OK].

### Ngửa lên/Úp xuống

Chọn bản in ngửa lên trên hay úp xuống khay khi được xuất ra.

[Ngửa lên], [Úp xuống]

### Ch.tiếp Kh.Giấyra

Khay giấy ra tự động chuyển đổi khi khay đang dùng đầy.

**1** Chạm vào [Ch.tiếp Kh.Giấyra].

**2** Chạm vào [ON].

**3** Chạm vào [OK].



- Cài đặt này không khả dụng khi dùng khay xếp chồng rộng.

- Khi cấu hình [Ch.tiếp Kh.Giấyra], [Sắp xếp] được đặt thành [Hủy sắp xếp]. (tr. 1-10 "Sắp xếp")

## Cài đặt Chế độ Bảo trì

### Kiểm soát Dẫn hướng Giấy

Điều chỉnh vị trí của dẫn hướng giấy trên khay xếp chồng tự động kiểm soát. Để biết thêm thông tin, hãy xem "Hướng dẫn Khắc phục Sự cố" được cung cấp riêng.

# Bộ PostScript

Đây là trình điều khiển máy in chuyên dụng hỗ trợ PostScript 3. Phần này mô tả những hoạt động cơ bản của trình điều khiển máy in cũng như cách sử dụng các chức năng khác nhau.



- Hãy đăng nhập với tư cách người dùng có đặc quyền quản trị (Windows) hoặc với tư cách người dùng gốc (Mac OS hoặc Linux).
- Đóng tất cả ứng dụng đang hoạt động.

## Môi trường Vận hành

Yêu cầu về hệ thống để kích hoạt trình điều khiển máy in PostScript 3 được mô tả trong bảng bên dưới.

Bộ nhớ	1 GB trở lên
CPU	Windows hoặc Linux: Intel hoặc CPU hoàn toàn tương thích Mac OS: CPU Intel
Ổ cứng	Dung lượng trống 2 GB trở lên (Dung lượng đủ để vận hành hệ điều hành)
Màn hình	Độ phân giải 1024 × 768 trở lên

## Cài đặt vào Windows

### 1 Lắp đĩa DVD-ROM đi kèm vào ổ đĩa DVD-ROM của máy tính.

Trình hướng dẫn cài đặt khởi động tự động. Nếu trình hướng dẫn cài đặt không khởi động, nhấp đúp vào tệp "Install.exe" trên đĩa DVD-ROM.

### 2 Chọn ngôn ngữ mong muốn trong menu kéo xuống và nhấp vào [OK].

### 3 Làm theo hướng dẫn trên màn hình để cấu hình cài đặt.

### 4 Nhấp vào [Hoàn tất].

Nếu trình điều khiển máy in được cài đặt đề lên trình điều khiển hiện tại, máy tính sẽ khởi động lại.



- Nếu bạn không muốn khởi động lại máy tính bây giờ, hãy bỏ dấu kiểm khởi hộp kiểm [Khởi động lại ngay] trước khi nhấp vào [Hoàn tất].

### 5 Tháo đĩa DVD-ROM khỏi máy tính.



- Cất đĩa DVD-ROM ở nơi an toàn để tham khảo sau này.

## Dỡ cài đặt khỏi Windows

Sử dụng trình gỡ cài đặt để gỡ cài đặt trình điều khiển máy in tương thích với PostScript 3.

Dỡ cài đặt trình điều khiển máy in theo cách tương tự như được mô tả trong "Dỡ cài đặt Trình điều khiển Máy in" trong "Hướng dẫn Quản trị" được cung cấp riêng.



## Cài đặt vào Mac OS

### 1 Lắp đĩa DVD-ROM đi kèm vào ổ đĩa DVD-ROM của máy tính.

Nhấp đúp vào tệp gói cài đặt trên đĩa DVD-ROM.

### 2 Nhấp vào [Tiếp tục].

### 3 Nhấp vào [Cài đặt].

### 4 Làm theo hướng dẫn trên màn hình để cấu hình cài đặt.

Trên màn hình xác thực, nhập giá trị cho [Tên] và [Mật khẩu] rồi nhấp vào [Cài đặt Phần mềm].



• Hãy liên hệ với quản trị viên của bạn để biết thông tin về [Tên] và [Mật khẩu].

### 5 Nhấp vào [Đóng].

### 6 Tháo đĩa DVD-ROM khỏi máy tính.

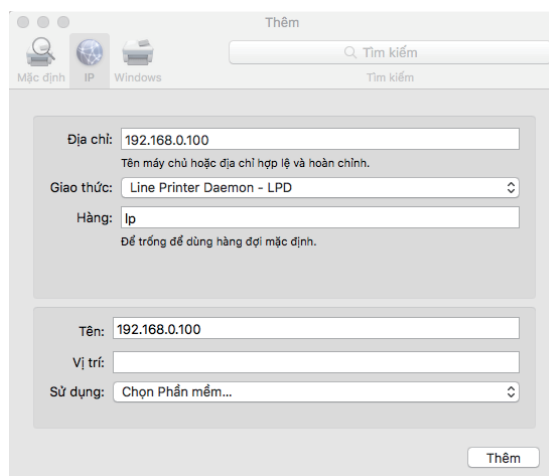


• Cất đĩa DVD-ROM ở nơi an toàn để tham khảo sau này.

### 7 Thêm máy in.

- 1 Mở phần khởi động Mac OS và mở [Ứng dụng] - [Ưu tiên Hệ thống].
- 2 Nhấp vào [In & Quét] hoặc [Máy in & Máy quét].
- 3 Nhấp vào nút [+].

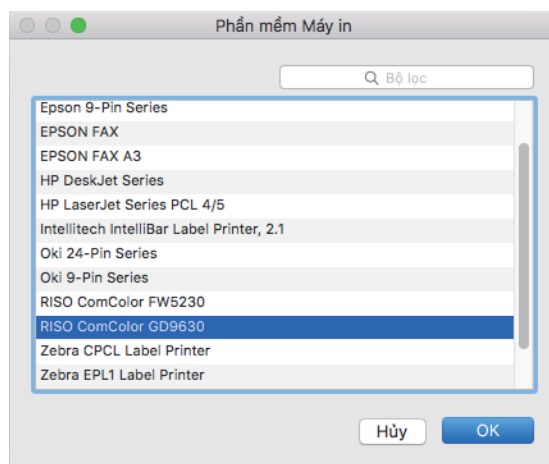
## 8 Cấu hình hàng đợi.



Trên màn hình [Thêm], nhấp vào [IP] rồi nhập địa chỉ IP và hàng đợi.

Hàng: Nhập "lp" bằng ký tự chữ thường cho hàng đợi.

Sử dụng: Nhấp vào [Chọn phần mềm] để mở màn hình [Phần mềm Máy in]. Chọn trình điều khiển máy in mà bạn đã cài đặt.



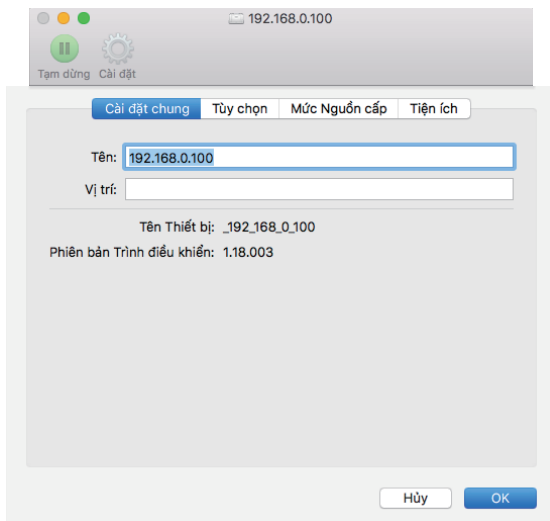
## Cài đặt Cấu hình Máy in

Khi bạn sử dụng máy in trong lần đầu tiên hoặc thêm một tùy chọn vào máy, bạn cần đặt cấu hình máy in.

**1 Trên màn hình [In & Quét] hoặc [Máy in & Máy quét], hãy chọn ComColor FW (tên máy in), sau đó nhấp vào [Mở Hàng In].**

**2 Nhấp vào [Cài đặt].**

Màn hình hàng đợi in của máy in sẽ hiển thị. Bạn có thể kiểm tra thông tin của máy in bằng cách nhấp vào từng tab.



Tab [Cài đặt Chung]: Bạn có thể kiểm tra tên thiết bị hoặc phiên bản trình điều khiển máy in.

Tab [Tùy chọn]: Bạn có thể kiểm tra và thay đổi cài đặt tùy chọn có trên máy in.

Tab [Mức Nguồn cấp]: Bạn có thể kiểm tra tình trạng của các vật liệu in ấn như giấy hoặc mực.

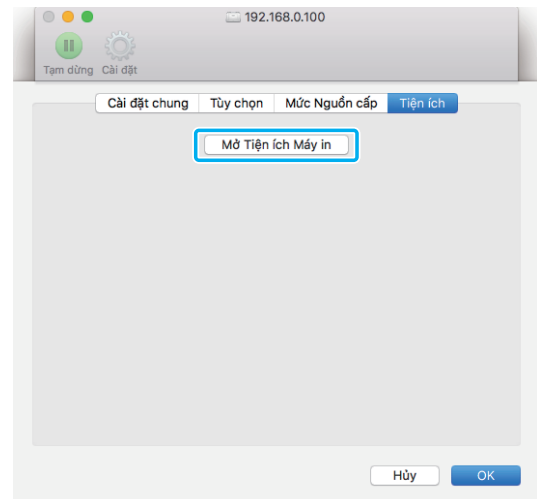
Tab [Tiện ích]: Bạn có thể đặt tùy chọn xác định khu vực mã vạch, mẫu, thư mục dùng chung và cấu hình màu.

## 3 Đăng ký thư mục.

Bạn có thể đăng ký thư mục (thư mục dùng chung hoặc thư mục cá nhân) để lưu dữ liệu in trên trình điều khiển máy in.

Thư mục được đăng ký tại đây sẽ hiển thị trong [Đầu ra] trên tab [Cơ bản].

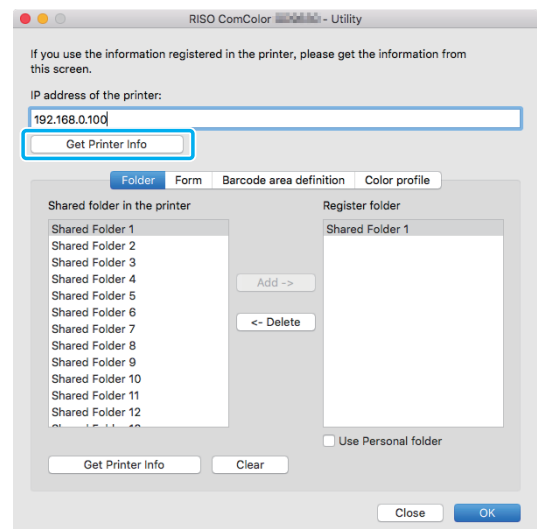
**1 Nhấp vào [Mở Tiện ích Máy in] trên tab [Tiện ích].**



Màn hình [Utility] hiển thị.

**2 Nhập địa chỉ IP trong [IP address of the printer].**

**3 Nhấp vào [Get Printer Info].**

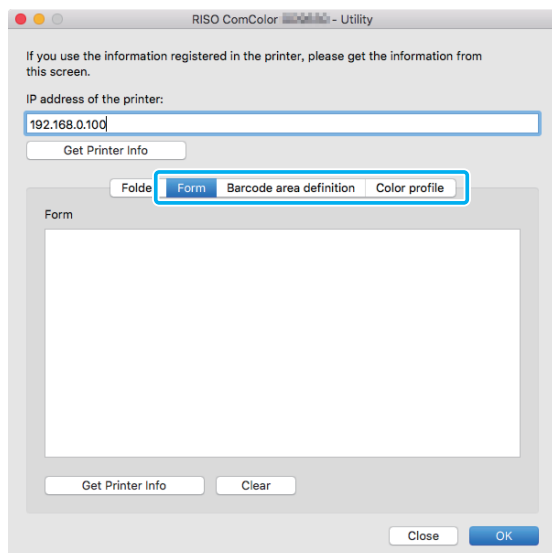


Thông tin về thư mục dùng chung đã đăng ký trong máy in sẽ hiển thị trong [Shared folder in the printer].

**4 Chọn thư mục để thêm vào [Register folder] và nhấp vào [Add ->].**

**5 Đặt thư mục cá nhân.**

Chọn [Use Personal folder] khi bạn có thư mục cá nhân.

**6 Nhấp vào [OK].****4 Lấy thông tin xác định khu vực mã vạch, mẫu hoặc cấu hình màu khi cần.**

Nhấp vào [Get Printer Info] trên mỗi tab để thu thập thông tin từ máy in.

**Dễ cài đặt khỏi Mac OS****1 Mở phần khởi động Mac OS và mở [Ứng dụng] - [Ưu tiên Hệ thống].****2 Nhấp vào [In & Quét] hoặc [Máy in & Máy quét].****3 Chọn máy in bạn muốn xóa và nhấp vào nút [-].**

- Xóa thư mục và tệp sau khỏi ổ đĩa khởi động Mac OS nếu cần.
  - Thư mục [RISO] trong [Thư viện] - [Máy in].
  - Tệp "RSFW\*\*\*\*.ppd" trong [Thư viện] - [Máy in] - [PPD] - [Nội dung] - [Tài nguyên].

**Cài đặt vào Linux**

Có thể in từ Linux nếu tệp PPD nằm trong đĩa DVD-ROM được đăng ký vào CUPS cho Linux.



- Trước khi cài đặt, hãy đảm bảo rằng tất cả cài đặt cần thiết về hệ thống Linux được cấu hình đúng cách.
- Quy trình cài đặt vào Linux có thể thay đổi tùy theo môi trường Linux của bạn. Quy trình cài đặt chuẩn được mô tả ở đây.

**1 Mở màn hình để đăng ký máy in.****2 Cấu hình máy in.**

Làm theo hướng dẫn trên màn hình để chọn giao thức (LPD, LPR, v.v..) và nhập địa chỉ IP của máy in.

**3 Cấu hình hàng đợi.**

Nhập "lp" bằng ký tự chữ thường byte đơn cho hàng đợi.

**4 Chọn trình điều khiển.**

Tải đĩa DVD-ROM đi kèm trong ổ đĩa DVD-ROM của máy tính và chọn tệp PPD.

**5 Làm theo hướng dẫn trên màn hình để cấu hình cài đặt.**

Nhập tên máy in và thông tin cần thiết khác.

**6 Tháo đĩa DVD-ROM khỏi máy tính.**

- Cất đĩa DVD-ROM ở nơi an toàn để tham khảo sau này.

## Dỡ cài đặt tệp PPD

- 1 Mở màn hình để đăng ký máy in.
- 2 Chọn biểu tượng máy in và xóa đi.

## Cách In

### In từ Máy tính Windows

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Tổng quan về Thao tác In” (tr. 3-2) trong “In”.

### In từ máy Mac

Phần này mô tả quy trình cơ bản để in từ máy Mac.

- Màn hình hiển thị có thể thay đổi tùy theo hệ điều hành và ứng dụng được dùng cũng như thiết bị tùy chọn được kết nối.
- Một số mục cài đặt có thể không hiển thị tùy theo cách cấu hình cài đặt của quản trị viên. Hãy liên hệ với quản trị viên của bạn để biết chi tiết.

## 1 Mở màn hình in trong ứng dụng trên máy tính.

Chọn [In] trong menu [Tập].

## 2 Chọn máy in.

## 3 Nhấp vào [▼].

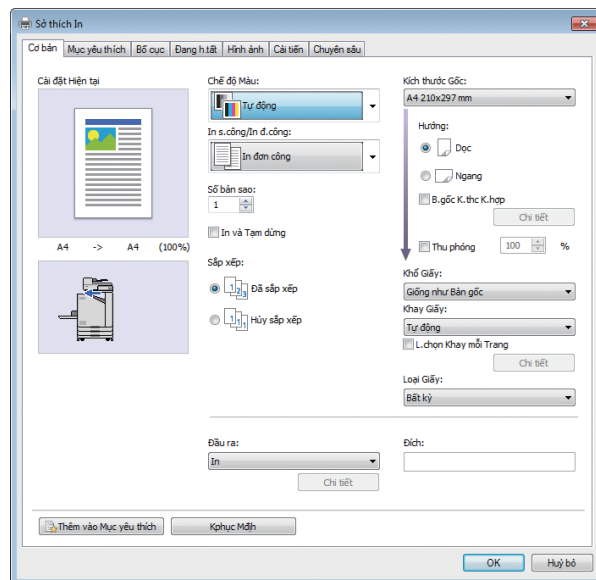
## 4 Nhấp vào [Hiện chi tiết].

Thay đổi cài đặt.

## 5 Nhấp vào [In] để tiến hành in.

## Cài đặt Trình điều khiển Máy in

Phần này mô tả các mục có thể cấu hình khi cài đặt bộ PostScript, sử dụng màn hình [Sở thích In] trong Windows làm ví dụ.



- Khi kết nối thiết bị tùy chọn, đầu tiên, hãy cấu hình cài đặt tại [Cấu hình Máy in] trong tab [Môi trường] để sử dụng các chức năng nhất định.
- Khi in từ máy Mac, hãy sử dụng cài đặt hệ điều hành tiêu chuẩn cho [Số lượng bản copy], [Kích thước bản gốc] và [Hướng].

## Tab [Cơ bản]

Để biết thêm thông tin về từng mục cài đặt, hãy xem “Tab [Cơ bản]” (tr. 3-9) trong “In”.

### Đầu ra

Chỉ định in dữ liệu gửi từ máy tính hay lưu dữ liệu vào một thư mục trên máy.  
Cũng có thể đăng ký dữ liệu biểu mẫu vào máy.

#### [In]

In dữ liệu.

#### [In & Lưu trữ]

Lưu dữ liệu bản gốc vào thư mục trên máy và in dữ liệu đó.

#### [Bộ nhớ]

Lưu dữ liệu bản gốc vào thư mục trên máy. Ngoài ra, hãy tạo tệp PRN để sử dụng trong Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch.

#### [Biểu mẫu]

Đăng ký biểu mẫu.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Form Overlay” (tr. 8-36) trong tab [Cài tiến].

### L.chọn Khay mỗi Trang

Bạn có thể chỉ định khay để sử dụng cho mỗi trang. Khi chọn hộp kiểm này, bạn có thể chỉ định in từ khay nào cho mỗi trang.

#### [Khay Tiêu chuẩn]

Chỉ định số trang được in từ khay tiêu chuẩn.

#### [Khay Nạp1]

Chỉ định số trang được in từ khay nạp 1.

#### [Khay Nạp2]

Chỉ định số trang được in từ khay nạp 2.



- Sử dụng dấu phẩy để phân tách số trang được chỉ định (1,2,3, v.v..) hoặc chỉ định phạm vi trang (như 1-10).
- Nếu không chỉ định khay cho trang cụ thể, trang sẽ được in từ khay chỉ định trong cài đặt [Khay Giấy].
- Khi chỉ định khay cho trang, quá trình xử lý hình ảnh được tiến hành trên trang dựa trên cài đặt trang (loại giấy) của khay được chỉ định.

## ■ Ví dụ về Cài đặt

Chỉ định khay cho từng trang khi in tài liệu gồm 15 trang

Khay để sử dụng	Giá trị cài đặt
Khay tiêu chuẩn	1,5
Khay nạp 1	6-10
Khay nạp 2	11-13,15

Trang từ 1 đến 5 được in từ khay tiêu chuẩn, trang từ 6 đến 10 được in từ khay nạp 1 và trang từ 11 đến 13 cùng với trang 15 được in từ khay nạp 2. Trang từ 2 đến 4 cùng với trang 14, là các trang chưa có khay được chỉ định, được in từ khay chỉ định trong cài đặt [Khay Giấy].



- Chức năng [L.chọn Khay mỗi Trang] không thể dùng kết hợp với [B.gốc K.thc K.hợp], [Kết hợp], [Lập lại Hình ảnh], [Sách], [Xoay], [Gập], [Đóng Sách], [Bản ra sole] hoặc [Thêm Bìa].

## Tab [Mục yêu thích]

Để biết thêm thông tin về từng mục cài đặt, hãy xem “Tab [Mục yêu thích]” (tr. 3-14) trong “In”.

## Tab [Bố cục]

Để biết thêm thông tin về từng mục cài đặt, hãy xem “Tab [Bố cục]” (tr. 3-15) trong “In”.



- Cài đặt [Hình mờ] không khả dụng với trình điều khiển máy in PostScript.

## Dịch Chuyển Hình ảnh

Điều chỉnh vị trí in của hình ảnh.



- Bạn có thể điều chỉnh vị trí in đi lên, đi xuống, sang trái, sang phải tối đa là  $\pm 254$  mm theo số gia là 0,1 mm.
- Khi in song công, có thể điều chỉnh riêng mặt trước và mặt sau.

## Chương 8 Thiết bị Tùy chọn

Chọn hộp kiểm [Dịch Chuyển Hình ảnh] và nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [Dịch Chuyển Hình ảnh]. Nhập giá trị vào ô dành cho hướng bạn muốn điều chỉnh.

### [Mặt Trước], [Mặt Sau]

Nhập giá trị cho [Ngang] hoặc [Dọc].

### [Đặt lại]

Đặt lại giá trị đã nhập về 0 trên mặt trước hoặc mặt sau riêng biệt.

### Xem trước

Bạn có thể xem trước vị trí hình ảnh đã điều chỉnh trên mặt trước hoặc mặt sau riêng biệt.

## Tab [Đang h.tất]

Để biết thêm thông tin về từng mục cài đặt, hãy xem “Tab [Đang h.tất]” (tr. 3-19) trong “In”.



- Nếu bạn đang dùng bộ hoàn thiện úp xuống tùy chọn, hãy xem “Bộ hoàn thiện” (tr. 8-2) về các chức năng sau:  
[Dập ghim], [Bản ra sole]
- Nếu bạn đang dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn, hãy xem “Bộ hoàn thiện Đa chức năng” (tr. 8-9) về các chức năng sau:  
[Dập ghim], [Đục lỗ], [Gập], [Bản ra sole], [Khay Giấy ra], [Ch.tiếp Kh.Giấyra]
- Nếu bạn đang dùng khay xếp chồng tùy chọn, hãy xem “Khay Xếp chồng (T.động k/s Khay Xếp chồng / Khay Xếp chồng Rộng)” (tr. 8-24) về các chức năng sau:  
[Khay Giấy ra], [Ch.tiếp Kh.Giấyra]

## Đóng Sách

Nhiều trang liên tiếp được in để tạo sách nhỏ đóng nẹp ở giữa sau khi in xong công. Tính năng tạo sách nhỏ bằng cách dập ghim tại gáy cũng khả dụng. Để biết thêm thông tin về đóng nẹp sách nhỏ, hãy xem “Đóng Sách” (tr. 8-17) trong “Thiết bị Tùy chọn”.

Chọn quy trình đóng nẹp sách nhỏ và nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [Đóng Sách].

## Phân chia Sách

Để đóng nẹp sách nhỏ, sách nhỏ được xuất ra bằng cách phân chia thành một số tờ nhất định. Quá trình lên khuôn thay đổi tùy theo cài đặt.

### [OFF]

Các trang sẽ được lên khuôn sao cho tất cả các trang đều ở đúng thứ tự khi sách nhỏ được đóng nẹp ở giữa. Khi dữ liệu có rất nhiều trang, sách nhỏ sẽ được xuất thành nhiều tập. Các trang sẽ được lên khuôn sao cho những tập đó được mở ra và được xếp chồng lên nhau, chúng có thể được đóng nẹp thành một quyển sách nhỏ riêng.

### [Tự động]

Trang được lên khuôn để xếp chồng tất cả các phần của đầu ra và gập lại. Khi đặt [Đóng Sách] thành [Gập], mỗi phần của cuốn sách nhỏ được in thành 5 tờ. Khi đặt [Đóng Sách] thành [Gập + Dập ghim], mỗi phần của cuốn sách nhỏ được in thành 15 tờ.

[1 Tờ], [2 Tờ], [3 Tờ], [4 Tờ], [5 Tờ], [6 Tờ], [7 Tờ], [8 Tờ], [9 Tờ], [10 Tờ], [11 Tờ], [12 Tờ], [13 Tờ], [14 Tờ], [15 Tờ]

Khi đặt [Sách] thành [OFF], bạn có thể chỉ định số trang để phân chia sách nhỏ. Sách nhỏ được xuất ra bằng cách phân chia thành số tờ được chỉ định.



- Khi một cuốn sách nhỏ được phân chia thành nhiều đầu ra, sách đó sẽ không được dập ghim.
- [Bìa Sách nhỏ] và [Thêm Bìa] không khả dụng khi không đặt [P.chia Sách] thành [OFF].

## Tab [Hình ảnh]

Để biết thêm thông tin về từng mục cài đặt, hãy xem “Tab [Hình ảnh]” (tr. 3-21) trong “In”.



- Trong cài đặt [Chất lượng Hình ảnh], [Nén Dữ liệu (300 × 300 dpi)] không khả dụng đối với trình điều khiển máy in PostScript.

## Hiệu chỉnh Gamma

Hiệu chỉnh độ sáng, độ tương phản, giá trị gamma của CMYK.

Chọn hộp kiểm [Hiệu chỉnh Gamma] và nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [Hiệu chỉnh Gamma].

### [Độ sáng]

Giá trị càng nhỏ, màu càng sáng (càng trắng). Giá trị càng lớn, màu càng tối (càng đen).

Chỉ định giá trị từ -2 đến +2.

### [Độ tương phản]

Điều chỉnh tỷ lệ độ sáng so với độ tối. Giá trị càng nhỏ, độ tương phản càng thấp. Giá trị càng lớn, độ tương phản càng cao.

Chỉ định giá trị từ -2 đến +2.

### [Lục lam], [Đỏ tươi], [Vàng], [Đen]

Hiệu chỉnh giá trị gamma cho mỗi màu.

Giá trị càng nhỏ, màu càng nhạt. Giá trị càng lớn, màu càng sâu. Khi bạn đặt giá trị thành 1.00, giá trị gamma không được hiệu chỉnh và màu không thay đổi.

Chỉ định giá trị từ 0.01 đến 3.00.



- Điều chỉnh màu của bạn dựa trên lời khuyên của quản trị viên.

## Hồ sơ Màu

Sử dụng cấu hình màu để quản lý màu. Khi chọn hộp kiểm này, [Chi tiết] hiển thị.

### ■ Hồ sơ Đầu ra

Bạn có thể chọn [Tự động] hoặc bất kỳ cấu hình đầu ra nào đã được thêm.



- Khi chọn [Tự động], cấu hình đầu ra được cấu hình tự động dựa trên cài đặt loại giấy và độ phân giải.

### ■ Đang hiển thị Mục đích

Sử dụng phương pháp chuyển đổi màu để tiến hành thay thế màu khi các màu khác nhau được thể hiện bằng cách kết hợp các giá trị số.

Chọn một trong bốn phương pháp chuyển đổi màu khác nhau để tiến hành thay thế màu.

#### [Cảm giác]

Lưu giữ mối quan hệ trực quan giữa các màu để màu hiển thị tự nhiên đối với mắt người.

- Phương pháp này phù hợp nhất với ảnh chụp và hữu ích khi dữ liệu hình ảnh gồm nhiều màu lệch gam không thể in.

#### [Độ bão hòa]

Tạo màu sắc sinh động trong hình ảnh.

- Phương pháp này phù hợp nhất với các đồ họa như biểu đồ và đồ thị, trong đó các màu bão hòa sáng có ý nghĩa quan trọng.

#### [Phép đo màu Tương đối]

So sánh những phần đặc biệt nổi bật trong không gian màu gốc với các phần đặc biệt nổi bật trong không gian màu đích và chuyển đổi tất cả các màu cho phù hợp. Các màu lệch gam được chuyển đổi sang màu có thể tái tạo gần nhất trong không gian màu đích.

- Phương pháp này lưu giữ được nhiều màu của bản gốc trong hình ảnh hơn so với phương pháp [Cảm giác].

#### [Phép đo màu Tuyệt đối]

Lưu giữ màu không lệch gam và cắt giảm màu lệch gam.

- Phương pháp này đặc biệt hữu ích để xem trước ảnh hưởng của màu giấy lên màu được in.

### ■ Số giọt Tối đa

Bạn có thể đặt số giọt mực tối đa theo cách thủ công.



- Khi đặt [Số giọt Tối đa] thành [Tự động], số giọt sẽ được cấu hình tự động dựa trên loại giấy. Bình thường, hãy sử dụng [Tự động].

## Tab [Cải tiến]

Để biết thêm thông tin về từng mục cài đặt, hãy xem “Tab [Cải tiến]” (tr. 3-25) trong “In”.

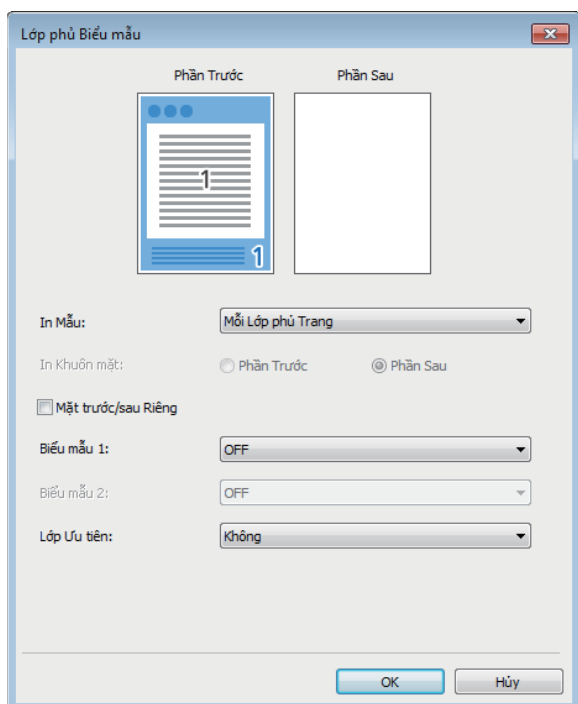
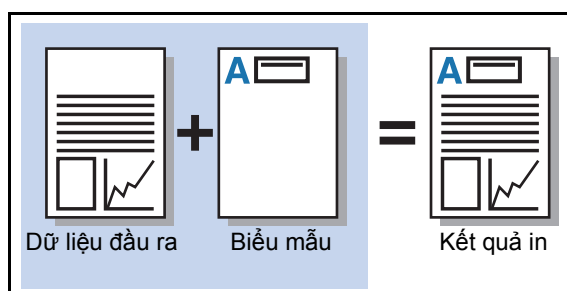


- Cài đặt [Chương trình] và [Phát hiện Trang Trống] không khả dụng đối với trình điều khiển máy in PostScript.
- [Cấu hình Màu] không hiển thị trên màn hình [Phiên bản] của trình điều khiển máy in PostScript.

## Form Overlay

Bạn có thể chọn mẫu đã được đăng ký với máy và che phủ lên dữ liệu đầu ra để in.

Chọn hộp kiểm [Form Overlay] và nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [Form Overlay]. Cấu hình cài đặt để che phủ biểu mẫu.



### [In Mẫu]

Chỉ định có hoặc không in biểu mẫu trên cùng một mặt với dữ liệu đầu ra.

### [In Khuôn mặt]

Khi chọn [Lớp phủ Thay thế (Mép Dài)]/[Lớp phủ Thay thế (Mép Ngắn)] hoặc [Mỗi Trang + Lớp phủ Thay thế (Mép Dài)]/[Mỗi Trang + Lớp phủ Thay thế (Mép Ngắn)], hãy chỉ định in biểu mẫu lên mặt trước hay mặt sau.

### [Mặt trước/sau Riêng]

Khi in song công, bạn có thể chỉ định các biểu mẫu riêng biệt cho mặt trước và sau.



- Cài đặt này khả dụng nếu chọn [Mỗi Lớp phủ Trang] hoặc [Mỗi Trang + Lớp phủ Thay thế (Mép Dài)]/[Mỗi Trang + Lớp phủ Thay thế (Mép Ngắn)] trong [In Mẫu].

### [Biểu mẫu 1]

Chọn biểu mẫu để in lên mặt trước hoặc cả hai mặt của dữ liệu đầu ra.

### [Biểu mẫu 2]

Chọn biểu mẫu để in lên mặt sau của dữ liệu đầu ra.

### [Lớp Ưu tiên]

Khi chọn [Mỗi Lớp phủ Trang], [Mỗi Trang + Lớp phủ Thay thế (Mép Dài)] hoặc [Mỗi Trang + Lớp phủ Thay thế (Mép Ngắn)], hãy chỉ định để gán ưu tiên cho biểu mẫu hoặc dữ liệu đầu ra.



- Trước khi dùng các cài đặt này, đầu tiên, bạn phải tạo dữ liệu biểu mẫu trên máy tính và đăng ký trong [Đầu ra] ở tab [Cơ bản]. (tr. 8-33 “Đầu ra”)
- Biểu mẫu được in dựa trên cài đặt về hướng của dữ liệu đầu ra, khổ Giấy và chất lượng hình ảnh.
- Dữ liệu đầu ra với biểu mẫu được che phủ không thể lưu (đăng ký) được.
- Bạn không thể sử dụng chức năng [Form Overlay] với [B.góc K.thc K.hợp], [Kết hợp], [Lập lại Hình ảnh], [Sách] hoặc [Đóng Sách].

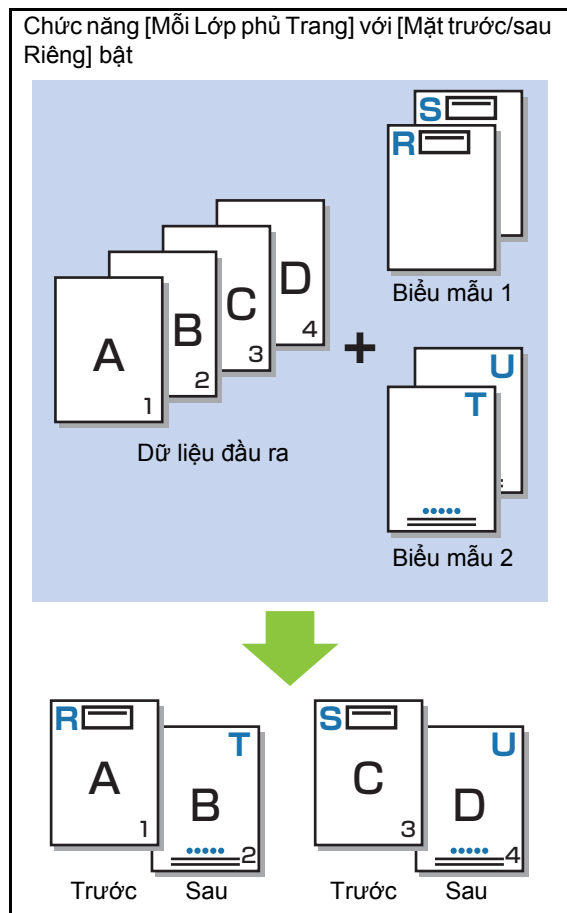
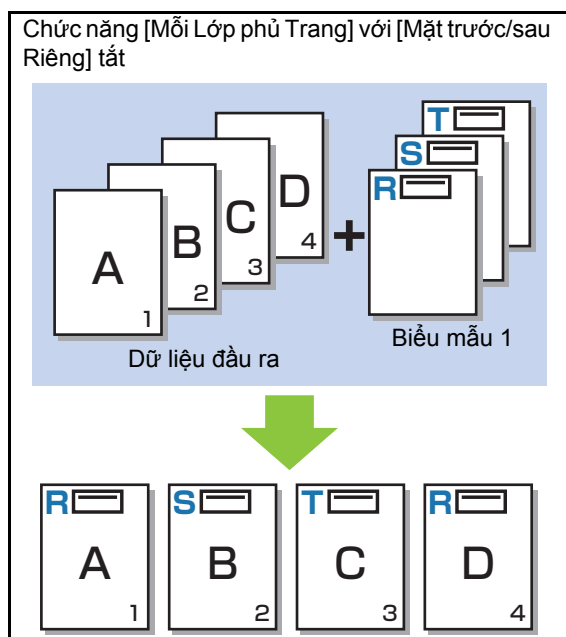


### ■ In Mẫu

Chọn biểu mẫu lưu trên máy và chọn mặt giấy để in.

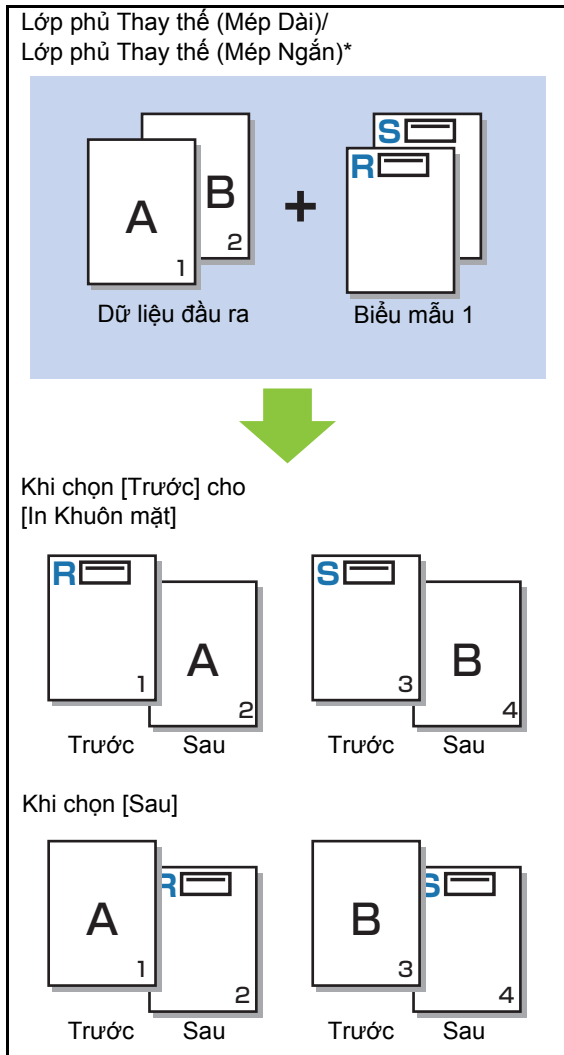
#### [Mỗi Lớp phủ Trang]

In biểu mẫu trên cùng một mặt với dữ liệu đầu ra.  
 Khi in song công, hãy chọn [Mặt trước/sau Riêng]. Khi chọn hộp kiểm [Mặt trước/sau Riêng], bạn có thể chọn biểu mẫu cho [Biểu mẫu 1] và [Biểu mẫu 2] từ danh sách biểu mẫu.



**[Lớp phủ Thay thế (Mép Dài)]/  
[Lớp phủ Thay thế (Mép Ngắn)]**

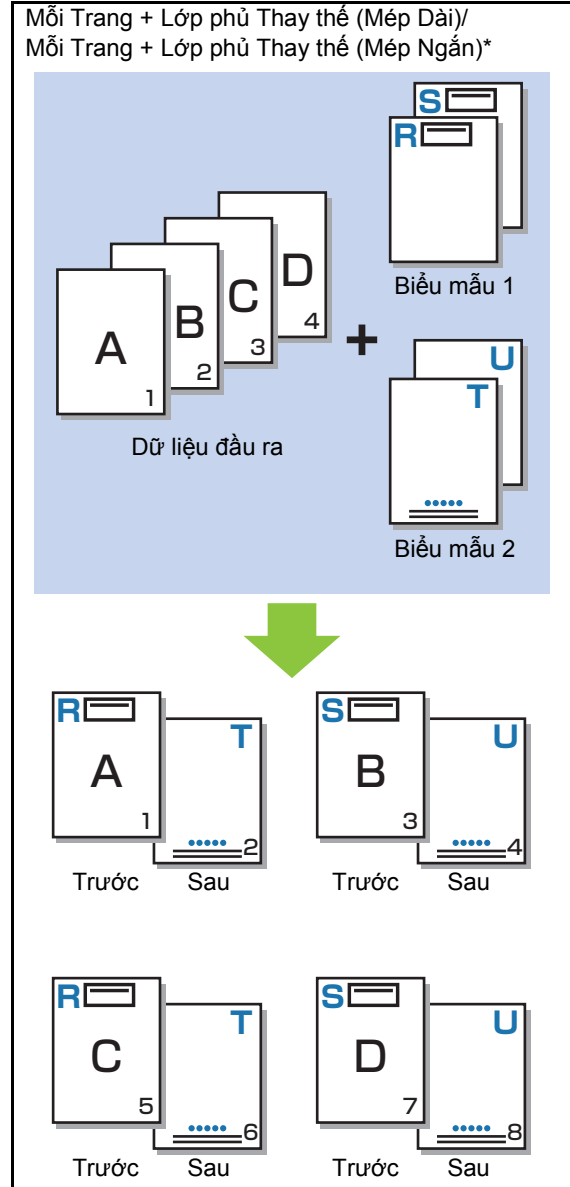
In dữ liệu biểu mẫu và đầu ra lên các mặt khác nhau.  
Dữ liệu biểu mẫu được in trên mặt đã chỉ định trong [In Khuôn mặt]. Dữ liệu đầu ra được in thành dữ liệu biến đổi trên mặt còn lại.



\* Hình minh họa là ví dụ về đóng nẹp mép dài.

**[Mỗi Trang + Lớp phủ Thay thế (Mép Dài)]/  
[Mỗi Trang + Lớp phủ Thay thế (Mép Ngắn)]**

Biểu mẫu được che phủ trên dữ liệu đầu ra trên một mặt và một biểu mẫu khác được in lên mặt còn lại.  
Bạn có thể chỉ định các biểu mẫu riêng biệt trong [Biểu mẫu 1] và [Biểu mẫu 2].



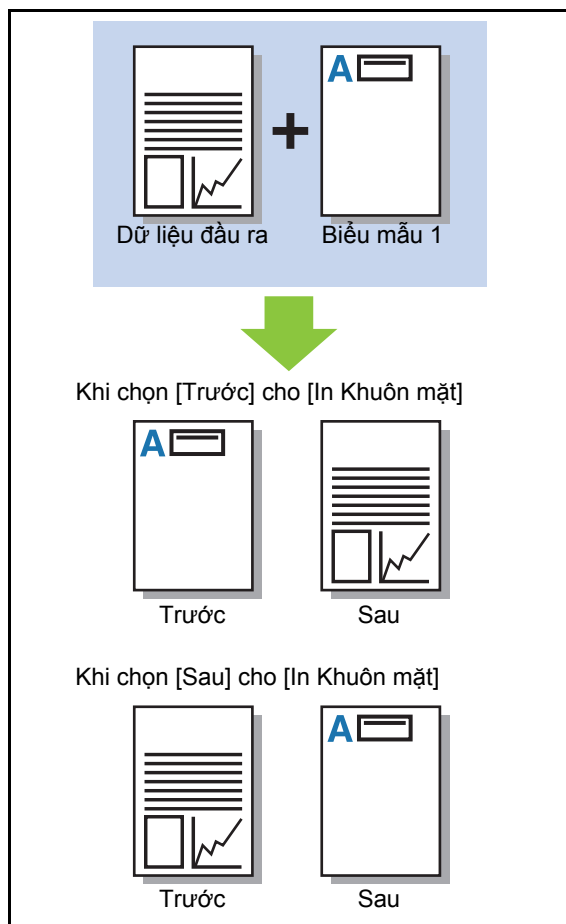
\* Hình minh họa là ví dụ về đóng nẹp mép dài.



- Chức năng này không khả dụng khi cấu hình [B.gốc K.thc K.hợp].
- Chức năng này không khả dụng khi cấu hình [Kết hợp].

## ■ In Khuôn mặt

Khi chọn [Lớp phủ Thay thế (Mép Dài)]/[Lớp phủ Thay thế (Mép Ngắn)] hoặc [Mỗi Trang + Lớp phủ Thay thế (Mép Dài)]/[Mỗi Trang + Lớp phủ Thay thế (Mép Ngắn)] trong [In Mẫu], hãy chỉ định in dữ liệu biểu mẫu lên mặt trước hoặc mặt sau giấy.



- Khi chọn [Mỗi Trang + Lớp phủ Thay thế (Mép Dài)] hoặc [Mỗi Trang + Lớp phủ Thay thế (Mép Ngắn)], hãy chỉ định mặt để chỉ in biểu mẫu.

## ■ Lớp Ưu tiên

Khi chọn [Mỗi Lớp phủ Trang], [Mỗi Trang + Lớp phủ Thay thế (Mép Dài)] hoặc [Mỗi Trang + Lớp phủ Thay thế (Mép Ngắn)] cho [In Mẫu], hãy chỉ định để gán ưu tiên cho dữ liệu biểu mẫu hay dữ liệu đầu ra và phủ dữ liệu đó lên dữ liệu còn lại.

### [Không]

Dữ liệu đầu ra và dữ liệu biểu mẫu được che phủ.

### [Tài liệu]

Ưu tiên được dành cho lớp dữ liệu đầu ra (bản gốc) và dữ liệu ưu tiên được phủ lên trên dữ liệu biểu mẫu.

### [Biểu mẫu]

Ưu tiên được dành cho lớp dữ liệu biểu mẫu và dữ liệu ưu tiên được phủ lên trên dữ liệu đầu ra.



- Nếu kích thước hình ảnh của lớp ưu tiên lớn hơn kích thước hình ảnh của lớp không được ưu tiên, bạn có thể không in được hình ảnh của lớp không được ưu tiên.
- Nếu dữ liệu đầu ra và dữ liệu biểu mẫu bao gồm cùng các màu, những phần của hình ảnh có các màu này che phủ có thể không tái tạo được chính xác.

## Thứ tự ngược

Khi chọn hộp kiểm này, bản in được in theo thứ tự đảo ngược.

## Tab [Môi trường]

Để biết thêm thông tin về từng mục cài đặt, hãy xem "Tab [Môi trường]" (tr. 3-27) trong "In".

## Cài đặt RISO Console

Bạn có thể sử dụng màn hình [Dữ liệu Biểu mẫu] trong menu [Bộ nhớ].

### Màn hình [Dữ liệu Biểu mẫu]

Hiện thị dữ liệu biểu mẫu đã được gửi bằng cách chọn [Biểu mẫu] trong cài đặt [Đầu ra] của Trình điều khiển Máy in RISO ComColor FW PS. Trình điều khiển Máy in RISO ComColor FW PS khả dụng khi cài đặt bộ PostScript.

#### [Xóa]

Xóa dữ liệu biểu mẫu đã chọn khỏi danh sách.

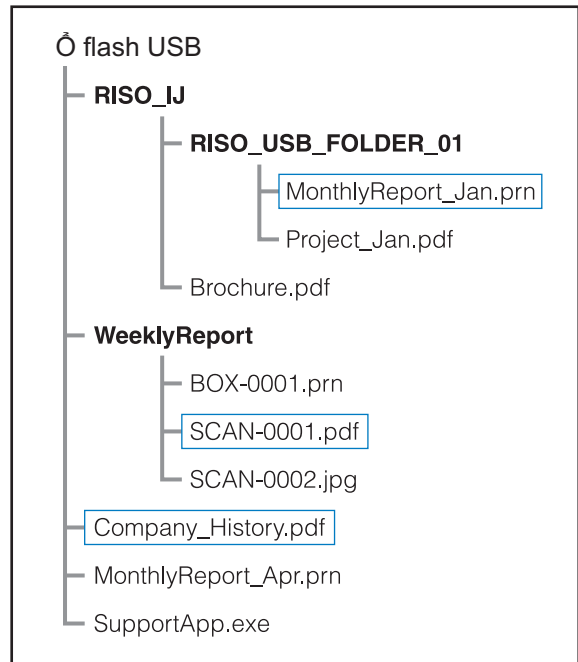
#### [Chi tiết]

Bạn có thể kiểm tra cài đặt của dữ liệu biểu mẫu đã chọn. Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt.

## Tệp Có thể In trong Ổ Flash USB

Khi cài đặt bộ PostScript, bạn có thể in tệp PRN và tệp PDF lưu trên ổ flash USB. Các tệp có thể dùng trên máy được hiển thị trên màn hình danh sách tài liệu.

### ■ Ví dụ về Cấu trúc Thư mục trong Ổ flash USB



Thư mục được chỉ thị bằng phông chữ đậm.

Các tệp bên trong hình chữ nhật được hiển thị trên màn hình danh sách tài liệu.



- Không thể dùng các loại tệp lưu trên ổ flash USB sau đây:
  - Tệp PDF được bảo vệ bằng mật khẩu
  - Tệp PDF có dữ liệu lệnh bị hỏng
  - Tệp PDF được lưu trong thư mục [RISO\_IJ]
  - Tệp PRN được lưu ngoài thư mục [RISO\_IJ]
- Một bản gốc chứa hình ảnh có độ phân giải cao hoặc một tập tin có kích thước tập tin vượt quá sức chứa tối đa của máy.

## Danh sách Cài đặt trong [USB] - [Tải]

Bạn có thể thay đổi cài đặt in cho tệp PDF.

Chọn thư mục trên màn hình [USB] - [Tải] và chạm vào [Mở] để hiển thị danh sách tài liệu bên trong thư mục. Khi bạn chọn tài liệu và chạm vào [Cài đặt In] trong menu phụ, màn hình cài đặt hiển thị. Các cài đặt có thể cấu hình trên màn hình này được liệt kê sau đây:

Mục cài đặt	Mô tả	Xem
Chế độ Màu	Chọn in màu hoặc in đơn sắc.	tr. 1-7
Kích thước Bản tái tạo	Chỉ định mở rộng hoặc thu hẹp hình ảnh gốc trước khi in nếu cần. [Vừa với Giấy] không khả dụng.	tr. 1-7
Chọn Giấy	Thay đổi cài đặt khay giấy, loại giấy và cài đặt kiểm soát nạp theo giấy dùng để in.	tr. 1-7
In s.công/In đ.công	Chỉ định mặt giấy để in.	tr. 3-9
Sắp xếp	Chỉ định phương thức sắp xếp khi in nhiều bản sao.	tr. 1-10
Mật độ Bản in	Chỉ định mật độ bản in.	tr. 1-10
Kết hợp	Lên khuôn các trang liên tiếp nhau trên một tờ.	tr. 1-13
Lặp lại Hình ảnh	Lên khuôn nhiều bản sao của cùng một bản gốc trên một tờ.	tr. 1-13
Sách	Chỉ định cài đặt lên khuôn khi tạo sách nhỏ. Khi kết nối bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn, chức năng tạo sách nhỏ bằng cách dập ghim tại gáy cũng khả dụng.	tr. 1-14
Tem	Dán tem số trang và ngày trong tiêu đề hoặc chân trang.	tr. 1-14
Thêm Bìa	Chỉ định mục này để thêm bìa trước và bìa sau vào bản in.	tr. 1-22
Phân tách	Chèn tấm nệm. Khi kết nối bộ hoàn thiện đa chức năng hoặc bộ hoàn thiện úp xuống tùy chọn, cài đặt điều chỉnh giấy ra cũng khả dụng.	tr. 1-22
Lề Đóng nẹp	Chỉ định lề đóng nẹp.	tr. 1-23
Dập ghim / Đục lỗ	Chỉ định cài đặt dập ghim. (Khi dùng bộ hoàn thiện úp xuống tùy chọn)	tr. 8-7
	Chỉ định cài đặt dập ghim và đục lỗ. (Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn)	tr. 8-20
Gập*	Cấu hình cài đặt để gập giấy. (Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn với thiết bị gập)	tr. 8-21
In Chậm	Giảm tốc độ in. Điều này cũng giảm mức tiếng ồn do máy gây ra khi in lệnh.	tr. 1-23
Khay Giấy ra	Chọn khay giấy ra cho bản in. (Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn)	tr. 8-23
	Chọn khay giấy ra cho bản in. (Khi dùng khay xếp chồng tùy chọn)	tr. 8-27
Ngửa lên/Úp xuống	Chỉ định xuất bản in ra theo hướng ngửa lên hay úp xuống trên khay. (Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn)	tr. 8-23
	Chỉ định xuất bản in ra theo hướng ngửa lên hay úp xuống trên khay. (Khi dùng khay xếp chồng tùy chọn)	tr. 8-27
Ch.tiếp Kh.Giáyrá	Khay giấy ra tự động chuyển đổi khi khay đang dùng đầy. (Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn)	tr. 8-23
	Khay giấy ra tự động chuyển đổi khi khay đang dùng đầy. (Khi dùng khay xếp chồng tự động kiểm soát tùy chọn)	tr. 8-27

## Chương 8 Thiết bị Tùy chọn

Mục cài đặt	Mô tả	Xem
Tự động Xoay Hình ảnh	Tự động xoay hình ảnh 90 độ khi hướng của bản gốc và giấy không khớp nhau.	tr. 1-24

\* Chức năng [Gập hình chữ Z K.thước Kết hợp] trong [Gập] không khả dụng.

## Danh sách Phong chữ

Các phong chữ bạn có thể sử dụng được liệt kê sau đây.

### Phông chữ PS

#### ■ Phông chữ châu Âu

AlbertusMT  
 AlbertusMT-Italic  
 AlbertusMT-Light  
 AntiqueOlive-Bold  
 AntiqueOlive-Compact  
 AntiqueOlive-Italic  
 AntiqueOlive-Roman  
 Apple-Chancery  
 Arial-BoldItalicMT  
 Arial-BoldMT  
 Arial-ItalicMT  
 ArialMT  
 AvantGarde-Book  
 AvantGarde-BookOblique  
 AvantGarde-Demi  
 AvantGarde-DemiOblique  
 Bodoni  
 Bodoni-Bold  
 Bodoni-BoldItalic  
 Bodoni-Italic  
 Bodoni-Poster  
 Bodoni-PosterCompressed  
 Bookman-Demi  
 Bookman-Demitalic  
 Bookman-Light  
 Bookman-LightItalic  
 Carta  
 Chicago  
 Clarendon  
 Clarendon-Bold  
 Clarendon-Light  
 CooperBlack  
 CooperBlack-Italic  
 Copperplate-ThirtyThreeBC  
 Copperplate-ThirtyTwoBC  
 Coronet-Regular  
 Courier  
 Courier-Bold  
 Courier-BoldOblique  
 Courier-Oblique  
 Eurostile  
 Eurostile-Bold  
 Eurostile-BoldExtendedTwo  
 Eurostile-ExtendedTwo  
 Geneva  
 GillSans  
 GillSans-Bold  
 GillSans-BoldCondensed  
 GillSans-BoldItalic  
 GillSans-Condensed  
 GillSans-ExtraBold  
 GillSans-Italic  
 GillSans-Light  
 GillSans-LightItalic  
 Goudy  
 Goudy-Bold  
 Goudy-BoldItalic  
 Goudy-ExtraBold  
 Goudy-Italic  
 Helvetica  
 Helvetica-Bold  
 Helvetica-BoldOblique  
 Helvetica-Condensed  
 Helvetica-Condensed-Bold  
 Helvetica-Condensed-BoldOblique  
 Helvetica-Condensed-Oblique  
 Helvetica-Narrow  
 Helvetica-Narrow-Bold  
 Helvetica-Narrow-BoldOblique  
 Helvetica-Narrow-Oblique  
 Helvetica-Oblique  
 HoeflerText-Black  
 HoeflerText-BlackItalic  
 HoeflerText-Italic  
 HoeflerText-Ornaments  
 HoeflerText-Regular  
 JoannaMT  
 JoannaMT-Bold  
 JoannaMT-BoldItalic  
 JoannaMT-Italic  
 LetterGothic  
 LetterGothic-Bold  
 LetterGothic-BoldSlanted  
 LetterGothic-Slanted  
 LubalinGraph-Book  
 LubalinGraph-BookOblique  
 LubalinGraph-Demi

## Chương 8 Thiết bị Tùy chọn

LubalinGraph-DemiOblique  
Marigold  
Monaco  
MonaLisa-Recut  
NewCenturySchlbk-Bold  
NewCenturySchlbk-BoldItalic  
NewCenturySchlbk-Italic  
NewCenturySchlbk-Roman  
NewYork  
Optima  
Optima-Bold  
Optima-BoldItalic  
Optima-Italic  
Oxford  
Palatino-Bold  
Palatino-BoldItalic  
Palatino-Italic  
Palatino-Roman  
StempelGaramond-Bold  
StempelGaramond-BoldItalic  
StempelGaramond-Italic  
StempelGaramond-Roman  
Symbol  
Tekton  
Times-Bold  
Times-BoldItalic  
Times-Italic  
Times-Roman  
TimesNewRomanPS-BoldItalicMT  
TimesNewRomanPS-BoldMT  
TimesNewRomanPS-ItalicMT  
TimesNewRomanPSMT  
Univers  
Univers-Bold  
Univers-BoldExt  
Univers-BoldExtObl  
Univers-BoldOblique  
Univers-Condensed  
Univers-CondensedBold  
Univers-CondensedBoldOblique  
Univers-CondensedOblique  
Univers-Extended  
Univers-ExtendedObl  
Univers-Light  
Univers-LightOblique  
Univers-Oblique  
Wingdings  
ZapfChancery-MediumItalic  
ZapfDingbats

### ■ **Phông chữ tiếng Nhật**

IPA Mincho  
IPA Gothic

### ■ **Phông chữ PCL**

Albertus Extra Bold  
Albertus Medium  
Antique Olive  
Antique Olive Bold  
Antique Olive Italic  
Arial  
Arial Bold  
Arial Bold Italic  
Arial Italic  
AvantGarde-Book  
AvantGarde-BookOblique  
AvantGarde-Demi  
AvantGarde-DemiOblique  
Bookman-Demi  
Bookman-DemiItalic  
Bookman-Light  
Bookman-LightItalic  
Calibri  
Calibri Bold  
Calibri Bold Italic  
Calibri Italic  
Cambria  
Cambria Bold  
Cambria Bold Italic  
Cambria Italic  
CG Omega  
CG Omega Bold  
CG Omega Bold Italic  
CG Omega Italic  
CG Times  
CG Times Bold  
CG Times Bold Italic  
CG Times Italic  
Clarendon Condensed Bold  
Coronet  
Courier  
CourierPS  
Courier Bold  
Courier Bold Italic  
Courier Italic  
CourierPS-Bold  
CourierPS-BoldOblique  
CourierPS-Oblique



Garamond Antiqua  
 Garamond Halbfett  
 Garamond Kursiv  
 Garamond Kursiv Halbfett  
 Helvetica  
 Helvetica-Bold  
 Helvetica-BoldOblique  
 Helvetica-Narrow  
 Helvetica-Narrow-Bold  
 Helvetica-Narrow-BoldOblique  
 Helvetica-Narrow-Oblique  
 Helvetica-Oblique  
 Letter Gothic  
 Letter Gothic Bold  
 Letter Gothic Italic  
 Marigold  
 NewCenturySchlbk-Bold  
 NewCenturySchlbk-BoldItalic  
 NewCenturySchlbk-Italic  
 NewCenturySchlbk-Roman  
 Palatino-Bold  
 Palatino-BoldItalic  
 Palatino-Italic  
 Palatino-Roman  
 Symbol  
 Symbol IPS  
 Times New Roman  
 Times New Roman Bold  
 Times New Roman Bold Italic  
 Times New Roman Italic  
 Times-Bold  
 Times-BoldItalic  
 Times-Italic  
 Times-Roman  
 Univers Bold  
 Univers Bold Italic  
 Univers Condensed Bold  
 Univers Condensed Bold Italic  
 Univers Condensed Medium  
 Univers Condensed Medium Italic  
 Univers Medium  
 Univers Medium Italic  
 Wingdings  
 ZapfChancery-MediumItalic  
 ZapfDingbats



Chương này mô tả cách thay thế hộp mực và bao gồm các thông tin về thông số kỹ thuật, vật tư tiêu hao của máy cũng như phần chỉ mục.

## **Giới thiệu về Hộp mực .....tr. 9-2**

Phần này mô tả cách thay thế hộp mực.

## **Thông số Kỹ thuật.....tr. 9-3**

Phần này mô tả thông số kỹ thuật của ComColor FW Series và thiết bị tùy chọn.

## **Vật tư Tiêu hao .....tr. 9-14**

Phần này mô tả thông số kỹ thuật của hộp mực và ghim dự phòng.

## **Chỉ mục.....tr. 9-15**



# 9

## Phụ lục

# Giới thiệu về Hộp mực

## Thay thế Hộp mực

Khi hết mực, thông báo thay thế hộp mực sẽ hiển thị và quá trình in sẽ dừng lại. Hãy thay thế hộp mực có màu được hiển thị.

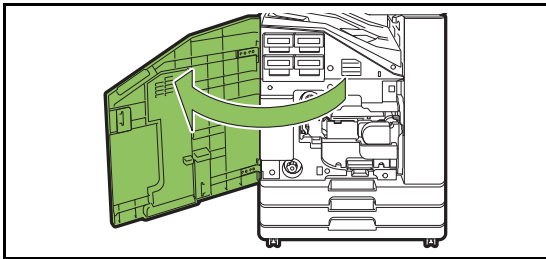


- Không tháo hộp mực nếu thông báo thay mực chưa hiển thị.



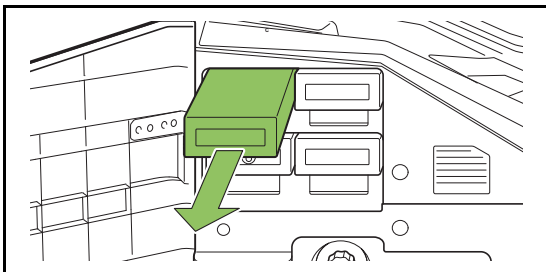
- Khi lượng mực còn lại ở mức thấp, chỉ báo mực còn lại trên màn hình cảm ứng nhấp nháy. Hãy chuẩn bị hộp mực mới cho màu nhấp nháy.

### 1 Mở nắp trước.



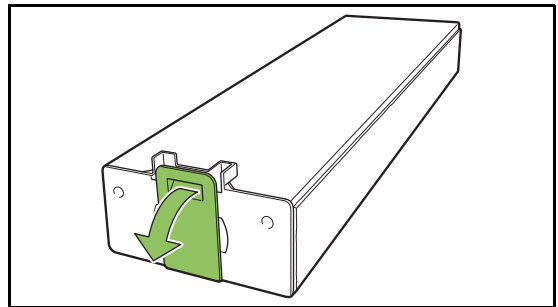
### 2 Tháo hộp mực được xác định là đã hết.

Xác nhận màu của hộp mực.



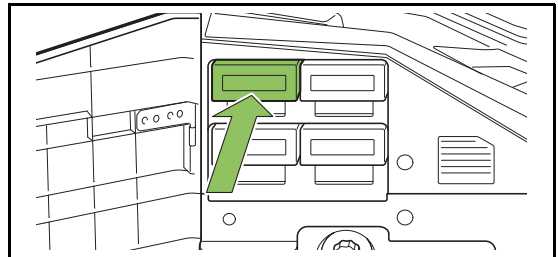
### 3 Tháo nắp hộp mực mới.

Gắn nắp đã tháo lên hộp mực cũ.

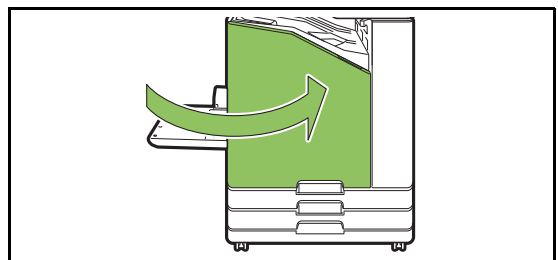


### 4 Lắp hộp mực mới.

Định vị hộp mực sao cho dấu ▼ hướng lên trên và lắp hộp vào tới khi hộp dừng lại.



### 5 Đóng nắp trước.



# Thông số Kỹ thuật

## ■ Thông số Kỹ thuật của ComColor FW5230 / FW5230R / FW2230 và ComColor black FW1230 / FW1230R

Chức năng Cơ bản và Chức năng In

Tên Model	ComColor FW5230/FW5230R: 62A01 ComColor FW2230: 62A04 ComColor black FW1230/FW1230R: 62A05	
Loại	Bảng điều khiển	
Hỗ trợ Màu	ComColor FW5230/FW5230R: Màu đầy đủ (Lục lam, Đỏ tươi, Vàng, Đen) ComColor FW2230: Màu kép (Đỏ, Đen) ComColor black FW1230/FW1230R: Màu đơn (Đen)	
Kiểu In	Hệ thống in phun dòng	
Loại Mực	ComColor FW5230/FW5230R: Mực màu dầu (Lục lam, Đỏ tươi, Vàng, Đen) ComColor FW2230: Mực màu dầu (Đỏ, Đen) ComColor black FW1230/FW1230R: Mực màu dầu (Đen)	
Độ phân giải	ComColor FW5230/FW5230R/FW2230: Tiêu chuẩn: 300 dpi (hướng quét chính) × 300 dpi (hướng quét phụ) Tinh chỉnh: 300 dpi (hướng quét chính) × 600 dpi (hướng quét phụ) ComColor black FW1230/FW1230R: Tiêu chuẩn: 600 dpi (hướng quét chính) × 600 dpi (hướng quét phụ)	
Số cấp độ màu xám	ComColor FW5230/FW5230R: Dành cho mỗi màu CMYK (11 cấp độ màu xám) ComColor FW2230: Dành cho mỗi màu RK (11 cấp độ màu xám) ComColor black FW1230/FW1230R: Dành cho màu K (3 cấp độ màu xám)	
Độ phân giải Xử lý Dữ liệu	ComColor FW5230/FW5230R/FW2230: Tiêu chuẩn: 300 dpi × 300 dpi Tinh chỉnh: 600 dpi × 600 dpi Làm nhẵn dòng: 600 dpi × 600 dpi ComColor black FW1230/FW1230R: Tiêu chuẩn: 600 dpi × 600 dpi	
Thời gian Khởi động	2 phút 30 giây trở xuống (ở nhiệt độ phòng 23°C)	
Thời gian In Lần đầu <sup>*1</sup>	5 giây trở xuống (A4-LEF)	
Tốc độ In Liên tục <sup>*2*6</sup>	A4-LEF <sup>*8</sup>	In đơn công: 120 ppm    In song công: 60 tờ/phút
	A4	In đơn công: 90 ppm    In song công: 45 tờ/phút
	JIS-B4	In đơn công: 76 ppm    In song công: 34 tờ/phút
	A3	In đơn công: 66 ppm    In song công: 32 tờ/phút
Khổ Giấy	Khay Tiêu chuẩn	Tối đa: 340 mm × 550 mm <sup>*9</sup> Tối thiểu: 90 mm × 148 mm
	Khay Nạp	Tối đa: 297 mm × 432 mm Tối thiểu: 182 mm × 182 mm
Khu vực Có thể in	Tối đa: 310 mm × 544 mm	
Khu vực In Đảm bảo <sup>*3</sup>	Tiêu chuẩn: Lề rộng 5 mm Tối đa: Lề rộng 3 mm	

Chương 9 Phụ lục

Trọng lượng giấy	Khay Tiêu chuẩn	46 g/m <sup>2</sup> đến 210 g/m <sup>2</sup> *10 (giấy phẳng)
	Khay Nạp	52 g/m <sup>2</sup> đến 104 g/m <sup>2</sup> *10 (giấy phẳng)
Dung tích Khay Giấy	Khay Tiêu chuẩn	Cao tối đa 110 mm
	Khay Nạp	Cao tối đa 56 mm (2 khay)
Dung tích Khay Giấy ra		Cao tối đa 56 mm
PDL (Ngôn ngữ Mô tả Giấy)		RISORINC/C IV
Giao thức được Hỗ trợ		TCP/IP, HTTP, HTTPs (TLS), DHCP, ftp, lpr, IPP, SNMP, Port 9100 (RAW port), IPv4, IPv6, IPSec
Giao diện Mạng		Ethernet 1000BASE-T, 100BASE-TX, 10BASE-T (2ch)
Dung lượng Bộ nhớ		4 GB
Ổ Cứng*5	Dung lượng	500 GB
	Dung lượng trống Khả dụng	Xấp xỉ 430 GB
Hệ điều hành		Linux
Nguồn Điện		AC 100-240 V, 10,0-5,0 A, 50-60 Hz
Mức tiêu thụ Điện năng		Tối đa 1.000 W
		Sẵn sàng*4: 150 W trở xuống Ngủ*7: 2 W trở xuống Chờ: 0,4 W trở xuống
Tiếng ồn Vận hành		Tối đa 65 dB (A) A4-LEF (In đơn công) ở tốc độ in tối đa
Mức áp suất âm thanh theo trọng số A*11		Tối đa 78,7 dB A4-LEF (In đơn công) Đơn sắc/Màu: 120 ppm
Môi trường Vận hành		Nhiệt độ: 15°C đến 30°C Độ ẩm: 40% đến 70% RH (không ngưng tụ)
Kích thước (R × S × C)		Thông dụng: 1.030 mm × 725 mm × 1.115 mm Khi đóng nắp và khay: 775 mm × 705 mm × 970 mm
Trọng lượng		ComColor FW5230/FW5230R: Xấp xỉ 135 kg ComColor FW2230: Xấp xỉ 130 kg ComColor black FW1230/FW1230R: Xấp xỉ 130 kg
Thông tin An toàn		Loại trong nhà, độ ô nhiễm 2*, Ở độ cao 2.000 m trở xuống so với mặt nước biển * Độ ô nhiễm của môi trường sử dụng do bụi bản trong không khí. Độ "2" tương ứng với môi trường trong nhà nói chung.
Kích thước Khi Vận hành (R × S × C)		Khi mở nắp trước và bảng vận hành ở vị trí thẳng đứng: 1.185 mm × 1.215 mm × 1.115 mm

\*1 Trong vòng 10 phút sau lệnh in cuối cùng

\*2 Khi sử dụng giấy phẳng và giấy tái chế (85 g/m<sup>2</sup>) và cài đặt mật độ chuẩn  
Biểu đồ được sử dụng: Mô hình đo lường bản in [Mẫu đo lường màu 2 (mô hình tiêu chuẩn JEITA J6)]

\*3 Lề khi in bì thư là 10 mm.  
Khu vực đảm bảo khi in hình ảnh là khu vực nằm trong phạm vi 5 mm tính từ mép giấy.

\*4 Không có thao tác in và điều chỉnh nhiệt độ

\*5 Một gigabyte (GB) được tính là 1 tỷ byte.

\*6 Tốc độ in liên tục phụ thuộc vào loại thiết bị đầu ra tùy chọn được kết nối.  
Bộ hoàn thiện úp xuống: Không có điều chỉnh: 120 tờ/phút (In đơn công A4-LEF)  
Điều chỉnh giấy ra: 105 tờ/phút (In đơn công A4-LEF)

\*7 Khi cài đặt [Tiêu thụ Điện năng (khi Ngủ)] thành [Thấp].

\*8 LEF nghĩa là Nạp mép dài (Long edge feed).

\*9 Khi sử dụng chức năng in song công: 340 mm × 460 mm

\*10 In song công không được đảm bảo nếu giấy dày nặng từ 104 g/m<sup>2</sup> trở lên.

\*11 Khi sử dụng giấy phẳng (62 g/m<sup>2</sup>)  
RAL-UZ205 Tiếng ồn phát ra khi đang in

## ■ Thông số Kỹ thuật của ComColor FW5231/FW5231R

### Chức năng Cơ bản và Chức năng In

Tên Model		ComColor FW5231/FW5231R: 62A02
Loại		Bảng điều khiển
Hỗ trợ Màu		Màu đầy đủ (Lục lam, Đỏ tươi, Vàng, Đen)
Kiểu In		Hệ thống in phun dòng
Loại Mực		Mực màu dầu (Lục lam, Đỏ tươi, Vàng, Đen)
Độ phân giải		Tiêu chuẩn: 300 dpi (hướng quét chính) × 300 dpi (hướng quét phụ) Tinh chỉnh: 300 dpi (hướng quét chính) × 600 dpi (hướng quét phụ)
Số cấp độ màu xám		Dành cho mỗi màu CMYK (11 cấp độ màu xám)
Độ phân giải Xử lý Dữ liệu		Tiêu chuẩn: 300 dpi × 300 dpi Tinh chỉnh: 600 dpi × 600 dpi Làm nhẵn dòng: 600 dpi × 600 dpi
Thời gian Khởi động		2 phút 30 giây trở xuống (ở nhiệt độ phòng 23°C)
Thời gian In Lần đầu <sup>*1</sup>		5 giây trở xuống (A4-LEF)
Tốc độ In Liên tục <sup>*2*6</sup>	A4-LEF <sup>*8</sup>	In đơn công: 120 ppm In song công: 60 tờ/phút
	A4	In đơn công: 90 ppm In song công: 45 tờ/phút
	JIS-B4	In đơn công: 76 ppm In song công: 34 tờ/phút
	A3	In đơn công: 66 ppm In song công: 32 tờ/phút
Khổ Giấy	Khay Tiêu chuẩn	Tối đa: 340 mm × 550 mm <sup>*9</sup> Tối thiểu: 90 mm × 148 mm
Khu vực Có thể in		Tối đa: 310 mm × 544 mm
Khu vực In Đảm bảo <sup>*3</sup>		Tiêu chuẩn: Lề rộng 5 mm Tối đa: Lề rộng 3 mm
Trọng lượng giấy	Khay Tiêu chuẩn	46 g/m <sup>2</sup> đến 210 g/m <sup>2*10</sup> (giấy phẳng)
Dung tích Khay Giấy	Khay Tiêu chuẩn	Cao tối đa 110 mm
Dung tích Khay Giấy ra		Cao tối đa 56 mm
PDL (Ngôn ngữ Mô tả Giấy)		RISORINC/C IV
Giao thức được Hỗ trợ		TCP/IP, HTTP, HTTPs (TLS), DHCP, ftp, lpr, IPP, SNMP, Port 9100 (RAW port), IPv4, IPv6, IPsec
Giao diện Mạng		Ethernet 1000BASE-T, 100BASE-TX, 10BASE-T (2ch)
Dung lượng Bộ nhớ		4 GB
Ổ Cứng <sup>*5</sup>	Dung lượng	500 GB
	Dung lượng trống Khả dụng	Xấp xỉ 430 GB
Hệ điều hành		Linux
Nguồn Điện		AC 100-240 V, 10,0-5,0 A, 50-60 Hz
Mức tiêu thụ Điện năng		Tối đa 1.000 W Sẵn sàng <sup>*4</sup> : 150 W trở xuống Ngủ <sup>*7</sup> : 2 W trở xuống Chờ: 0,4 W trở xuống
Tiếng ồn Vận hành		Tối đa 65 dB (A) A4-LEF (In đơn công) ở tốc độ in tối đa
Mức áp suất âm thanh theo trọng số A <sup>*11</sup>		Tối đa 78,7 dB A4-LEF (In đơn công) Đơn sắc/Màu: 120 ppm

## Chương 9 Phụ lục

Môi trường Vận hành	Nhiệt độ: 15°C đến 30°C Độ ẩm: 40% đến 70% RH (không ngưng tụ)
Kích thước (R × S × C)	Thông dụng: 1.030 mm × 725 mm × 1.115 mm Khi đóng nắp và khay: 775 mm × 705 mm × 970 mm
Trọng lượng	Xấp xỉ 130 kg
Thông tin An toàn	Loại trong nhà, độ ô nhiễm 2*, Ở độ cao 2.000 m trở xuống so với mặt nước biển * Độ ô nhiễm của môi trường sử dụng do bụi bẩn trong không khí. Độ "2" tương ứng với môi trường trong nhà nói chung.
Kích thước Khi Vận hành (R × S × C)	Khi mở nắp trước và bảng vận hành ở vị trí thẳng đứng: 1.185 mm × 1.215 mm × 1.115 mm

- \*1 Trong vòng 10 phút sau lệnh in cuối cùng
- \*2 Khi sử dụng giấy phẳng và giấy tái chế (85 g/m<sup>2</sup>) và cài đặt mật độ chuẩn  
Biểu đồ được sử dụng: Mô hình đo lường bản in [Mẫu đo lường màu 2 (mô hình tiêu chuẩn JEITA J6)]
- \*3 Lề khi in bì thư là 10 mm.  
Khu vực đảm bảo khi in hình ảnh là khu vực nằm trong phạm vi 5 mm tính từ mép giấy.
- \*4 Không có thao tác in và điều chỉnh nhiệt độ
- \*5 Một gigabyte (GB) được tính là 1 tỷ byte.
- \*6 Tốc độ in liên tục phụ thuộc vào loại thiết bị đầu ra tùy chọn được kết nối.  
Bộ hoàn thiện úp xuống: Không có điều chỉnh: 120 tờ/phút (In đơn công A4-LEF)  
Điều chỉnh giấy ra: 105 tờ/phút (In đơn công A4-LEF)
- \*7 Khi cài đặt [Tiêu thụ Điện năng (khi Ngủ)] thành [Thấp].
- \*8 LEF nghĩa là Nạp mép dài (Long edge feed).
- \*9 Khi sử dụng chức năng in song công: 340 mm × 460 mm
- \*10 In song công không được đảm bảo nếu giấy dày nặng từ 104 g/m<sup>2</sup> trở lên.
- \*11 Khi sử dụng giấy phẳng (62 g/m<sup>2</sup>)  
RAL-UZ205 Tiếng ồn phát ra khi đang in



## ■ Thông số Kỹ thuật của ComColor FW5000/FW5000R

### Chức năng Cơ bản và Chức năng In

Tên Model		ComColor FW5000/FW5000R: 62A03
Loại		Bảng điều khiển
Hỗ trợ Màu		Màu đầy đủ (Lục lam, Đỏ tươi, Vàng, Đen)
Kiểu In		Hệ thống in phun dòng
Loại Mực		Mực màu dầu (Lục lam, Đỏ tươi, Vàng, Đen)
Độ phân giải		Tiêu chuẩn: 300 dpi (hướng quét chính) × 300 dpi (hướng quét phụ) Tinh chỉnh: 300 dpi (hướng quét chính) × 600 dpi (hướng quét phụ)
Số cấp độ màu xám		Dành cho mỗi màu CMYK (11 cấp độ màu xám)
Độ phân giải Xử lý Dữ liệu		Tiêu chuẩn: 300 dpi × 300 dpi Tinh chỉnh: 600 dpi × 600 dpi Làm nhẵn dòng: 600 dpi × 600 dpi
Thời gian Khởi động		2 phút 30 giây trở xuống (ở nhiệt độ phòng 23°C)
Thời gian In Lần đầu <sup>*1</sup>		5 giây trở xuống
Tốc độ In Liên tục <sup>*2*6</sup>		A4 In đơn công: 90 ppm In song công: 45 tờ/phút
Khổ Giấy	Khay Tiêu chuẩn	Tối đa: 340 mm × 550 mm <sup>*9</sup> Tối thiểu: 90 mm × 148 mm
	Khay Nạp	Tối đa: 297 mm × 432 mm Tối thiểu: 182 mm × 182 mm
Khu vực Có thể in		Tối đa: 210 mm × 544 mm
Khu vực In Đảm bảo <sup>*3</sup>		Tiêu chuẩn: Lề rộng 5 mm Tối đa: Lề rộng 3 mm
Trọng lượng giấy	Khay Tiêu chuẩn	46 g/m <sup>2</sup> đến 210 g/m <sup>2*10</sup> (giấy phẳng)
	Khay Nạp	52 g/m <sup>2</sup> đến 104 g/m <sup>2*10</sup> (giấy phẳng)
Dung tích Khay Giấy	Khay Tiêu chuẩn	Cao tối đa 110 mm
	Khay Nạp	Cao tối đa 56 mm (2 khay)
Dung tích Khay Giấy ra		Cao tối đa 56 mm
PDL (Ngôn ngữ Mô tả Giấy)		RISORINC/C IV
Giao thức được Hỗ trợ		TCP/IP, HTTP, HTTPS (TLS), DHCP, ftp, lpr, IPP, SNMP, Port 9100 (RAW port), IPv4, IPv6, IPSec
Giao diện Mạng		Ethernet 1000BASE-T, 100BASE-TX, 10BASE-T (2ch)
Dung lượng Bộ nhớ		4 GB
Ổ Cứng <sup>*5</sup>	Dung lượng	500 GB
	Dung lượng trống Khả dụng	Xấp xỉ 430 GB
Hệ điều hành		Linux
Nguồn Điện		AC 100-240 V, 10,0-5,0 A, 50-60 Hz
Mức tiêu thụ Điện năng		Tối đa 1.000 W Sẵn sàng <sup>*4</sup> : 150 W trở xuống Ngủ <sup>*7</sup> : 2 W trở xuống Chờ: 0,4 W trở xuống

## Chương 9 Phụ lục

Tiếng ồn Vận hành	Tối đa 65 dB (A) A4-LEF <sup>*8</sup> (In đơn công) ở tốc độ in tối đa
Mức áp suất âm thanh theo trọng số A <sup>*11</sup>	Tối đa 77 dB A4-SEF (In đơn công) Đơn sắc/Màu: 90 ppm
Môi trường Vận hành	Nhiệt độ: 15°C đến 30°C Độ ẩm: 40% đến 70% RH (không ngưng tụ)
Kích thước (R × S × C)	Thông dụng: 1.030 mm × 725 mm × 1.115 mm Khi đóng nắp và khay: 775 mm × 705 mm × 970 mm
Trọng lượng	135 kg
Thông tin An toàn	Loại trong nhà, độ ô nhiễm 2*, Ở độ cao 2.000 m trở xuống so với mặt nước biển * Độ ô nhiễm của môi trường sử dụng do bụi bản trong không khí. Độ "2" tương ứng với môi trường trong nhà nói chung.
Kích thước Khi Vận hành (R × S × C)	Khi mở nắp trước và bảng vận hành ở vị trí thẳng đứng: 1.185 mm × 1.215 mm × 1.115 mm

- \*1 Trong vòng 10 phút sau lệnh in cuối cùng
- \*2 Khi sử dụng giấy phẳng và giấy tái chế (85 g/m<sup>2</sup>) và cài đặt mật độ chuẩn  
Biểu đồ được sử dụng: Mô hình đo lường bản in [Mẫu đo lường màu 2 (mô hình tiêu chuẩn JEITA J6)]
- \*3 Lề khi in bì thư là 10 mm.  
Khu vực đảm bảo khi in hình ảnh là khu vực nằm trong phạm vi 5 mm tính từ mép giấy.
- \*4 Không có thao tác in và điều chỉnh nhiệt độ
- \*5 Một gigabyte (GB) được tính là 1 tỷ byte.
- \*6 Tốc độ in liên tục phụ thuộc vào loại thiết bị đầu ra tùy chọn được kết nối.  
Bộ hoàn thiện úp xuống: Không có điều chỉnh: 90 tờ/phút (In đơn công A4)  
Điều chỉnh giấy ra: 82 tờ/phút (In đơn công A4)
- \*7 Khi cài đặt [Tiêu thụ Điện năng (khi Ngủ)] thành [Thấp].
- \*8 LEF nghĩa là Nạp mép dài (Long edge feed).
- \*9 Khi sử dụng chức năng in song công: 340 mm × 460 mm
- \*10 In song công không được đảm bảo nếu giấy dày nặng từ 104 g/m<sup>2</sup> trở lên.
- \*11 Khi sử dụng giấy phẳng (62 g/m<sup>2</sup>)  
RAL-UZ205 Tiếng ồn phát ra khi đang in

## ■ Máy quét HS7000 (Tùy chọn)

### Chức năng Sao chép và Chức năng Quét

Loại		Máy quét kính phẳng với Bộ nạp Tài liệu Tự động (ADF)
Chế độ Quét		Chế độ Sao chép: Màu, Đơn sắc, Tự động, Lục lam, Đỏ tươi Chế độ Quét: Màu, Đơn sắc, Tự động, Thang độ xám
Độ phân giải Quét		600 dpi, 400 dpi, 300 dpi hoặc 200 dpi
Diện tích Quét Tối đa		303 mm × 432 mm (khi sử dụng kính tấm ép giấy) 295 mm × 430 mm (khi sử dụng ADF)
Chức năng Sao chép	Độ phân giải Ghi	Tiêu chuẩn: 300 dpi × 300 dpi Tinh chỉnh: 300 dpi × 600 dpi
	Khổ Giấy Sao chép	Tối đa: 303 mm × 432 mm (tương ứng với A3)
	Thời gian Sao chép Lần đầu	Đơn sắc/Màu: 7 giây trở xuống (khi sao chép theo hướng A4-LEF bằng Chế độ Ưu tiên Màu)
	Tốc độ Quét	Sao chép Đơn công (A4-LEF, bằng ADF): 70 ppm trở lên Sao chép Song công (A4-LEF, bằng ADF): 70 ppm trở lên
	Kích thước Bản tái tạo	50% đến 200% (chế độ Sao chép)
ADF	Loại	Thay thế nguồn bản gốc (có thể quét cả hai mặt tài liệu bằng chế độ quét song công đồng thời)
	Kích thước Bản gốc	Tối đa: 297 mm × 432 mm (tương ứng với A3) Tối thiểu: 100 mm × 148 mm
	Trọng lượng giấy	52 g/m <sup>2</sup> đến 128 g/m <sup>2</sup>
	Dung lượng Bản gốc	80 g/m <sup>2</sup> : Tối đa 200 tờ Cao tối đa 25 mm
Chức năng Quét	Cấp độ Màu xám khi Quét	Đầu vào 10 bit và đầu ra 8 bit đối với mỗi màu RGB
	Tốc độ Quét	Đơn sắc/Màu: 100 ppm * Bản gốc tiêu chuẩn RISO KAGAKU (A4-LEF), 300 dpi, JPEG, PDF, khi lưu trữ vào ổ cứng của thiết bị chính
	Giao diện Mạng <sup>*1</sup>	Ethernet 1000BASE-T/100BASE-TX/10BASE-T
	Phương thức lưu dữ liệu <sup>*1</sup>	Lưu vào ổ cứng của thiết bị chính, máy chủ hoặc ổ flash USB hoặc gửi qua e-mail
	Định dạng lưu dữ liệu <sup>*1</sup>	Đơn sắc: TIFF, PDF, PDF/A Thang độ xám/Màu Đầy đủ: TIFF, JPEG, PDF, PDF/A
Nguồn Điện		AC 100-240 V, 1,2-0,6 A, 50-60 Hz
Mức tiêu thụ Điện năng		Tối đa 100 W
Kích thước (R × S × C)		640 mm × 560 mm × 255 mm
Trọng lượng		Xấp xỉ 25 kg
Thông tin An toàn		Loại trong nhà, độ ô nhiễm 2*, Ở độ cao 2.000 m trở xuống so với mặt nước biển * Độ ô nhiễm của môi trường sử dụng do bụi bản trong không khí. Độ "2" tương ứng với môi trường trong nhà nói chung.
Kích thước Khi Vận hành (khi được kết nối với thiết bị chính) (R × S × C)		Thông dụng: 1.065 mm × 830 mm × 1.260 mm Khi mở nắp trước và bảng vận hành ở vị trí thẳng đứng: 1.185 mm × 1.325 mm × 1.635 mm

\*1 Qua bộ điều khiển máy chủ cục bộ

**■ Bộ hoàn thiện Úp Xuống F10 (Tùy chọn)**

Loại	Thiết bị Bên ngoài
Chức năng Hoàn thiện	Điều chỉnh giấy ra, dập ghim
Khổ Giấy Thích hợp	Không điều chỉnh Tối đa: 340 mm × 550 mm Tối thiểu: 90 mm × 148 mm
	Điều chỉnh giấy ra Độ rộng giấy có kích thước thông thường: 182 mm × 257 mm - 297 mm × 431,8 mm Độ rộng giấy có kích khác thường: 131 mm × 148 mm - 305 mm × 550 mm
Trọng lượng giấy	46 g/m <sup>2</sup> đến 210 g/m <sup>2</sup> (giấy phẳng, giấy tái chế, bưu thiếp)
Dung tích Khay	Cao tối đa 108 mm
Số Ghim dập Tối đa	50 tờ <sup>*1</sup> A4, A4-LEF, JIS-B5, JIS-B5-LEF, Letter, Letter-LEF 25 tờ <sup>*1</sup> A3, JIS-B4, Ledger, Legal, Foolscap
Khổ Giấy Thích hợp để Dập ghim	A3, JIS-B4, A4, A4-LEF, JIS-B5, JIS-B5-LEF, Ledger, Legal, Letter, Letter-LEF, Foolscap
Trọng lượng Giấy để Dập ghim	52 g/m <sup>2</sup> đến 210 g/m <sup>2</sup> (giấy phẳng, giấy tái chế)
Vị trí Dập ghim	1 ở mặt trước (dập ghim vào góc) / 1 ở mặt sau (dập ghim vào góc) 2 ở giữa (dập ghim song song)
Nguồn Điện	AC 100-240 V, 1,1-0,5 A, 50-60 Hz
Mức tiêu thụ Điện năng	Tối đa 100 W
Kích thước (R × S × C)	635 mm × 695 mm × 580 mm
Trọng lượng	Xấp xỉ 35 kg
Thông tin An toàn	Loại trong nhà, độ ô nhiễm 2*, Ở độ cao 2.000 m trở xuống so với mặt nước biển * Độ ô nhiễm của môi trường sử dụng do bụi bản trong không khí. Độ "2" tương ứng với môi trường trong nhà nói chung.
Kích thước Khi Vận hành (khi được Kết nối với thiết bị chính) (R × S × C)	1.420 mm × 1.220 mm × 1.315 mm

\*1 Khi sử dụng giấy phẳng và giấy tái chế (85 g/m<sup>2</sup>)

■ Bộ hoàn thiện Đa chức năng FG10 (Tùy chọn)

Loại		Thiết bị Bên ngoài
Loại Khay	Khay Trên cùng	Sắp xếp, xếp chồng
	Khay Xếp chồng	Sắp xếp, xếp chồng (điều chỉnh)
	Khay Sách nhỏ	Sách nhỏ, Gập giấy
Khổ Giấy Có thể dùng	Khay Trên cùng *1	Tối đa: 330 mm × 488 mm Tối thiểu: 100 mm × 148 mm
	Khay Xếp chồng*1	Tối đa: 330 mm × 488 mm Tối thiểu: 182 mm × 182 mm
	Dập ghim	Tối đa: 297 mm × 432 mm (tương ứng với A3) Tối thiểu: 203 mm × 182 mm
	Khay Sách nhỏ*1	Tối đa: 330 mm × 457 mm Tối thiểu: 210 mm × 280 mm
Trọng lượng giấy	Khay Trên cùng	52 g/m <sup>2</sup> đến 210 g/m <sup>2</sup>
	Khay Xếp chồng	52 g/m <sup>2</sup> đến 210 g/m <sup>2</sup>
	Khay Sách nhỏ	60 g/m <sup>2</sup> đến 90 g/m <sup>2</sup> (bia: 210 g/m <sup>2</sup> )
Dung tích Khay	Khay Trên cùng	Cao tối đa 50 mm
	Khay Xếp chồng	Cao tối đa 200 mm
	Khay Sách nhỏ	Cao tối đa 50 mm
Tốc độ giấy ra	Tốc độ giấy ra tối đa	120 tờ/phút <sup>*6</sup>
	In có dập ghim	60 tờ/phút <sup>*7</sup>
	Bản ra sole	60 tờ/phút <sup>*7</sup>
	In sách nhỏ	2 cuốn sách/phút <sup>*8</sup>
Dập ghim	Số Ghim dập Tối đa <sup>*2*3</sup>	100 tờ
	Khổ Giấy Có thể dùng	Tối đa: 297 mm × 432 mm (tương ứng với A3) Tối thiểu: 203 mm × 182 mm (tương ứng với JIS-B5-LEF)
	Vị trí Dập ghim	1 ở mặt trước (dập ghim tại góc), 1 ở mặt sau (dập ghim tại góc <sup>*4</sup> , dập ghim song song), 2 ở giữa (dập ghim song song)
Đục lỗ	Số lỗ	2 lỗ, 4 lỗ
	Khổ Giấy Có thể dùng	2 lỗ: A3, JIS-B4, A4-LEF, A4, JIS-B5-LEF, Ledger, Legal, Letter-LEF, Letter 4 lỗ: A3, A4-LEF, Ledger, Letter-LEF
	Trọng lượng giấy	52 g/m <sup>2</sup> đến 200 g/m <sup>2</sup>
Tạo Sách nhỏ (Mép giữa/gập đôi)	Số Tờ Tối đa <sup>*2*5</sup>	Mép Giữa: 15 tờ (60 trang) Gập đôi: 5 tờ (20 trang)
Môi trường Vận hành		Nhiệt độ: 15°C đến 35°C Độ ẩm: 40% đến 70% RH (không ngưng tụ)
Kích thước (R × S × C)		1.120 mm × 765 mm × 1.130 mm
Trọng lượng		Xấp xỉ 131 kg
Nguồn Điện		AC 100-240 V, 50-60 Hz, 2,0-1,0 A
Mức tiêu thụ Điện năng		Tối đa 175 W

Chương 9 Phụ lục

Tiếng ồn Vận hành (khi sử dụng bộ hoàn thiện đa chức năng)		68 dB (A) trở xuống
Thông tin An toàn		Loại trong nhà, độ ô nhiễm 2*, Ở độ cao 2.000 m trở xuống so với mặt nước biển * Độ ô nhiễm của môi trường sử dụng do bụi bẩn trong không khí. Độ "2" tương ứng với môi trường trong nhà nói chung.
Kích thước (khi được Kết nối với thiết bị chính) (R × S × C)	Có thiết bị gập	Thông dụng: 2.350 mm × 765 mm × 1.130 mm
		Có nắp và khay được mở rộng: 2.350 mm × 1.340 mm × 1.130 mm
	Không có thiết bị gập	Thông dụng: 2.150 mm × 765 mm × 1.130 mm
		Có nắp và khay được mở rộng: 2.150 mm × 1.260 mm × 1.130 mm

\*1 Khi in màu trên giấy dài hơn 432 mm, hình ảnh in vượt ra ngoài 432 mm có thể bị méo.

\*2 Khi sử dụng giấy phẳng và giấy tái chế (85 g/m<sup>2</sup>)

\*3 65 tờ với khổ giấy vượt quá khổ A4/Letter

\*4 Dập ghim tại góc ở mặt sau chỉ khả dụng với khổ A4-LEF và A3.

\*5 Bao gồm bìa được thêm vào.

\*6 A4-LEF

\*7 A4-LEF, một tài liệu 10 trang

\*8 A4-SEF, một tài liệu 60 trang (15 tờ)

## ■ Thiết bị Gập FG10 (Tùy chọn)

Khổ Giấy Có thể dùng để Gập	Gập chữ Z <sup>*1</sup>	A3, JIS-B4, Ledger
	Gập ba (Gập Ba Bên ngoài/ Gập Ba Bên trong)	A4, Letter
Trọng lượng giấy để gập		60 g/m <sup>2</sup> đến 90 g/m <sup>2</sup> (giấy phẳng, giấy tái chế)
Dung tích Khay Giấy ra Gập Ba <sup>*2</sup>		Xấp xỉ 30 tờ
Số tờ Gập Thích hợp		1 tờ
Kích thước (R × S × C)		210 mm × 622 mm × 1.002 mm
Trọng lượng		Xấp xỉ 40 kg

\*1 Khi bản in được xuất ra khay xếp chồng, số trang xếp chồng tối đa thay đổi theo khổ giấy. (Giấy A3: 30 trang, giấy JIS-B4: 20 trang)

\*2 Khi sử dụng giấy phẳng và giấy tái chế (85 g/m<sup>2</sup>)

## ■ Bộ PS FG10 (Tùy chọn)

Máy in Tương thích	ComColor FW series
Loại	Tùy chọn RIP
PDL (Ngôn ngữ Mô tả Giấy)	PostScript® Level3 (CPSI:3019) <sup>*1</sup> PDF (1.7) PCL 5c, PCL 6 (PCL XL) <sup>*2</sup> TIFF (6.0) <sup>*3</sup>
Giao thức được Hỗ trợ	TCP/IP, HTTP, HTTPS (TLS), DHCP, ftp, lpr, IPP, SNMP, Port9100 (RAW port), IPv4, IPv6, IPSec
Phông chữ Đã cài đặt	PS: 136 phông chữ La Mã và 2 phông chữ tiếng Nhật PCL: 88 phông chữ La Mã

\*1 Công cụ Adobe chính hãng

\*2 RISO sẽ không cung cấp bất kỳ trình điều khiển máy in PCL nào. Đối với bản in PCL, các chức năng khả dụng khác với các chức năng khi in qua trình điều khiển máy in PS. Nếu bạn cần sử dụng các chức năng không khả dụng cho bản in PCL, hãy in qua trình điều khiển máy in PS.

\*3 Đối với bản in TIFF, các chức năng khả dụng khác với các chức năng khi in qua trình điều khiển máy in PS.

# Vật tư Tiêu hao

Bạn nên sử dụng sản phẩm vật tư tiêu hao được liệt kê dưới đây.  
Thông số kỹ thuật và loại vật tư tiêu hao có thể thay đổi mà không có thông báo.  
Để biết thông tin về giá, hãy liên hệ với đại lý hoặc đại diện dịch vụ được ủy quyền của bạn.

## Hộp mực

Loại	Màu	Số lượng	Đơn vị
Hộp mực ComColor FW	Lục lam Đỏ tươi Vàng Đen Đỏ	TÍNH 1.000 ml	1 chiếc
	Lục lam Đỏ tươi Vàng Đen Đỏ	TÍNH 500 ml	
Hộp mực ComColor FW (E)	Lục lam Đỏ tươi Vàng Đen	TÍNH 1.000 ml	
Hộp mực ComColor FW R	Lục lam Đỏ tươi Vàng Đen	TÍNH 1.000 ml	
Hộp mực ComColor FW R (E)	Lục lam Đỏ tươi Vàng Đen	TÍNH 1.000 ml	

Sử dụng hộp mực trong vòng 24 tháng từ ngày sản xuất (khi được bảo quản trong nhiệt độ phòng).  
Để đạt chất lượng in tối ưu, chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng hộp mực càng sớm càng tốt sau khi mua.  
Bạn có thể tìm ngày sản xuất trên hộp mực.

## Hộp Ghim dập

Ghim dập dự phòng dành cho Bộ hoàn thiện Úp Xuống F10.

Loại	Số lượng
Ghim dập ComColor 50	15.000 Chiếc/Hộp



# Chỉ mục

## **Số**

2 mặt/1 mặt ..... 1-10, 2-8

## **B**

B.gốc K.thc K.hợp ..... 1-11, 2-8  
Bi thư, in ..... 30  
Bìa gốc ..... 14  
Bìa sách nhỏ ..... 8-18  
Bán sắc ..... 3-22  
Bản nháp ..... 3-22  
Bản ra sole ..... 8-4, 8-7, 8-12, 8-19  
Bản ra sole (chương trình) ..... 8-7, 8-8, 8-19, 8-23  
Bản sao bổ sung ..... 1-25  
Bản sao mẫu ..... 1-26  
Bảng cảm ứng ..... 16, 25  
Bảng vận hành ..... 15, 16  
Biểu tượng lệnh ..... 33  
Biểu tượng liên kết FORCEJET™ ..... 17  
Biểu tượng ngoại tuyến ..... 17  
Bộ hoàn thiện ..... 8-2  
Bộ hoàn thiện đa chức năng ..... 8-9  
Bộ hoàn thiện/Thiết bị gập ..... 8-9  
Bộ nạp tài liệu tự động (ADF) ..... 15  
Bộ nhớ ..... 3-12  
Bộ nhớ, lưu  
    cài đặt ..... 4-4  
    màn hình danh sách tài liệu ..... 20  
    màn hình danh sách thư mục ..... 20  
    màn hình thay đổi cài đặt ..... 20  
    thêm thư mục ..... 4-7  
Bộ nhớ, tải  
    cài đặt ..... 4-6  
    màn hình danh sách tài liệu ..... 21  
    màn hình danh sách thư mục ..... 21  
    sao chép sang thư mục ..... 4-9  
    sao chép sang USB ..... 4-9  
    tìm kiếm tài liệu ..... 4-8  
Bộ PostScript ..... 8-28  
Bộ sắp xếp giấy ..... 8-24

## **C**

Cấp độ quét ..... 1-10, 2-8  
Cấu hình màu ..... 4, 3-12  
Cài đặt trình điều khiển máy in ..... 32  
Cần gạt dẫn hướng nạp giấy ..... 15  
Cần gạt đ.chỉnh á.lực nạp giấy ..... 14  
Cần gạt thiết bị gốc ADF ..... 15  
Ch.tiếp Kh.Giáyra ..... 8-19, 8-23, 8-27  
Chất lượng cao ..... 3-12  
Chất lượng hình ảnh ..... 1-16, 3-22  
Chủ s.hữu ..... 3-25  
Chế độ màu ..... 1-7, 2-7, 3-9

Chia trang ..... 1-12, 2-8  
Chỉnh sửa thứ tự nút ..... 1-28  
Chọn giấy ..... 1-7  
Chốt chặn ..... 29  
Chuyển tiếp khay giấy ..... 1-24  
Chương trình ..... 1-18, 1-20, 3-26  
Chức năng dập ghim và hướng nạp của giấy  
    ..... 8-6, 8-14  
Công tắc nguồn chính ..... 15  
Cổng USB ..... 15

## **D**

D.hướng giấy trog khay t.chuẩn ..... 14  
Dẫn hướng giấy (bên cạnh) ..... 8-24  
Dẫn hướng giấy (cuối) ..... 8-24  
Dẫn hướng gốc ADF ..... 15  
Danh sách lệnh ..... 33  
Dán tem ngày ..... 1-15, 3-18  
Dán tem số trang ..... 1-15, 3-17  
Dập ghim ..... 8-5, 8-12  
Dập ghim / đục lỗ ..... 8-20  
Dịch Chuyển Hình ảnh ..... 8-33

## **Đ**

Đỏ tươi ..... 1-7, 3-9  
Đã sắp xếp ..... 1-10, 3-10  
Đầu ra và đích ..... 3-12  
Đăng nhập ..... 28  
Đen ..... 1-7, 2-7, 3-9  
Đèn dữ liệu ..... 16  
Đèn lỗi ..... 16  
Đèn máy quét ..... 14  
Đèn nguồn chính ..... 16  
Đích ..... 3-12  
Địa chỉ IP ..... 6-6  
Địa chỉ Mac ..... 3-27, 6-6  
Địa chỉ/đích ..... 2-3  
Định dạng file ..... 2-7  
Định dạng tệp để lưu dữ liệu đã quét ..... 2-7  
Đóng nẹp ..... 1-22, 3-19  
Đóng sách ..... 8-17, 8-34  
Độ phân giải ..... 2-8  
Độ sáng ..... 3-23  
Độ tương phản ..... 3-23  
Đục lỗ ..... 8-15

## **F**

Form overlay ..... 8-36

## **G**

Gập ..... 8-15, 8-21

## Chương 9 Phụ lục

Gập ba bên ngoài	8-16, 8-21
Gập ba bên trong	8-15, 8-21
Gập chữ Z	8-16, 8-21
Gập đôi	8-15, 8-21
Gập hình chữ Z kích thước kết hợp	8-22
Giấy IJ	3-12
Giấy, nẹp	28
Giữa các lần sắp xếp	3-20
Giữa các lệnh	3-20

## H

Hình mờ	3-16
Hủy sao chép	1-3
Hủy sắp xếp	1-10, 3-10
Hiệu chỉnh gamma	1-17, 2-9, 3-23
Hộp mực	9-14
Hướng	3-10
Hướng bản gốc	1-9, 2-8
Hướng gập	8-16
Hướng Gốc	8-7, 8-20
Hướng nẹp của giấy	8-6, 8-14

## I

In chậm	1-23, 3-26
In s.công/In đ.công	3-9
In và tạm dừng	3-10
In văn bản	1-16

## K

Kết hợp	1-13, 3-15
Kết nối mạng	3-30
Khay giấy ra	8-19, 8-23, 8-27
Khay giấy ra gập ba	8-9
Khay giấy ra gốc ADF	15
Khay nẹp	15
Khay sách nhỏ	8-9
Khay tiêu chuẩn	14
chuyển đổi giấy	31
thêm giấy	31
Khay trên cùng	8-9
Khay úp xuống	14
Khay xếp chồng	8-9
Khay xếp chồng rộng	8-24
Khay xếp chồng tự động kiểm soát	8-24
Khổ giấy	3-11
Khuếch tán lỗi	3-22
Kiểm soát dẫn hướng giấy	8-27
Kiểm soát hình ảnh	1-17, 2-9
Kiểm tra cài đặt	1-26, 2-10
Kiểm tra mức phí	6-7
Kiểm tra nẹp hai lần	1-8
Kiểm tra số lượng chi tiết	6-7
Kiểm tra trạng thái hiện tại của lệnh	33
Kích thước bản gốc	3-10
Kích thước bản tái tạo	1-7
Kích thước quét	1-9, 2-7

Kính tám ép giấy	14
------------------	----

## L

L.chọn Khay mỗi Trang	8-33
Làm mềm viền	3-22
Lập lại hình ảnh	1-13, 3-15
Lệnh của hệ thống ngoài	3-30
Lề đóng nẹp	1-23, 8-8, 8-21
Loại bản gốc	1-16, 2-9, 3-21
Loại giấy	1-7, 1-9, 3-12
Lục lam	1-7, 3-9
Lượng mực còn lại	17
Lưu dưới dạng tệp	3-12
Lưu làm mặc định	1-27
Lưu vào ổ USB	3-12

## M

Màn hình bảo trì	23
Màn hình Bộ nhớ	20
Màn hình danh sách lệnh đang chờ	19
Màn hình đã xong	34, 6-12
Màn hình hoạt động / rảnh rỗi	33, 6-12
Màn hình in	19
Màn hình menu bảo trì	6-13
Màn hình menu in	6-10
Màn hình menu quản trị viên	23
Màn hình menu quét	6-9
Màn hình quét	18
Màn hình sao chép	18
Màn hình tải	6-11
Màn hình thay đổi cài đặt	19
Màn hình thông tin giấy phép	24, 6-8
Màn hình thông tin hệ thống	24, 6-6
Màn hình Thông tin Máy	24
Màn hình thông tin người dùng	24, 6-7
Màn hình trình điều khiển máy in	3-5
Màn hình Trang chủ	17
Màn hình USB	22
Màn hình vật tư tiêu hao	24, 6-6
Màu đầy đủ	1-7, 2-7, 3-9
Máy quét	14
Mã PIN	2-9, 3-25
Mã vạch	
cài đặt Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch	
.....	7-2
in bản gốc mã vạch	7-8
thao tác	7-4
xác định khu vực mã vạch	3-23
Mật độ bản in	1-10, 3-21
Menu thông tin hệ thống	6-6
Menu tùy chỉnh	1-26, 2-10
Mép đóng nẹp	8-6, 8-14
Mép giữa	1-14, 8-18
Mục nhập thư mục	3-29
Mục nhập trên giấy tùy chỉnh	3-28
Mục yêu thích	1-25
chỉnh sửa mục yêu thích	1-27

thêm làm mục yêu thích .....	1-26
Mức màu cơ sở .....	1-18, 2-9

## **N**

Nắp nhả giấy kẹt .....	8-2
Nắp phải .....	8-9
Nắp phải bên dưới .....	15
Nắp phải bên trên .....	15
Nắp trái .....	15, 8-9
Nắp trước .....	15
Nén dữ liệu .....	3-22
Ngày .....	17
Ngắt sao chép .....	1-24
Ngửa lên/Úp xuống .....	8-23, 8-27
Nhả nắp trước .....	15, 23
Nhận xét lệnh .....	3-26
Nút bảo trì .....	17
Nút chế độ .....	17
Nút đẩy ra .....	8-9
Nút hạ khay tiêu chuẩn .....	14
Nút khay giấy ra gập ba .....	8-9
Nút menu quản trị viên .....	17
Nút mở dẫn hướng giấy .....	8-24
Nút thông tin hệ thống .....	17

## **O**

Overlay .....	1-18
---------------	------

## **Ô**

Ổ cắm bộ hoàn thiện úp xuống .....	8-2
Ổ cắm máy .....	15

## **P**

Phủ men mờ .....	3-12
Phát hiện trang trống .....	3-26
Phải sang trái .....	3-16
Phân chia sách .....	8-17, 8-22
Phân tách .....	1-22
Phiên bản .....	3-27
Phím bắt đầu .....	16
Phím chức năng .....	16
Phím dừng .....	16
Phím đ.nhập/đăng xuất .....	16
Phím đánh thức .....	16
Phím đăng nhập/đăng xuất .....	16
Phím đặt lại .....	16
Phím ngắt kết nối .....	16
Phím nguồn phụ .....	16
Phím số .....	16
Phím trang chủ .....	16
Phím trạng thái lệnh .....	16
Phím xóa .....	16

## **Q**

Quét ADF & tạm dừng .....	1-11
---------------------------	------

## **R**

Rìa đóng sách .....	1-22, 3-19, 8-7, 8-16, 8-20
RISO Console	
các thao tác bằng nút thông thường .....	6-4
đăng nhập .....	6-4
khởi động RISO Console .....	6-3

## **S**

Sao chép, hủy .....	1-3
Sàng lọc .....	3-22
Sách .....	1-14, 3-16
Sắc độ .....	3-23
Sắp xếp .....	1-10, 3-10, 3-11
Số lượng bản copy .....	3-10
Sổ địa chỉ	
chỉnh sửa sổ địa chỉ .....	2-11
thêm vào sổ địa chỉ .....	2-11
Sử dụng HDD .....	20

## **T**

T.tuyến/Ntuyến .....	3-30
Tấm nệm .....	1-20, 3-20
Tab .....	3-5
Tab bố cục .....	3-15
Tab cải tiến .....	3-25
Tab cơ bản .....	3-9
Tab hình ảnh .....	3-21
Tab môi trường .....	3-27
Tab mục yêu thích	
ch. sửa mục yêu thích .....	3-14
danh sách mục yêu thích .....	3-14
thêm vào mục yêu thích .....	3-13
Tải lệnh đã quét xuống máy tính .....	6-9
Tải lệnh sao chép tiếp theo .....	1-3
Tạo ảnh bì thư .....	3-25
Tem .....	1-14, 3-17
Tên lệnh .....	3-25
Tên người dùng .....	17
Tên SNMP .....	3-27
Tên tài liệu .....	2-6
Thẻ-IJ .....	3-12
Thang độ xám .....	2-7
Thay đổi cài đặt	
khay nạp .....	1-8
khi đang in .....	3-3
khi đang sao chép .....	1-3
Thay đổi cài đặt khay nạp .....	1-8
Thay đổi mật khẩu đăng nhập .....	28, 6-8
Thêm bìa .....	1-22, 3-21
Thiết bị chính .....	14
Thu phóng .....	3-11
Tiến hành bảo trì khi đang sao chép .....	1-4

## Chương 9 Phụ lục

Tính năng tiết kiệm điện .....	27
Trái sang phải .....	3-16
Trên cùng bên trái .....	1-9
Trên cùng ở trên .....	1-9
Trên cùng/Dưới cùng .....	3-16
Tùy chỉnh	
chỉ định khổ giấy tùy chỉnh .....	3-11
chỉ định kích thước tùy chỉnh .....	3-10
Tự động xoay hình ảnh .....	1-24

### **U**

USB, lưu	
cài đặt .....	5-4
màn hình cài đặt .....	22
USB, tải	
cài đặt .....	5-5, 8-41
màn hình danh sách tài liệu .....	22
màn hình thay đổi cài đặt .....	23
sao chép sang thư mục .....	5-7

### **V**

Vật tư Tiêu hao .....	9-14
Vấn bản, nhập .....	26
Vệ sinh đầu in .....	23, 6-13
Viền trang .....	1-16
Vị trí hình ảnh .....	1-18, 3-18

### **X**

Xem số dư .....	24
Xoay .....	3-18
Xóa bóng sách .....	1-12, 2-8
Xóa địa chỉ/lưu đích .....	2-12
Xóa mặc định .....	1-28
Xử lý điểm .....	3-22



